

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: Ngôn ngữ Anh

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh

Mã ngành: 7220201

THANH HÓA, NĂM 2019

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: Ngôn ngữ Anh

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Tiếng Anh

Mã ngành:

*(Ban hành theo Quyết định số 1345/QĐ-ĐHHD ngày 27/8/2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức).*

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành ngôn ngữ Anh có đủ kiến thức, kỹ năng, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh, đáp ứng được yêu cầu của xã hội; đào tạo ra những nhà chuyên môn có khả năng thích ứng cao, có kiến thức tốt về ngôn ngữ và văn hóa Anh, có thể sử dụng tiếng Anh thành thạo, linh hoạt; có đủ năng lực cơ bản, kỹ năng cần thiết để làm việc trong môi trường hội nhập quốc tế; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

Người học có hệ thống kiến thức cơ bản đạt bậc 6 *Khung trình độ quốc gia Việt Nam* về lí luận chính trị, quốc phòng an ninh, nhà nước và pháp luật; có kiến thức cơ bản về ngôn ngữ, văn hoá - xã hội, kinh tế chính trị;

Có kiến thức thực tế vững chắc về ngôn ngữ và văn hóa Anh để làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh, đặc biệt là công tác biên phiên dịch.

Có kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về lý luận và phương pháp dịch thuật để làm việc độc lập với tư cách là một biên, phiên dịch viên, nhân viên giao dịch quốc tế tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức Nhà nước hoặc tư nhân hoạt động trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Có kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành tiếng Anh để nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn và tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn.

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Kỹ năng ngôn ngữ: Có năng lực sử dụng tiếng Anh đạt trình độ tương đương bậc 5/6 *Khung NLNN 6* bậc dành cho Việt Nam trong những công việc có sử dụng tiếng Anh, đặc biệt là biên phiên dịch.

1.2.2.2. Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ Anh, lý luận và phương pháp dịch thuật vào giải quyết các vấn đề liên quan đến tiếng Anh và công tác biên, phiên dịch; lập và thực hiện kế hoạch công tác đảm bảo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng thích ứng với thị trường lao động khi cần chuyển đổi nghề nghiệp; vận dụng hợp lý các kiến thức chuyên môn theo yêu cầu hội nhập quốc tế.

1.2.2.3. Kỹ năng khác

Kỹ năng tư duy lập luận và giải quyết vấn đề: Có kỹ năng vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh để xác định phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu cụ thể; vận dụng quy luật khách quan, xu thế thời đại vào thực tiễn để phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể trong học tập, nghiên cứu và trong cuộc sống.

Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu: Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để có thể làm việc độc lập, làm việc nhóm, hợp tác và làm việc với cộng đồng.

Kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: Có kỹ năng vận dụng kiến thức vào điều kiện, môi trường công tác thực tế.

Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ thứ 2: Có kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ 2 đạt trình độ tương đương bậc 2/6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ: Có kỹ năng sử dụng công cụ công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn; khai thác hiệu quả mạng Internet phục vụ cho việc học tập, công tác và nghiên cứu.

1.2.3. Thái độ

Chấp hành đúng, đầy đủ các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của nhà nước, các qui chế, quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo, của nhà trường; có ý chí vươn lên trong học tập; tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động sinh hoạt học thuật, nghiên cứu khoa học và hoạt động đoàn thể trong trường đại học và cộng đồng xã hội.

1.2.4. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ ở đơn vị công tác, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; có khả năng tự định hướng, thích nghi với yêu cầu đổi mới của môi trường công tác; có năng lực tự học, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể trong lĩnh vực chuyên môn; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động trong quá trình công tác, đáp ứng nhu cầu xã hội.

1.2.5. Định hướng nghề nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận được các vị trí:

- Biên dịch viên, phiên dịch viên và biên tập viên trong các công ty, cơ quan ngoại giao, các tổ chức kinh tế, xã hội của Việt Nam và quốc tế; các NXB, trung tâm phát hành sách, báo, tạp chí,...

- Chuyên viên truyền thông, tổ chức sự kiện, thư ký, trợ lý, v.v., trong các công ty có sử dụng tiếng Anh;

- Hướng dẫn viên, chuyên viên tư vấn tại các công ty du lịch, lữ hành, nhà hàng, khách sạn;

- Giáo viên giảng dạy và nghiên cứu tiếng Anh tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, phổ thông, trung tâm ngoại ngữ.

1.2.6. Định hướng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh có thể tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở các bậc học thuộc các ngành và chuyên ngành sau:

+ Thạc sĩ Tiếng Anh;

+ Thạc sĩ Ngôn ngữ học;

+ Tiến sĩ Tiếng Anh;

+ Tiến sĩ Ngôn ngữ học;

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

Vận dụng được kiến thức về lí luận chính trị, quốc phòng an ninh, nhà nước và pháp luật vào thực tiễn cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp;

Sử dụng kiến thức tiếng Anh ở trình độ tương đương bậc 5/6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam để giảng dạy tiếng Anh, biên phiên dịch hoặc làm các công việc có sử dụng tiếng Anh. Vận dụng kiến thức chuyên sâu và kỹ năng về nghiệp vụ để thực hiện công tác biên dịch, phiên dịch trong môi trường hội nhập quốc tế;

Phân tích, đánh giá được những giá trị văn hóa, ngôn ngữ, văn hoá - xã hội, những vấn đề về kinh tế chính trị để hoạt động có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn như biên phiên dịch hoặc các công việc liên quan đến sử dụng tiếng Anh;

Áp dụng kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp dịch thuật, tiếp cận và vận dụng được kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ trong thực tiễn hoạt động biên, phiên dịch tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức Nhà nước hoặc tư nhân.

Vận dụng tốt các kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành tiếng Anh, các kỹ năng mềm và kỹ năng xây dựng, quản lý dự án trong nghề nghiệp tương lai và cuộc sống.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng ngôn ngữ:

Sử dụng tiếng Anh đạt trình độ tương đương bậc 5/6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam trong giao tiếp và trong những công việc như giảng dạy, biên phiên dịch hoặc các công việc liên quan đến sử dụng tiếng Anh.

Đọc hiểu được nhiều loại văn bản dài, phức tạp thường gặp trong đời sống xã hội, trong môi trường công việc hay học thuật, kể cả các văn bản không thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình; viết các dạng bài viết một cách chi tiết, rõ ràng, bố cục chặt chẽ về các chủ đề phức tạp, làm nổi bật những ý quan trọng, mở rộng lập luận và quan điểm hỗ trợ cho bài viết với các bằng chứng, ví dụ cụ thể và tóm tắt dẫn đến kết luận phù hợp.

Nghe hiểu được những bài nghe, các thông tin kỹ thuật phức tạp như hướng dẫn vận hành, chi tiết kỹ thuật, các sản phẩm và dịch vụ không quen thuộc; diễn đạt trôi chảy, linh hoạt và hiệu quả, làm chủ và sử dụng thành thạo vốn từ vựng phong phú; sử dụng chính xác, tự tin và hiệu quả cách phát âm, từ vựng và cấu trúc ngữ pháp trong giao tiếp.

2.2.2. Kỹ năng nghề nghiệp

- Dịch được các văn bản, diễn ngôn ở nhiều dạng thức khác nhau như dịch theo chủ đề, dịch theo thể loại văn bản từ tiếng Anh sang tiếng Việt hoặc từ tiếng Việt sang tiếng Anh.

- Viết báo cáo, trình bày bài thuyết trình hoặc biên tập các bài báo, các văn bản hoặc các ấn phẩm dịch thuật.

2.2.3. Kỹ năng khác

a. Kỹ năng tư duy lập luận và giải quyết vấn đề

Vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh để xác định phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu cụ thể; vận dụng quy luật khách quan, xu thế thời đại vào thực tiễn để phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể trong học tập, nghiên cứu và trong cuộc sống.

Lập và thực hiện được kế hoạch công tác cá nhân một cách chủ động, có hệ thống; vận dụng hợp lý các kiến thức chuyên môn theo yêu cầu hội nhập quốc tế.

Thích ứng với thị trường lao động khi cần chuyển đổi nghề nghiệp.

b. Khả năng nghiên cứu khoa học về ngôn ngữ

- Hình thành giả thuyết, thu thập và phân tích, xử lý thông tin hoặc tham gia nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực ngôn ngữ, văn hóa Anh.

- Thuyết trình, giao tiếp tốt, làm việc độc lập và làm việc nhóm một cách hiệu quả.

c. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn

- Có khả năng thích nghi với xã hội và môi trường công tác.

- Tổ chức được các hoạt động chuyên môn khác, đảm bảo tính khả thi, sát hoàn cảnh và điều kiện, thể hiện khả năng hợp tác, cộng tác.

d. Năng lực sử dụng ngoại ngữ thứ 2: Giao tiếp được bằng ngoại ngữ 2 đạt trình độ tương đương bậc 3/6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.

e. Vận dụng công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ: Sử dụng được các công cụ công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn; khai thác hiệu quả mạng Internet phục vụ cho việc học tập, công tác và nghiên cứu.

2.3. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ ở đơn vị công tác, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; có khả năng tự định hướng, thích nghi với yêu cầu đổi mới của môi trường công tác; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể trong lĩnh vực chuyên môn; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động trong quá trình công tác, đáp ứng nhu cầu xã hội.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 120 Tín chỉ (không kể GDTC và GDQP)

4. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

6. Cách thức đánh giá: Theo quy chế đào tạo và quy định hiện hành.

7. Nội dung chương trình:

120 Tín chỉ

7.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

34

7.1.1. Lý luận chính trị

12

7.1.2. Ngoại ngữ II

10

+ *Bắt buộc*

0

+ *Tự chọn*

10

7.1.3. Tin học, KHXH, môi trường

12

+ *Bắt buộc*

10

+ *Tự chọn*

02

7.1.4. Giáo dục thể chất

4

7.1.5. Giáo dục quốc phòng

165t

7.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

86

7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành

7

+ *Bắt buộc*

5

+ *Tự chọn*

2

7.2.2. Kiến thức ngành

53

+ *Bắt buộc*

53

+ *Tự chọn*

0

7.2.3 Kiến thức bổ trợ

15

+ *Bắt buộc*

7

+ *Tự chọn*

8

7.2.4. Thực tập và khoá luận TN/HP thay thế

11

- Thực tập tốt nghiệp

5

- Khóa luận TN/HP thay thế khoá luận TN

6

8. Kế hoạch giảng dạy

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiền quyết	Học ở học kỳ	Bộ môn quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
A	KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG		35							
I	Lý luận chính trị		13							
1	196055	Triết học Mác-Lênin**	3	32	26		13 5	1	Nguyên lý	
2	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin**	2	21	18		90	1	Nguyên lý	
3	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học**	2	21	18		90	1,2	Nguyên lý	
4	198030	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam**	2	21	18		90	1,2, 3	Đường lối	
5	197035	Tư tưởng HCM**	2	21	18		90	4	Tư tưởng	
6	197030	Pháp luật đại cương	2	18	12	12	90	3	Pháp luật	
II	Ngoại ngữ II		10							
7	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		4							
a	133069	Ngoại ngữ II – 1: Tiếng Pháp 1	4	36	24*	24	18 0	4	NNKC	
b	133009	Ngoại ngữ II – 1: Tiếng Trung Quốc 1	4	36	24*	24	18 0	4	NNKC	
8	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		3							
a	133005	Ngoại ngữ II – 2: Tiếng Pháp	3	27	18*	18	13 5	7	5	NNKC
b	133011	Ngoại ngữ II – 2: Tiếng Trung Quốc	3	27	18*	18	13 5	7	5	NNKC
9	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		3							
a	133055	Ngoại ngữ II – 3: Tiếng Pháp	3	27	18*	18	13 5	8	6	NNKC
b	133010	Ngoại ngữ II – 3: Tiếng Trung Quốc	3	27	18*	18	13 5	8	6	NNKC
III	Tin học, KHXH, Môi trường		12							
10	173080	Tin học	2	10		40	90	2	Tin học UD	
11	121005	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	18	24		90	1	VNH-DL	
12	125105	Môi trường và con người	2	18	24		90	1	Sinh học	
13	132001	PP NCKH chuyên ngành tiếng Anh	2	18	24		90	30,3 1	4	NN VH – PPGD
14	181145	Tâm lý học đại cương	2	18	20	4	90	2	TLGD	
15	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2							
a	123240	Xã hội học đại cương	2		40		90		XHH	
b	122005	Các vấn đề xã hội đương đại	2		40		90		XHH	

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	Học ở học kỳ	Bộ môn quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
IV	Giáo dục thể chất		4							
	191004	Giáo dục thể chất 1	2		40				LL&PPGD GDTC	
		Giáo dục thể chất 2								
	<i>Chọn 1 trong 5 học phần</i>		2							
a	191031	Bóng chuyền	2			60			Điền kinh - TD	
b	191032	Thể dục Aerobic	2			60			Điền kinh - TD	
c	191033	Bóng đá	2			60			Bóng	
d	191034	Bóng rổ	2			60			Bóng	
e	191035	Vovinam - Việt võ đạo	2			60			Bóng	
V	Giáo dục quốc phòng		165t							
B	KIẾN THỨC GD CHUYÊN NGHIỆP		86							
I	Kiến thức cơ sở ngành		7							
16	131076	Ngữ pháp	3	27	36		90	1	NN-VH- PPGD	
17	132034	Ngữ pháp nâng cao	2	18	24		13 5	16 3	NN-VH- PPGD	
18	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2							
a	123100	Ngữ âm- âm vị học	2	18	12*	12	90	2	NN-VH- PPGD	
b	132009	Luyện phát âm tiếng Anh	2	18	12*	12	90	2	NN-VH- PPGD	
II	Kiến thức ngành		52							
19	132022	Lý thuyết dịch	2	18	24		90	3	NN-VH- PPGD	
20	132011	Biên dịch 1	2*	18	12	12	90	19,29, 30	5	NN-VH- PPGD
21	132014	Biên dịch 2	3	27	18	18	13 5	20, 31,3 2	6	NN-VH- PPGD
22	132023	Biên dịch 3	2	18	12	12	90	21,3 3,34	7	NN-VH- PPGD
23	132021	Phiên dịch 1	2*	18	12	12	90	20,2 9,30	6	NN-VH- PPGD
24	132031	Phiên dịch 2	2	18	12	12	13 5	23,32, 33	7	NN-VH- PPGD
25	131009	Kỹ năng Nghe Nói 1	3	27	18*	18	13		1	PTKN

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	Học ở học kỳ	Bộ môn quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
							5			
26	131032	Kỹ năng Đọc Viết 1	3	27	18*	18	13 5		1	PTKN
27	131033	Kỹ năng Nghe Nói 2	3	27	18*	18	13 5	25	2	PTKN
28	131034	Kỹ năng Đọc Viết 2	3	27	18*	18	13 5	26	2	PTKN
29	131036	Kỹ năng Nghe Nói 3	3	27	18*	18	13 5	27	3	PTKN
30	131037	Kỹ năng Đọc Viết 3	3	27	18*	18	13 5	28	3	PTKN
31	131038	Kỹ năng Nghe Nói 4	3	27	18*	18	13 5	29	4	PTKN
32	131039	Kỹ năng Đọc Viết 4	3	27	18*	18	13 5	30	4	PTKN
33	131041	Kỹ năng Nghe Nói 5	3	27	18*	18	13 5	31	5	PTKN
34	131044	Kỹ năng Đọc Viết 5	3	27	18*	18	13 5	32	5	PTKN
35	131047	Kỹ năng Nghe Nói 6	3	27	18*	18	13 5	33	7	PTKN
36	131048	Kỹ năng Đọc Viết 6	3	27	18*	18	13 5	34	6	PTKN
37	132033	Phiên dịch 3	3	27	18	18	13 5	24,2 9,30	8	NN-VH-PPGD
III	Kiến thức bổ trợ		16							
38	233056	Kỹ năng thuyết trình	2	18	12*	12	90	31, 32	5	NN-VH-PPGD
39	131085	Văn hoá Anh -Mỹ	2	18	24		90	27, 28	5	NN-VH-PPGD
40	132058	Văn học Anh -Mỹ	2*	18	24		90	31, 32	7	NN-VH-PPGD
41	132069	Từ vựng – Ngữ nghĩa học	2	18	24		90	31, 32	6	NN-VH-PPGD
42	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2							
a	132065	Ngữ dụng học	2	18	24		90	31, 32	7	NN-VH-PPGD
b	132027	Phong cách học	2	18	24		90	31,	7	NN-VH-PPGD

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiền quyết	Học ở học kỳ	Bộ môn quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
								32		
43	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2							
a	132060	Tiếng Anh kinh tế	2	18	24		90	33, 34	6	NN-VH- PPGD
b	132061	Tiếng Anh du lịch	2	18	24		90	33,3 4	6	NN-VH- PPGD
44	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2							
a	132052	Giao thoa văn hoá	2	18	24		90	31,3 2	7	NN-VH- PPGD
b	132053	Giao tiếp liên văn hoá	2	18	24		90	31,3 2	7	NN-VH- PPGD
45	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2							
a	132024	Ngôn ngữ học tri nhận	2	18	24		90	31,3 2	7	NN-VH- PPGD
b	132063	Phân tích diễn ngôn	2	18	24		90	31,3 2	7	NN-VH- PPGD
IV	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp		11							
46	132010	Thực tập tốt nghiệp	5			105			8	
47	132068	Khoá luận tốt nghiệp	6			130			8	Khoa NN
48	Học phần thay thế khóa luận		6							
	<i>Chọn 2 trong 5 học phần</i>									
a	132075	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	27	36		13 5	31,3 2	8	NN-VH- PPGD
b	132008	Công nghệ trong dịch thuật	3	27	18	18	13 5	27,2 8	8	NN-VH- PPGD
c	132028	Ngôn ngữ học xã hội	3	27	36		13 5	31,3 2	8	NN-VH- PPGD
d	132037	Văn hóa doanh nghiệp	3	27	36		13 5	35,3 6	8	NN-VH- PPGD
e	123210	Tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai*	3	27	36		13 5	24, 25	8	NN-VH- PPGD
Tổng			121							

9. Đề cương học phần

1. TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN

- Số tín chỉ: 3 (32, 26, 0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác
- Lênin, khoa Lý luận chính trị - Luật, trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần:* Sự hình thành, phát triển của chủ nghĩa Mác – Lênin; quan điểm duy vật biện chứng về bản chất của thế giới, bản chất của nhận thức; bản chất của con người; các nguyên lý, các quy luật cơ bản của sự tồn tại, vận động và phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy.

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên nắm được những quan điểm, những nguyên lý, những quy luật cơ bản của triết học duy vật biện chứng; hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng; sinh viên biết vận dụng kiến thức đã học để giải thích đúng đắn các hiện tượng, các vấn đề đang đặt ra trong tự nhiên, xã hội và tư duy; sinh viên biết vận dụng kiến thức đã học vào hoạt động nhận thức và thực tiễn của bản thân, giúp cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của bản thân hiệu quả hơn.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Trình bày, phân tích, lấy được ví dụ về những vấn đề chung và các khái niệm, phạm trù cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin thuộc lĩnh vực triết học.

- Giải thích được về các quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy cũng như những quy luật vận động, phát triển của xã hội loài người.

- Trình bày được những vấn đề chung và các khái niệm, phạm trù cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin thuộc lĩnh vực triết học.

- Giải thích được các quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy cũng như những quy luật vận động, phát triển của xã hội loài người.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Trên cơ sở trang bị những kiến thức về mặt lý luận, người học từng bước xác lập thế giới quan khoa học, nhân sinh quan tích cực và phương pháp luận đúng đắn để nhận thức và cải tạo thế giới.

- Vận dụng kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo.

- Vận dụng những vấn đề lý luận để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG MỞ ĐẦU: NHẬP MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

I. Khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin

1. Chủ nghĩa Mác-Lênin và ba bộ phận cấu thành

2. Khái lược quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin

II. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin

1. Đối tượng và phạm vi học tập, nghiên cứu

2. Mục đích và yêu cầu về mặt phương pháp học tập, nghiên cứu

PHẦN THỨ 1: THẾ GIỚI QUAN VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TRIẾT HỌC

CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

Chương 1: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

I. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng

1. Vấn đề cơ bản của triết học và sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật với chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học.
2. Các hình thức phát triển của chủ nghĩa duy vật trong lịch sử.

II. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức.

1. Vật chất.
2. ý thức
3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

Chương 2: PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

I. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật

1. Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng
2. Phép biện chứng duy vật

II. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật

1. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến
2. Nguyên lý về sự phát triển

III. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật

1. Cái chung và cái riêng
2. Bản chất và hiện tượng
3. Tất nhiên và ngẫu nhiên
4. Nguyên nhân và kết quả
5. Nội dung và hình thức
6. Khả năng và hiện thực

IV. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

1. Quy luật chuyển hoá từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại
2. Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập
3. Quy luật phủ định của phủ định

V. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng vật

1. Thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn với nhận thức
2. Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý

Chương 3: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ

I. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó
2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng SX

II. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
2. Mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

III. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

1. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội
2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

IV. Hình thành kinh tế- xã hội và quá trình lịch sử, xã hội của sự phát triển các hình thái kinh tế xã hội

1. Khái niệm, kết cấu hình thái kinh tế - xã hội
2. Quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội.

V. Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có giai cấp đối kháng

1. Giai cấp và vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp
2. Cách mạng xã hội và vai trò của nó đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp.

VI. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân

1. Con người và bản chất của con người
2. Khái niệm quần chúng nhân dân và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân và cá nhân

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Bộ Giáo dục & ĐT, (2021), *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2013), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia;
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 1- 12*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, 2002, 1999, 1999, 2000, 2000. 2000, 2000, 2001, 2001, 2001, 2001.

2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC- LÊNIN

- Số tín chỉ: 2 (21, 18, 0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac - Lênin, khoa Lý luận chính trị - Luật, trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac - Lênin 1

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần:* Phần 1 gồm các học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mac – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thông qua các học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Phần 2 là quan điểm của chủ nghĩa Mac-Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về cách mạng xã hội chủ nghĩa, về dân chủ, văn hóa, dân tộc, tôn giáo trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và triển vọng của chủ nghĩa xã hội hiện thực.

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên nắm được các phạm trù, các quy luật kinh tế của chủ nghĩa tư bản trong từng giai đoạn phát triển của nó; tính tất yếu của việc ra đời chủ nghĩa xã hội; những vấn đề có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa. Sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học để hiểu và giải thích đúng những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế hiện nay; thêm tin tưởng vào sự thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Trình bày được một cách hệ thống những học thuyết kinh tế cơ bản nhất của chủ nghĩa Mac - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

- Trình bày được sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, tính tất yếu và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa, quá trình hình thành và các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa, những vấn đề chính trị xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và triển vọng của chủ nghĩa xã hội.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Trên cơ sở trang bị những kiến thức về mặt lý luận, người học mở rộng và nâng cao nhận thức khoa học về các vấn đề kinh tế, chính trị-xã hội hiện nay.

- Vận dụng được kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN THỨ 2: HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN VỀ PHƯƠNG THỨC SẢN XUẤT TƯ BẢN CHỦ NGHĨA

Chương 4: HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ

I. Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá

1. Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hoá
2. Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá

II. Hàng hoá

1. Hàng hoá và hai thuộc tính của hàng hoá
2. Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá
3. Lượng giá trị hàng hoá và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hoá.

III. Tiền tệ

1. Lịch sử phát triển của hình thái giá trị và bản chất của tiền tệ
2. Chức năng của tiền tệ

IV. Quy luật giá trị

1. Nội dung của quy luật giá trị

2. Tác động của quy luật giá trị

Chương 5: HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

I. Sự chuyển hoá của tiền tệ thành tư bản

1. Công thức chung của tư bản

2. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản

3. Hàng hoá sức lao động và tiền công trong chủ nghĩa tư bản

II. Sự sản xuất ra giá trị thặng dư

1. Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư

2. Khái niệm tư bản, tư bản bất biến và tư bản khả biến

3. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư

4. Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư và giá trị thặng dư siêu ngạch

5. Sản xuất giá trị thặng dư - quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản.

6. Tuần hoàn và chu chuyển tư bản. Tư bản cố định và tư bản lưu động

III. Sự chuyển hoá của giá trị thặng dư thành tư bản - tích lũy tư bản

1. Thực chất và động cơ của tích lũy tư bản

2. Tích tụ và tập trung tư bản

3. Cấu tạo hữu cơ của tư bản

IV. Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư

1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa. Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận

2. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất

3. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các tập đoàn tư bản

Chương 6: HỌC THUYẾT VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN VÀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC

I. Chủ nghĩa tư bản độc quyền

1. Sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh sang CNTB độc quyền

2. Năm đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền

3. Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền

II. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

1. Nguyên nhân ra đời và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

2. Những biểu hiện mới của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

III. Đánh giá chung về vai trò và giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản

1. Vai trò của chủ nghĩa tư bản đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội

2. Giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản

PHẦN THỨ 3: LÝ LUẬN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Chương 7: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

1. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của nó

2. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

3. Vai trò của đảng Cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

II. Cách mạng xã hội chủ nghĩa

1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó

2. Mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa

3. Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trong cách mạng xã hội

chủ nghĩa

III. Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

1. Xu thế tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.
2. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Chương 8: NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ-XÃ HỘI CÓ TÍNH QUY LUẬT TRONG TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I. Xây dựng nền dân chủ XHCN và nhà nước XHCN

1. Xây dựng nền dân chủ XHCN
2. Xây dựng nhà nước XHCN

II. Xây dựng nền văn hoá XHCN

1. Khái niệm nền văn hoá XHCN
2. Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hoá XHCN

III. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo

1. Vấn đề dân tộc và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc
2. Vấn đề tôn giáo và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo

Chương 9: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC VÀ TRIỂN VỌNG

I. Chủ nghĩa xã hội hiện thực

1. Cách mạng tháng Mười Nga và mô hình CNXH hiện thực đầu tiên trên thế giới.
2. Sự ra đời của hệ thống các nước XHCN và những thành tựu của nó

II. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình CNXH Xô viết và nguyên nhân của nó

1. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình CNXH Xôviết
2. Nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng và sụp đổ của mô hình CNXH Xô Viết

III. Triển vọng của CNXH

1. Chủ nghĩa tư bản không phải là tương lai của xã hội loài người
2. CNXH - tương lai của loài người

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Bộ GD&ĐT, (2021) Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học - không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2004), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin Mác – Lênin (Dùng cho các khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng)*, Nxb. Chính trị quốc gia.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 1- 12*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, 2002, 1999, 1999, 2000, 2000. 2000, 2000, 2001, 2001, 2001, 2001.

3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

- Số tín chỉ: 2 (21, 18, 0)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Đường lối cách mạng của ĐCSVN, Khoa Lý luận chính trị - Luật

- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 & 2

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Sự ra đời và trưởng thành của Đảng Cộng Sản Việt Nam, về quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ CMDTDCND tiến lên CMXHCN, từ việc xây dựng, hoạch định chủ trương đường lối cách mạng cho đến việc tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu để chỉ đạo thực tiễn.

Năng lực đạt được: Sinh viên hiểu biết sâu sắc về đường lối chủ trương của Đảng trong thời kỳ đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trên một số lĩnh vực cơ bản như: chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội, đối ngoại.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Sinh viên nắm vững và trình bày được những nội dung cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, từ cách mạng DTDCND đến cách mạng XHCN, đặc biệt là đường lối đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Từ đó, sinh viên nhận thức được đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố đầu tiên quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam: từ cách mạng tháng Tám năm 1945 đến kháng chiến chống Pháp, kháng chiến chống Mỹ và nhất là thành tựu bước đầu trong sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Sinh viên biết vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một cách chủ động, tích cực những vấn đề do thực tiễn cuộc sống đặt ra trong từng lĩnh vực cụ thể theo đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG MỞ ĐẦU: ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

I. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu

1. Đối tượng nghiên cứu

a) Khái niệm đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

b) Đối tượng nghiên cứu môn học

2. Nhiệm vụ nghiên cứu

II. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học

1. Phương pháp nghiên cứu

a) Cơ sở phương pháp luận

b) Phương pháp nghiên cứu

2. Ý nghĩa của học tập môn học.

Chương 1: SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG

I. Hoàn cảnh lịch sử ra đời Đảng cộng sản Việt Nam

1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

a) Sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản và hậu quả của nó.

b) Chủ nghĩa Mác-Lênin

c) Cách mạng Tháng Mười Nga và Quốc tế Cộng sản

2. Hoàn cảnh trong nước
 - a) Xã hội Việt Nam dưới sự thống trị của thực dân Pháp
 - b) Phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX
 - c) Phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản

II. Hội nghị thành lập Đảng và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

1. Hội nghị thành lập Đảng
 - a) Hợp nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam
 - b) Thảo luận xác định và thông qua các văn kiện của Đảng
2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (gồm các văn kiện: Chánh cương vắn tắt của Đảng; Sách lược vắn tắt của Đảng; Chương trình tóm tắt của Đảng)
 - a) Phương hướng chiến lược và nhiệm vụ cách mạng Việt Nam
 - b) Lực lượng cách mạng
 - c) Lãnh đạo cách mạng
 - d) Quan hệ với phong trào cách mạng thế giới
3. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

Chương 2: ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)

I. Chủ trương đấu tranh từ năm 1930 đến năm 1939

1. Trong những năm 1930-1935
 - a) Luận cương Chính trị tháng 10-1930
 - b) Chủ trương khôi phục tổ chức Đảng và phong trào cách mạng
2. Trong những năm 1936-1939
 - a) Hoàn cảnh lịch sử
 - b) Chủ trương và nhận thức mới của Đảng

II. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm 1945

1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng
 - a) Tình hình thế giới và trong nước
 - b) Nội dung chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược
 - c) Ý nghĩa của sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược
2. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền
 - a) Phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước và đẩy mạnh khởi nghĩa từng phần
 - b) Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa.
 - c) Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cuộc Cách mạng Tháng Tám.

Chương 3: ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945-1975)

I. Đường lối xây dựng, bảo vệ chính quyền và kháng chiến chống thực dân pháp xâm lược (1945-1954)

1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)
 - a) Hoàn cảnh lịch sử nước ta sau Cách mạng Tháng Tám
 - b) Chủ trương “kháng chiến kiến quốc” của Đảng
 - c) Kết quả, ý nghĩa nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm
2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946-1954)
 - a) Hoàn cảnh lịch sử
 - b) Quá trình hình thành và nội dung đường lối
3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm
 - a) Kết quả và ý nghĩa thắng lợi của việc thực hiện đường lối

b) Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

II. Đường lối kháng chiến chống mỹ, thống nhất đất nước (1954-1975)

1. Giai đoạn 1954-1964

a) Hoàn cảnh lịch sử cách mạng Việt Nam sau tháng 7- 1954

b) Quá trình hình thành, nội dung và ý nghĩa đường lối

2. Giai đoạn 1965-1975

a) Hoàn cảnh lịch sử

b) Quá trình hình thành, nội dung và ý nghĩa đường lối

3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm.

a) Kết quả và ý nghĩa thắng lợi

b) Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

Chương 4: ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HOÁ

I. Công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới

1. Chủ trương của Đảng về công nghiệp hoá

a) Mục tiêu và phương hướng của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa

b) Đặc trưng chủ yếu của công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới

2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

a) Kết quả thực hiện chủ trương và ý nghĩa

b) Hạn chế và nguyên nhân

II. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá thời kỳ đổi mới

1. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hoá

a) Đại hội VI của Đảng phê phán sai lầm trong nhận thức và chủ trương công nghiệp hoá thời kỳ 1960-1986

b) Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hoá từ Đại hội VI đến Đại hội X

2. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá

a) Mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá

b) Quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá

3. Nội dung và định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức

a) Nội dung

b) Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực kinh tế trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức

4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

a) Kết quả thực hiện đường lối và ý nghĩa

b) Hạn chế và nguyên nhân

Chương 5: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN

I. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường

1. Cơ chế quản lý kinh tế Việt Nam thời kỳ trước đổi mới

a) Cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp.

b) Nhu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế

2. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới

a) Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội VI đến Đại hội VIII

b) Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội IX đến Đại hội X

II. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta

1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản

a) Thể chế kinh tế và thể chế kinh tế thị trường

b) Mục tiêu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

c) Quan điểm về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

a) Kết quả và ý nghĩa

b) Hạn chế và nguyên nhân

Chương 6: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

I. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới (1945-1985)

1. Hoàn cảnh lịch sử và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị

a) Hệ thống chính trị dân chủ nhân dân

b) Hệ thống chuyên chính vô sản

2. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

a) Kết quả và ý nghĩa

b) Hạn chế và nguyên nhân

II. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới

1. Quá trình hình thành đường lối đổi mới hệ thống chính trị

a) Cơ sở hình thành đường lối

b) Quá trình đổi mới tư duy về xây dựng hệ thống chính trị

2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới.

a) Mục tiêu và quan điểm xây dựng hệ thống chính trị

b) Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị

3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

a) Kết quả thực hiện chủ trương và ý nghĩa

b) Hạn chế và nguyên nhân

Chương 7: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HOÁ; GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI

I. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng và phát triển nền văn hoá

1. Thời kỳ trước đổi mới

a) Quan điểm, chủ trương về xây dựng nền văn hoá mới

b) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

2. Trong thời kỳ đổi mới

a) Quá trình đổi mới tư duy về xây dựng và phát triển nền văn hoá

b) Quan điểm chỉ đạo về xây dựng và phát triển nền văn hoá

c) Chủ trương xây dựng và phát triển nền văn hoá

d) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

II. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội

1. Thời kỳ trước đổi mới

a) Chủ trương của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội

b) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

2. Trong thời kỳ đổi mới

a) Quá trình đổi mới nhận thức về giải quyết các vấn đề xã hội

b) Quan điểm về giải quyết các vấn đề xã hội

c) Chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội

d) Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

Chương 8: ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI

I. Đường lối đối ngoại thời kỳ trước đổi mới (1975-1985)

1. Hoàn cảnh lịch sử

a) Tình hình thế giới

b) Tình hình trong nước

2. Chủ trương đối ngoại của Đảng
 - a) Nhiệm vụ đối ngoại
 - b) Chủ trương đối ngoại với các nước
3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân
 - a) Kết quả và ý nghĩa
 - b) Hạn chế và nguyên nhân

II. Đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế thời kỳ đổi mới.

1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối
 - a) Hoàn cảnh lịch sử
 - b) Các giai đoạn hình thành, phát triển đường lối
2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế
 - a) Mục tiêu, nhiệm vụ và tư tưởng chỉ đạo
 - b) Một số chủ trương, chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế
3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân
 - a) Thành tựu và ý nghĩa
 - b) Hạn chế và nguyên nhân

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Bộ giáo dục và Đào tạo *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2021.

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục & Đào tạo, (2005), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb. Chính trị Quốc gia.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 1- 12*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, 2002, 1999, 1999, 2000, 2000. 2000, 2000, 2001, 2001, 2001, 2001.

4. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

- Số tín chỉ: 2 (21, 18, 0)

- Mã học phần: 198030

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử Đảng và Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học

1. Mô tả học phần:

- Nội dung của học phần: Học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam bao gồm 3 chương và chương nhập môn. Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam. Chương 1: Đảng cộng sản Việt nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945). Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 -1975). Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới đất nước (1975- đến nay).

- Năng lực đạt được: Người học nắm vững về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam; vai trò lãnh đạo của Đảng đối với đối với tiến trình cách mạng Việt Nam từ khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời đến nay. Xác lập được niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. Từ đó thấy được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong công cuộc đổi mới đất nước do Đảng khởi xướng và lãnh đạo.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những tri thức có tính hệ thống quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930) và quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945). Những nội dung lịch sử cơ bản, hệ thống, khách quan về sự lãnh đạo của Đảng đối với hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm (1945 -1975) Đồng thời cũng thấy được vai trò lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề đặt ra, có phương pháp nhận thức biện chứng khách quan về quá trình Đảng ra đời và vai trò của Đảng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, và công cuộc đổi mới đất nước hiện nay; phê phán những quan điểm sai trái về lịch sử của Đảng, đồng thời giúp người học gắn tư duy lý luận với thực tiễn, vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống. Biết vận dụng kiến thức của môn học vào việc vào hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động và sáng tạo; Vận dụng những vấn đề lý luận để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

2.3. Mục tiêu về thái độ: Người học hình thành được phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, có niềm tin vào sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương nhập môn: ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT

NAM (6LT:5TL)

1. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

- 1.1. Đối tượng nghiên cứu
- 1.2. Phạm vi nghiên cứu

II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

- 2.1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng
- 2.2. Nhiệm vụ của môn học

III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

- 3.1. Phương pháp luận
- 3.2 Các phương pháp cụ thể

IV. Mục đích, yêu cầu của môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Chương 1: ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945) (6LT:5TL)

1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2-1930)

- 1.1.1. Bối cảnh lịch sử
- 1.1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng
- 1.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng
- 1.1.4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

1.2. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)

- 1.2.1. Phong trào cách mạng 1930-1931 và khôi phục phong trào 1932- 1935
- 1.2.2. Phong trào dân chủ 1936-1939
- 1.2.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945
- 1.2.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Chương 2: ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945 - 1975) (6LT:5TL)

2.1. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)

- 2.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946
- 2.1.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950
- 2.1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi 1951-1954
- 2.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ

2.2. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)

- 2.2.1. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954-1965
- 2.2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965-1975
- 2.2.3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954- 1975

Chương 3: ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975 - 2018) (3LT:3TL)

3.1. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)

3.1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981

3.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982- 1986

3.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2018)

3.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội 1986-1996

3.2.2 Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế 1996 - nay

3.2.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia,

- Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập 1,2,3, Nxb. Chính trị Quốc gia.

2. Văn kiện Đảng Toàn tập, (từ tập 01 đến tập 12). Nxb. Chính Trị Quốc Gia Hà Nội

5. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

- Số tín chỉ: 2 (21, 18, 0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Pháp luật
- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1&2

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Khái niệm Tư tưởng HCM, bản chất, đặc điểm, đối tượng và ý nghĩa của việc nghiên cứu TTHCM; quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Các nội dung chủ yếu của tư tưởng HCM về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản VN; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.

Năng lực đạt được: Người học trình bày được kiến thức cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; xây dựng Đảng, Nhà nước, CNXH, quá độ lên CNXH, đoàn kết dân tộc và quốc tế, dân chủ.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Cung cấp kiến thức cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, những vấn đề cơ bản của đường lối cách mạng Việt Nam: Về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc, về xây dựng Đảng, Nhà nước, về CNXH, và quá độ lên CNXH, về đoàn kết dân tộc và quốc tế, về dân chủ, những kiến thức về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh; xây dựng nền tảng đạo đức con người mới XHCN.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Có năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn, khả năng vận dụng vào thực tiễn, giải quyết tốt những vấn đề biến đổi trong thực tiễn đặt ra. Luôn biết gắn lý luận với thực tiễn, học đi đôi với hành.

2.3. Mục tiêu về thái độ: Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương mở đầu: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập Môn Tư tưởng Hồ Chí Minh

I. Đối tượng nghiên cứu

1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh.
2. Đối tượng của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh.
3. Mối quan hệ của môn học này với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

II. Phương pháp nghiên cứu:

1. Cơ sở phương pháp luận.
2. Các phương pháp cụ thể.

III. ý nghĩa của việc học tập môn học đối với sinh viên

1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp học tập, công tác.
2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị.

Chương 1: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

I. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Cơ sở khách quan
2. Nhân tố chủ quan

II. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước.
2. Thời kỳ từ năm 1911 - 1920: Tìm thấy con đường cứu nước giải phóng dân tộc.
3. Thời kỳ từ năm 1921-1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng VN.

4. Thời kỳ từ 1930 - 1945: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường CM.
5. Thời kỳ từ 1945 - 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện.

III. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc.
2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới.

Chương 2: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc

I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc

1. Vấn đề dân tộc thuộc địa.
2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp.

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc

1. Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc.
2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản.
3. Cách mạng giải phóng DT trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo.
4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc.
5. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.
6. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực.

Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
2. Đặc trưng của CNXH ở Việt Nam.
3. Quan điểm Hồ Chí Minh về động lực của CNXH ở Việt Nam.

II. Con đường, biện pháp quá độ lên CNXH ở Việt Nam

1. Con đường.
2. Biện pháp.

Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam

I. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng CSVN

1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam.
3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam.
4. Quan niệm về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền.

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng CSVN trong sạch, vững mạnh

1. Xây dựng Đảng - Quy luật tồn tại và phát triển của Đảng.
2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế

I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng.
2. Nội dung của đại đoàn kết dân tộc.
3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc.

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế.

1. Sự cần thiết xây dựng đoàn kết quốc tế.
2. Nội dung và hình thức đoàn kết quốc tế.
3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế.

Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân

I. Quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về dân chủ
2. Dân chủ trong các lĩnh vực đời sống xã hội.
3. Thực hành dân chủ.

II. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân

1. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân.
2. Quan điểm Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước.
3. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ.
4. Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả.

Chương 7: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới

I. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hóa

1. Khái niệm văn hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh.
2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa.
3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa.

II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức

1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức.
2. Sinh viên học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới

1. Quan niệm Hồ Chí Minh về con người.
2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược “trồng người”.

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội

9.2. Tài liệu tham khảo:

2. *Hồ Chí Minh (2011), toàn tập*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội (Từ tập 01 đến tập 15)

3. Bộ giáo dục và đào tạo (2009), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Hà Nội

6. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

- Số tín chỉ: 2 (18, 12, 12)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh - Pháp luật, Khoa Lý luận chính trị - Luật.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần*: Những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

- *Năng lực đạt được*: Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư; phân biệt được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày; có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Trình bày và phân tích được những vấn đề lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật. Đồng thời trang bị cho người học những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Vận dụng được những kiến thức đã học trong việc giải quyết một cách chủ động, tích cực những vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi học tập, làm việc, và trong cộng đồng dân cư. Biết phân biệt tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày. Có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC

I. Nguồn gốc nhà nước.

1. Một số quan điểm phi Mác-xít về nguồn gốc nhà nước.
2. Quan điểm của học thuyết Mác-Lênin về nguồn gốc nhà nước.

II. Bản chất, các dấu hiệu cơ bản và chức năng của nhà nước.

1. Bản chất của nhà nước.
 - a. Tính giai cấp
 - b. Tính xã hội.
2. Khái niệm và các dấu hiệu cơ bản của nhà nước.
 - a. Khái niệm
 - b. Những dấu hiệu cơ bản của nhà nước.
3. Chức năng của nhà nước.
 - a. Khái niệm
 - b. Các chức năng của nhà nước

III. Nhà nước CHXHCN Việt Nam.

1. Bản chất nhà nước CHXHCN Việt Nam.
 - a. Khái niệm
 - b. Bản chất của nhà nước CHXHCN Việt Nam

2. Chức năng của nhà nước ta.

Chương 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁP LUẬT

I. Nguồn gốc, bản chất của pháp luật.

1. Nguồn gốc của pháp luật.
2. Bản chất của pháp luật.
 - a. Tính giai cấp
 - b. Tính xã hội

II. Khái niệm và những đặc trưng cơ bản của pháp luật.

1. Khái niệm và đặc trưng cơ bản của pháp luật
2. Quan hệ giữa pháp luật với các hiện tượng xã hội khác.

III. Hình thức pháp luật.

1. Khái niệm
2. Các hình thức pháp luật.

IV. Quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật xhcn.

1. Quy phạm pháp luật.
 - a. Khái niệm, đặc điểm của quy phạm pháp luật.
 - b. Cơ cấu của quy phạm pháp luật.
2. Văn bản quy phạm pháp luật XHCN.
 - a. Khái niệm, đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật.
 - b. Phân loại văn bản quy phạm pháp luật.

V. Quan hệ pháp luật.

1. Khái niệm quan hệ pháp luật.
2. Thành phần của quan hệ pháp luật.

VI. Thực hiện pháp luật. Vi phạm pháp luật. Trách nhiệm pháp lý.

1. Thực hiện pháp luật.
 - a. Khái niệm.
 - b. Các hình thức thực hiện pháp luật.
2. Vi phạm pháp luật.
 - a. Khái niệm và các dấu hiệu của vi phạm pháp luật.
 - b. Các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật.
 - c. Các loại vi phạm pháp luật.
3. Trách nhiệm pháp lý.
 - a. Khái niệm, đặc điểm của trách nhiệm pháp lý. ý
 - b. Các loại trách nhiệm pháp lý

VII. Pháp chế XHCN.

1. Khái niệm.
2. Những yêu cầu cơ bản của pháp chế XHCN.
3. Các biện pháp tăng cường pháp chế XHCN

Chương 3: LUẬT HIẾN PHÁP

I. Khái quát chung về luật hiến pháp.

1. Định nghĩa Luật hiến pháp.
2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Tổ chức bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam.

1. Khái quát về bộ máy nhà nước chxhcn việt Nam
 - a. Khái niệm
 - b. Phân loại hệ thống các cơ quan nhà nước
2. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ta
 - a. Nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân
 - b. Nguyên tắc Đảng lãnh đạo

- c. Nguyên tắc tập trung, dân chủ
 - d. Nguyên tắc pháp chế XHCN
 - e. Nguyên tắc đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc
3. Các cơ quan trong bộ máy nhà nước
- a. Vị trí, tính chất
 - b. Chức năng

III. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

- 1. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản về kinh tế - xã hội
- 2. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản về chính trị
- 3. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản về văn hóa, giáo dục
- 4. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản về tự do dân chủ và tự do cá nhân

Chương 4: LUẬT HÀNH CHÍNH

I. Khái quát chung về luật hành chính.

- 1. Định nghĩa Luật hành chính
- 2. Đối tượng điều chỉnh phương pháp điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Quan hệ pháp luật hành chính, trách nhiệm hành chính

- 1. Quan hệ pháp luật hành chính
- 2. Trách nhiệm hành chính

II. Vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính

- 1. Định nghĩa vi phạm hành chính
- 2. Xử lý vi phạm hành chính
 - a. Nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính
 - b. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính
 - c. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

III. Cán bộ, công chức. Nghĩa vụ và quyền lợi của cán bộ công chức.

- 1. Khái niệm cán bộ, công chức
- 2. Nghĩa vụ và quyền lợi của cán bộ, công chức.

Chương 5: LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

I. Khái niệm, đặc điểm của tham nhũng

- 1. Khái niệm tham nhũng
- 2. Đặc điểm của tham nhũng
- 3. Những hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật hiện hành

II. Nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tham nhũng

- 1. Nguyên nhân khách quan
- 2. Nguyên nhân chủ quan

III. Tác hại của tham nhũng

- 1. Chính trị
- 2. Kinh tế
- 3. Xã hội

IV. Các biện pháp phòng chống tham nhũng

- 1. Nhóm các biện pháp phòng ngừa tham nhũng
- 2. Nhóm các biện pháp phòng chống tham nhũng

Chương 6: LUẬT DÂN SỰ - LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

A. Luật dân sự.

I. Khái quát chung về luật dân sự.

- 1. Định nghĩa luật dân sự
- 2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Nội dung cơ bản của luật dân sự.

- 1. Quyền sở hữu

- a. Khái niệm quyền sở hữu
- b. Nội dung quyền sở hữu
- 2. Thừa kế.
 - a. Khái niệm thừa kế
 - b. Người để lại di sản thừa kế
 - c. Người hưởng thừa kế
 - d. Hình thức thừa kế
- 3. Hợp đồng dân sự.
 - a. Khái niệm hợp đồng dân sự
 - b. Hình thức hợp đồng dân sự
 - c. Nội dung hợp đồng dân sự
- 4. Trách nhiệm dân sự
 - a. Khái niệm trách nhiệm dân sự
 - b. Các hình thức trách nhiệm dân sự

B. Luật hôn nhân và gia đình

I. Khái quát chung về luật hôn nhân và gia đình.

- 1. Định nghĩa luật hôn nhân gia đình
- 2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Nội dung cơ bản.

- 1. Kết hôn.
 - a. Khái niệm kết hôn
 - b. Điều kiện kết hôn
- 2. Quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, cha mẹ và con.
 - a. Quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng
 - b. Quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con
- 3. Chấm dứt hôn nhân.
 - a. Khái niệm
 - b. Các trường hợp chấm dứt hôn nhân
 - c. Hậu quả pháp lý của việc chấm dứt hôn nhân

Chương 7: LUẬT HÌNH SỰ

I. Khái quát chung về luật hình sự.

- 1. Định nghĩa Luật hình sự
- 2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Tội phạm.

- 1. Khái niệm, đặc điểm của tội phạm.
 - a. Khái niệm
 - b. Đặc điểm
- 2. Phân loại tội phạm.

III. Hình phạt và các biện pháp tư pháp.

- 1. Hình phạt.
 - a. Khái niệm
 - b. Các loại hình phạt
- 2. Các biện pháp tư pháp khác

Chương 8: LUẬT LAO ĐỘNG

I. Khái quát chung về luật lao động.

- 1. Định nghĩa luật lao động
- 2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Những nội dung cơ bản.

- 1. Hợp đồng lao động.

- a. Khái niệm
- b. Hình thức
- c. Nội dung
- 2. Quyền, nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động.
 - a. Quyền, nghĩa vụ của người lao động
 - b. Quyền, nghĩa vụ của người sử dụng lao động.
- 3. Công đoàn.
 - a. Khái niệm
 - b. Vị trí, tính chất, chức năng của Công đoàn
- 4. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.
 - a. Thời giờ làm việc
 - b. Thời giờ nghỉ ngơi
- 5. Tiền lương và phụ cấp
 - a. Tiền lương
 - b. Phụ cấp
- 6. Kỷ luật lao động. Trách nhiệm vật chất.
 - a. Kỷ luật lao động
 - b. Trách nhiệm vật chất

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Lê Văn Minh (chủ biên) (2016), *Pháp luật đại cương*, NXB Lao động

9.2. Tài liệu tham khảo:

- 1. Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan (2015), *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*, NXB Công an nhân dân.
- 2. Thái Vĩnh Thắng, Vũ Hồng Anh (2015), *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân.

7a. NGOẠI NGỮ II – 1: TIẾNG PHÁP 1

- Số tín chỉ: 4 (36, 24, 24)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Ngoại ngữ không chuyên, khoa Ngoại ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Học phần gồm các nội dung cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và luyện tập các kỹ năng thực hành tiếng Pháp trong các tình huống giao tiếp đơn giản theo khuôn mẫu. Mục đích chính của học phần này là trang bị cho người học nội dung chủ yếu về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản đạt mức độ Bậc 1 theo khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam (KNLNNVN).

- *Năng lực đạt được:* Người học có thể sử dụng tiếng Pháp trong giao tiếp đạt Bậc 1/6 theo khung NLNNVN: Sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có khả năng tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè... Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

+ Về Ngữ Âm: Người học phát âm chuẩn từng âm, từng từ và cụm từ, câu. Từ đó nói được những câu ngắn thông dụng trong giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Pháp.

+ Về Ngữ Pháp: Người học chia các động từ cơ bản trong tiếng pháp ở các thì đơn giản như Hiện tại, quá khứ khệp, tương lai...Nắm vững các hiện tượng ngữ pháp và các cấu trúc câu đơn giản để có thể sử dụng trong các tình huống của bài học và ứng dụng vào thực tế giao tiếp.

+ Về Từ vựng: Người học có thể sử dụng được hệ thống từ vựng cơ bản về các chủ đề thường gặp: gia đình, đồ vật, công sở, hành chính...trong các bài viết và đọc hiểu tiếng Pháp.

+ Về Văn hóa văn minh Pháp: Người học hiểu và so sánh các thói quen, tập quán văn hóa của người Pháp với người Việt.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Biết vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế, biết cách tự học và cách làm việc theo nhóm, cách giao tiếp với người nước ngoài nói tiếng Pháp trong các tình huống giao tiếp hàng ngày ... Người học còn có kỹ năng đánh giá, học hỏi và giúp đỡ người khác thông qua các hoạt động nhóm.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Thấy được tầm quan trọng và ý nghĩa của môn học.
- Có thái độ học tập tích cực, chủ động và tư duy sáng tạo, Yêu thích môn học
- Rèn luyện tinh thần trách nhiệm, tác phong học tập, rèn luyện nghiêm túc, khoa học.
- Sinh viên phải ý thức được tầm quan trọng của việc tự học, tự nghiên cứu ở nhà, làm bài tập lớn, làm việc theo nhóm, vv... ngoài giờ học trên lớp.

3. Nội dung chi tiết học phần:

1. Dire ce qu'on a fait

1.1. La disparition

1.1.1 De retour du salon Passe compose

1.1.2 Situer un événement dans le passé ; Disparition, expression du temps.

1.1.3 Toulouse, une entreprise Dire ce qu'on fait

1.1.4 Interroger/ répondre d'un emploi du temps

1.1.5 S'informer sur un emploi du temps passé

1.2. La disparition 2

1.2.1. La surprise du matin lundi

1.2.1. Passe compose avec des verbes "être"

1.2.3.Surprise, ordinateur...

1.2.4. la Disparition 3

1.3. Decouvrir la relation entre mot Savoir s'informer

1.3.1.Faire des mots avec des mots

1.3.2.Point info La passe compose

1.3.3.Interrogation indirecte Bilan 6

1.4.Acheter

1.4.1.La fete, un cadeau pour Julien

1.4.2.Expression de la ressemblance et different

1.4.3.Idee, cadeau, reveil...

1.5. Manger et boire

1.5.1. la fete- un cocktail

1.5.2. Comment mangez-vous L'article partitif

1.5.3.Nourriture et poisson

1.5.4.Continuité de l'action: encore, toujours... Cocktail...

2.Organiser une fête

2.1. La France fait la fête

2.2.Bilan 6

2.3. Occasion, action, façon... Parler des activité festives

2.4.la confiance

2.5. Pronoms complément directs et indirects

3.caractériser une personne : aspect physique et caractère

3.1. l'astrologie relève votre caractère

3.2. la révélation 3 - Conseils

3.3. Proposition complétives: Féminin des adjectifs

4.Annoncer un événement, exprimer un souhait, merci

4.1.Parler des personnes et Donner des instructions

4.2. Petits messages entre amis

4.3. Le gout des autres ou la difficulté de ... utiliser les pronoms

4.4. éviter les répétitions

5. Parler de la famille

5.1. Les membres de la famille

5.2. utiliser la forme pronominale: sens réfléchi et sens réciproque

5.3.La famille en France et à travers le cinéma

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài dự án, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính, loa để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm:10

9. Tài liệu giáo trình

- Tài liệu bắt buộc:

1. Jacky Girardet, Jacques Pécheur, 2016 « *Tendances A1* » - *Méthode de français*, NXB CLE International/ VUEF, Tours, France. (D1)

- Tài liệu tham khảo:

1. Ludivine Glaud et Muriel Lannier,(2015) *Grammaire essentielle du français A1*, nxb Didier

2. Gael Crepieux, (2016) *Vocabulaire essentiel du Français niveau A1*, NXB Didier

7b. NGOẠI NGỮ II – 1: TIẾNG TRUNG QUỐC 1

- Số tín chỉ: 4 (36, 24, 24)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Ngoại ngữ không chuyên, khoa Ngoại ngữ

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần gồm các nội dung về luyện tập từ ngữ, cách chào hỏi, xưng hô, miêu tả về gia đình, bạn bè. Kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp của tiếng Trung Quốc, học phần tập trung vào việc rèn luyện các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp ở các tình huống đơn giản theo khuôn mẫu.

Năng lực đạt được: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp tiếng Trung Quốc. Sinh viên có khả năng hiểu những tình huống giao tiếp đơn giản liên quan đến đời sống hàng ngày bằng tiếng Trung Quốc. Người học có thể giao tiếp một cách đơn giản nhất nếu người nói sử dụng tiếng Trung Quốc với tốc độ chậm một cách chậm rãi. Người học đạt trình độ sơ cấp tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung về kiến thức

Kết thúc học phần, người học có khả năng biểu đạt ý mình muốn nói, trình bày các tình huống, chủ đề trong giao tiếp hàng ngày, miêu tả địa điểm, con người biết viết và nghe những câu đơn giản trên cơ sở nắm vững được vốn từ vựng, hệ thống ngữ âm và ngữ pháp cơ bản của tiếng Trung Quốc hiện đại.

2.1. Mục tiêu về kỹ năng

Người học có thể vận dụng kiến thức đã học vào thực tế, biết cách làm việc với người khác như làm việc nhóm, biết cách giao tiếp với người Trung Quốc trong những tình huống giao tiếp, ứng xử thường ngày. Người học còn có kỹ năng đánh giá, học hỏi và giúp đỡ người khác thông qua các hoạt động nhóm.

Hiểu biết về lịch sử, văn hóa ... của Trung Quốc, từ đó góp phần bảo vệ, phát huy tinh hoa của dân tộc, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

1- 第一课：你好！

- 生词：介绍和解释十一个生词

二-课文：你好

三-语音

(一) 声母

(二) 韵母

(三) 拼音

(四) 声调

四-注释：

(一) 汉语音节的组成。

(二) 发音要领。

(三) 书写规则

(四) 声调

(五) 变调

(六) 音节和汉字

2- 第二课：汉语不太难

一-生词介绍和解释十四个生词

二-课文：汉语不太难

三-语音

(一) 韵母

(二) 拼音

四-注释：

(一) 元音的读法

(二) 轻声

(三) 半三声

3-第三课：谢谢

一-生词：介绍和解释十三个生词

二-课文：

(一) 谢谢

(二) 明天见

三-语音

(一) 声母

(二) 韵母

(三) 拼音

四-注释：

(一) 发音要领

(二) 书写规则

(三) “不”的变调

4-第四课：你去哪儿

一-生词：介绍和解释十四个生词

二-课文：你去哪儿

三-语音

- (一) 声母
- (二) 韵母
- (三) 拼音

四-注释：

- (一) 发音要领
- (二) 韵母
- (三) 儿化韵

5- 第五课：这是什么书

一-生词：

介绍和解释十四个生词

二-课文：这是什么书

三-语音

- (一) 声母
- (二) 韵母
- (三) 拼音

四-注释：

- (一) 发音要领
- (二) 韵母

6- 第六课：复习一

一-生词：

介绍和解释十一个生词

二-课文：这是王老师

三-语音：复习

- (一) 声母
- (二) 韵母
- (三) 声调

四-注释：

- (一) 书写规则
- (二) “不”的变调
- (三) 三声变调

7- 第七课：我学习汉语

一-生词：

介绍和解释四十一个生词

二-课文：我学习汉语

三-语音：词重音

四-注释：

- (一) 中国人的姓名
- (二) 贵姓

8- 第八课：你吃什么

一-生词：介绍和解释十七个生词

二-课文：你吃什么

三-注释：“一”的变调

9-第九课：苹果一斤多少钱

一-生词：

介绍和解释二十三个生词

二-课文：苹果一斤多少钱

三-语音：词重音(2)

三-注释：吧

10-第十课：我换人民币

一-生词：介绍和解释十八个生词

二-课文：我换人民币

三-语音

三个三声的读法

三-注释：

(一) 先生，小姐

(二) 请等一会

11-第十一课：他住哪儿

一-生词：介绍和解释十六个生词

二-课文：他住哪儿

三-注释：

(一) 请问

(二) 他在家呢。

(三) 您

(四) “0”

四-语法

(一) 汉语句子的语序

(二) 动词谓语句

(三) 号码的读法

12-第十二课：复习二

一-生词：介绍和解释十四个生词

二-课文：

(一) 您身体好吗

(二) 我买铅笔

三-注释：好久不见了

四-复习语法：

(一) 汉语句子的语序

(二) 动词谓语句

13.-第十三课：我们都是留学生

一-生词：介绍和解释三十二个生词

二-课文：

(一) 我们都是留学生

(二) 你也是中国人吗?

(三) 这位是白教授

三-注释: 我先介绍一下

四-语法

(一) 怎么问: ----- 吗?

(二) 壮语

(三) 副词“也”和“都”

五-语音

(一) 句重音 (1)

(二) 语调 (1)

14-第十四课: 你在哪儿学习

一-生词: 介绍和解释二十六个生词

二-课文:

(一) 你在哪儿学习

(二) 你们的老师是谁

三-语法

(一) 疑问代词

(二) 定语和结构助词“的”

(三) 介词“在”和“给”

四-语音

(一) 句重音 (2)

(二) 语调 (2)

3.15 - 第十五课: 这个箱子很重

一-生词: 介绍和解释二十八个生词

二-课文:

(一) 这个箱子很重

(二) 这是不是中药

三-注释: 这是一些药

四-语法

(一) 形容词谓语句

(二) 正反问句

(三) “的”字词组

五-语音

(一) 词重音 (3)

(二) 语调 (3)

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài dự án, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính, loa để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Học liệu:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Trần Thị Thanh Liêm - **Giáo trình Hán ngữ**, tập 1 quyển thượng, NXB ĐH sư phạm, năm 2002.

- Tài liệu tham khảo:

1. Trần Thị Thanh Liêm - **Giáo trình Hán ngữ** tập 1 quyển hạ, NXB ĐH Sư phạm – Năm 2002.

2. Trương Văn Giới - **301 câu đàm thoại tiếng Hoa**, NXB Khoa học xã hội.

8a. NGOẠI NGỮ II – 2: TIẾNG PHÁP 2

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Ngoại ngữ không chuyên, khoa Ngoại ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Pháp 1

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần bao gồm các nội dung về kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ với mục đích cung cấp và rèn luyện cho người học đạt trình độ tiếng Pháp Mức 1 của Bậc 2/6, theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tương đương A2.1 theo khung châu Âu hoặc 300 điểm theo TCF (Bài kiểm tra trình độ tiếng Pháp của Cộng Hòa Pháp).

Năng lực đạt được: Người học có khả năng sử dụng được các cấu trúc câu và hệ thống từ vựng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm); có khả năng mô tả đơn giản hoặc nghe hay đọc hiểu những đoạn văn ngắn về môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống hàng ngày.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Người học nắm vững được kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Pháp. Chia được các động từ cơ bản trong tiếng pháp ở các thì đơn giản như. Hiện tại, quá khứ khệp, tương lai...Nắm vững các hiện tượng ngữ pháp và các cấu trúc câu đơn giản để có thể sử dụng trong các tình huống của bài học và ứng dụng vào thực tế giao tiếp. Hiểu được và so sánh các thói quen, tập quán văn hóa của người Pháp với người Việt.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Biết vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế, biết cách tự học và cách làm việc theo nhóm, cách giao tiếp với người nước ngoài nói tiếng Pháp trong các tình huống giao tiếp hàng ngày ... Người học còn có kỹ năng đánh giá, học hỏi và giúp đỡ người khác thông qua các hoạt động nhóm.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Thấy được tầm quan trọng và ý nghĩa của môn học.
- Có thái độ học tập tích cực, chủ động và tư duy sáng tạo, Yêu thích môn học
- Rèn luyện tinh thần trách nhiệm, tác phong học tập, rèn luyện nghiêm túc, khoa học.
- Sinh viên phải ý thức được tầm quan trọng của việc tự học, tự nghiên cứu ở nhà, làm bài tập lớn, làm việc theo nhóm ngoài giờ học trên lớp.

3. Nội dung chi tiết học phần:

1. Faire un projet de réalisation: exprimer un besoin, préciser les étapes d'une réalisation
 - 1.1. parler du futur
 - 1.2. Reportage: Comment on fabrique un journal: L'Est Républicain
 - 1.3.. une jeune entreprise
 - 1.4.A la recherche de partenaires
 - 1.4.1.- Pronom "en"
 - 1.4.2.- Vocabulaire de l'entreprise, un quotidien français
 - 1.4.3- Quelques entreprises européennes
 - 1.4.4.Presenter une entreprise, ses activités et des servives,
 - 1.4.5-le son [oe] dans le suffixe eux- euse
 - 1.4.6.-enchainement et liaisons le pronom "en"
- 2- parler de l'entreprise: Questions pour le XXIe siècle
 - 2.1.- le Futur
 - 2.2.- situation dans le futur

- 2.3.Changements et evolutions
- 2.3.1.Aspects de la modernité [f]/ [v]
- 2.3.2.Parler du future
- 2.3.3.Faire desprojets
- 2.3.4- utiliser le pronom “en”
- 2.4. une jeune entreprise
- 3. faire un projet de realisation
- 3.1. rapporter les paroles des quelqu’un
- 3.2.une jeune entreprise
- 3.3.Qu’est-ce qu’il dit?
- 3.4.-Rapporter des paroles
- 3.5.-Discours rapport au present
- 3.6.Une entreprise multimedia
- 3.7.-Rapporter des paroles formulées au présent
- 3.7.1.- préciser le moment d’une action
- 3.7.2. - exposer le projet en présentant les étapes de son déroulement
- 3.7.3. Bilan 9 - entreprendre, réaliser un projet
- 3.7.4. - Passé recent et present progressif
- 3.7.5. - quelques idées pour trouver des idées L’esprit d’entreprise presenter brièvement un projet en le justifiant
- 3.7.6. + exprimer un beaoin, un manqué
- 4. Comparer des qualités
- 4.1.. La decision 1- Que choisir ? Exprimer une opinion, un jugement en faisant des comparaisons
- 4.2.- Constructions comparatives avec les adjectifs et des adverbess
- 4.3.- Voiture, moteur, dimensions, volue coffre, vitesse...
- 4.4.Comportement et mentalité (de droit, de gauche- bourgeois/bohème)
- 4.5.Comparer des quantités et des actions
- 4.6. La decision 2 ; partir ou rester ?
- 4.7.Caractériser en faisant des comparaisons sur des quantités ou sur des actions
- 4.8.- comparaisons des quantités, expression de la restriction
- 4.9.- la population, habitant, accueillant, ...
- 5.Exprimer la ressemblance ou la difference
- 5.1. Lynda lemay
- 5.2.La decision 3 : Que faire de la plante verte
- 5.3.Comparer en exprimant les ressemblances et les différences.
- 5.3.1.- Les superlatifs
- 5.3.2.- une ressemblance, un record, aldult, fonctionnaire, militaire, commune...
- 5.3.3.La Québec, province francophone du Canada
- 5.3.4.Faire des suppositions
- 5.3.5.Demander de l’aide, Répondre à une demande de l’aide, Raisonner expliquer en faisant des suppositions
- 5.3.6.- expressions de suppositions
- 5.3.7.- apporter, emporter, porter...
- 6.Comparer des lieux Lettre de voyage
- 6.1.Ecire une carte postale ou une courte lettre de vacances ou de voyage
- 6.2.- Forme impersonnelle de verbes exprimant le temps qu’il fait.- vob du climat, du paysage Régions de France
- 6.3. Le Palmères des émissions Présenter le contenu d’une émission de radio ou de

télévision, donner son opinion - vob de télévision, de radio

6.4.- animer

6.5.- varié, intéressant, étonnant, passionnant... Quelques émissions de télévision très regardés Bilan 10

7.Poser un problème La presse

7.1.Exposer le problème à partir d'un document de presse - vob de presse

7.2.- informer, poser un problème, résoudre... Principaux titres de presse français

7.3.Caractériser une action Invitée à la télé 1 : préparation Donner une opinion dur un comportement - Pronom « y », place des verbes

7.4.- association, municipalité, dirigeant, débat...

7.5.Connaissances pratiques : que fais en cas de maladie,

7.6.Information sur le système de protection sociale

8.Parler de la santé

8.1.Invitée à la télé 2 : ça ne va pas

8.2.Parler de son état de santé, répondre aux questions d'un médecin - vob de santé et de maladie

8.3.- avoir le trac

8.4.- sonner

8.5.Interdire- autoriser Invitée à la télé 3: Entrée interdite

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài dự án, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính, loa để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Học liệu:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Jacky Girardet, Jacques Pécheur, 2016 « *Tendances A1* » - *Méthode de français*, NXB CLE International/ VUEF, Tours, France. (D1)

- Tài liệu tham khảo:

1. Ludivine Glaud et Muriel Lannier,(2015) *Grammaire essentielle du français A1*, nxb Didier.

2. Gael Crepieux, (2016) *Vocabulaire essentiel du Français niveau A1*, NXB Didier

8b. NGOẠI NGỮ II- 2: TIẾNG TRUNG QUỐC 2

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Ngoại ngữ không chuyên, khoa Ngoại ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Trung Quốc 1

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần Tiếng Trung Quốc 2 bao gồm kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và các nội dung liên quan đến chủ đề về thể thao, du lịch, danh lam thắng cảnh v.v...

Năng lực đạt được: Người học sử dụng được 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Trung Quốc ở mức cơ bản về các chủ đề thường gặp hàng ngày, có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có thái độ học tập tích cực. Có năng lực phối hợp làm bài tập nhóm, bài tập giữa kỳ, cuối kỳ..., thông qua đó giúp giảng viên đánh giá thường xuyên quá trình tự học của họ.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học có thể vận dụng một phần kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Trung Quốc để giao tiếp trong các tình huống giao tiếp thông thường.

2.2 Mục tiêu về kỹ năng

Người học vận dụng được kiến thức đã học sử dụng trong giao tiếp, biết cách làm việc nhóm, biết cách giao tiếp với người Trung Quốc trong những tình huống giao tiếp, ứng xử thường ngày. Người học còn có kỹ năng đánh giá, học hỏi và giúp đỡ người khác thông qua các hoạt động nhóm.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp cũng như các hoạt động nhóm. Học tiếng Trung Quốc để hiểu thêm về lịch sử, văn hóa ... của Trung Quốc, từ đó góp phần bảo vệ, phát huy tinh hoa của dân tộc, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

3. Nội dung chi tiết môn học

1. 第四十六课: 我们走下去吧

一-生词: 介绍和解释四十二个生词

二-课文:

--我们走下去吧

-- 我给你带回来一件礼物

三-注释:

(一) 这下你该满意了吧。

(二) 还有野生动植物什么的, 真是应有尽有。

四-语法: 动作趋向的表达: 复合趋向补语

五-练习

- 用学过的句型造句

- 按照例句作练习

- 根据实际情况回答问题

- 看图说话

- 遇到下列情况怎么说?

- 选词填空

- 改错句

六-自学

- 阅读

-交际会话

-写一段话说明父母送给你一件礼物的情况

2. 第四十七课: 会议中心的门开着呢

一-生词: 介绍和解释四十三个生词

二-课文:

(一) 会议中心的门开着呢

(二) 墙上贴着红双喜字

三-语法

-动作或状态的持续: 动词+着

-否定式: 没(有)+动词+着

-正反疑问句: 动词+着----- 没有?

四-练习

-用学过的句型造句

-用“动词+着”填空

-按照例句作练习

-根据实际情况回答问题

-选词填空

-改错句

-综合填空

一- 自学

-阅读: 去医院看朋友

-交际会话

-跟同学说一说你们教室里 和房间里放着什么东西, 墙上挂着什么?

3. 第四十八课: 复习八

一-生词

介绍和解释二十个生词

二-课文: 见面

三-语法: 复习下面几个语法点

(一) 复合趋向补语

(二) 动作或状态的持续: 动词+着

(三) “了, 着, 过”的用法

四-练习

-用学过的句型造句

-语音

-组句

-看图说话

-用“的, 地, 德”填空

-回答课文问题

-用“了, 着, 过”填空

-选词填空

-改错句

-小测验

五-自学

- 交际会话：急诊

- 综合填空

4. 第四十九课：前边开过来一辆空车

一-生词介绍和解释三十九个生词

二-课文：

(一) 前边开过来一辆空车

(二) 年轻人打扮得越来越漂亮

三-注释：

(一) 四合院

(二) “在家靠父母，出门靠朋友嘛”

四-语法

(一) 存现句

(二) 变化的表达：“越来越-----“
和“越-----越-----“

五-练习

- 用学过的句型造句

- 按照例句作练习

- 根据实际情况回答问题

- 完成句子

- 选词填空

- 改错句

- 综合填空

六-自学

- 阅读：方向错了

- 交际会话

- 说一说你们班的同学打扮得怎么样？对于这个问题你有什么观念？

5. 第五十课：请把护照和机票交给我

一-生词：介绍和解释三十九个生词

二-课文：

(一) 请把护照和机票交给我

(二) 我想把照相机拿出来

(三) 你把空调开开

三-注释：

(一) 没有什么呀。

(二) 这个盒子打了点

四-语法

“把”字句 (1)

(一) 把”字句 的基本结构形式是：

主语+把+宾语+动词+其他成分

(二) 使用把”字句的要求

五-练习

- 用学过的句型造句

- 把括号里的词语加在适当的位置上
- 把下列肯定句改成否定句
- 按照例句作练习
- 根据实际情况回答问题
- 用“把”字句完成会话
- 选词填空
- 改错句

六-自学

- 阅读：找钱
- 老师要你把作业本给他，你还没有作完，怎么对老师说？

6. 第五十一课：把吸尘器递给我

一-生词：介绍和解释四十一个生词

二-课文：

- (一) 把吸尘器递给我
- (二) 把我写的对联也贴上去吧
- (三) 福到了

三-注释：

- (一) 让我来吧。
- (二) 哦，可不是。

四-语法

- (一) “把”字句 (2)
- (二) 名词重叠

五-练习

- 用学过的句型造句
- 按照例句作练习
- 根据实际情况回答问题
- 综合填空
- 选词填空
- 改错句
- 小测验

六-自学

- 阅读：布置会场
- 交际会话

7. 第五十二课：我的腿被自行车撞伤了

一-生词：介绍和解释四十三个生词

二-课文：

- (一) 我的腿被自行车撞伤了
- (二) 钱包让小偷偷走了

三-注释：

- (一) 还好，没伤着骨头。
- (二) 钱不多，才几十块钱。

(三) 可气不可气

四-语法

(一) “被”字句

(二) 又

五- 练习

- 用学过的句型造句
- 用“被，叫，让”改写句子
- 把下列句子改成“把”字句
- 根据实际情况回答问题
- 遇到下列情况怎么说？
- 选词填空
- 改错句

六-自学

- 阅读：- 救救小鸟
 - 我被解雇
 - 交际会话
 - 说说你或朋友一次撞车的情况

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài dự án, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính, loa để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Học liệu:

- **Tài liệu bắt buộc:**

1. Trần Thị Thanh Liêm, *Giáo trình Hán ngữ, tập 2 quyển hạ*, NXB ĐH Sư phạm, năm 2012.

- **Tài liệu tham khảo:**

1. Trần Thị Thanh Liêm (biên dịch), *Giáo trình Hán ngữ tập 3 quyển thượng*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, năm 2002.

9a. NGOẠI NGỮ II – 3: TIẾNG PHÁP 3

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Ngoại ngữ không chuyên, khoa Ngoại ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Pháp 2

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần gồm các bài học với các nội dung về công việc, trường học, giải trí v.v... được sắp xếp theo chủ đề, lồng ghép các nội dung ngữ pháp, từ vựng mở rộng và các kỹ năng thực hành tiếng Pháp. Mục đích của học phần là trang bị và rèn luyện cho người học nắm vững kiến thức hơn về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ: Nghe – Nói – Đọc – Viết.

Năng lực đạt được: Người học đạt Năng lực sử dụng tiếng Pháp ở Mức 2 của Bậc 2/6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam, tương đương A2 theo khung Châu Âu hoặc 399 điểm theo TCF (Bài kiểm tra tiếng Pháp của Cộng hòa Pháp).

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học có thể hiểu và sử dụng kiến thức từ vựng và ngữ pháp về đời sống hằng ngày và các vấn đề trong xã hội, thế giới ví dụ: xin việc, công việc, kinh doanh, du lịch, thời trang, nghệ thuật, điện ảnh, giải trí... Ngoài việc biết phát âm chuẩn các từ, các cụm từ trong tiếng Pháp, người học phải sử dụng được các hiện tượng ngữ âm như nói, luyện, lên giọng, trọng âm trong từ, cụm từ và các loại câu trong Tiếng Pháp. Biết sử dụng linh hoạt và thuần thục các thì trong tiếng Pháp, đặc biệt là các thức như Mệnh lệnh, chủ quan, điều kiện. Hiểu biết về cuộc sống văn hóa Pháp và so sánh các thói quen, tập quán văn hóa của người Pháp với người Việt.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học có thể nghe, nói, đọc, viết tiếng Pháp ở trình độ tiền trung cấp. Đặc biệt phát triển kỹ năng nói và viết. Sinh viên có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về một vấn đề nào đó bằng văn bản nói hay viết.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- + Thấy được tầm quan trọng và ý nghĩa của môn học.
- + Có thái độ học tập tích cực, chủ động và tư duy sáng tạo, Yêu thích môn học
- + Rèn luyện tinh thần trách nhiệm, tác phong học tập, rèn luyện nghiêm túc, khoa học, làm việc theo nhóm hiệu quả.
- + Sinh viên phải ý thức được tầm quan trọng của việc tự học, tự nghiên cứu ở nhà, làm bài tập lớn, làm việc theo nhóm, vv... ngoài giờ học trên lớp.

3. Nội dung chi tiết học phần:

1. La publicité punchy 1

1.1. Une nouvelle créatrice

1.2. - présenter quelque'un

1.3. Présentation d'un CV

1.4. - comparer les différentes façons d'apprendre - psychologie : un type, une personnalité, la confiance, ...

2. La publicité punchy 2

2.1. Une journée dans l'entrepris

2.2. Une journée de l'entreprise.

2.3. La publicité punchy 3

2.4. Voca de la bourse : un marché, un cours, basse

2.5. Trois sujets de débats

3. Reportages dans un endroit branché de Paris Se rencontrer

3.1. - décrire les différents espaces et les différentes

- 3.2. - extrait du Petit Futé
- 3.2. Le grand livre des Bilan 1 succès
- 3.4. Mettre en valeur
- 3.5. Mettre en valeur les qualités d'un objet, d'une
- 3.6. Les constructions comparatives et superlatives
- 3.7. La gastronomie et les chefs cuisiniers,
- 3.8. - Gout des Français en matière de musique
- 3.9. Le premier pas 1
- 3.10. Suppositions
- 4. Premier pas 2
- 4.1. Comment revoir Arthur
- Test 2
- 4.3. Proposer- conseiller
- 4.4. Proposer suggérer à quelqu'un de faire q.qch. Donner des
- 4.5. Le cinéma, le fabuleux destin d'Amélie Poulain
- 4.6. Parler des qualités et des défauts
- 4.7. Décire des caractères, la personnalité, le comportement d'une personne.
- 4.8. Formes masculins et féminins des adjectifs
- 4.9. Les relations amoureuses, les problèmes psychologiques, BF
- 5. Lettre
- 5.1. Faire une demande écrite
- 5.2. Savoir rédiger selon les codes actuels une lettre de demande pour différents objets
- 5.3. Le commerce, l'emploi, le contact, l'expression, un sentiment, une salutation...
- 5.4. Le cinéma Français
- 5.5. L'acteur Gérard Depardieu
- 5.6. Quelle époque
- 5.6.1. Examen demi-cours
- 5.6.2. Comprendre et raconter une anecdote
- 5.6.3. Comprendre un récit anecdote, raconter oralement une anecdote Situation dans le temps et dans l'espace ; récit au présent et au passé
- 6. Reportage dans un club de gymnastique : la Gymnas de Nancy
- 6.1. Bilan 2
- 6.2. Améliorer son image
- 6.3. Imaginer- faire des suppositions
- 6.4. Parler des aspect physique de quelqu'un, de son image , de ses habitudes,
 - constructions au passé composée.
 - vocabulaire de l'image Raconter une anecdote
- 7. La pétition 2
- 7.1. Difficile à convaincre
- Test 3
- 7.2. Exprimer un manque
- 7.3. Exprimer l'existence, exprimer le manque et le besoin,
- 7.4. Les pronoms complémentaires
- 7.5. Vocabulaire de l'existence et du
- 7.6. La régions des Cévennes
- 8. Environnement contre intérêts économiques Parler de l'environnement
- 8.1. Faire un état des lieux pour un site naturel
- 8.2. Vocabulaire de l'environnement

- 8.3. La formation du territoire de la France,
- 8.4. Zimbabwe projet pour la protection des animaux sauvages
- 9. Reportage dans la forêt des Vosges après la tempête de décembre 1999
- 9.1. Parler d'une catastrophe
- 9.2. Comprendre un récit d'un événement catastrophique
- 9.3. Vocabulaire des catastrophes
- 9.4. Les Français et les animaux familiers
- 10. Bilan 3
- Test 4
- 10.1. Exprimer la volonté, l'obligation
- 10.2. Exprimer les souhaits
- 11. Unité 4- leçon 3, 4 Raconter des faits mystérieux
- 11.1. Présenter les circonstances d'un événement
- 11.2. Faire un récit et présenter les événements comme certains, possibles ou impossibles
- 11.3. Thème de l'étrange et du mystérieux
- 11.4. Thème de la religion
- 11.4. Événements de la deuxième moitié du XXe siècle qui restent
- 12. Unité 4- leçon 5
- 12.1. Commenter des opinions
- 12.2. Rapporter des informations statistiques, commenter les informations
- 12.3. Les adjectifs et les pronoms indéfinis
- 12.4. La légende de la bête du Gévaudan, les animaux fabuleux
- 13. Unité 4- leçon 6
- 13.1. Comprendre et raconter un fait divers
- 13.2. Comprendre un fait divers relaté brièvement dans la presse Raconter un fait divers La vie privée des gens
- 13.3. Attitudes face au mensonge.
- 14. Les romans et les films inspirés de faits divers

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài dự án, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính, loa để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Học liệu:

- **Tài liệu bắt buộc:**

1. Jacky Girardet, Jacques Pécheur, 2016 « *Tendances A1* » - *Méthode de français*, NXB CLE International/ VUEF, Tours, France. (D1)

- **Tài liệu tham khảo:**

1. Ludivine Glaud et Muriel Lannier, (2015) *Grammaire essentielle du français A1*, nxb

Didier.

2. Gael Crepieux, (2016) Vocabulaire essentiel du Francais niveau A1, NXB Didier

9b. NGOẠI NGỮ II- 3: TIẾNG TRUNG QUỐC 3

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Ngoại ngữ không chuyên, khoa Ngoại ngữ

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Trung Quốc 2

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần bao gồm kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Trung Quốc theo trình tự từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Học phần gồm các nội dung về giao tiếp hàng ngày, các bài đọc hiểu về cuộc sống, con người Trung Quốc. Mỗi nội dung bài học gồm 5 phần: Ngữ âm, Từ vựng, Bài đọc hiểu, Ngữ pháp, luyện tập.

Năng lực đạt được: Người học có thể sử dụng tương đối thành thạo 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Trung Quốc, để sử dụng trong các tình huống giao tiếp thông thường có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có thái độ học tập tích cực. Tham gia các hoạt động tự học ở nhà như làm bài tập nhóm, bài tập tháng, bài tập giữa kỳ, cuối kỳ..., thông qua đó giúp giảng viên đánh giá thường xuyên quá trình tự học của họ.

2. Mục tiêu học phần :

2.1. Mục tiêu kiến thức:

Người học trình bày và vận dụng được kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Trung Quốc

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Người học vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế, có năng lực làm việc với người khác như làm việc nhóm, biết cách giao tiếp với người Trung Quốc trong những tình huống giao tiếp, ứng xử thường ngày. Người học còn có kỹ năng đánh giá, học hỏi và giúp đỡ người khác thông qua các hoạt động nhóm.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp cũng như các hoạt động nhóm. Học tiếng Trung Quốc để hiểu thêm về lịch sử, văn hóa ... của Trung Quốc, từ đó góp phần bảo vệ, phát huy tinh hoa của dân tộc, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

3. Nội dung chi tiết môn học

8. 第五十三课: 有困难找民警

一-生词:

介绍和解释四十九个生词

二-课文:

(一) 有困难找民警

(二) 我们把松竹梅叫做“岁寒三友”

三-注释:

(一) 看样子他们是从农村来的

(二) 就像扶着自己的父母一样

四-语法

(一) 无关联词语复句

(二) 状态补语 (2)

五-练习

- 用学过的句型造句

- 遇到下列情况怎么说?

- 根据课文内容回答问题

- 完成会话

- 选词填空
- 改错句
- 综合填空
- 六-自学
- 阅读：有困难找民警
- 如果在路上你或别人被偷东西你怎么报案？
- 9. 第五十四课: 复习九
- 一-生词:
- 介绍和解释十九个生词
- 二-课文:
- 助人为乐
- 三- 语法：复习
- (一) 存现句
- (二) 变化的表达：“越来越-----“
 和“越-----越-----“
- (三) -“把”字句 (1)
 -“把‘字句 (2)
- (四) 名词重叠
- (五) “被”字句
- (六) 无关联词语复句
- (七) 状态补语 (2)
- 五- 练习
- 用学过的句型造句
- 连句成段
- 按照例句作练习
- 根据课文回答问题
- 完成会话
- 选词填空
- 改错句
- 综合填空
- 小测验
- 六-自学
- 阅读：祝好人一路平安
- 交际会话
- 你讲一讲你帮助别人的事情
- 10. 第五十五课: 京剧我看得懂，但是听不懂
- 一-生词:
- 介绍和解释四十一个生词
- 二-课文:
- (一) 京剧我看得懂，但是听不懂
- (二) 今天晚上我去不了
- 三-注释:
- (一) 脸谱

(二) 古代

(三) 不见不散

四-语法

(一) 可能补语

(二) 动作能否发生或完成:

动词+得/不+了

(三) 空间能否容纳: 动词+得/不+下

五-练习

- 用学过的句型造句

- 模仿造句

- 看图说话

- 遇到下列情况怎么说?

- 根据实际情况回答问题

- 完成会话

- 选词填空

- 改错句

- 综合填空

六-自学

- 阅读: 雪后爬长城

- 交际会话

11. 第五十六课: 山这么高, 你爬得上去吗

一-生词:

介绍和解释三十个生词

二-课文:

(一) 山这么高, 你爬得上去吗

(二) 我担心自己演不好

三-注释:

(一) 世上无难事, 只怕有心人

(二) 加油

(三) 没问题

四-语法

(一) 可能补语 (2)

(二) 可能补语与状态补语

(三) 只要-----就-----

五-练习

- 用学过的句型造句

- 模仿造句

- 按照例句作练习

- 根据实际情况回答问题

- 完成会话

- 选词填空

- 改错句

- 遇到下列情况怎么说?

六-自学

- 阅读：忘不了的耳光

- 交际会话

- 谈一谈你们去爬山的情况

12. 第五十七课：我想起来了

一-生词：

介绍和解释三十个生词

二-课文：

（一）我想起来了

（二）我们还想学下去

三-注释：

（一）要是让我们自己花钱克族不了

（二）我们公司是搞中外文化交流的。

四-语法

（一）趋向补语的引申用法

（二）只有-----才-----

五-练习

- 用学过的句型造句

- 模仿造句

- 选择填空

- 根据实际情况回答问题

- 完成会话

- 选词填空

- 遇到下列情况怎么说？

- 综合填空

- 改错句

- 小测验

六-自学

- 阅读：智慧口袋

- 交际会话

1 第五十八课：寒假你打算去哪 旅行

一-生词：

介绍和解释三十九个生词

二-课文：

（一）吃什么都可以

（二）寒假你打算去哪 旅行

三-注释：

（一）上有天堂，下有苏杭

（二）桂林山水甲天下

四-语法

（一）疑问代词的活用

（二）一边--- 一边---

（三）除了-----以外，都/还

五- 练习

- 用学过的句型造句
- 模仿造句
- 用括号里的词语回答下列问题
- 回答问题
- 完成句子
- 选词填空
- 遇到下列情况怎么说?
- 改错句

六-自学

- 阅读：- 会话
 - 画蛇添足
- 交际会话
- 暑假你打算去哪旅行?

14.1. 第五十九课: 吉利的数字

一-生词:

介绍和解释四十一个生词

二-课文:

- (一) 吉利的数字
- (二) 宴会上的规矩

三-注释:

- (一) 相声
- (二) 什么话
- (三) 以后你有什么问题就问我好了

四-语法

- (一) 反问句
- (二) 强调意义的表达:
 - 连-----也/都
- (三) 强调肯定: 二次否定

五- 练习

- 用学过的句型造句
- 提问
- 模仿造句
- 按照例句作练习
- 用“连-----也/都“回答问题
- 用反问句完成会话
- 遇到下列情况怎么说?
- 选词填空
- 改错句

六-自学

- 阅读: 哪个数字最吉利
- 交际会话

14.2. 第六十课 :复习十

一-生词:

介绍和解释二十三个生词

二-课文:

学会用筷子

三-语法

复习下列问题:

- (一) 可能补语
- (二) 趋向补语的引申用法
- (三) 只有-----才-----
- (四) 反问句
- (五) 强调意义的表达

四-练习

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài dự án, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính, loa để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: 50%.

Thang điểm: 10

9. Học liệu

- **Tài liệu bắt buộc:**

1. Trần Thị Thanh Liêm, *Giáo trình Hán ngữ, tập 2 quyển hạ*, NXB ĐHSP, năm 2012.

- **Tài liệu tham khảo:**

1. Trần Thị Thanh Liêm, *Giáo trình Hán ngữ tập 3 quyển thượng*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, năm 2002.

2. Trương Văn Giới, *301 câu đàm thoại tiếng Hoa*, NXB Khoa học xã hội.

10. TIN HỌC

- Số tín chỉ: 2 (10, 0, 40)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tin học ứng dụng, khoa Công nghệ thông tin & Truyền thông.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Tổng quan về tin học, máy tính, hệ điều hành Windows, mạng máy tính, Internet, các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính và trình chiếu.

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên sử dụng máy tính đúng cách, tổ chức dữ liệu trên máy tính một cách khoa học, có hệ thống; khai thác các tài nguyên trong máy tính và trên mạng Internet một cách an toàn, hiệu quả; sử dụng thành thạo các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, trình chiếu, dịch vụ Email để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Trình bày được các kiến thức cơ bản nhất về công nghệ thông tin (CNTT), máy tính; sử dụng máy tính với hệ điều hành Windows; các khái niệm cơ bản về mạng máy tính và Internet; các phần mềm tiện ích thông dụng; các phần mềm soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản và xử lý bảng tính.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Sử dụng được hệ điều hành Windows; kỹ năng sử dụng thư điện tử, Website, cách tìm kiếm, xử lý thông tin trên Internet; kỹ năng sử dụng các phần mềm tiện ích thông dụng, thiết thực; kỹ năng sử dụng các phần mềm soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản và xử lý bảng tính để làm việc, học tập và nghiên cứu.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Thấy được tầm quan trọng và ý nghĩa của môn học.
- Có thái độ học tập tích cực, chủ động và tư duy sáng tạo, Yêu thích môn học
- Rèn luyện tinh thần trách nhiệm, tác phong học tập, rèn luyện nghiêm túc, khoa học, làm việc theo nhóm hiệu quả.
- Sinh viên phải ý thức được tầm quan trọng của việc tự học, tự nghiên cứu ở nhà, làm bài tập lớn, làm việc theo nhóm, v.v... ngoài giờ học trên lớp.

3. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1: CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ CNTT

1.1. Thông tin và dữ liệu

- 1.1.1. Khái niệm thông tin, dữ liệu
- 1.1.2. Xử lý thông tin bằng máy tính
- 1.1.3. Khái niệm phần cứng, phần mềm

1.2. Biểu diễn thông tin trong máy tính

- 1.2.1. Biểu diễn số trong các hệ đếm
- 1.2.2. Chuyển đổi số giữa các hệ đếm
- 1.2.3. Các phép toán đối với số nhị phân
- 1.2.4. Biểu diễn thông tin trong máy tính

1.3. Hệ thống máy tính

- 1.3.1. Các bộ phận cơ bản của máy tính
- 1.3.2. Bộ xử lý trung tâm - CPU
- 1.3.3. Bộ nhớ
- 1.3.4. Các thiết bị nhập, xuất
- 1.3.5. Cấu hình cần biết khi mua máy tính

1.4. Phần mềm và thuật toán

- 1.4.1. Phần mềm

1.4.2. Thuật toán

CHƯƠNG 2: MÁY TÍNH VÀ HỆ ĐIỀU HÀNH

2.1. Các thao tác cơ bản

2.1.1. Khởi động máy tính

2.1.2. Màn hình nền (desktop) và nút Start

2.1.3. Sử dụng bàn phím và chuột

2.1.4. Cửa sổ và các thao tác với cửa sổ

2.1.5. Tắt máy đúng kiểu

2.2. Quản lý và khai thác máy tính

2.2.1. Tổ chức dữ liệu trên máy tính

2.2.2. Khai thác và sử dụng My Computer

2.2.3. Biểu tượng tệp tin, thư mục

2.2.4. Các thao tác cơ bản với tệp tin và thư mục

2.2.5. Sử dụng chương trình Windows Explorer

2.2.6. Chạy một chương trình ứng dụng

2.3. Sử dụng máy tính

2.3.1. Cài đặt máy in và in tài liệu

2.3.2. Tìm kiếm tệp tin, thư mục

2.3.3. Nén dữ liệu

2.3.4. Xem thông tin về máy tính

2.3.5. Thiết lập Control Panel

2.3.6. Cài đặt, cập nhật, gỡ bỏ các chương trình ứng dụng

2.3.7. Một số phím tắt

2.4. Tiếng Việt trên máy tính

2.4.1. Vấn đề mã hóa tiếng Việt

2.4.2. Kiểu gõ Telex

2.4.3. Các bộ gõ thông dụng

2.4.4. Chuyển đổi mã tiếng Việt

2.4.5. Cài đặt Unikey

2.5. Một số phần mềm tiện ích

CHƯƠNG 3: MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET

3.1. Khái niệm mạng máy tính và Internet

3.2. Một số thuật ngữ tiếng Anh khi sử dụng Internet

3.3. Thư điện tử - Email

3.3.1. Khái niệm

3.3.2. Tên hộp thư điện tử

3.3.3. Thiết lập và sử dụng thư điện tử: gmail, yahoo

3.4. Website, Blog, diễn đàn

3.4.1. Khái niệm WWW, Website, Blog, diễn đàn

3.4.2. Tên miền URL

3.4.3. Trang chủ (Home page)

3.4.4. Một số Website, Blog, diễn đàn thông dụng

3.5. Tìm kiếm thông tin trên Internet

3.5.1. Vai trò của thông tin và tìm kiếm thông tin

3.5.2. Kỹ năng tìm kiếm thông tin với Google Search

3.6. Các văn bản pháp luật quy định về sử dụng Internet

3.7. Thuê bao kết nối Internet

CHƯƠNG 4: PHẦN MỀM SOẠN THẢO VĂN BẢN

4.1. Giới thiệu

- 4.1.1. Khởi động
- 4.1.2. Cửa sổ làm việc
- 4.1.3. Hệ thống trình đơn và các công cụ
- 4.1.4. Thoát khỏi
- 4.2. Các thao tác cơ bản**
 - 4.2.1. Nhập và điều chỉnh văn bản
 - 4.2.2. Thao tác trên một khối văn bản
 - 4.2.3. Các thao tác cơ bản với file văn bản
- 4.3. Định dạng và in ấn văn bản**
 - 4.3.1. Định dạng ký tự
 - 4.3.2. Định dạng đoạn văn bản
 - 4.3.3. Một số định dạng khác
 - 4.3.3.1. Định dạng cột báo
 - 4.3.3.2. Định dạng chữ cái to đầu đoạn
 - 4.3.3.3. Định dạng đường viền
 - 4.3.3.4. Định dạng ký tự đầu dòng
 - 4.3.4. Định dạng trang in và in văn bản
- 4.4. Chèn đối tượng vào văn bản**
 - 4.4.1. Chèn ký tự đặc biệt
 - 4.4.2. Chèn chữ nghệ thuật
 - 4.4.3. Chèn tranh
 - 4.4.4. Chèn các hình ảnh đồ họa
 - 4.4.5. Chèn công thức toán học
 - 4.4.6. Chèn biểu đồ
- 4.5. Bảng biểu**
 - 4.5.1. Tạo bảng mới
 - 4.5.2. Hiệu chỉnh và định dạng bảng
 - 4.5.3. Sắp xếp dữ liệu trong bảng
- 4.6. Một số xử lý khác**
 - 4.6.1. Tìm kiếm và thay thế văn bản
 - 4.6.2. Tạo và sử dụng AutoCorrect
 - 4.6.3. Chèn số trang
 - 4.6.4. Chèn Header and Footer
 - 4.6.5. Trộn văn bản

CHƯƠNG 5: PHẦN MỀM TRÌNH DIỄN VĂN BẢN

5.1. Giới thiệu

- 5.1.1. Khởi động
- 5.1.2. Cửa sổ làm việc
- 5.1.3. Hệ thống trình đơn và các công cụ
- 5.1.4. Các kiểu hiển thị một trình chiếu
- 5.1.5. Các hướng dẫn thực hiện từng bước một
- 5.1.6. Các bước tạo một minh họa
- 5.1.7. Thoát khỏi

5.2. Các thao tác với file trình diễn và với Slide

- 5.2.1. Các khái niệm cơ bản
- 5.2.2. Quy trình soạn thảo trình diễn
- 5.2.3. Các thao tác với file trình diễn

5.3. Các thao tác với slide

- 5.3.1. Định dạng slide

5.3.2. Các thao tác với slide: chèn, sao chép, di chuyển, xóa

5.3.3. Trình bày slide

5.4. Tạo hiệu ứng

5.4.1. Thiết lập template

5.4.2. Thiết lập hiệu ứng cho slide

5.4.3. Thiết lập hiệu ứng cho từng đối tượng

5.5. Trình chiếu slide và in ấn

5.5.1. Trình chiếu slide

5.5.2. Định dạng trang in và in file trình diễn

CHƯƠNG 6: PHẦN MỀM XỬ LÝ BẢNG TÍNH

6.1 Giới thiệu

6.1.1. Khởi động

6.1.2. Cửa sổ làm việc

6.1.3. Hệ thống trình đơn và các công cụ

6.1.5. Các thao tác với file bảng tính

6.1.6. Một số khái niệm cơ bản

6.1.7. Thoát khỏi

6.2. Các thao tác với bảng tính

6.2.1. Nhập, sửa dữ liệu

6.2.2. Các thao tác với vùng dữ liệu

6.3. Định dạng bảng tính và in bảng tính

6.3.1. Định dạng dữ liệu

6.3.1.1. Các kiểu dữ liệu

6.3.1.2. Định dạng các kiểu dữ liệu

6.3.1.3. Căn chỉnh dữ liệu

6.3.1.4. Kẻ khung cho vùng dữ liệu

6.3.2. Định dạng trang in và in bảng tính

6.4. Các hàm thông dụng

6.4.1. Nguyên tắc sử dụng hàm

6.4.2. Một số hàm thông dụng: sum, average, round, %, max, min, rank, and, or, left, right, if, day 360, datevalue, vlookup, hlookup, countif, Dcount, sumif, Dsum, averageif, Daverage,...

6.5. Biểu đồ

6.5.1. Các bước xây dựng biểu đồ

6.5.2. Hiệu chỉnh biểu đồ

6.6. Quản trị dữ liệu bảng tính

6.6.1. Các khái niệm cơ bản

6.6.2. Sắp xếp dữ liệu

6.6.3. Trích lọc dữ liệu: AutoFilter, Advanced Filter

6.6.4. Tổng hợp dữ liệu: Subtotal

6.7. Tính toán trên nhiều bảng tính

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi,

vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Giờ lý thuyết thực hiện tại phòng chức năng có các thiết bị: máy tính, máy chiếu Projector, loa, Micro. Giờ thực hành chia nhóm, mỗi nhóm thực hành không quá 25 người được thực hiện tại phòng máy tính, mỗi người học được sử dụng một máy và mỗi phòng thực hành có tối thiểu 25 máy sẵn sàng hoạt động, có đầy đủ phần mềm cần thiết phục vụ cho nội dung thực hành. Bố trí lịch học đúng theo lịch trình cụ thể.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang, *Giáo trình tin học cơ sở*, NXB Thông tin và truyền thông, năm 2015.

- Tài liệu tham khảo:

1. Lê Thị Hồng, *Tin học cơ bản*, NXB KHKT, năm 2020.

2. Hàn Viết Thuận, *Giáo trình tin học đại cương*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân, năm 2007.

11. CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM

- Số tín chỉ: 2 (18, 24, 0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn VNH - DL, Khoa KHXH
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần gồm:* Những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; phân vùng văn hoá Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hoá Việt Nam; bản sắc văn hoá Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam.

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên trình bày được những thành tố cơ bản của văn hoá; nhận diện, phân tích, đánh giá những hiện tượng văn hoá Việt Nam từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hoá dân tộc; vận dụng vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng văn hoá trong đời sống hiện nay.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Trình bày được một số khái niệm về văn hoá và những kiến thức cơ bản làm nền cho việc tiếp nhận những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam.

- Trình bày được những vấn đề mấu chốt liên quan đến tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Xây dựng được những kiến thức chung nhất về văn hoá Việt Nam, những tiền đề cơ bản của văn hoá cũng như bản sắc văn hoá.

- Vận dụng được những vấn đề về lý thuyết và phương pháp luận để tiếp cận nghiên cứu văn hoá Việt Nam.

2.3. Mục tiêu về thái độ

+ Thấy được tầm quan trọng và ý nghĩa của môn học.

+ Có thái độ học tập tích cực, chủ động và tư duy sáng tạo, Yêu thích môn học

+ Rèn luyện tinh thần trách nhiệm, tác phong học tập, rèn luyện nghiêm túc, khoa học, làm việc theo nhóm hiệu quả.

+ Sinh viên phải ý thức được tầm quan trọng của việc tự học, tự nghiên cứu ở nhà, làm bài tập lớn, làm việc theo nhóm, vv... ngoài giờ học trên lớp.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: VĂN HOÁ - NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN

1.1. Văn hoá học với tư cách là một chuyên ngành khoa học

1.1.1. Khoa học về văn hoá có nhiều ngành

1.1.2. Văn hoá học ra đời phân ra các ngành: Lịch sử văn hoá, Lý luận văn hoá, Địa lý văn hoá, Cơ sở văn hoá, Văn hoá ứng dụng và phát triển...

1.1.3. Những thuật ngữ thường dùng trong bộ môn văn hoá học

1.2. Văn hoá

1.2.1. Vấn đề thuật ngữ văn hoá

1.2.2. Con người - chủ thể sáng tạo văn hoá

1.2.3. Phân biệt văn hoá với văn minh, văn hiến, văn vật.

1.2.4. Văn hoá với biểu tượng

1.3. Cấu trúc, đặc trưng và chức năng cơ bản của văn hoá

1.3.1. Cấu trúc

1.3.2. Đặc trưng và chức năng của văn hoá

1.4 Định vị văn hoá Việt Nam

1.4.1. Không gian văn hoá Việt Nam

1.4.2. Thời gian văn hoá Việt Nam

1.4.3. Nguồn gốc dân tộc Việt - chủ thể văn hoá Việt Nam

Chương 2: TIỀN TRÌNH VĂN HOÁ VIỆT NAM

2.1. Tiên trình văn hoá Việt Nam

2.1.1. Văn hoá Việt Nam thời tiền sử

2.1.2. Văn hoá Việt Nam thời sơ sử

2.1.3. Thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc

2.1.4. Thời kỳ phong kiến toa chủ (Đại Việt)

2.1.5. Văn hoá Việt Nam thời Pháp thuộc và chống Pháp thuộc

2.1.6. Văn hoá Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám 1945

2.2. Các đặc điểm của văn hóa Việt Nam khi giao lưu tiếp xúc với văn hóa nhân loại thời hiện đại?

Chương 3: CÁC VÙNG VĂN HOÁ VIỆT NAM

3.1. Các vùng văn hóa Việt Nam

3.1.1. Vấn đề phân vùng văn hoá và khái niệm vùng văn hoá

3.1.2. Vấn đề phân vùng văn hoá ở Việt Nam

3.2. Khái niệm vùng văn hoá

3.2.1. Đặc trưng các vùng văn hoá Việt Nam

3.2.2. Vùng văn hoá Đồng bằng Bắc bộ

3.2.3. Vùng văn hoá Việt Bắc

3.3. Vùng văn hoá Tây Bắc và miền núi Bắc bộ

3.4. Vùng văn hoá duyên hải Bắc Trung bộ

3.5. Vùng văn hoá duyên hải Trung và Nam Trung bộ

3.6. Vùng văn hoá Trường Sơn - Tây Nguyên

3.7. Vùng văn hoá Nam bộ

Chương 4: VĂN HOÁ NHẬN THỨC

4.1. Văn hoá Việt Nam với Đông Nam Á

4.2. Triết lý âm dương

4.2.1. Nguyên lý âm dương

4.2.1. Sự thâm thấu của triết lý âm dương trong văn hoá Việt Nam

4.3. Tam tài - ngũ hành

4.4. Lịch âm dương và hệ đếm can chi

Chương 5: VĂN HOÁ TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG

5.1. Tổ chức nông thôn

5.1.1. Các hình thức tổ chức nông thôn

5.1.2. Đặc điểm của làng Việt

5.2. Tổ chức quốc gia

5.2.1. Từ làng đến nước và việc quản lý xã hội

5.2.2. Bộ máy nhà nước phong kiến Việt Nam và luật nước

5.2.3. Các tầng lớp trong xã hội Việt Nam truyền thống

5.3. Tổ chức đô thị

5.3.1. Đô thị Việt Nam trong quan hệ với quốc gia

5.3.2. Đô thị Việt Nam trong quan hệ với nông thôn

5.3.3. Quy luật chung của tổ chức xã hội Việt Nam truyền thống

Chương 6: VĂN HOÁ TÍN NGƯỠNG TÔN GIÁO

6.1. Vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo

6.2. Tín ngưỡng

6.2.1. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên

6.2.2. Tín ngưỡng thờ thần

6.2.3. Tín ngưỡng thờ Mẫu hay nguyên lý mẹ của văn hoá Việt Nam

6.2.4. Tín ngưỡng phồn thực

6.3. Tôn giáo.

6.3.1. Phật giáo và văn hoá Việt Nam

6.3.2. Nho giáo và văn hoá Việt Nam

6.3.3. Đạo giáo và văn hoá Việt Nam

6.3.4. Thiên chúa giáo với văn hoá Việt Nam

6.4. Đặc trưng tín ngưỡng Việt Nam

Chương 7: VĂN HOÁ ÂM THỰC, VĂN HOÁ MẶC, Ở VÀ ĐI LẠI

7.1. Văn hoá ẩm thực

7.1.1. Cơ cấu bữa ăn

7.1.2. Cách chế biến món ăn

7.1.3. Cách ăn

7.1.4. Uống, hút

7.2. Văn hoá mặc

7.2.1. Chất liệu may mặc

7.2.2. Trang phục qua các thời đại và đặc trưng trong cách mặc

7.3. Văn hoá ở và đi lại

7.3.1. Đặc điểm ngôi nhà Việt Nam

7.3.2. Đặc điểm điều kiện tự nhiên và tâm lý đi lại, phương tiện đi lại

Chương 8: VĂN HOÁ GIÁO TIẾP, NGHỆ THUẬT VÀ PHONG TỤC CỔ TRUYỀN

8.1. Văn hoá giao tiếp

8.1.1. Cơ tầng văn hoá nông nghiệp bản địa và sự thâm thấu trong văn hoá giao tiếp

8.1.2. Đặc điểm, cách thức giao tiếp

8.1.3. Nghệ thuật ngôn từ

8.2. Văn hoá nghệ thuật

8.2.1. Nghệ thuật trình diễn

8.2.2. Nghệ thuật sân khấu

8.2.3. Nghệ thuật tạo hình

8.3. Phong tục

8.3.1. Phong tục hôn nhân

8.3.2. Phong tục tang ma.

8.3.3. Phong tục lễ tết, lễ hội.

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Trần Ngọc Thêm (2000), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục

- Tài liệu tham khảo:

1. Trần Quốc Vượng (2006), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục.

2. Đào Duy Anh (2002), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb.Văn học

12. MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI

- Số tín chỉ: 2 (18, 24, 0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Khoa học đất, Khoa NLNN
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Khái niệm, phân loại môi trường; các vấn đề về tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; thực trạng, nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước,... trên thế giới cũng như ở Việt Nam; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; các vấn đề về an toàn lao động trong sản xuất và cuộc sống.

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên biết phát hiện và giải quyết tốt các tình huống sinh thái, môi trường trong cuộc sống; tính toán, phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó đánh giá một cách định tính và định lượng các yếu tố này trong việc sử dụng tài nguyên và BVMT; xây dựng được kế hoạch và thực hiện tốt các kỹ năng về vệ sinh và an toàn lao động.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Trình bày và phân tích được các khái niệm cơ bản về môi trường và con người; Mối quan hệ tác động qua lại giữa dân số - tài nguyên - môi trường; Thực trạng khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên đất nước; Hiểu được các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường; Nắm vững thực trạng môi trường và tài nguyên thiên nhiên Việt Nam; Hiểu và thực hiện Luật và chính sách môi trường của Nhà nước ta.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Tính toán, phân tích được các chỉ tiêu về dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó đánh giá một cách định tính và định lượng các yếu tố này trong việc sử dụng tài nguyên và BVMT địa phương.

- Phân tích, đánh giá và phòng chống ô nhiễm môi trường; thực hiện các nguyên tắc đảm bảo vệ sinh và an toàn lao động trong một số ngành nghề và doanh nghiệp.

- Sử dụng luật và chính sách tài nguyên và môi trường của Việt Nam vào việc bảo vệ tài nguyên và môi trường địa phương.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Môi trường và khoa học môi trường

1.1. Khoa học môi trường và con người.

1.1.1. Đối tượng và nhiệm vụ môn học.

1.1.2. Mối quan hệ giữa khoa học môi trường và con người với các khoa học khác.

1.2. Môi trường

1.2.1. Khái niệm môi trường

1.2.2. Môi trường sống của con người

1.2.3. Thành phần của môi trường tự nhiên

1.2.3.1. Khí quyển

1.2.3.2. Thủy quyển

1.2.3.3. Thạch quyển

1.2.3.4. Sinh quyển

1.3. Vai trò của môi trường đối với con người

- 1.4. Tác động của các yếu tố sinh thái đến con người
- 1.5. Tác động của con người đến môi trường
- 1.5.1. Gây ô nhiễm môi trường
- 1.5.2. Gây suy giảm đa dạng sinh học
- 1.5.3. Gây suy giảm chất lượng sống

Chương 2. Các nguyên lý sinh thái học ứng dụng trong khoa học môi trường

- 2.1. Nhân tố sinh thái.
- 2.2. Ảnh hưởng của nhân tố sinh thái.
 - 2.2.1. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái vô sinh lên đời sống sinh vật.
 - 2.2.2. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái hữu sinh lên đời sống sinh vật.
- 2.3. Sự thích nghi của sinh vật.
 - 2.3.1. Thích nghi sinh lý học.
 - 2.3.2. Thích nghi kiểu hình.
 - 2.3.3. Thích nghi kiểu di truyền.
 - 2.3.4. Chọn lọc tự nhiên và thích nghi sinh thái học.
- 2.4. Quần thể và quần xã sinh vật.
 - 2.4.1. Khái niệm về quần thể và những đặc trưng của quần thể.
 - 2.4.2. Quần xã sinh vật và những đặc trưng của quần xã.
- 2.5. Hệ sinh thái.
 - 2.5.1. Khái niệm của hệ sinh thái.
 - 2.5.2. Đặc trưng của hệ sinh thái.
- 2.6. Hệ sinh thái và con người.
 - 2.6.1. Vị trí của con người trong hệ sinh thái.
 - 2.6.2. Ảnh hưởng của thức ăn lên con người.
 - 2.6.3. Tác động của con người lên hệ sinh thái qua các thời kỳ lịch sử.

Chương 3. Dân số và mối quan hệ dân số, tài nguyên, môi trường

- 3.1. Quá trình dân số
 - 3.1.1. Quá trình sinh
 - 3.1.2. Quá trình tử vong
- 3.2. Gia tăng cơ học
- 3.3. Kết cấu dân số Việt Nam.
 - 3.3.1. Kết cấu sinh học
 - 3.3.2. Kết cấu theo thành phần dân tộc
 - 3.3.3. Kết cấu dân số về mặt xã hội
- 3.4. Phân bố dân cư
 - 3.4.1. Khái niệm
 - 3.4.2. Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phân bố dân cư
 - 3.4.3. Tình hình phân bố dân cư trên thế giới
- 3.5. Nhịp độ tăng dân số
 - 3.5.1. Các thời kì dân số
 - 3.5.2. Tình hình phát triển dân số trên thế giới
- 3.6. Dân số Việt Nam hiện nay
- 3.7. Quan hệ giữa dân số – tài nguyên – môi trường.
 - 3.7.1. Dân số đối với sự phát triển kinh tế xã hội.
 - 3.7.2. Dân số đối với các loại tài nguyên và môi trường.

Chương 4. Các nhu cầu và hoạt động thỏa mãn các nhu cầu con người

- 4.1. Con người Việt Nam
 - 4.1.1. Khí hậu Việt Nam
 - 4.1.2. Đặc điểm sinh lý và sự thích nghi với điều kiện khí hậu nóng ẩm của người

Việt Nam

4.2. Nhu cầu và các hoạt động thỏa mãn nhu cầu của con người

4.2.1. Nhu cầu về lương thực thực phẩm

4.2.2. Nhu cầu về không gian và lãnh thổ

4.2.3. Nhu cầu về văn hóa, tín ngưỡng, xã hội, thể thao và du lịch.

4.2.4. Các nhu cầu khác của con người

4.3. Công nghiệp hóa và đô thị hóa.

4.3.1. Nguồn gốc của công nghiệp hóa và đô thị hóa.

4.3.2. Đô thị hóa ở thế kỷ XX và hiện nay.

4.3.3. Đặc trưng của công nghiệp hóa.

4.3.4. Các siêu đô thị hiện nay và vấn đề môi trường.

4.3.5. Sự phát triển đô thị, khu công nghiệp ở nước ta.

Chương 5. Thực trạng khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên

5.1. Khái niệm và phân loại tài nguyên thiên nhiên,

5.1.1. Khái niệm tài nguyên thiên nhiên.

5.1.2. Phân loại tài nguyên thiên nhiên.

5.2. Tính chất của tài nguyên thiên nhiên hữu hạn

5.2.1. Tính khan hiếm của tài nguyên khoáng sản

5.2.2. Khả năng tái tạo của tài nguyên tái tạo

5.3. Tài nguyên rừng.

5.3.1. Vai trò của rừng.

5.3.2. Phân loại rừng.

5.3.3. Hiện trạng tài nguyên rừng trên thế giới và ở Việt Nam.

5.4. Tài nguyên nước.

5.4.1. Vai trò, đặc điểm tài nguyên nước.

5.4.2. Hiện trạng tài nguyên nước trên thế giới.

5.4.3. Tài nguyên nước ở Việt Nam.

5.4. Tài nguyên đất.

5.4.1. Một số khái niệm về tài nguyên đất.

5.4.2. Hiện trạng về tài nguyên đất.

5.5. Tài nguyên biển và ven biển.

5.5.1. Tài nguyên biển và ven biển trên thế giới.

5.5.2. Tài nguyên thủy hải sản biển và ven biển ở nước ta.

5.6. Tài nguyên đất

5.6.1. Tài nguyên đất trên thế giới

5.6.2. Tài nguyên đất tại Việt Nam

5.7. Tài nguyên khoáng sản.

5.7.1. Tầm quan trọng của tài nguyên khoáng sản

5.7.2. Hiện trạng khai thác khoáng sản trên thế giới.

5.7.3. Tài nguyên khoáng sản Việt Nam.

5.8. Tài nguyên năng lượng.

5.8.1. Khái niệm chung.

5.8.2. Các nguồn năng lượng đang được sử dụng trên thế giới.

5.8.3. Tài nguyên và hiện trạng phát triển ngành năng lượng ở Việt Nam.

Chương 6. Ô nhiễm môi trường

6.1. Ô nhiễm môi trường

6.1.1. Khái niệm

6.1.2. Sự cố môi trường

6.1.3. Khả năng chịu đựng của môi trường

- 6.1.4. Nguồn gây ô nhiễm môi trường
- 6.2. Ô nhiễm môi trường nước.
 - 6.2.1. Khái niệm ô nhiễm môi trường nước.
 - 6.2.2. Những nhân tố gây ô nhiễm nước.
 - 6.2.3. Phân loại các hình thức ô nhiễm nước.
 - 6.2.4. Hiện trạng ô nhiễm môi trường nước.
- 6.3. Ô nhiễm môi trường không khí.
 - 6.3.1. Nguyên nhân gây ra ô nhiễm.
 - 6.3.2. Nguồn gốc ô nhiễm tự nhiên.
 - 6.3.3. Nguồn gốc ô nhiễm nhân tạo.
 - 6.3.4. Các tác nhân gây ra ô nhiễm.
 - 6.3.5. Hậu quả của ô nhiễm môi trường không khí.
- 6.4. Ô nhiễm đất.
 - 4.1. Khái niệm ô nhiễm đất.
 - 4.2. Nguồn gây ô nhiễm môi trường đất.
 - 4.3. Các chất gây ô nhiễm chính
- 6.5. Những hình thức ô nhiễm môi trường khác.
 - 6.5.1. Ô nhiễm tiếng ồn.
 - 6.5.2. Ô nhiễm nhiệt, ô nhiễm phóng xạ và ô nhiễm sóng vô tuyến.

Chương 7. Bảo vệ môi trường

- 7.1. Những vấn đề toàn cầu.
 - 7.1.1. Vấn đề dân số.
 - 7.1.2. Sự nóng lên của Trái đất và lỗ thủng tầng ozon.
 - 7.1.3. Vấn đề lương thực và phát triển nông nghiệp.
 - 7.1.4. Vấn đề năng lượng.
 - 7.1.5. Vấn đề phát triển công nghiệp.
 - 7.1.6. Sức khỏe và định cư.
 - 7.1.7. Các đại dương và biển.
 - 7.1.8. Bảo vệ sự đa dạng sinh học.
 - 7.1.9. Những vấn đề khác.
- 7.2. Hiện trạng tài nguyên, môi trường Việt Nam.
 - 7.2.1. Thực trạng môi trường Việt Nam trong những năm gần đây.
 - 7.2.2. Những thách thức đối với môi trường trong thời gian tới.
 - 7.2.3. Các nhiệm vụ và giải pháp cơ bản.
- 7.3. Chiến lược phát triển bền vững.
 - 7.3.1. Chương trình hành động về bảo vệ môi trường.
 - 7.3.2. Sự phát triển bền vững.
 - 7.3.3. Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ.
- 7.4. Luật và chính sách môi trường Việt Nam.
 - 7.4.1. Chính sách về tài nguyên môi trường.
 - 7.4.2. Cơ sở thực hiện và nguyên tắc xây dựng Luật bảo vệ môi trường Việt Nam.
 - 7.4.3. Nội dung cơ bản của Luật bảo vệ môi trường Việt Nam.

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài

liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

- Tài liệu bắt buộc:

1. Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011). *Giáo trình Con người và môi trường*, Nxb GDVN

- Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011), *Giáo trình Môi trường và con người*, NXB GD.

2 Luật an toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH 13

13. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH

- Số tín chỉ: 2 (18, 24, 0)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NN-VH-PPGD, Khoa NN

- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng nghe nói 4, kỹ năng đọc viết 4

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Kiến thức cơ bản về khái niệm về nghiên cứu trong hoạt động dạy học, các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành trên thế giới, đặc biệt trong ngôn ngữ học ứng dụng như: phương pháp điều tra, phương pháp thống kê, phương pháp thực nghiệm và các kỹ thuật thu thập và xử lý số liệu của một nghiên cứu như: phỏng vấn, quan sát, thống kê, khảo sát, đối chiếu, miêu tả v.v.

Năng lực đạt được: Sinh viên nắm được khái niệm về nghiên cứu, các loại hình nghiên cứu và các giai đoạn và các bước trong nghiên cứu, biết cách xác định đề tài nghiên cứu, xác định phạm vi đề tài, đặt tên đề tài nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu, đọc và thu thập tài liệu phục vụ đề tài nghiên cứu, viết đề cương nghiên cứu khoa học giáo dục trong lĩnh vực dạy học ngoại ngữ, biết sử dụng các công cụ hỗ trợ để tiến hành nghiên cứu, được rèn luyện kỹ năng nghiên cứu, hiểu được các giai đoạn của từng loại hình nghiên cứu khác nhau, biết phân tích, đánh giá một công trình nghiên cứu cụ thể.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên khái niệm cơ bản về nghiên cứu, các thành phần của một nghiên cứu và các loại hình nghiên cứu cơ bản. Hiểu biết về thủ thuật và công cụ thu thập dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu; sử dụng phiếu điều tra, phỏng vấn, quan sát, ghi âm, ghi hình.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Học phần nhằm thiết lập cho sinh viên khả năng nhận biết xác định đối tượng nghiên cứu, nội dung, câu hỏi nghiên cứu và mục tiêu nghiên cứu. Người học được hướng dẫn thiết kế Phiếu điều tra, Kế hoạch phỏng vấn, Kế hoạch quan sát để thu thập dữ liệu nghiên cứu. Biết cách tra cứu tài liệu tham khảo phục vụ cho nghiên cứu, viết báo cáo kết quả nghiên cứu và trình bày kết quả nghiên cứu..

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chapter 1: Generating & Conducting Research

1.1. What is Classroom Research All About?

1.2. Basic Steps in Planning and Conduct of Research

1.3. Other Considerations

Chapter 2: The Questionnaire

2.1. What are Questionnaires and What do they measure?

2.2. Why Use Questionnaires and Why not?

2.3. Constructing the Questionnaire

2.4. How to write good Items?

2.5. Piloting the Questionnaire

2.6. Administering the Questionnaire

2.7. Strategies to Increase the Quality and Quantity of Participants' Response

2.8. Processing Questionnaire Data.

Chapter 3: The Interview

3.1. Interview Data

3.2. Types of Interviews

- 3.3. Planning and Conducting Interviews
- 3.4. How to Use the Interview Data in Your Paper

Chapter 4: Observation in Classroom Research

- 4.1. Design Your Own Classroom Research
- 4.2. Conducting Classroom Observation

Chapter 5: Writing Up A Research Paper

- 5.1. The Structure of a Research Paper
- 5.2. Writing the Abstract
- 5.3. Writing the Introduction
- 5.4. Writing the Literature Review
- 5.5. Writing the Methodology Chapter
- 5.6. Writing the Results and Discussion Chapter
- 5.7. Writing the Conclusion
- 5.8. Referencing the Research Paper: The APA
- 5.9. Appendices
- 5.10. A Research Paper: Checklists
- 5.11. How to Write a Research Proposal

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Eli Hinkel. (2011). Handbook of research in second language Teaching and learning. Routledge.

- Tài liệu tham khảo:

1. David Nunan. (1992). *Research methods in language learning*. Cambridge University Press.

2. Vũ Cao Đàm. (2018). Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học. NXB Giáo dục Việt Nam.

14. TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG

- Số tín chỉ: 2 (18, 20, 4)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tâm lý
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Nội dung học phần gồm đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, chức năng, bản chất hiện tượng tâm lý người và sự đa dạng của các hiện tượng tâm lý trong đời sống con người; Những vấn đề về cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của tâm lý, sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức về phương diện cá thể; Các quá trình nhận thức như cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng và trí nhớ, ngôn ngữ của con người; Một số vấn đề cơ bản về bản chất, các thuộc tính tâm lý của nhân cách và con đường hình thành nhân cách; Những sai lệch hành vi về mặt tâm lý trong sự phát triển nhân cách và biện pháp khắc phục chúng.

Năng lực đạt được: Người học vận dụng được những kiến thức liên quan đến tâm lý người để hình thành nhân cách chuẩn mực, và giải quyết các vấn đề trong cuộc sống cá nhân, công việc và các mối quan hệ xã hội.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Về kiến thức:

- Xác định được đối tượng, nhiệm vụ, bản chất, phân loại các hiện tượng tâm lý và nguyên tắc, phương pháp nghiên cứu tâm lý.
- Trình bày được cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của tâm lý; sự nảy sinh, hình thành và phát triển tâm lý, ý thức về phương diện cá thể.
- Phân tích được khái niệm, các qui luật của các quá trình nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính. Mô tả được các quá trình cơ bản của trí nhớ và hoạt động ngôn ngữ của con người.
- Phân tích được bản chất nhân cách, các thuộc tâm lý của nhân cách như xu hướng, tính cách, khí chất, năng lực và chỉ ra được các con đường hình thành, phát triển nhân cách. Các sai lệch hành vi về mặt tâm lý và cách khắc phục.

2.2. Về kỹ năng:

- Phân tích, khái quát, đánh giá các vấn đề nghiên cứu.
- Vận dụng kiến thức tâm lý học vào việc giải thích các hiện tượng tâm lý ở người trong hoạt động thực tiễn và trong quan hệ ứng xử.
- Vận dụng kiến thức để giải các bài tập, giải quyết các nhiệm vụ học tập.
- Vận dụng kiến thức tâm lý học vào việc hình thành, phát triển tâm lý, ý thức nhân cách của bản thân và khả năng tự học, tự nghiên cứu.
- Vận dụng kiến thức tâm lý học vào công tác nghề nghiệp sau này.

2.3. Về thái độ:

- Thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu các hiện tượng tâm lý trong đời sống, đặc biệt là trong quan hệ ứng xử.
- Có quan điểm duy vật biện chứng khi xem xét các hiện tượng tâm lý người.
- Có thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn tâm lý học, ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức tâm lý vào trong cuộc sống và trong nghề nghiệp sau này.

3. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1: TÂM LÝ HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC.

1. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học.

1.1. Tâm lý là gì ?

1.2. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học.

1.2.1. Đối tượng của TLH.

1.2.2. Nhiệm vụ của TLH.

2. Bản chất, chức năng, phân loại hiện tượng tâm lý
 - 2.1. Bản chất hiện tượng tâm lý người theo quan điểm TLH DVBC
 - 2.2. Chức năng của tâm lý.
 - 2.3. Phân loại các hiện tượng tâm lý.
3. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý.
 - 3.1. Các nguyên tắc phương pháp luận của việc nghiên cứu tâm lý.
 - 3.1.1. Nguyên tắc quyết định luận DVBC.
 - 3.1.2. Nguyên tắc thống nhất tâm lý, ý thức, nhân cách và hoạt động.
 - 3.1.3. Nghiên cứu các hiện tượng tâm lý trong mối liên hệ giữa chúng với nhau và trong mối liên hệ giữa chúng với các loại hiện tượng khác.
 - 3.1.4. Nghiên cứu tâm lý của một con người, một nhóm người cụ thể.
 - 3.2. Các phương pháp nghiên cứu tâm lý.
 - 3.2.1. Phương pháp quan sát.
 - 3.2.2. Phương pháp thực nghiệm.
 - 3.2.3. Phương pháp test (trắc nghiệm).
 - 3.2.4. Phương pháp đàm thoại (phỏng vấn)
 - 3.2.5. Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi.
 - 3.2.6. Phương pháp phân tích sản phẩm của hoạt động.

CHƯƠNG 2: SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ, Ý THỨC

1. Cơ sở tự nhiên của tâm lý người.
 - 1.1. Di truyền và tâm lý.
 - 1.2. Não và tâm lý.
2. Cơ sở xã hội của tâm lý người.
 - 2.1. Nền văn hoá xã hội và tâm lý.
 - 2.2. Hoạt động và tâm lý.
 - 2.2.1. Khái niệm và đặc điểm của hoạt động.
 - 2.2.2. Cấu trúc của hoạt động.
 - 2.2.3. Vai trò của hoạt động đối với hình thành, PT tâm lý.
 - 2.3. Giao tiếp và tâm lý.
 - 2.3.1. Khái niệm giao tiếp.
 - 2.3.2. Các loại giao tiếp.
 - 2.3.3. Vai trò của giao tiếp với sự nảy sinh, hình thành tâm lý.
3. Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức về phương diện cá thể.
 - 3.1. Sự hình thành và phát triển tâm lý về phương diện cá thể.
 - 3.1.1. Quan điểm TLHDVBC về sự phát triển tâm lý.
 - 3.1.2. Các giai đoạn phát triển tâm lý.
 - 3.2. Sự hình thành, phát triển ý thức.
 - 3.2.1. Khái niệm, cấu trúc của ý thức.
 - 3.2.1.1. ý thức là gì?
 - 3.2.1.2. Cấu trúc của ý thức.
 - 3.2.2. Sự hình thành, phát triển ý thức cá nhân.
 - 3.2.3. Các cấp độ của ý thức.
 - 3.2.3.1. Cấp độ chưa ý thức.
 - 3.2.3.2. Cấp độ ý thức.
 - 3.3. ý thức và chú ý.
 - 3.3.1. khái niệm chú ý.
 - 3.3.2. Các thuộc tính của chú ý.
 - 3.3.3. Các loại chú ý.

CHƯƠNG 3: NHẬN THỨC.

1. Nhận thức cảm tính.
 - 1.1. Khái niệm cảm giác, tri giác.
 - 1.1.1. Định nghĩa cảm giác, tri giác.
 - 1.1.2. Đặc điểm cảm giác, tri giác.
 - 1.1.3. Đặc điểm nhận thức cảm tính.
 - 1.2. Các quy luật của cảm giác, tri giác.
2. Nhận thức lý tính.
 - 2.1. Tư duy.
 - 2.1.1. Khái niệm tư duy.
 - 2.1.1.1. Định nghĩa tư duy.
 - 2.1.1.2. Đặc điểm của tư duy.
 - 2.1.2. Các giai đoạn của quá trình tư duy.
 - 2.1.3. Các thao tác của tư duy.
 - 2.2. Tưởng tượng.
 - 2.2.1. Khái niệm tưởng tượng.
 - 2.2.1.1. Định nghĩa tưởng tượng.
 - 2.2.1.2. Đặc điểm của tưởng tượng.
 - 2.2.2. Cách sáng tạo hình ảnh mới trong tưởng tượng.
3. Trí nhớ.
 - 3.1. Khái niệm trí nhớ.
 - 3.1.1. Định nghĩa.
 - 3.1.2. Đặc điểm trí nhớ.
 - 3.2. Các quá trình cơ bản của trí nhớ
 - 3.2.1. Quá trình ghi nhớ.
 - 3.2.2. Quá trình giữ gìn.
 - 3.2.3. Quá trình nhận lại và nhớ lại.
 - 3.2.4. Sự quên và cách chống quên.
 - 3.3. Các biện pháp để rèn luyện trí nhớ.
4. Ngôn ngữ và nhận thức.
 - 4.1. Khái niệm ngôn ngữ.
 - 4.2. Chức năng của ngôn ngữ.
 - 4.3. Các dạng hoạt động ngôn ngữ.
 - 4.4. Vai trò của ngôn ngữ đối với hoạt động nhận thức.

CHƯƠNG 4: NHÂN CÁCH VÀ SỰ HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH

1. Khái niệm nhân cách.
 - 1.1. Định nghĩa.
 - 1.2. Đặc điểm của nhân cách.
2. Các thuộc tính tâm lý của nhân cách.
 - 2.1. Xu hướng.
 - 2.1.1. Khái niệm xu hướng.
 - 2.2.2. Các mặt biểu hiện của xu hướng.
 - 2.2. Năng lực.
 - 2.2.1. Năng lực là gì?
 - 2.2.2. Các mức độ năng lực.
 - 2.2.3. Phân loại năng lực.
 - 2.2.4. Mối quan hệ giữa năng lực và tư chất, thiên hướng và tri thức, kỹ năng, kỹ xảo.
 - 2.2.5. Sự hình thành, phát triển năng lực.
- 2.3. Tính cách.

- 2.3.1. Tính cách là gì?
- 2.3.2. Cấu trúc của tính cách.
- 2.3.3. Sự hình thành phát triển tính cách.
- 2.4. Khí chất.
- 2.4.1. Khí chất là gì?
- 2.4.2. Các kiểu khí chất.
- 2.4.3. Vấn đề giáo dục khí chất .
- 2.5. Tình cảm, ý chí.
- 2.5.1. Tình cảm.
- 2.5.1.1. Khái niệm tình cảm .
- 2.5.1.2. Đặc điểm tình cảm.
- 2.5.1.3. Mối quan hệ giữa xúc cảm- tình cảm.
- 2.5.1.4. Vai trò của tình cảm.
- 2.5.1.5. Các qui luật của đời sống tình cảm.

- 2.5.2. Ý chí.
- 2.5.2.1. Ý chí là gì? Các phẩm chất của ý chí.
- 2.5.2.2. Hành động ý chí.
- 2.5.2.3. Hành động tự động hóa.

3. Sự hình thành và phát triển nhân cách.

- 3.1. Hoạt động và nhân cách.
- 3.2. Giao tiếp và nhân cách.
- 3.3. Giáo dục và nhân cách.
- 3.4. Sự tự hoàn thiện nhân cách.

4. Những sai lệch hành vi trong sự phát triển nhân cách.

- 4.1. Hành vi và các chuẩn mực hành vi.
- 4.2. Phân loại các sai lệch hành vi và cách khắc phục.

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài dự án, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính, loa để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Quang Ân, Giáo trình tâm lý học đại cương, NXB ĐHSP, năm 2018.

- Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Xuân Thức, Giáo trình tâm lý học đại cương, NXB ĐHSP, năm 2017.

2. Phan Trọng Ngọ, Câu hỏi và tình huống học tập môn Tâm lý học, NXB GD, năm 2016.

3. Trần Trọng Thủy, Bài tập thực hành tâm lý học, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, năm 2002.

15a. XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG

- Số tín chỉ: 2 (0, 40, 0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Xã hội học, Khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần bao gồm những vấn đề chung về tri thức cơ bản và có hệ thống về Xã hội học, bao gồm: đối tượng, chức năng của Xã hội học, lịch sử hình thành và phát triển của Xã hội học trên thế giới và ở Việt Nam, cấu trúc của các môn Xã hội học: lý thuyết và thực hành, hệ thống các khái niệm và các nguyên lý cơ bản của Xã hội học; giới thiệu một số chuyên ngành Xã hội học; một số phương pháp nghiên cứu cơ bản của Xã hội học; quan hệ của Xã hội học với công tác xã hội.

Năng lực đạt được: Người học có thể vận dụng các phạm trù và khái niệm để nhận diện, phân tích đánh giá các vấn đề xã hội. Ngoài ra, người học có thể rèn luyện được các kỹ năng cụ thể như thuyết trình, nhận diện vấn đề, v.v.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Sinh viên ghi nhớ và phân tích được những tri thức cơ bản nhất về xã hội học gồm: đối tượng nghiên cứu, chức năng, nhiệm vụ của Xã hội học; sự ra đời của Xã hội học, một số nội dung và khái niệm cơ bản của Xã hội học, phương pháp nghiên cứu của Xã hội học, các lĩnh vực nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu Xã hội học

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Kỹ năng vận dụng các phạm trù và khái niệm để nhận diện, phân tích, đánh giá các vấn đề xã hội

- Rèn luyện các kỹ năng cụ thể: thuyết trình, nhận diện vấn đề, phân tích vấn đề, phân tích tài liệu, quan sát, phỏng vấn, viết báo cáo khoa học.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Hình thành quan điểm khách quan, khoa học, biết vận dụng kiến thức vào thực tế đời sống một cách hiệu quả

3. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Xã hội học là một khoa học

1.1. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học

1.1.1. Xã hội là gì?

1.1.2. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học

1.2. Chức năng, nhiệm vụ của xã hội học

1.2.1. Chức năng của xã hội học

1.2.2. Nhiệm vụ của xã hội học

1.3. Cơ cấu của xã hội học

1.3.1. Xã hội học đại cương

1.3.2. Xã hội học chuyên ngành

1.3.3. Xã hội học thực nghiệm

1.4. Phương pháp nghiên cứu của xã hội học.

1.5. Một số lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học

1.6. Mối quan hệ giữa xã hội học với các môn khoa học khác

Chương 2: Sự hình thành và phát triển của xã hội học

2.1. Tính tất yếu khách quan của sự ra đời xã hội học

2.2. Những điều kiện tiên đề thực tiễn ra đời của xã hội học

2.2.1. Biến đổi kinh tế - xã hội và nhu cầu thực tiễn

2.2.2. Biến đổi chính trị xã hội và tư tưởng

2.2.3. Biến đổi về lý luận và phương pháp nghiên cứu

2.3.. Các tư tưởng Xã hội học

2.3.1. A. Comte (1798 – 1857)

2.3.2. K.Marx (1818 -1883)

2.3.3. H. Spencer(1820 – 1903)

2.3.4.E. Durkheim (1858 – 1917)

2.3.5. M. Weber (1864 – 1920)

Chương 3: Hành động xã hội, tương tác xã hội, tổ chức xã hội và cơ cấu xã hội.

3.1. Hành động xã hội

3.1.2. Hành vi

3.1.2. Hành động xã hội

3.2. Tương tác xã hội

3.2.1. Khái niệm tương tác xã hội

3.2.2. Tương tác xã hội với lý thuyết tương tác biểu tượng

3.2.3. Tương tác xã hội với lý thuyết trao đổi

3.2.4. Các loại hình tương tác xã hội

3.3. Tổ chức xã hội

3.3.1. Nhóm xã hội

3.3.2. Tổ chức xã hội

3.4. Thiết chế xã hội

3.5. Cơ cấu xã hội

3.4.1. Khái niệm cơ cấu xã hội

3.4.2. Các thành tố chủ yếu của cơ cấu xã hội

3.4.3. Một số lý thuyết về cơ cấu xã hội

3.4.4. Các cơ cấu xã hội cơ bản

3.4.5. Bất bình đẳng xã hội

3.4.6. Phân tầng xã hội

3.4.7. Giai cấp xã hội

3.4.8. Di động xã hội

Chương 4: Văn hóa, xã hội hóa và biến đổi xã hội

4.1. Văn hóa

4.1.1. Khái niệm văn hóa

4.1.2. Đặc điểm, chức năng của văn hóa

4.1.3. Các thành tố của văn hóa

4.1.4. Các loại hình văn hóa

4.1.5. Một số khái niệm liên qua

4.2. Xã hội hóa

4.2.1. Khái niệm xã hội hóa

4.2.2. Đặc điểm của quá trình xã hội hóa

4.2.3. Môi trường xã hội hóa

4.2.4. Các giai đoạn của quá trình xã hội hóa

4.2.5. Sự hình thành cái tôi

4.3. Biến đổi xã hội

4.3.1. Khái niệm biến đổi xã hội

4.3.2. Đặc điểm của biến đổi xã hội

4.3.3. Các nhân tố biến đổi xã hội

4.3.4. Biến đổi xã hội và các khái niệm liên quan

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự

thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Học liệu:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng, *Xã hội học*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, năm 2008.

- Tài liệu tham khảo:

1. Lê Ngọc Hùng, *Lịch sử và lý thuyết xã hội học*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, năm 2001.
2. Nguyễn Sinh Huy, *Xã hội học đại cương*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, năm 2008.

15b. CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI ĐƯƠNG ĐẠI

- Số tín chỉ: 2 (0, 40, 0)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Xã hội học, Khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần các vấn đề đương đại bao gồm những khái niệm cơ bản về vấn đề xã hội, sử dụng các lý thuyết giải thích nguyên nhân và điều kiện nảy sinh các vấn đề xã hội, tệ nạn xã hội, PPNC các vấn đề xã hội. Học phần cũng trình bày một số vấn đề xã hội chính trong xã hội Việt Nam hiện nay như: nghèo đói, ô nhiễm môi trường, mại dâm, ma túy, HIV/AIDS, tội phạm, bạo lực gia đình, xâm hại tình dục trẻ em,.... Trong mỗi vấn đề được trình bày sẽ đi vào tìm hiểu: phạm vi, mức độ, tác động xã hội, những hoạt động và chương trình can thiệp phù hợp.

Năng lực đạt được: Người học hiểu và vận dụng những kỹ năng cần thiết trong việc nhận diện vấn đề xã hội, kỹ năng tư duy, phân tích, đánh giá các vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của cá nhân, nhóm và cộng đồng xã hội, liên hệ thực tế các vai trò của nhân viên xã hội trong quá trình giải quyết các vấn đề

2. Mục tiêu môn học.

2.1. Mục tiêu chung:

Người học ghi nhớ, mô tả, phân tích được một số vấn đề xã hội, tệ nạn xã hội hiện nay, vận dụng các lý thuyết vào phân tích, nhìn nhận các vấn đề xã hội đưa ra các giải pháp nhằm hạn chế, giải quyết vấn đề.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Người học ghi nhớ, mô tả và phân tích được khái niệm, thực trạng, lý giải được nguyên nhân của các tệ nạn xã hội, vấn đề xã hội. Đề xuất các giải pháp giải quyết vấn đề. Đánh giá và phân tích được các vai trò cụ thể của nhân viên xã hội đối với từng vấn đề xã hội cụ thể.

2.2.2. Mục tiêu về Kỹ năng:

Người học rèn luyện được những kỹ năng cần thiết trong việc nhận diện vấn đề xã hội, kỹ năng tư duy, phân tích, đánh giá các vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của cá nhân, nhóm và cộng đồng xã hội, liên hệ thực tế các vai trò của nhân viên xã hội trong quá trình giải quyết các vấn đề.

2.2.3. Mục tiêu về Thái độ:

Người học nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học, từ đó không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng, nâng cao ý thức, trách nhiệm của bản thân trong việc góp phần hạn chế và khắc phục một số vấn đề xã hội hiện nay.

3. Nội dung học phần

PHẦN 1: TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Khái niệm vấn đề xã hội
2. Nguồn gốc sự nảy sinh các vấn đề xã hội
3. Phân loại các vấn đề xã hội và tệ nạn xã hội
4. Nhìn nhận cách giải quyết vấn đề xã hội từ một số góc độ
5. Mô hình giải quyết vấn đề xã hội
6. Quan điểm của Đảng và Nhà nước trong việc giải quyết vấn đề xã hội

PHẦN 2: LÝ THUYẾT ÁP DỤNG PHÂN TÍCH VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Lý thuyết hành vi.
2. Lý thuyết nhận thức – hành vi.
3. Lý thuyết hệ thống.

PHẦN 3: MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI HIỆN NAY

1. Vấn đề nghèo đói

- 1.1. Khái niệm
- 1.2. Thực trạng về nghèo đói ở nước ta hiện nay
- 1.3. Nguyên nhân dẫn đến thực trạng nghèo đói
- 1.4. Ảnh hưởng của nghèo đói
- 1.5. Những chương trình, chính sách
- 1.6. Dịch vụ của CTXH với người nghèo

2. Vấn đề ô nhiễm môi trường

- 2.1. Khái niệm về ô nhiễm môi trường
- 2.2. Thực trạng ô nhiễm môi trường ở Việt Nam
- 2.3. Nguyên nhân gây ra ô nhiễm môi trường
- 2.4. Ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường
- 2.5. Những chương trình, chính sách
- 2.6. Dịch vụ của CTXH trong hoạt động giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường

3. Vấn đề HIV/AIDS

- 3.1. Khái niệm về HIV/AIDS
- 3.2. Thực trạng nhiễm HIV/AIDS
- 3.3. Nguyên nhân lây nhiễm HIV/AIDS
- 3.4. Ảnh hưởng của HIV/AIDS
- 3.5. Những chương trình, chính sách hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS
- 3.6. Dịch vụ của CTXH với người nhiễm HIV/AIDS

4. Vấn đề về trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

- 4.1. Khái niệm
- 4.2. Phân nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt
- 4.3. Nguyên nhân
- 4.4. Những chương trình, chính sách
- 4.5. Dịch vụ của CTXH với trẻ em

5. Tệ nạn ma túy

- 5.1. Khái niệm
- 5.2. Thực trạng về tệ nạn ma túy ở nước ta hiện nay
- 5.3. Cơ chế gây nghiện ma túy
- 5.4. Ảnh hưởng của ma túy
- 5.5. Những chương trình, chính sách
- 5.6. Dịch vụ của CTXH với người nghiện ma túy

6. Tệ nạn mại dâm

- 6.1. Khái niệm
- 6.2. Thực trạng về tệ nạn mại dâm ở nước ta hiện nay
- 6.3. Nguyên nhân
- 6.4. Ảnh hưởng của mại dâm
- 6.5. Những chương trình, chính sách
- 6.6. Dịch vụ của CTXH với người hành nghề mại dâm

7. Một số vấn đề xã hội khác

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những

câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu :

- Tài liệu bắt buộc:

1. Phạm Di, *Vấn đề xã hội Lý thuyết và vận dụng*, NXB CTQGST, năm 2018.

- Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Tuấn Anh, *Giáo trình chính sách xã hội*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, năm 2021.

GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1

- Số tín chỉ: 2 (0, 40, 0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn LL & PPGD - GDTC, khoa GDTC, trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần : Kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu, hoạt động ngoại khóa môn bài tập thể dục tay không 9 động tác; chạy cự ly ngắn và nhảy xa ưỡn thân.

Năng lực đạt được: Sinh viên hiểu rõ kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, lịch sử phát triển, lợi ích, tác dụng, các điều luật cơ bản các môn: Điền kinh và thể dục. Trong đó thực hiện đúng kỹ thuật nhảy xa ưỡn thân và bài thể dục tay không 9 động tác.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Sinh viên trình bày được những kiến thức lý thuyết cơ bản về môn học lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường đại học cũng như cơ sở khoa học của công tác giáo dục thể chất.
- Sinh viên trình bày được về nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu.
- Sinh viên trình bày và phân tích các nguyên lý, kỹ thuật của bài thể dục tay không phát triển chung 9 động tác, kỹ thuật chạy cự ly ngắn và kỹ thuật nhảy xa ưỡn thân.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Có kỹ năng hoàn thành chính xác và đẹp bài thể dục phát triển chung 9 động tác.
- Có kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật chạy ngắn, kỹ thuật nhảy xa.
- Vận dụng được những kiến thức đã học của kỹ thuật chạy ngắn và kỹ thuật nhảy xa vào trong quá trình tập luyện cũng như có khả năng Có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài của các môn: Chạy cự ly ngắn, môn nhảy xa, bóng chuyền, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng rổ, Vovinam - Việt võ đạo ở các giải phong trào.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Lý thuyết cơ bản về các môn thể thao

1. Giáo dục thể chất trong các trường đại học.

Chương 2: Bài tập thể dục tay không phát triển chung 9 động tác

1. Bài tập thể dục tay không phát triển chung 9 động tác (Tay, Lườn, Vặn mình; Bụng, Lưng, Chân, Toàn thân, Thăng bằng và bật nhảy)
2. Ôn tập và kiểm tra

Chương 3: Chạy cự ly ngắn

1. Giới thiệu môn học, lịch sử, luật thi đấu môn chạy ngắn.
2. Học các động tác bổ trợ.
3. Học kỹ thuật giai đoạn chạy giữa quãng.
4. Ôn kỹ thuật giai đoạn chạy giữa quãng.
5. Học kỹ thuật giai đoạn xuất phát và chạy lao sau xuất phát.
6. Học kỹ thuật giai đoạn về đích.
7. Hoàn thiện kỹ thuật.
8. Ôn tập và kiểm tra

Chương 4: Nhảy xa kiểu uốn thân

1. Giới thiệu môn học, lịch sử, luật thi đấu môn nhảy xa.
2. Học kỹ thuật giai đoạn giậm nhảy.
3. Ôn kỹ thuật giai đoạn giậm nhảy.
4. Học kỹ thuật chạy đà kết hợp giậm nhảy.
5. Ôn kỹ thuật chạy đà kết hợp giậm nhảy.
6. Học kỹ thuật giai đoạn trên không và tiếp cát.
7. Hoàn thiện kỹ thuật.
8. Ôn tập và kiểm tra nhảy xa.

4. Yêu cầu của môn học: Thực hiện theo quy chế 43 của Bộ Giáo dục & Đào tạo, hướng dẫn riêng của nhà trường (đảm bảo 80% tổng số giờ lên lớp)

5. Phương pháp giảng dạy:

- Giờ lý thuyết được bố trí học tại phòng học chức năng, nếu phòng học có máy chiếu, cần có thêm micro, loa.

- Giờ học thực hành được thực hiện ở sân tập đa năng.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

Kiểm tra - đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%

Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2000), *Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học*. Nxb TĐTT, Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Xuân Sinh (2009), *Thể dục*, Nxb TĐTT, Hà Nội.
2. Đặng Ngọc Quang (2003), *Giáo trình Đá cầu*, NXB ĐHSP.
3. Tổng cục TĐTT (2016), *Luật thi đấu Đá cầu*, NXB TĐTT.

GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2 (Học phần tự chọn)

a. BÓNG CHUYỀN

- Số tín chỉ: 2 (0, 0, 60)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Điền kinh- Thể dục, Khoa GDTC- Khu liên hợp thể thao- CS chính- Trường Đại học Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: GDTC1

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần bóng chuyền gồm các kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay trước mặt và cao tay trước mặt)

Năng lực đạt được: Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay trước mặt và cao tay trước mặt); tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài môn bóng chuyền ở các giải phong trào.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Sinh viên hiểu biết các kiến thức cơ bản về nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng chuyền: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay, cao tay trước mặt

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Có kỹ năng thực hành tốt và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật môn học: Tư thế chuẩn bị và di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt (đệm bóng) và phát bóng thấp tay và cao tay trước mặt.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Tư thế chuẩn bị, di chuyển

1.1. Tư thế chuẩn bị

- 1.1.1. Tư thế chuẩn bị thấp
- 1.1.2. Tư thế chuẩn trung bình
- 1.1.3. Tư thế chuẩn cao

1.2. Di chuyển

- 1.2.1. Đi (bước): Bước thường, bước lướt, bước nhảy, bước chéo, bước xoay
- 1.2.2. Nhảy
- 1.2.3. Lăn và ngã

Chương 2 : Kỹ thuật chuyền bóng

Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (đệm bóng)

Chương 3: Kỹ thuật phát bóng

- 3.1. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ)
- 3.2. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam)

4. Yêu cầu của môn học: Thực hiện theo quy chế 43 của Bộ Giáo dục & Đào tạo, hướng dẫn riêng của nhà trường (đảm bảo 80% tổng số giờ lên lớp)

5. Phương pháp giảng dạy:

- Giờ lý thuyết được bố trí học tại phòng học chức năng, nếu phòng học có máy chiếu, cần có thêm micro, loa.
- Giờ học thực hành được thực hiện ở sân tập đa năng.

6. Kế hoạch tự vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những

câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

Kiểm tra - đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%

Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- **Giáo trình bắt buộc:**

1. Nguyễn Viết Minh (2007), *Giáo trình Bóng chuyền*, NXB ĐHSP.

- **Tài liệu tham khảo:**

1. Tổng cục TDTT (2007), *Luật bóng chuyền – luật Bóng chuyền bãi biển*, NXB, TDTT.

2. Đinh Văn Lãm (Chủ biên) (2006), *Giáo trình Bóng chuyền*, NXB TDTT, Hà Nội.

b. THỂ DỤC AEROBIC

- Số tín chỉ: 2 (0, 0, 60)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Điền kinh - Thể dục, Khoa GDTC, Trường Đại học Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản của chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình trong kết cấu một bài Aerobic Dansports, bài liên kết Aerobic Dansports không có nhạc.

Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản của chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình trong kết cấu một bài Aerobic Dansports, bài liên kết Aerobic Dansports không có nhạc và có nhạc.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Sinh viên hiểu biết những kiến thức cơ bản về thể dục aerobic

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Có khả năng thực hiện bài thể dục aerobic

- Có kỹ năng quan sát, ghi nhớ và tính nhịp điệu.

- Có kỹ năng thực hành tốt và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật động tác trong bài tập aerobic.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

1. Các tư thế cơ bản, nhóm độ khó, thấp.
2. Các tư thế cơ bản, nhóm độ khó, thấp(tiếp)
3. Học mới tổ hợp I (động tác 1 đến động tác 4)
4. Ôn tập và kiểm tra.
5. Học mới tổ hợp II (động tác 5 đến động tác 8)
6. Ôn tổ hợp II, học mới tổ hợp III (động tác 9 đến động tác 14)
7. Ôn tổ hợp III, học mới tổ hợp IV (động tác 15 đến động tác 18)
8. Ôn tổ hợp IV, học mới tổ hợp V (động tác 18 đến động tác 22)
9. Ôn tổ hợp V, học mới tổ hợp VI (động tác 23 đến động tác 28)
10. Ôn tổ hợp VI, học mới tổ hợp VII (động tác 29 đến động tác 36)
11. Hoàn thiện bài
12. Ôn tập và kiểm tra

4. Yêu cầu của môn học: Thực hiện theo quy chế 43 của Bộ Giáo dục & Đào tạo, hướng dẫn riêng của nhà trường (đảm bảo 80% tổng số giờ lên lớp)

5. Phương pháp giảng dạy:

- Giờ lý thuyết được bố trí học tại phòng học chức năng, nếu phòng học có máy chiếu, cần có thêm micro, loa.

- Giờ học thực hành được thực hiện ở sân tập đa năng.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

Kiểm tra - đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%

Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- **Giáo trình bắt buộc:**

1. Đinh Khánh Thu (2014) *Giáo trình Thể dục Aerobic*; TDTT HN.

- **Tài liệu tham khảo:**

1. Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lãm, Trần Phúc Phong, Trương Anh Tuấn (2009) *Thể dục*; TDTT HN.

2. Đặng Quốc Nam (2014), *Thể dục tập I, II* NXB TDTT.

c. BÓNG ĐÁ

- Số tín chỉ: 2 (0, 0, 60)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Bóng, khoa GDTC, Trường ĐH Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần : Học phần bóng đá gồm lịch sử hình thành và phát triển môn Bóng đá; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng đá, các bài tập thể lực chung, thể lực chuyên môn bóng đá; làm trọng tài các trận đấu và giải đấu bóng đá, lợi ích, phương pháp tổ chức tập luyện Bóng đá.

Năng lực đạt được: Sau khi học xong sinh viên có khả năng tự thực hành đúng kỹ thuật các động tác bóng đá, tham gia thi đấu các giải phong trào, giải sinh viên nhà trường và ngoài trường và tự tổ chức giải bóng đá.

2. Mục tiêu của học phần.

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Sinh viên trình bày được Lịch sử phát triển, tính năng tác dụng của bóng đá. Luật Bóng đá (Sân 11 người, sân 7 người, sân 5 người), phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài giải bóng đá phong trào.

Thực hành tốt các kỹ thuật động tác đá bóng, hình thành một số kỹ năng – kỹ xảo cơ bản, nắm được phương pháp tổ chức tập luyện, hình thức tập luyện, các bài tập chiến thuật áp dụng vào tập luyện và thi đấu.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Thực hành đúng kỹ thuật các động tác đá bóng, tham gia thi đấu các giải phong trào, giải sinh viên nhà trường và ngoài trường.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

3.1. Lịch sử phát triển, tính năng tác dụng của bóng đá. Luật bóng đá, sân thi đấu, dụng cụ.

3.2. Một số kỹ thuật dừng và đỡ bóng.

3.3. Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân.

3.4. Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân.

3.5. Kỹ thuật đá bóng bằng chính diện.

3.6. Kỹ thuật đá bóng bằng mu ngoài bàn chân.

3.7. Kỹ thuật ném biên, đánh đầu.

3.8. Một số bài tập chiến thuật:

3.8.1. Bài tập chiến thuật tấn công phối hợp nhóm.

3.8.2. Bài tập chiến thuật nhóm theo khu vực.

3.8.3. Bài tập chiến thuật phòng thủ nhóm.

3.8.4. Bài tập chiến thuật phòng thủ khu vực.

3.9. Thi đấu và trọng tài bóng đá.

4. **Yêu cầu của môn học:** Thực hiện theo quy chế 43 của Bộ Giáo dục & Đào tạo, hướng dẫn riêng của nhà trường (đảm bảo 80% tổng số giờ lên lớp)

5. Phương pháp giảng dạy:

- Giờ lý thuyết được bố trí học tại phòng học chức năng, nếu phòng học có máy chiếu, cần có thêm micro, loa.

- Giờ học thực hành được thực hiện ở sân tập đa năng.

6. **Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những

câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

Kiểm tra - đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%

Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

- Giáo trình bắt buộc:

1. PGS.TS Trần Đức Dũng, Giáo trình Bóng Đá, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội 2007.

- Tài liệu tham khảo:

1. Tổng cục TDTT, (2011) Luật thi đấu Bóng đá 5 người, Nxb TDTT.

2. TS. Phạm Quang, Giáo trình Bóng đá, Nxb ĐHSP, 2007

d. BÓNG RỔ

- Số tín chỉ: 2 (0, 0, 60)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn bóng, khoa GDTC, Trường ĐH Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần Bóng rổ bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyên bóng 2 tay và 1 tay, kỹ thuật di chuyển 2 bước bật nhảy ném rổ bằng 1 tay trên cao, kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20m tinh giây, phương pháp giảng dạy)

Năng lực đạt được: Sau khi học xong sinh viên có khả năng tự thực hành đúng kỹ thuật các động tác bóng rổ, tham gia thi đấu các giải phong trào, giải sinh viên trong trường và ngoài trường.

Trong lĩnh vực chuyên môn: sinh viên có khả năng tự thực hành đúng tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyên bóng 2 tay và 1 tay, kỹ thuật di chuyển 2 bước bật nhảy ném rổ bằng 1 tay trên cao, kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20m tinh giây. Giáo dục phát triển đầy đủ các tố chất thể lực (SN, SM, SB, Phối hợp vận động) nâng cao thể lực chuyên môn.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Sinh viên trình bày và vận dụng các kiến thức: Lịch sử hình thành và phát triển môn bóng rổ, giúp sinh viên hiểu và biết được Luật Bóng rổ, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài giải bóng rổ phong trào, thực hành tốt các kỹ thuật động tác của bóng rổ, hình thành một số kỹ năng

- Kỹ xảo cơ bản, nắm được phương pháp tổ chức tập luyện, hình thức tập luyện, các bài tập chiến thuật áp dụng vào tập luyện và thi đấu.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Có kỹ năng thực hành tốt và thuần thục các kỹ thuật môn học, thực hành đúng kỹ thuật các động tác bóng rổ, tham gia thi đấu các giải phong trào, giải sinh viên nhà trường và ngoài trường.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN THỰC HÀNH

Chương 1: Kỹ thuật di chuyển không bóng

- 1.1. Tư thế phòng thủ cơ bản.
- 1.2. Kỹ thuật chạy nghiêng đường thẳng, đường vòng.
- 1.3. Kỹ thuật chạy biến hướng.
- 1.4. Kỹ thuật trượt ngang, tiến và lùi.
- 1.5. Kỹ thuật quay trước, quay sau.
- 1.6. Kỹ thuật nhảy dừng và hai bước dừng.

Chương 2: Kỹ thuật dẫn bóng

- 2.1. Kỹ thuật tại chỗ dẫn bóng (dẫn bóng thấp, dẫn bóng cao, dẫn bóng đổi tay, dẫn bóng quay đổi tay).
- 2.2. Kỹ thuật di chuyển dẫn bóng (dẫn bóng đường thẳng, đường vòng, dẫn bóng quay đổi tay, dẫn bóng biến hướng).
- 2.3. Kỹ thuật tại chỗ cầm bóng qua người bằng bước thuận, bước nghịch.

Chương 3: Kỹ thuật tại chỗ chuyền bắt bóng

- 3.1. Kỹ thuật tại chỗ chuyền bắt bóng 2 tay trước ngực.
- 3.2. Kỹ thuật tại chỗ chuyền bắt bóng 2 tay trên đầu.

- 3.3. Kỹ thuật tại chỗ chuyền bóng 1 tay trên vai.
- 3.4. Kỹ thuật tại chỗ chuyền bóng 1 tay bên mình.
- 3.5. Kỹ thuật chuyền bóng 1 tay qua đầu.

Chương 4: Bài tập phối hợp

- 4.1. Bài tập 2 hàng chuyền bắt bóng 2 tay trước ngực.
- 4.2. Bài tập 3 hàng chuyền bắt bóng 2 tay trước ngực.
- 4.3. Bài tập 2 người di chuyển chuyền bắt bóng 2 tay trước ngực.
- 4.4. Bài tập 3 người di chuyển chuyền bắt bóng 2 tay trước ngực.
- 4.5. Bài tập 2 đánh 1 (2:1); 3 đánh 2 (3:2).
- 4.6. Bài tập di chuyển tốc độ cao bắt bóng ném rổ (một người chuyền một người di chuyển bắt bóng ném rổ).
- 4.7. Bài tập chuyền bóng di chuyển nhận bóng thực hiện hai bước ném rổ 1 tay dưới thấp.

Chương 5: Kỹ thuật ném rổ

- 5.1. Kỹ thuật tại chỗ ném rổ 1 tay trên cao.
- 5.2. Kỹ thuật dẫn bóng hai bước ném rổ một tay trên cao
- 5.3. Kỹ thuật dẫn bóng hai bước ném rổ 1 tay dưới thấp.
- 5.4. Kỹ thuật tại chỗ nhảy ném rổ 1 tay trên cao.

Chương 6: Các bài tập phát triển thể lực chung

- 6.1. Chạy con thoi.
- 6.2. Bật qua chụp cao 50cm.
- 6.3. Bài tập ném bóng bật băng.
- 6.4. Bật cóc.

Chương 7: Chiến thuật

- 7.1. Chiến thuật tấn công nhanh.
- 7.2. Chiến thuật phòng thủ khu vực.

Chương 8: Đấu tập phương pháp trọng tài giới thiệu điều luật

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1: Lịch sử phát triển, đặc điểm tác dụng môn bóng rổ.

Chương 2: Phân tích một số kỹ thuật cơ bản trong bóng rổ, phương pháp giảng dạy tập luyện một số kỹ thuật cơ bản.

Chương 3; Phân tích chiến thuật tấn công nhanh, chiến thuật phòng thủ khu vực. Các vị trí và chức năng của từng vị trí trong thi đấu bóng rổ.

Chương 4: Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài.

- 4.1. Giới thiệu dụng cụ sân bãi và một số điều luật cơ bản.

4. Yêu cầu của môn học: Thực hiện theo quy chế 43 của Bộ Giáo dục & Đào tạo, hướng dẫn riêng của nhà trường (đảm bảo 80% tổng số giờ lên lớp)

5. Phương pháp giảng dạy:

- Giờ lý thuyết được bố trí học tại phòng học chức năng, nếu phòng học có máy chiếu, cần có thêm micro, loa.

- Giờ học thực hành được thực hiện ở sân tập đa năng.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

Kiểm tra - đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%

Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Giáo trình bắt buộc:

1. Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), Giáo trình Bóng rổ, NXB, ĐHSP.

- Tài liệu tham khảo:

1. Ủy ban thể dục thể thao (2006), *Luật Bóng rổ*, NXB TDTT.

2. Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), *Giáo trình bóng rổ*, NXB ĐH Thái Nguyên.

e. VOVINAM – VIỆT VÕ ĐẠO

- Số tín chỉ: 2 (0, 0, 60)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn LL & PPGD - GDTC, khoa GDTC, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần Vovinam gồm các đòn đấm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam, từ đó tập luyện về quyền pháp (long hồ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn vovinam.

Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn võ Vovinam (Tur thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn; chảo mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đấm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam); có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải Vovinam phong trào.

2. Mục tiêu của môn học:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Sinh viên trình bày và phân tích được sự hiểu biết về các nguyên nhân gây chấn thương trong thể thao và cách đề phòng để đảm bảo an toàn trong tập luyện và thi đấu.

- Sinh viên nhận thức đúng về tôn chỉ, mục đích, ý nghĩa tác dụng tập luyện Vovinam – Việt võ đạo. Luật thi đấu.

- Thực hiện được cơ bản nhập môn Vovinam – Việt võ đạo.

- Thực hiện được kỹ thuật cơ bản nhập môn Vovinam – Việt võ đạo.

- Rèn luyện thể lực cho người học.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Sau khi học xong môn học, sinh viên thực hiện thành thạo các thế tấn, đòn tay, đòn chân, chiến lược, các phương pháp thi đấu và bài long hồ quyền .

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1: LÝ THUYẾT MÔN VOVINAM – VIỆT VÕ ĐẠO

1.1. Nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)

1.2. Nguyên lý nhu cương phát triển

1.3. Hệ thống võ thuật, võ đài, đai đẳng bản môn

1.4. Giảng huấn và liên hệ về tôn chỉ, mục đích võ học (10 điều tâm niệm)

CHƯƠNG 2: HƯỚNG DẪN LÝ THUYẾT CHUYÊN MÔN VÀ THỰC HÀNH KỸ THUẬT ĐỘNG TÁC

2.1. Phần căn bản

2.1.1. Trung bình tấn

2.1.2. Chảo mã tấn

2.1.3. Đỉnh tấn

2.1.4. Hạc tấn

2.2. Đòn tay

2.2.1. Đấm thẳng

2.2.2. Đấm ngang

2.2.3. Đấm móc

2.2.4. Chém cạnh tay

2.3. Đòn chân

- 2.3.1. Đá thẳng
- 2.3.2. Đá vòng cầu
- 2.3.3. Đá cạnh chân

2.4. Quyền pháp (Long hồ quyền)

- 2.4.1. Bài Long hồ quyền (Từ động tác 1 – 10)
- 2.4.2. Bài Long hồ quyền (Từ động tác 11 – 20)
- 2.4.3. Bài Long hồ quyền (Từ động tác 21 – 33)
- 2.4.4. Hoàn thiện kỹ thuật bài long hồ quyền.

2.5. Các bài tập thể lực

- 2.5.1. Nằm sấp chống đẩy
- 2.5.2. Nhảy dây, ke bụng...

4. Yêu cầu của môn học: Thực hiện theo quy chế 43 của Bộ Giáo dục & Đào tạo, hướng dẫn riêng của nhà trường (đảm bảo 80% tổng số giờ lên lớp)

5. Phương pháp giảng dạy:

- Giờ lý thuyết được bố trí học tại phòng học chức năng, nếu phòng học có máy chiếu, cần có thêm micro, loa.

- Giờ học thực hành được thực hiện ở sân tập đa năng.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

Kiểm tra - đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%

Kiểm tra - đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Giáo trình bắt buộc:

1. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiếu (2008) “*Kỹ thuật Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*” tập 1, NXB TĐTT.

- Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Chánh Tứ (2014). *Phòng ngừa chấn thương trong luyện tập và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*

2. Nguyễn Chánh Tứ (2014), *Vovinam phân thế Nhu khí công quyền 2*, NXB TĐTT, HN.

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

a. ĐƯỜNG LỐI QUÂN SỰ CỦA ĐẢNG

- Số học trình: 3 (37, 8, 0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Trung tâm GDQP – AN, trường ĐH Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Quan điểm Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng, an ninh nhân dân; Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích được nguồn gốc, bản chất chiến tranh, tính tất yếu và mục tiêu bảo vệ Tổ quốc để nhận thức đúng quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng, an ninh, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, kết hợp kinh tế xã hội với quốc phòng - an ninh; vận dụng nghệ thuật quân sự trong bảo vệ Tổ quốc.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Nắm được những kiến thức cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất của chiến tranh; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân - an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

- Phân tích được tính tất yếu khách quan và những quan điểm của Đảng ta về thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh; bước đầu tìm hiểu về nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta, nghệ thuật quân sự từ khi có Đảng lãnh đạo và lịch sử truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

- Rèn luyện tác phong quân sự, ý thức tổ chức kỷ luật, khả năng làm việc độc lập và phối hợp nhóm của sinh viên.

- Tăng cường kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng trong học tập nghiên cứu của sinh viên đối với các vấn đề chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế của Đảng và Nhà nước ta.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Nắm vững đường lối quân sự của Đảng, nâng cao trách nhiệm công dân đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

- Xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, đấu tranh làm thất bại các luận điệu sai trái phản động, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

- Xác định thái độ, nhận thức đúng đắn của sinh viên nói riêng, thế hệ trẻ nói chung với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của đất nước.

3. Nội dung chi tiết môn học

NỘI DUNG 1: ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH.

1. Đối tượng nghiên cứu.

1. 1. Nghiên cứu về đường lối quân sự của Đảng.
1. 2. Nghiên cứu về công tác quốc phòng, an ninh.
1. 3. Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK.

2. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu

2. 1. Cơ sở phương pháp luận.
2. 2. Các phương pháp nghiên cứu.

3. Giới thiệu về Môn học Giáo dục quốc phòng - an ninh.

3. 1. Đặc điểm môn học.
3. 2. Chương trình.
3. 3. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất thiết bị dạy học.
3. 4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập.

NỘI DUNG 2: QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHIẾN TRANH, QUÂN ĐỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC.

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh.

1. 1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về chiến tranh.
1. 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh.

2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội.

2. 1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về quân đội.
2. 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội.

3. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc XHCN

3. 1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về bảo vệ Tổ quốc XHCN.
3. 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc XHCN.

NỘI DUNG 3: XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN

1. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

1. 1. Vị trí.
1. 2. Đặc trưng.

2. Nội dung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

2. 1. Mục đích xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.
2. 2. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay.
2. 3. Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh ngày càng vững mạnh.
2. 4. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

3. Một số biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay

3. 1. Thường xuyên thực hiện giáo dục quốc phòng, an ninh.
3. 2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của nhà nước đối với nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.
3. 3. Nâng cao ý thức trách nhiệm cho sinh viên trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

NỘI DUNG 4: CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

1. 1. Khái niệm.
1. 2. Mục đích, đối tượng của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.
1. 3. Tính chất, đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

2. Những quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

3. 1. Tổ chức thế trận chiến tranh nhân dân.
3. 2. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân.
3. 3. Phối hợp chặt chẽ giữa chống quân địch tiến công từ bên ngoài với bạo loạn lật đổ từ bên trong.

NỘI DUNG 5: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM

1. Đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới

1. 1. Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân
1. 2. Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới

2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới.

2. 1. Xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.
2. 2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên.
2. 3. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ.

III. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

NỘI DUNG 6: KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG CƯỜNG CỐ QUỐC PHÒNG - AN NINH

1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh ở Việt Nam

1. 1. Cơ sở lý luận.
1. 2. Thực tiễn kết hợp kinh tế với củng cố quốc phòng ở Việt Nam.

2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh

2. 1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.
2. 2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ.
2. 3. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh trong các ngành, các lĩnh vực chủ yếu.
2. 4. Kết hợp trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc.
2. 5. Kết hợp trong hoạt động đối ngoại.

3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh hiện nay

3. 1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước.
3. 2. Bồi dưỡng kiến thức và kinh nghiệm kết hợp cho đội ngũ cán bộ các cấp các ngành.
3. 3. Xây dựng chiến lược tổng thể kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh.
3. 4. Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách .
3. 5. Củng cố, kiện toàn và phát huy vai trò tham mưu của cơ quan chuyên trách quốc phòng, an ninh các cấp.

NỘI DUNG 7. NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VIỆT NAM

1. Nghệ thuật đánh giặc giữ nước của ông cha ta

1. 1. Đất nước trong buổi đầu lịch sử.
1. 2. Những yếu tố tác động đến việc hình thành nghệ thuật đánh giặc.
1. 3. Các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh chống xâm lược.
1. 4. Nội dung nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta.

2. Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo.

2. 1. Cơ sở hình thành nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo.
2. 2. Nội dung nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo.

3. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

3. 1. Quán triệt tư tưởng tích cực tiến công.
3. 2. Nghệ thuật quân sự toàn dân đánh giặc.
3. 3. Nghệ thuật tạo sức mạnh tổng hợp.
3. 4. Quán triệt tư tưởng lấy ít đánh nhiều, biết tập trung lực lượng ưu thế cần thiết

để đánh địch.

3. 5. Kết hợp tiêu hao, tiêu diệt địch với bảo vệ vững chắc các mục tiêu.

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Đánh giá chuyên cần: Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên và bài tập nhóm: Trọng số 10%.

- Kiểm tra học trình : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- **Giáo trình bắt buộc:**

1. Đào Huy Hiệp, Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục.

- **Tài liệu tham khảo:**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017. Giáo trình Học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc, Nxb Giáo dục Việt Nam.

2. Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vàng, 2014. Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh, Nxb. Giáo dục Việt Nam.

b. CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG AN NINH

- Số học trình: 3 (37, 8, 0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Trung tâm GDQP – AN, trường ĐH Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Phòng chống "diễn biến hòa bình"; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền quốc gia; Một số nội dung về dân tộc, tôn giáo và phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo; bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội.

Năng lực đạt được: Sinh viên nhận thức được âm mưu, thủ đoạn và tham gia đấu tranh, phòng chống "diễn biến hòa bình"; vận dụng kiến thức tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh và giữ gìn trật tự xã hội; bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Hiểu và nắm chắc những nội dung cơ bản về âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch tiến hành chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo đối với cách mạng Việt Nam và cách phòng chống.

- Nắm được những kiến thức cơ bản về chiến tranh công nghệ cao và phòng chống địch tiến công hòa lực bằng vũ khí công nghệ cao; những hiểu biết chung về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, động viên công nghiệp quốc phòng; phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội; bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ biên giới, biển đảo của Tổ quốc.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Góp phần phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng trong nghiên cứu, phân tích, tổng hợp của sinh viên về các nội dung; chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế của Đảng và Nhà nước ta; đề xuất các giải pháp thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về quốc phòng, an ninh.

- Nâng cao khả năng làm việc độc lập và phối hợp nhóm, tăng cường kỹ năng cho sinh viên trong thu thập, xử lý thông tin trước, trong và sau mỗi bài học.

- Hình thành nền nếp sinh hoạt, ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong quân sự.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

- Nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội nâng cao trách nhiệm của sinh viên trong phòng chống chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Quán triệt sâu sắc và tích cực thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và công tác quốc phòng, an ninh.

3. Nội dung chi tiết của học phần

NỘI DUNG 1: PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC "DIỄN BIẾN HOÀ BÌNH", BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THẾ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM.

1. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá CNXH.

1. 1. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, của các thế lực thù địch chống phá CNXH.

1. 2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá CNXH.

2. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam.

2. 1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược “Diễn biến hòa bình” đối với Việt Nam.

2. 2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam
3. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm chỉ đạo và phương châm phòng chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của Đảng, Nhà nước ta.

3. 1. Mục tiêu, nhiệm vụ.

3. 2. Quan điểm chỉ đạo và phương châm tiến hành

4. Những giải pháp phòng chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay.

NỘI DUNG 2: PHÒNG CHỐNG ĐỊCH TIẾN CÔNG HOẢ LỰC BẰNG VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO

1. Khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh

1. 1. Khái niệm

1. 2. Đặc điểm của vũ khí công nghệ cao

1. 3. Thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh

2. Một số biện pháp phòng chống địch tiến công hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao

2. 1. Biện pháp thụ động

2. 2. Biện pháp chủ động

NỘI DUNG 3: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN VÀ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

1. 1. Khái niệm, vị trí, vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

1. 2. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

1. 3. Biện pháp xây dựng dân quân tự vệ hiện nay

2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

2. 1. Khái niệm, vị trí công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên

2. 2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên

2. 3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên

2. 4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên trong giai đoạn hiện nay

3. Động viên công nghiệp quốc phòng

3. 1. Khái niệm, nguyên tắc, yêu cầu động viên công nghiệp quốc phòng

3. 2. Nội dung động viên công nghiệp quốc phòng

3. 3. Những biện pháp chính thực hiện động viên công nghiệp quốc phòng

NỘI DUNG 4: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA.

1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia

1. 1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia

1. 2. Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia

2. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia

2. 1. Biên giới quốc gia

2. 2. Nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia

3. Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

3. 1. Quan điểm

3. 2. Trách nhiệm công dân trong xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

NỘI DUNG 5: MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC, TÔN GIÁO VÀ ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG ĐỊCH LỢI DỤNG VẤN ĐỀ DÂN TỘC, TÔN

GIÁO CHỐNG PHÁ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc

1. 1. Một số vấn đề chung về dân tộc

1. 2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam và quan điểm chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta hiện nay

2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo

2. 1. Một số vấn đề chung về tôn giáo

2. 2. Tình hình tôn giáo trên thế giới và quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng XHCN

2. 3. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay

3. Đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam

3. 1. Âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch.

3. 2. Thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch.

3. 3. Giải pháp đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam.

NỘI DUNG 6: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ GIỮ GÌN TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

1. Các khái niệm và nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

1. 1. Các khái niệm cơ bản

1. 2. Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

2. Tình hình an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội

2. 1. Một số nét chính về tình hình an ninh quốc gia

2. 2. Tình hình về trật tự, an toàn xã hội

3. Dự báo tình hình an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trong thời gian tới.

3. 1. Tình hình quốc tế và khu vực Đông Nam Á.

3. 2. Tình hình trong nước.

4. Đối tác và đối tượng đấu tranh trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

4. 1. Nguyên tắc đánh giá về đối tác và đối tượng

4. 2. Đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

5. Một số quan điểm của Đảng, Nhà nước trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

5. 1. Những quan điểm cơ bản.

5. 2. Vai trò, trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

NỘI DUNG 7: XÂY DỰNG PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC

1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

1. 1. Quan điểm về quần chúng nhân dân và vai trò của quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh Tổ quốc

1. 2. Nhận thức về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

2. Nội dung, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và trách nhiệm của sinh viên.

2. 1. Nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

- 2.2. Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc
- 2.3. Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc

NỘI DUNG 8: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VÀ TỆ NẠN XÃ HỘI

1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm

- 1.1. Khái niệm về tội phạm và phòng chống tội phạm.
- 1.2. Nội dung nhiệm vụ hoạt động phòng chống tội phạm
- 1.3. Chủ thể và những nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm
- 1.4. Phân loại các biện pháp phòng ngừa tội phạm
- 1.5. Phòng chống tội phạm trong nhà trường

2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội

- 2.1. Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội
- 2.2. Chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội
- 2.3. Các loại tệ nạn xã hội phổ biến và phương pháp phòng chống
- 2.4. Trách nhiệm của nhà trường và sinh viên trong phòng chống tệ nạn xã hội

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Đánh giá chuyên cần: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên và bài tập nhóm: Trọng số 10%.
- Kiểm tra học trình : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Giáo trình bắt buộc:

1. Đào Huy Hiệp, Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, Nxb. Giáo dục.
2. Tạ Ngọc Vãng, Bùi Văn Thịnh, 2012. Giáo trình giáo dục an ninh - trật tự, Nxb Giáo dục. - an ninh (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và đào tạo, 2017. Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh, 2017.
2. Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vãng, 2014 Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh, Nxb. Giáo dục.

c. QUÂN SỰ CHUNG VÀ CHIẾN THUẬT, KỸ THUẬT BẮN SÚNG TIỂU LIÊN AK (CKC)

- Số học trình: 5 (33,0, 45)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Trung tâm GDQP – AN, trường ĐH Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Điều lệnh đội ngũ và ba môn quân sự phối hợp; bản đồ quân sự; một số loại vũ khí bộ binh; Thuốc nổ; Phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; Từng người trong chiến đấu tiến công và phòng ngự, các tư thế vận động trong chiến đấu; tính năng, tác dụng và kỹ thuật bắn súng AK (CKC) với mục tiêu cố định ban ngày.

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên thực hiện được các bước, động tác đội ngũ đơn vị; sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí, bản đồ địa hình; vận dụng kiến thức chiến thuật bộ binh; biết phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn; thành thạo kỹ thuật băng bó, chuyển thương; biết bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP - AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường.

Nắm chắc tác dụng, tính năng, cấu tạo một số loại vũ khí bộ binh.

Hiểu biết về một số loại thuốc nổ, bản đồ địa hình quân sự, vũ khí hủy diệt lớn làm cơ sở để vận dụng, sử dụng thuốc nổ, sử dụng bản đồ địa hình quân sự trong thực tế chiến đấu cũng như phòng chống có hiệu quả vũ khí hủy diệt lớn khi địch sử dụng.

Hiểu được ý nghĩa của cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh, nắm được kỹ thuật cơ bản về băng bó, cấp cứu, chuyển thương để giảm thiểu tới mức thấp nhất thiệt hại về con người trong chiến đấu.

Nắm chắc tác dụng, tính năng, cấu tạo của súng tiểu liên AK và biết cách ngắm bắn. Biết vận dụng một cách sáng tạo các nội dung đã học vào học tập các nội dung mới.

Hiểu được cách đánh một số mục tiêu trong chiến đấu tiến công và biết cách phòng ngự đánh bại các đợt tiến công của địch.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập.

Biết thực hành định hướng bản đồ, xác định điểm đứng, xác định tọa độ, chỉ thị mục tiêu, đo cự li diện tích trên bản đồ.

Biết thực hành băng bó, chuyển thương và xử lý một số vết thương thông thường trong chiến đấu, biết vận dụng một cách linh hoạt trong học tập, công tác khi có tai nạn xảy ra.

Rèn luyện thành thực tư thế, động tác bắn cơ bản, biết cách thực hành bắn trúng, bắn chụm vào mục tiêu ban ngày bằng súng tiểu liên AK.

Biết cách lợi dụng địa hình, địa vật và thực hiện tốt các tư thế động tác vận động trong chiến đấu, xử lý được một số tình huống trong quá trình tiến công địch phòng ngự cũng như trong quá trình phòng ngự, đánh bại các đợt tiến công của địch.

Góp phần phát triển kỹ năng sống trong học tập, công tác theo tác phong quân sự, phát triển khả năng tư duy sáng tạo trong hoạt động quân sự.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Thông qua môn học giúp sinh viên nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQP - AN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh.

Không ngừng học tập và rèn luyện, nâng cao trình độ sử dụng vũ khí trang bị, xây dựng lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Xây dựng ý thức trách nhiệm và nêu cao tinh thần giữ gìn, bảo quản tốt vũ khí, trang bị được giao trong quá trình học tập.

Xây dựng phương pháp học tập khoa học, thái độ nghiêm túc.

4. Nội dung chi tiết môn học.

Chương 1: Đội ngũ đơn vị

1. Mục đích, yêu cầu.
2. Đội hình tiểu đội.
 - 2.1. Đội hình tiểu đội hàng ngang.
 - 2.2. Đội hình tiểu đội hàng dọc.
3. Đội hình trung đội.
 - 3.1. Đội hình trung đội hàng ngang.
 - 3.2. Đội hình trung đội hàng dọc.
4. Đổi hướng đội hình.
 - 4.1. Đổi hướng khi đang đứng tại chỗ.
 - 4.2. Đổi hướng khi đang đi.
5. Luyện tập toàn bài.

Chương 2: Sử dụng bản đồ quân sự

1. Mục đích, yêu cầu.
2. Khái niệm, ý nghĩa.
 - 2.1. Khái niệm.
 - 2.2. Ý nghĩa.
3. Cơ sở toán học bản đồ địa hình.
 - 3.1. Tỷ lệ bản đồ.
 - 3.2. Phép chiếu bản đồ.
4. Phân loại, đặc điểm, công dụng bản đồ địa hình.
 - 4.1. Phân loại.
 - 4.2. Đặc điểm.
 - 4.3. Công dụng.
5. Cách chia mảnh, ghi số hiệu bản đồ.
 - 5.1. Theo phương pháp chiếu Gauss.
 - 5.2. Theo phương pháp chiếu UTM.
6. Chắp ghép, dán gấp, bảo quản bản đồ.
 - 6.1. Chắp ghép bản đồ.
 - 6.2. Dán, gấp bản đồ.
 - 6.3. Giữ gìn, bảo quản bản đồ.
7. Đo cự li, diện tích trên bản đồ.
 - 7.1. Đo cự li đoạn thẳng.
 - 7.2. Đo cự li đoạn cong, đoạn gấp khúc.
 - 7.3. Đo diện tích theo bản đồ.
8. Xác định toạ độ, chỉ thị mục tiêu.
 - 8.1. Toạ độ sơ lược.
 - 8.2. Toạ độ ô 4, ô 9.
 - 8.3. Toạ độ chính xác.
9. Sử dụng bản đồ ngoài thực địa.
 - 9.1. Định hướng bản đồ.
 - 9.2. Xác định điểm đúng trên bản đồ.
10. Đối chiếu bản đồ với thực địa.

10.1. Phương pháp ước lượng cự li.

10.2. Phương pháp giao hội.

11. Luyện tập.

Chương 3: Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh.

1. Mục đích, yêu cầu.

2. Súng tiểu liên AK.

2.1. Tác dụng, tính năng chiến đấu.

2.2. Cấu tạo chung của súng và đạn.

2.3. Tên gọi, tác dụng, cấu tạo của súng và đạn.

2.4. Tháo và lắp súng thông thường.

2.2. Chuyển động các bộ phận của súng.

3. Súng trường CKC.

3.1. Tác dụng, tính năng chiến đấu.

3.2. Cấu tạo chung của súng và đạn.

3.3. Tên gọi, tác dụng, cấu tạo của súng và đạn.

3.4. Tháo và lắp súng thông thường.

3.5. Chuyển động các bộ phận của súng.

4. Súng trung liên RPD.

4.1. Tác dụng, tính năng chiến đấu.

4.2. Cấu tạo chung của súng và đạn.

4.3. Tên gọi, tác dụng, cấu tạo của súng và đạn.

4.4. Tháo và lắp súng thông thường.

4.5. Chuyển động các bộ phận của súng.

5. Súng diệt tăng B40.

5.1. Tác dụng, tính năng chiến đấu.

5.2. Cấu tạo chung của súng và đạn.

5.3. Tên gọi, tác dụng, cấu tạo của súng và đạn.

5.4. Tháo và lắp súng thông thường.

5.5. Chuyển động các bộ phận khi bắn.

6. Súng diệt tăng B41.

6.1. Tác dụng, tính năng chiến đấu.

6.2. Cấu tạo chung của súng và đạn.

6.3. Tên gọi, tác dụng, cấu tạo của súng và đạn.

6.4. Tháo và lắp súng thông thường.

6.5. Chuyển động các bộ phận của súng và đạn.

7. Luyện tập

Chương 4: Thuốc nổ

1. Mục đích, yêu cầu.

2. Thuốc nổ và các phương tiện gây nổ.

2.1. Khái niệm, tác dụng, yêu cầu khi sử dụng thuốc nổ.

2.2. Một số loại thuốc nổ thông dụng.

2.3. Phương tiện gây nổ.

2.4. Quy tắc kiểm tra, giữ gìn, vận chuyển.

3. Ứng dụng thuốc nổ trong chiến đấu.

4. Ứng dụng thuốc nổ trong sản xuất.

Chương 5: Phòng chống vũ khí huỷ diệt lớn

1. Mục đích, yêu cầu.

2. Vũ khí hạt nhân.

2.1. Khái niệm.

- 2.2. Phân loại và phương tiện sử dụng.
 - 2.2.1. Phân loại.
 - 2.2.2. Phương tiện sử dụng.
- 2.3. Phương thức nổ của vũ khí hạt nhân.
 - 2.3.1. Nổ vũ trụ.
 - 2.3.2. Nổ trên cao.
 - 2.3.3. Nổ trên không.
 - 2.3.4. Nổ mặt đất, mặt nước.
 - 2.3.5. Nổ dưới đất, dưới nước.
- 2.4. Các nhân tố sát thương phá hoại và cách phòng chống.
 - 2.4.1. Sóng xung kích.
 - 2.4.2. Bức xạ quang.
 - 2.4.3. Bức xạ xuyên.
 - 2.4.4. Chất phóng xạ.
 - 2.4.5. Hiệu ứng điện từ.
- 3. Vũ khí hoá học.
 - 3.1. Khái niệm.
 - 3.2. Phân loại chất độc.
 - 3.2.1. Phân loại theo thời gian gây tác hại.
 - 3.2.2. Phân loại theo bệnh lý.
 - 3.2.3. Phân loại theo độ độc.
 - 3.3. Đặc điểm tác hại cơ bản của vũ khí hoá học.
 - 3.3.1. Sát thương sinh lực chủ yếu bằng tính độc.
 - 3.3.2. Phạm vi gây tác hại rộng.
 - 3.3.3. Thời gian gây tác hại kéo dài.
 - 3.4. Một số loại chất độc chủ yếu và cách phòng chống.
 - 3.4.1. Chất độc thần kinh Vx.
 - 3.4.2. Chất độc loét da Yperit (kí hiệu H, HD).
 - 3.4.3. Chất độc kích thích CS.
 - 3.4.4. Chất độc tâm thần BZ.
 - 3.4.5. Chất đầu độc.
 - 3.4.6. Chất độc diệt cây.
- 4. Vũ khí sinh học.
 - 4.1. Khái niệm.
 - 4.2. Một số bệnh do vũ khí sinh học gây ra và cách phòng chống.
 - 4.2.1. Bệnh dịch hạch.
 - 4.2.2. Bệnh dịch tả.
 - 4.2.3. Bệnh đậu mùa.
 - 4.2.4. Bệnh sốt phát ban chảy rận.
 - 4.2.5. Bệnh thương hàn.
 - 4.2.6. Bệnh than.
 - 4.2.7. Bệnh cúm.
 - 4.3. Phòng chống vũ khí sinh học.
 - 4.3.1. Vệ sinh phòng dịch thường xuyên.
 - 4.3.2. Đề phòng khi dịch sử dụng vũ khí sinh học.
 - 4.3.3. Biện pháp khắc phục hậu quả.
- 5. Vũ khí lửa.
 - 5.1. Khái niệm.
 - 5.2. Phân loại chất cháy.

- 5.2.1. Phân loại chất cháy theo trạng thái tồn tại.
- 5.2.2. Phân loại theo nguồn gốc của chất cháy.
- 5.3. Một số loại chất cháy chủ yếu.
- 5.3.1. Chất cháy Napan.
- 5.3.2. Chất cháy Tecmit (TH).
- 5.3.3. Chất cháy Etylen oxit.
- 5.3.4. Chất cháy photpho trắng.
- 5.3.5. Chất cháy Pyrogen.
- 5.4 Tác hại của chất cháy.
- 5.4.1. Đối với người.
- 5.4.2. Đối với vũ khí, trang bị kỹ thuật.
- 5.4.3. Đối với công sự trận địa, công trình kiến trúc.
- 5.5. Phương pháp chung phòng chống vũ khí lửa.
- 5.5.1. Biện pháp đề phòng.
- 5.5.2. Dập cháy.
- 5.5.3. Cấp cứu người bị bỏng.
- 6. Ôn luyện

Chương 6: Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh.

- 1. Mục đích, yêu cầu.
- 2. Hệ thống những kiến thức cơ bản về băng bó, chuyển thương.
- 2.1. Nguyên tắc băng.
- 2.2. Các kiểu băng cơ bản.
- 2.2.1. Băng vòng xoắn.
- 2.2.2. Băng số 8.
- 2.3. Thực hành băng vết thương ở một số vị trí trên thân thể.
- 2.3.1. Băng vai, băng nách theo kiểu số 8.
- 2.3.2. Băng ngực.
- 2.3.3. Băng bụng.
- 2.3.4. Băng bẹn, băng hông theo kiểu số 8.
- 2.3.5. Băng đầu gối, gót chân, khuỷu tay.
- 2.3.6. Băng bàn chân, bàn tay theo kiểu số 8.
- 2.3.7. Băng trán theo kiểu vành khăn.
- 2.3.8. Băng đầu theo kiểu quai mũ.
- 2.4. Chuyển thương.
- 2.4.1. Mang thương binh bằng tay.
- 2.4.2. Mang thương binh bằng dây đai.
- 2.4.3. Khiêng thương binh bằng cáng, bằng võng.
- 3. Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh.
- 3.1. Đặc điểm của vết thương chiến tranh.
- 3.1.1. Vũ khí lạnh.
- 3.1.2. Vũ khí nổ thông thường.
- 3.1.3. Vũ khí hạt nhân.
- 3.1.4. Vũ khí hoá học.
- 3.1.5. Vũ khí sinh học.
- 3.2. Cấp cứu ban đầu vết thương do vũ khí nổ (vũ khí thông thường).
- 3.2.1. Khái niệm về vết thương kín, vết thương hở.
- 3.2.2. Vết thương phân mềm.
- 3.2.3. Vết thương mạch máu.
- 3.2.4. Vết thương gãy xương.

- 3.2.5. Bỏng.
- 3.2.6. Tồn thương do vùi lấp.
- 3.2.7. Vết thương bụng, vết thương ngực.
- 3.2.8. Vết thương sọ não, vết thương cột sống.
- 3.2.9 Vết thương hàm - mặt, mắt.
- 4. Tổ chức luyện tập các kiểu băng vết thương.

Chương 7: Ba môn quân sự phối hợp.

- 1. Mục đích, yêu cầu.
- 2. Điều lệ.
- 3. Quy tắc thi đấu.
- 4. Luyện tập.
- 4.1. Chạy vũ trang.
- 4.2. Bắn súng quân dụng.
- 4.3. Ném lựu đạn xa đúng hướng.

Chương 8: Từng người trong chiến đấu tiến công.

- 1. Mục đích, yêu cầu.
- 2. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật.
- 3. Hành động của chiến sĩ sau khi nhận nhiệm vụ.
- 4. Thực hành chiến đấu.
- 4.1. Vận động đến gần địch.
- 4.2. Cách đánh từng loại mục tiêu.
- 4.2.1. Đánh địch trong ụ súng, lô cốt.
- 4.2.2. Đánh địch trong chiến hào hoặc giao thông hào.
- 4.2.3. Đánh địch trong căn nhà.
- 4.2.4. Đánh xe tăng hoặc xe bọc thép của địch.
- 4.2.5. Đánh tên, tốp địch ngoài công sự.
- 5. Hành động của từng người khi chiếm được mục tiêu.
- 6. Luyện tập toàn bài

Chương 9: Từng người trong chiến đấu phòng ngự.

- 1. Mục đích, yêu cầu.
- 2. Đặc điểm tiến công của địch.
- 3. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật.
- 4. Hành động của từng người sau khi nhận nhiệm vụ.
- 5. Hành động của từng người khi thực hành chiến đấu.
- 5.1. Khi địch chuẩn bị tiến công.
- 5.2. Khi địch tiến công.
- 5.3. Sau mỗi lần đánh bại địch tiến công.
- 6. Luyện tập toàn bài

Chương 10: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK

- 1. Mục đích, yêu cầu.
- 2. Ngắm bắn.
- 2.1. Khái niệm ngắm bắn.
- 2.2. Thứ tự thực hành ngắm.
- 2.3. Ảnh hưởng do ngắm và gió đến kết quả bắn.
- 3. Ngắm chụm và trúng.
- 3.1. Ý nghĩa ngắm chụm và trúng.
- 3.2. Tập ngắm chụm.
- 3.3. Ngắm chụm và trúng.
- 4. Tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn súng tiểu liên AK.

4.1. Động tác nằm bần.

4.2. Động tác bần.

4.3. Động tác thôi bần.

5. Tập bần mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiêu liên AK.

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Đánh giá chuyên cần: Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên và bài tập nhóm: Trọng số 10%.

- Kiểm tra học trình : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- **Tài liệu bắt buộc:**

1. Nguyễn Đức Đăng, 2012. *Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 2*. NXB giáo dục Việt Nam.

- **Tài liệu tham khảo:**

2. BGD&ĐT, Vụ giáo dục quốc phòng, 2005, *Giáo trình giáo dục quốc phòng Đại học, Cao đẳng, tập 1, Quân sự chung*, (dùng cho đào tạo giảng viên giáo dục quốc phòng).

3. Bộ quốc phòng 2015. *Điều lệnh đội ngũ quân đội nhân dân Việt Nam*. NXB Quân đội nhân dân.

4. Bộ quốc phòng 2015. *Điều lệnh quản lý bộ đội quân đội nhân dân Việt Nam*. NXB Quân đội nhân dân.

16. NGỮ PHÁP

- Số tín chỉ: 3 (27, 36, 0)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: NN-VH & PPGD Tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần Ngữ pháp bao gồm các nội dung về ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ từ cơ bản theo xu hướng ngữ pháp truyền thống và hiện đại (traditional and modern grammar). Học phần đưa ra một số bài học về các chủ điểm ngữ pháp cơ bản và thiết yếu, mang đậm tính thực hành ngữ pháp như: thì, thể, thức, các cấu trúc câu trong tiếng Anh.

Năng lực đạt được: Sinh viên có thể vận dụng kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng Anh ở dạng thực hành và lý thuyết; có cái nhìn tổng thể hơn về kiến thức ngôn ngữ Anh nói chung và ngữ pháp thực hành trong tiếng Anh, có khả năng vận dụng những nội dung đã học vào giải quyết các bài tập ngữ pháp tiếng Anh, viết câu tiếng Anh đúng. Có khả năng nói và viết đúng thì trong tiếng Anh, các dạng cấu trúc căn bản tiếng Anh.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ từ cơ bản theo xu hướng ngữ pháp truyền thống và hiện đại, có thể vận dụng được một cách tốt nhất trong giao tiếp và các môn học khác như môn nói, đọc, viết....

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Sinh viên rèn luyện kỹ năng hệ thống hóa kiến thức về ngữ pháp tiếng Anh (NPTA), có khả năng tự nghiên cứu thêm những tài liệu về NPTA ở cấp độ cơ bản; vận dụng tốt những kiến thức ngữ pháp vào học những môn khác; có thể nói, viết câu chính xác hơn, hạn chế lỗi ngữ pháp; có khả năng sử dụng tiếng Anh ở mức độ tự tin với độ chính xác cao về NPTA.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Có thái độ nghiêm túc trong tự học, tự nghiên cứu, trao đổi thảo luận các bài học trước khi lên lớp. Phải tập cho mình cách tự học, tự nghiên cứu, cách tìm tài liệu tham khảo; chủ động, tích cực tham gia bài học trên lớp bằng cách nêu ý kiến và đặt câu hỏi.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Nội dung 1: Nouns and Articles, Possessives, Pronouns, Quantifiers

1. Nouns
2. Articles
3. Demonstratives: *this/ that/ these/ those*
4. Possessives
5. Pronouns
6. Quantifiers

Nội dung 2: Prepositions, Adjectives and Adverbs

1. Prepositions
 - 1.1. General Use and Form
 - 1.2. Prepositions of Place, Movement, Time
 - 1.3. Common Prepositional Phrases
2. Adjectives
 - 2.1. Adjectives with Nouns and Verbs
 - 2.2. Orders of Adjectives
 - 2.3. Comparison of Adjectives
3. Adverbs

- 3.1. Types of Adverbs
- 3.2. Orders of Adverbs
- 3.3. Comparison of Adverbs

Nội dung 3: Tenses: Present; Past, Present Perfect

- 1. Present Tenses
 - 1.1. Present Simple
 - 1.2. Present Continuous
- 2. Past Tenses
 - 2.1. Past Simple
 - 2.2. Past Continuous
 - 2.3. Past Perfect Simple
 - 2.4. Past Perfect Continuous
- 3. Present Perfect

Nội dung 4: Future Forms and Modal Verbs

- 1. Future Forms
 - 1.1. *Going to*; Present Continuous and *Will*
 - 1.2. *Future* Continuous, Future Perfect
 - 1.3. Other Ways to Talk about the Future
- 2. Modal Verbs
 - 2.1. Ability; Possibility, Permission, Requests; Suggestions; Offers...
 - 2.2. Making a Guess
 - 2.3. Rules

Nội dung 5: Conditionals

- 1. Present, Future Conditionals
- 2. Past Conditionals
- 3. Mixed Conditionals
- 4. I wish; if only; it's time...

Nội dung 6: Word Order and Sentence Patterns

- 1. Word Order in Statement
- 2. *It* and *There*
- 3. Yes/ No Questions
- 4. WH - Questions

Nội dung 7: Verbs with ING - Forms and Infinitives

- 1. Verb + ING Forms
- 2. Verb + Infinitives
- 3. Verbs + ING or Infinitives

Nội dung 8: Reported Speech

- 1. Reported Statements
- 2. Reported Questions
- 3. Reported Orders, Requests and Advice
- 4. Reported Verb Patterns

Nội dung 9: Relative, Participle and Other Clauses; Linking Words

- 1. Relative Clauses
- 2. Participle Clauses
- 3. Infinitive Clauses
- 4. Other Noun Structures
- 5. Linking Words
 - 5.1 Reasons and Purposes
 - 5.2 Causes and Results

5.3. Additional Information

Nội dung 10: Passive Forms

1. The Passive
2. Passive with Modals and Other Verbs
3. Have something done
4. Passive Reporting Verbs

Nội dung 11: Word Combinations and Word Formation

1. Common Collocations
2. Adjective, Noun, Verb + Prepositions
3. Phrasal Verbs
4. Confusing Adjectives and Verbs
5. Forming Nouns, Adjectives and Adverbs
6. Compound Nouns and Adjectives

Nội dung 12: Formal, Written and Spoken English

1. Punctuation
2. Ways to Avoid Repeating Words
3. Using Word Orders for Emphasis
4. Using Nouns Instead of Verbs
5. Formal Language
6. Spoken Question Forms
7. Expressing Agreement, Disagreement, Feeling, Ideas and Emphasis
8. Other Spoken Features

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Mark Foley and Danie Hall, *My GrammarLab – Intermediate B1/2*. Pearson Education Limited.

- Tài liệu tham khảo:

1. L.G Alexander (1998), *Longman English Grammar*, Longman Limited.
2. Thompson, A., Martinetz, A. , *A Practical English Grammar*, Oxford University Press.

17. NGỮ PHÁP NÂNG CAO

- Số tín chỉ: 2 (18, 24, 0)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NN-VH-PPGD, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Ngữ pháp

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần bao gồm các nội dung: từ loại (động từ, danh từ, tính từ, trạng từ, đại từ, mạo từ, số từ, liên từ, giới từ), câu, mệnh đề...; kiến thức ngữ pháp nâng cao học thuật và kiến thức ngữ pháp dùng trong giao tiếp hằng ngày. Mỗi bài học gồm phần lý thuyết và bài tập thực hành nhằm cung cấp đầy đủ kiến thức nền và rèn luyện các kỹ năng cho sinh viên.

Năng lực đạt được: Sinh viên nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) các vấn đề về ngữ pháp như đơn vị ngữ pháp, chức năng cú pháp, từ loại, sự hình thành và cấu tạo từ. Sinh viên có thể phân biệt và sử dụng được các cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh trang trọng và các cấu trúc ngữ pháp dùng trong giao tiếp hằng ngày.

2. Mục tiêu đạt được

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sinh viên nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) các các vấn đề về ngữ pháp tiếng Anh. Ngoài ra, sinh viên thực hiện được các bài tập ngữ pháp thực hành.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Sinh viên có khả năng thuyết trình về một vấn đề về ngữ pháp tiếng Anh. Hơn nữa, sinh viên phát huy được năng lực làm việc nhóm, tìm kiếm và tiếp cận các nguồn thông tin.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Sinh viên nhận thức rõ tầm quan trọng của môn học; có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Nouns, possessives and pronouns

1. Nouns
2. Possessive 's
3. Possessive with 's or of?
4. Personal pronouns
5. Impersonal and indefinite pronouns

Chương 2: Articles, demonstratives, Quantifiers and Prepositions

1. Articles, demonstratives and Quantifiers
 - 1.1. Articles
 - 1.2. Fixed common uses
 - 1.3. Quantifiers and demonstratives
2. Prepositions
 - 2.1. Prepositions and prepositional phrases
 - 2.2. Prepositions of place and movement
 - 2.3. Prepositions of time; other meanings

Chương 3: Adjectives and adverbs

1. Adjective patterns
2. Groups of adjectives
3. Comparative and superlative adjectives
4. Other comparative patterns
5. Gradable and ungradable adjectives
6. Adverb form and use
7. Adverb position

Chương 4: Tenses

1. Auxiliaries and have got
2. Present simple or continuous?
3. Past simple and continuous; used to and would
4. Past perfect simple and continuous
5. Present perfect simple
6. Present perfect continuous
7. State verbs

Chương 5: Future forms

1. Predictions
2. Decisions, intentions and arrangements
3. Other ways of expressing the future
4. Future in the past

Chương 6: Modal verbs

1. Ability
2. Possibility
3. Speculation and expectation
4. Obligation and necessity
5. Prohibition and criticism
6. Certainty, habits and willingness
7. Other uses of modals

Chương 7: Conditionals, subjunctives and the ‘unreal’ past

1. If and alternatives; present and future conditions
2. Unlikely, unreal and past conditions
3. I wish and if only
4. Subjunctives and the ‘unreal’ past

Chương 8: Word order and verb patterns

1. Verb patterns (1)
2. Verb patterns (2)
3. Introductory there and it
4. Common expressions with there and it
5. Infinitive patterns
6. Verb –ing forms; verb + - ing form or infinitive?

Chương 9: Negatives and question forms

1. Negative forms and meanings (1)
2. Negative forms and meanings (2)
3. Questions and question words

Chương 10: Reported speech

1. Patterns in reported speech
2. Changes in reported speech
3. Reported questions, commands and requests

Chương 11: Relative, participle and other clauses

1. Relative clauses
2. Pronouns, adverbs and prepositions in relative clauses
3. Participle clauses
4. Infinitive clauses
5. Noun clauses and other noun structures

Chương 12: Conjunctions and linking expressions

1. Linking sentences and clauses

2. Subordinate clauses (1) time, reason, result, etc.
3. Subordinate clauses (2) contrast and concession
4. Adverbial linking expressions

Chương 13: The passive: form and use

1. The passive: form and use
2. Other passive structures
3. Have/ get something done

Chương 14: Word combinations, Word formation and words often confused

1. Word combinations
 - 1.1. Dependent prepositions (1)
 - 1.2. Dependent prepositions (2)
 - 1.3. Phrasal verbs
 - 1.4. Common collocations
2. Word formation and words often confused
 - 2.1. Word formation
 - 2.2. Compound nouns and adjectives
 - 2.3. Verbs often confused

Chương 15: The grammar of formal English and The grammar of spoken English

1. The grammar of formal English
 - 1.1. Substitutions (1)
 - 1.2. Substitution (2) verbs and verb phrases
 - 1.3. Ellipsis
 - 1.4. Emphasis (1) cleft sentences
 - 1.5. Emphasis inversion and fronting
 - 1.6. Organizing information in writing
 - 1.7. Other text features
2. The grammar of spoken English
 - 2.1. Spoken questions and responses
 - 2.2. Emphatic forms in speech
 - 2.3. Adverbs
 - 2.4. Hypothesizing in speech
 - 2.5. Other spoken features

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. R.Quirk & S. Greenbaum (1986). *A university grammar of English*. Longman.

- Tài liệu tham khảo:

1. Mark Foley and Diane Hall. *My grammar lab- Intermediate B1/2*. Pearson education limited.

18a. NGỮ ÂM – ÂM VỊ HỌC

- Số tín chỉ: 2 (18, 12, 12)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NNVH & PPGD T.Anh, khoa Ngoại ngữ, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng nghe – nói 1; Kỹ năng đọc – viết 1

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần gồm các kiến thức cơ bản về ngữ âm tiếng Anh như hệ thống ký hiệu phiên âm quốc tế, trọng âm, ngữ điệu, cao độ, trường độ, các âm vị và biến thể âm vị, thành phần và vị trí của âm tiết trong từ; những đặc điểm cơ bản của phụ âm và nguyên âm, nội dung về các yếu tố siêu đoạn tính .vv

Năng lực đạt được: Sinh viên phân biệt được các âm vị và biến thể âm vị trong tiếng Anh, các thành tố trong phát âm tiếng Anh như cao độ, trường độ, ngữ điệu, trọng âm; vận dụng những hiểu biết cơ bản về các yếu tố siêu đoạn tính, tự hoàn thiện khả năng phát âm của mình, phát triển khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh và tạo tiền đề cho việc nghiên cứu một số vấn đề cụ thể về Ngữ âm – Âm vị học.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Học xong học phần, SV có kiến thức về vấn đề liên quan đến ngữ âm, âm vị học, nắm được các khái niệm và các phương pháp tiếp cận, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến ngữ âm, âm vị học Tiếng Anh.

- SV có thể phát âm các âm tiếng Anh chính xác. Bên cạnh đó, các em có thể thực hiện được một số công trình nghiên cứu quy mô vừa phải về các vấn đề liên quan đến ngữ âm, âm vị học như bộ phận cấu âm, chùm nguyên âm, nguyên âm, phụ âm, ...

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học có kỹ năng phát âm chuẩn các âm, các từ đơn lẻ, các câu đơn lẻ và cả đoạn văn trong tiếng Anh, nắm được cấu tạo âm và phân biệt các âm, chùm âm với nhau. Ngoài ra, sinh viên còn có thể đọc có ngữ điệu một cách tự nhiên một câu, một đoạn văn hay nói, phân biệt đúng ngữ điệu của các câu có chức năng khác nhau.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Course Introduction

1.1. Definition and background

1.1.1. Definition of Phonetics

1.1.2. Definitions of Phonology

1.2. Articulators

1.2.1. Articulators above the larynx

1.2.2. Articulators beneath the larynx.

Chương 2: Vowels and Consonants

2.1. Vowels Vs Consonants

2.1.1. Definition of Vowels

2.1.2. Definition of Consonants

2.2. Types of Vowels

2.2.1. Long vowels

2.2.2. Short vowels

2.3. Types of consonants

2.3.1. Voiced consonants

2.3.2. Voiceless consonants

Chương 3: Monothongs

3.1. Monothongs in pairs

3.1.1. /a:/ and /a/

3.1.2. /u:/ and /ʊ/

3.1.3. /ɔ:/ and /o/

3.1.4. /i:/ and /ɪ/

3.1.5. /ɜ:/ and /ə/

3.2. Monothongs in isolation

3.2.1. /æ/

3.2.2. /ʌ/

Chương 4: Diphthongs

1.1. Definition of diphthongs

1.2. Types of Diphthongs

1.2.1. Centring diphthongs

1.2.2. Closing diphthongs

1.2.2.1. Diphthongs ending in ʊ

1.2.2.2. Diphthongs ending in /ʊ/

Chương 5: Triphthongs

5.1. Definition of Triphthongs

5.2. Types of Triphthongs

5.2.1. Triphthongs based on diphthongs ending in /ʊ/

5.2.2. Triphthongs based on diphthongs ending in /i/

Chương 6: Consonants

6.1. Consonant Classification criteria

6.2. Fortis and lenis consonants

6.3. Consonants types

6.3.1. Bilabial-plosive: /p/ and /b/

6.3.2. Labiodental-fricative: /f/ and /v/

6.3.3. Dental-fricative: /θ/ and /ð/

6.3.4. Alveolar-fricative: /t/ and /d/

6.3.5. Alveolar-fricative: /s/ and /z/

6.3.6. Postalveolar-fricative: /ʃ/ and /ʒ/

6.3.7. Velar-plosive: /k/ and /g/

6.3.8. Nasal: /m/, /n/ and /ŋ/

6.3.9. Affricative: /tʃ/ and /dʒ/

Chương 7: Stress

7.1. Definition of stress

7.2. Types of stress

7.2.1. Words stress

7.2.1.1. Simple word stress

7.2.1.2. Complex word stress

7.2.1.3. Compound word stress

7.2.2. Sentence Stress

7.2.2.1. Sentences with all the words stressed

7.2.2.2. Unstressed words

7.2.2.3. Pronouncing and contractions

7.2.2.4. Pronouncing the verb “be”

7.2.2.5. Pronouncing the short words (a, of, or)

7.2.2.6. Joining words

Chương 8: Intonation and tone

8.1. Intonation

8.1.1. Definition of intonation

8.1.2. Functions of intonation

8.1.3. Types of intonation

8.1.3.1. Fall-rise

8.1.3.2. Rise-fall

8.2. Tone

8.2.1. Definition of tone

8.2.2. Tone unit

8.2.3. Structure of tone unit

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Peter Roach. (2009). *English Phonetics and Phonology*. NXB Cambridge: CUP

- Tài liệu tham khảo:

1. Nguyen Quoc Hung (2009). *Luyện phát âm tiếng Anh Mỹ*. NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh

2. Anne Baker (2000). *Sheep or Ship*. Cambridge: CUP

18b. LUYỆN PHÁT ÂM TIẾNG ANH

- Số tín chỉ: 2 (18, 12, 12)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NNVH & PPGD T.Anh, khoa Ngoại ngữ, trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Miêu tả và luyện phát âm các nguyên âm và phụ âm tiếng Anh, phân biệt các âm dài, âm ngắn, âm tắc, âm xát, âm nổ vv... nguyên âm đôi, nguyên âm ba, âm trượt, các hiện tượng nuốt âm, đồng hóa âm trong tiếng Anh. Cách phiên âm và đọc phụ âm cuối. Giới thiệu và rèn luyện cách nhận biết và phát âm trọng âm từ: danh từ, động từ, tính từ vv... và ngữ điệu câu. Rèn luyện ngữ điệu tự nhiên của một số âm đơn giản như câu hỏi, câu chào, câu trần thuật vv...

Năng lực đạt được: Sinh viên có thể nhận biết được và phát âm chính xác các âm tiếng Anh, phiên âm các từ khi nghe âm thanh của từ đó, phân biệt được các hiện tượng như nuốt âm, nối âm vv... trong tiếng Anh.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Học xong học phần, SV có kiến thức về vấn đề liên quan đến phát âm như ngữ âm, âm vị.

- SV nắm được cách phát âm các âm tiếng Anh về mặt lý thuyết và thực hành. Bên cạnh đó, các em có thể thực hiện được một số công trình nghiên cứu quy mô vừa phải về các vấn đề liên quan đến ngữ âm, âm vị học như bộ phận cấu âm, chùm nguyên âm, nguyên âm, phụ âm, ...

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học có kỹ năng phát âm chuẩn các âm, các từ đơn lẻ, các câu đơn lẻ và cả đoạn văn trong tiếng Anh, nắm được cấu tạo âm và phân biệt các âm, chùm âm với nhau. Ngoài ra, sinh viên còn có thể đọc có ngữ điệu một cách tự nhiên một câu, một đoạn văn hay nói, phân biệt đúng ngữ điệu của các câu có chức năng khác nhau.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Course Introduction

1.3. Definition and background

1.3.1. Definition of Phonetics

1.3.2. Definitions of Phonology

1.4. Articulators

1.4.1. Articulators above the larynx

1.4.2. Articulators beneath the larynx.

Chương 2: Vowels and Consonants

2.1. Vowels Vs Consonants

2.1.1. Definition of Vowels

2.1.2. Definition of Consonants

2.2. Types of Vowels

2.2.1. Long vowels

2.2.2. Short vowels

2.3. Types of consonants

2.3.1. Voiced consonants

2.3.2. Voiceless consonants

Chương 3: Monothongs

3.1. Monothongs in pairs

3.1.1. /a:/ and /ʌ/

3.1.5. /u:/ and /ʊ/

3.1.6. /ɔ:/ and /o/

3.1.7. /i:/ and /ɪ/

3.1.5. /ɜ:/ and /ə/

3.2. Monothongs in isolation

3.2.1. /æ/

3.2.2. /ʌ/

Chương 4: Diphthongs

1.3. Definition of diphthongs

1.4. Types of Diphthongs

1.4.1. Centring diphthongs

1.4.2. Closing diphthongs

1.4.2.1. Diphthongs ending in ʊ

1.4.2.2. Diphthongs ending in / ʊ/

Chương 5: Triphthongs

5.1. Definition of Triphthongs

5.2. Types of Triphthongs

5.2.1. Triphthongs based on diphthongs ending in /ʊ/

5.2.2. Triphthongs based on diphthongs ending in /i/

Chương 6: Consonants

6.1. Consonant Classification criteria

6.2. Fortis and lenis consonants

6.3. Consonants types

6.3.1. Bilabial-plosive: /p/ and /b/

6.3.10. Labiodental-fricative: /f/ and /v/

6.3.11. Dental-fricative: /θ/ and /ð/

6.3.12. Alveolar-fricative: /t/ and /d/

6.3.13. Alveolar-fricative: /s/ and /z/

6.3.14. Postalveolar-fricative: /ʃ/ and /ʒ/

6.3.15. Velar-plosive: /k/ and /g/

6.3.16. Nasal: /m/, /n/ and /ŋ/

6.3.17. Affricative: /tʃ/ and /dʒ/

Chương 7: Stress

7.1. Definition of stress

7.2. Types of stress

7.2.1. Words stress

7.2.1.1. Simple word stress

7.2.2.2. Complex word stress

7.2.2.3. Compound word stress

7.2.3. Sentence Stress

7.2.2.7. Sentences with all the words stressed

7.2.2.8. Unstressed words

7.2.2.9. Pronouncing and contractions

7.2.2.10. Pronouncing the verb “be”

7.2.2.11. Pronouncing the short words (a, of, or)

7.2.2.12. Joining words

Chương 8: Intonation and tone

8.1. Intonation

8.1.1. Definition of intonation

8.1.2. Functions of intonation

8.1.3. Types of intonation

8.1.3.1. Fall-rise

8.1.3.2. Rise-fall

8.2. Tone

8.2.1. Definition of tone

8.2.2. Tone unit

8.2.3. Structure of tone unit

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- **Tài liệu bắt buộc:**

1. Handcock, M (2008). *English pronunciation in use*. Cambridge.

- **Tài liệu tham khảo:**

1. Nguyễn Quốc Hùng, *Luyện phát âm tiếng Anh Mỹ*, NXB Tổng hợp HCM, năm 2009.

2. Yates, J (2005). *Pronounce it perfectly in English*. Barron.

19. LÝ THUYẾT DỊCH

- Số tín chỉ: 2 (18, 24, 0)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: NN-VH & PPGD Tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Không

2. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần gồm các nội dung về nguyên lý cơ bản trong lĩnh vực dịch thuật, phân loại các hình thức biên – phiên dịch, các phương pháp và kỹ thuật dịch, sự khác biệt giữa dịch thuật Anh - Việt và Việt – Anh, phương pháp đánh giá chất lượng bản dịch.

Năng lực đạt được: Người học vận dụng các kiến thức về khái niệm biên phiên dịch, các bước thực hiện một bản dịch, tiêu chí đánh giá một bản dịch, các nguyên tắc biên phiên dịch, phân tích văn bản, mục đích của tác giả, văn phong, chất lượng văn bản, sắc thái nghĩa biểu vật và biểu niệm, yếu tố văn hoá trong văn bản, các phương pháp biên phiên dịch, kỹ thuật dịch trong việc thực hiện dịch một văn bản Việt – Anh hoặc Anh – Việt và đánh giá bản dịch.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học nắm vững khái niệm biên phiên dịch, các bước thực hiện một bản dịch, tiêu chí đánh giá một bản dịch, các nguyên tắc biên phiên dịch, phân tích văn bản, mục đích của tác giả, văn phong, chất lượng văn bản, sắc thái nghĩa biểu vật và biểu niệm, yếu tố văn hoá trong văn bản, các phương pháp biên phiên dịch.

Người học nắm vững các hình thức biên dịch từng từ, biên dịch theo nghĩa đen, biên dịch sát, biên dịch ý, biên dịch chuyển đổi, biên dịch tự do, biên dịch nghĩa bóng, biên dịch giao tiếp. Hình thức biên dịch đoạn ngôn bản, biên dịch chuỗi, biên dịch song hành, biên dịch tóm tắt.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học có các kỹ năng biên dịch dưới nhiều dạng như: dịch từ, cụm từ, dịch các câu có cấu trúc đặc biệt, có kỹ năng sắp xếp ý tưởng trong một câu khi dịch, kỹ năng ghi nhớ, kỹ năng ghi tốc ký, kỹ năng chuyển dịch, kỹ năng tái tạo ngôn bản, có kỹ năng đánh giá bản dịch.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học nhận thức rõ tầm quan trọng của môn học; có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Introduction, Translation & Translation Theory

1.1. Introduction

1.2. Definition of Translation

1.3. Scope of Translation Theory, The relationship between Translation and Linguistic Theory - History of Translation

Chương 2: Translation Process and Methods

2.1. Process of translating

2.2. Methods of translating

Chương 3: Translation Types

3.1. Translation types according to components of language for which translation equivalents are sought

3.2. Translation types according to the translation evaluation

3.3. Classification of Translation According to Translation Methods:

- 3.3.1. Semantic translation + Free translation
- 3.3.2. Communicative translation
- 3.3.3. Idiomatic translation
- 3.3.4. Normal & restricted translation
- 3.3.5. Grammatical and lexical translation
- 3.3.6. Phonological translation
- 3.3.7. Normal – partial phonological translation

Chương 4: Strategies for translator

- 4.1. How to deal with non-equivalence at word level
- 4.2. How to deal with idioms and fixed expressions
- 4.3. How to deal with voice, number and person
- 4.4. How to deal with proper names
- 4.5. How to deal with non-subject sentences (Vietnamese-English translation)
- 4.6. How to deal with newspaper headlines

Chương 5: Translation Evaluation

- 5.1. Introduction:
 - 5.1.1. Yan Fu's triple principle of translation
 - 5.1.2. M. L. Larson's criteria in translation evaluation
- 5.2. Testing as part of the translation procedure
- 5.3. Accuracy Prerequisite
- 5.4. Transposition/translation shift
- 5.5. Clarity requirement
- 5.6. Naturalness necessity
- 5.7. The conflict between accuracy, clarity and naturalness

Chương 6: Translation Evaluation

- 6.1. Who does the testing?
- 6.2. How is the testing done?
- 6.3. Back-translation
- 6.4. The pros and cons of back-translation
- 6.5. Comprehension tests
- 6.6. Naturalness tests
- 6.7. The test of equivalent effects.
- 6.8. Readability tests
- 6.9. How are the testing results used?
- 6.10. The pyramid of testing

Chương 7: Interpretation

- 7.1. Interpretation versus translation
- 7.2. Types and modes of interpretation
- 7.3. Factors involved in the interpretation process
- 7.4. Some tactics in simultaneous interpretation
- 7.5. Training of interpreters
- 7.6. The interpretation profession
- 7.7. The future

Chương 8: Interpreter

- 8.1. Skills an interpreter needs
 - 8.1.1. Listening skill
 - 8.1.2. Memorizing skill
 - 8.1.3. Jotting skill
 - 8.1.4. Translation shifts

- 8.1.5. Skill of reproducing texts
- 8.2. Interpreter's difficulties and solution
 - 8.2.1. Interpreter's psychology
 - 8.2.2. Passive transitions between languages
 - 8.2.3 Cultural differences
 - 8.2.4. Terminologies
 - 8.2.5. Background knowledge
- 8.3. Qualities an interpreter needs

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- **Tài liệu bắt buộc:**

1. Newmark, P. (1998). *A textbook of translation*. NXB Pearson

- **Tài liệu tham khảo:**

1. Nguyễn Thị Kiều Thu, Bài Giảng: “Lý Thuyết Dịch”

20. BIÊN DỊCH 1

- Số tín chỉ: 2 (18, 12, 12)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: NN-VH & PPGD Tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch, Kỹ năng Nghe-Nói 3, Kỹ năng Đọc – Viết 3

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần gồm các chiến thuật giải quyết các vấn đề thường gặp khi thực hành dịch như: vấn đề về từ ngữ, số, cách, thể trong tiếng Anh và tiếng Việt; từ vựng và cấu trúc câu liên quan đến nội dung dịch thuật thuộc các lĩnh vực thông thường của cuộc sống như: dân số, giáo dục, môi trường, kinh tế, y tế...

Năng lực đạt được: Người học có thể dịch được đúng và đủ ý các câu, văn bản từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại các văn bản về các chủ đề thông thường của cuộc sống như: dân số, giáo dục, môi trường, kinh tế, y tế vv.... dựa trên kiến thức về từ vựng và các cấu trúc câu thông thường.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Kiến thức: Sinh viên nắm vững phong cách dịch, các cách dịch câu, dịch tiêu đề vv... Đồng thời, SV ghi nhớ và dùng được khoảng 300 từ và cụm từ tiếng Anh và 300 từ và cụm từ tiếng Việt thuộc các lĩnh vực thông thường của cuộc sống: dân số, giáo dục, môi trường, kinh tế, y tế vv....

2.2. Kỹ năng: SV dịch được các dạng văn bản như: dịch từ, cụm từ, dịch các câu có cấu trúc đặc biệt, kỹ năng sắp xếp ý tưởng trong một câu khi dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt. SV có thể đánh giá chất lượng một bản dịch. Ngoài ra, SV phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm; Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng Internet phục vụ cho mục đích học tập và nghiên cứu.

2.3. Thái độ: Người học nhận thức rõ tầm quan trọng của môn học; có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Strategy 1: How to deal with non-equivalence at word level.

- 1.1. Translation by a more specific word
- 1.2. Translation by a more general word
- 1.3. Translation by cultural substitution
- 1.4. Translation using a loan word plus explanation
- 1.5. Translation by paraphrase
- 1.6. Translation by omission -

Chương 2: Translation practice

- 2.1. World population overview
- 2.2. All in the family

Chương 3: Translation practice

- 3.1. English - Vietnamese vocabulary translation
- 3.2. Population

Chương 4: Strategy 2: How to deal with idioms and fixed expressions

- 4.1. Using an idiom or fixed expression of similar meaning
- 4.2. Using an idiom or fixed expression of similar meaning but dissimilar form
- 4.3. Translation by paraphrase
- 4.4. Translation by omission

Chương 5: Translation practice

- 5.1. Vietnamese –English vocabulary translation
- 5.2. Supplementary exercises

Chương 6: Translation practice

6.1. English - Vietnamese vocabulary translation

6.2. Pollution – Impacts of pollution

Chương 7: Strategy 3: How to deal with voice, number and person

7.1. Voice

7.2. Number

7.3. Person

Chương 8: Translation practice

8.1. “Save the Earth”

8.2. Supplementary exercises

Chương 9: Translation practice

9.1. A revolution in Vietnam Education

9.2. Class distinctions

9.3. English - Vietnamese vocabulary translation

Chương 10: Strategy 4: How to deal with proper names

10.1. Geographical terms

10.2. Names of organizations

10.3. Proper names in medical texts –

Chương 11: Translation practice

11.1. Education

11.2. Vietnamese –English vocabulary translation

Chương 12: Translation practice

12.1. English - Vietnamese vocabulary translation

12.2. Healthcare

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm, thực hành cá nhân.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- **Tài liệu bắt buộc:**

- **Tài liệu bắt buộc:**

1. Margaret Rogers, (1999), *Word, test, translation*, NXB Multilingual Matters

- **Tài liệu tham khảo:**

1. Lê Hoàng, Luyện dịch Việt – Anh với cấu trúc tiếng anh đặc biệt- NXB Thanh Niên

21. BIÊN DỊCH 2

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: NN-VH & PPGD Tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Biên dịch 1, Kỹ năng Nghe-Nói 4, Kỹ năng Đọc – Viết 4

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Học phần gồm các kỹ năng chuyên sâu hơn về dịch thuật với những văn bản phức tạp hơn ở học phần Biên dịch 1. Các vấn đề được đề cập đến trong học phần gồm: giáo dục, kinh tế, chính trị, văn hoá, thể giới tự nhiên. Học phần chú trọng đến cách diễn đạt ngôn ngữ của người học khi dịch các văn bản với phong cách, thể loại, mục đích khác nhau.

- *Năng lực đạt được:* Người học có thể dịch đúng, đủ, đảm bảo văn phong phù hợp các văn bản thuộc nhiều chủ đề khác nhau dựa trên kiến thức về từ vựng thuộc các lĩnh vực khác nhau như: kinh tế, văn hoá, xã hội, đầu tư, giáo dục, tài chính, tiền tệ, du lịch..., các cấu trúc câu phức tạp và hiểu biết về văn hóa, phong tục tập quán, cuộc sống và con người của Việt Nam và các nước nói tiếng Anh cũng như các quốc gia khác.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức: Sinh viên nắm vững (trình bày, phân tích) và dung được vốn từ vựng về các lĩnh vực khác nhau, như: kinh tế, văn hoá, xã hội, đầu tư, giáo dục, tài chính, tiền tệ, du lịch... Ngoài ra, sinh viên hiểu rõ văn hoá, phong tục tập quán, cuộc sống và con người của Việt nam và các nước nói Tiếng Anh, cũng như một số quốc gia khác để có thể vận dụng trong quá trình phiên dịch.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Sinh viên có khả năng nắm bắt thông tin thông qua các hình thức: nhìn nội dung văn bản hiển thị, nghe diễn giả nói. Ngoài ra, sinh viên dung được các thiết bị công nghệ thông tin hiện đại phục vụ cho quá trình dịch viết.

2.3. Mục tiêu về thái độ: Giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn dịch viết trong quá trình học tiếng Anh và thực tế công việc sau này, có thái độ tích cực chủ động trong giờ học dịch viết, chủ động tự nâng cao kiến thức và tự luyện tập dịch viết.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Strategy: How to deal with non-subject sentences (Vietnamese – English translation)

1.1. A description of the strategy

1.2. Practice

Chương 2: Thực hành dịch: Lesson 3: Education

2.1. A revolution in Vietnam's education

2.2. Giấc mơ thoát nghèo của những cử nhân thất nghiệp

2.3. Supplementary exercises

Chương 3: Thực hành dịch

3.1. Health-Care

3.2. “Nobel Prize in medicine awarded to Sir John Gurdon and Shinya Yamanaka.”

Chương 4: Strategy: How to deal with newspaper headlines & Some main characteristics of newspaper headlines adlines.

4.1. A description of the strategy

4.2. Practice

Chương 5: Thực hành dịch: Economy

5.1. Business environment improvement wanted

5.2. “Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cho Việt Nam giai đoạn 2011-2020”

5.3. Supplementary exercises

Chương 6: Thực hành dịch: Politics

6.1. The US Great Seal

6.2. Thủ tướng đồng ý lựa chọn quốc hoa

6.3. Supplementary exercises

Chương 7: Patterns and sources of errors made by Vietnamese translators

7.1. Context

7.2. Wordcollocation

7.3. Misuse of personal pronouns and prepositions

7.4. Misuse of synonyms

Chương 8: Thực hành dịch: Animals

8.1. The history of Tortoises

8.2. Chim yến di cư

8.3. Supplementary exercises

Chương 9: Thực hành dịch: Culture

9.1. Women and their vocation

9.2. Điềm đến nổi tiếng ở Hà Nội

9.3. Supplementary exercises

Chương 10: Patterns and sources of errors made by Vietnamese translators

10.1. Style errors

10.2. Cultural errors

Chương 11: Thực hành dịch: Social Issues

11.1. Dolphin to return iPhone back to owner

11.2. Nhân tài và trách nhiệm công dân

11.3. Supplementary exercises

Chương 12: Thực hành dịch: Famous people

12.1. William Henry Perkins – The man who invented synthetic dyes.

12.2. John Masefield

12.3. Supplementary exercises

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm, thực hành cá nhân.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Gunilla Anderman, Margaret Rogers (1999), *Word, Text, Translation*. NXB Multilingual Matters

- Tài liệu tham khảo:

1. Lê Hoàng, Luyện dịch Việt – Anh với cấu trúc tiếng Anh đặc biệt- NXB Thanh Niên

22. BIÊN DỊCH 3

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: NN-VH & PPGD Tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Biên dịch 2, Kỹ năng Nghe-Nói 5, Kỹ năng Đọc – Viết 5

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Học phần bao gồm các kỹ năng dịch thuật nâng cao. Các bài dịch sẽ được nâng cao về độ khó, đa dạng về văn phong, thể loại với nhiều loại văn bản khác nhau như thư tín thương mại, hợp đồng kinh tế, nhãn hiệu, quảng cáo; danh thiếp, các giao dịch kinh doanh, thương mại, báo chí.

Năng lực đạt được: Người học có thể dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại thư tín thương mại, telex, fax và e-mail, dịch nhãn hiệu, quảng cáo; danh thiếp, các giao dịch kinh doanh, thương mại, hợp đồng, bài báo chính xác về mặt nội dung và văn phong dựa trên kiến thức về từ vựng, cấu trúc câu, văn phong thư tín thương mại, telex, fax và e-mail, nhãn hiệu, quảng cáo; danh thiếp, hợp đồng, các giao dịch kinh doanh, thương mại, báo chí.

3. Mục tiêu học phần

2.1. Kiến thức: Sinh viên nắm vững phong cách dịch, cấu trúc, từ vựng sử dụng trong thư tín thương mại, telex, fax và e-mail, nhãn hiệu, quảng cáo; danh thiếp, hợp đồng tiếng Anh, các giao dịch kinh doanh, thương mại, báo chí

2.2. Kỹ năng: Sinh viên có thể dịch tin thương mại, telex, fax và e-mail, nhãn hiệu, quảng cáo; danh thiếp, các giao dịch kinh doanh, thương mại, hợp đồng, báo chí...

2.3. Thái độ: Người học nhận thức rõ tầm quan trọng của môn học; có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Translating business letters.

- 1.1. Structure of a business letters
- 1.2. Letters parts
- 1.3. Letter layout
- 1.4. Useful phrases and specimen letters
- 1.5. Practice translating business letters.

Chương 2: Enquiries and replies

- 2.1. Structure of enquiries and replies
- 2.2. Useful phrases and specimen enquiries and replies
- 2.3. Practice translating enquiries and replies

Chương 3: Orders and acknowledgment

- 3.1. Structure of orders and acknowledgment
- 3.2. Useful phrases and specimen orders and acknowledgment
- 3.3. Practice translating orders and acknowledgment

Chương 4: Telex, fax và e-mail.

- 4.1. Structure of telex, fax, email
- 4.2. Useful phrases and specimen telex, fax, email.
- 4.3. Practice translating goodwill letters.

Chương 5: Labels.

- 5.1. Structure of labels
- 5.2. Useful phrases and specimen labels
- 5.3. Practice translating labels.

Chương 6: Advertisements

- 6.1. Structure of advertisements

6.2. Useful phrases and specimen advertisements

6.3. Practice translating advertisements.

Chương 7: Card visits

7.1. Structure of card visits

7.2. Useful phrases and specimen card visits

7.3. Practice translating card visits.

Chương 8: News and Articles

8.1. Latest news

8.2. International news

8.3. Famous people and Events

8.4. Medicine and Education

8.5. Culture and Society

8.6. Science and Technology

8.7. Economy

Chương 9: Contracts

9.1. *General business contracts*

9.1.1. **Partnership agreement**

9.1.2. **Nondisclosure agreement.**

9.1.3. **Property and equipment lease.**

9.2. *Sales-related contracts*

9.2.1. **Bill of Sale**

9.2.2. **Purchase order**

9.3. *Employment contracts*

9.3.1. **General employment contract.**

9.3.2. **Noncompete agreement**

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm, thực hành cá nhân.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- **Tài liệu bắt buộc:**

1. The Windy- Nguyễn Thu Huyền. *Cẩm nang luyện dịch Việt - Anh*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

- **Tài liệu tham khảo:**

1. Tập thể: Hướng dẫn đọc và dịch báo chí Anh – Việt. NXB: Đại Học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội.

23. PHIÊN DỊCH 1

- Số tín chỉ: 2 (18, 12, 12)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: NN-VH & PPGD Tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch, Nghe Nói 3, Kỹ năng Đọc Viết 3

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần bao gồm các nội dung về phương thức nhận diện các cấu trúc câu, các cách dùng từ, chức năng ngôn ngữ, thể loại văn bản... trong tiếng Anh và tiếng Việt. Đồng thời cũng cung cấp thêm lý thuyết về các loại hình phiên dịch, kỹ thuật trong phiên dịch, phẩm chất đạo đức của người làm phiên dịch theo các chủ đề của đời sống xã hội cụ thể như: môi trường, văn hóa, giáo dục, công nghệ, mỹ thuật...

Năng lực đạt được: Sinh viên hiểu được đúng, đủ ý của người nói trong phạm vi 2-5 câu tiếng Anh và tiếng Việt, và trình bày được nội dung đó một cách đầy đủ, chính xác bằng ngôn ngữ đích. Sinh viên ghi nhớ thông tin ở cấp độ 2-5 câu đơn thông qua các bài tập kỹ năng như Nghe-Luyện trí nhớ, Nghe-tóm tắt nội dung, Nghe-Ghi nhanh.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý thuyết phiên dịch. Trang bị cho sinh viên những kỹ năng nghiệp vụ cần thiết trong việc thực hiện nhiệm vụ của một phiên dịch viên. Bổ sung kiến thức và mở rộng vốn từ vựng, ngữ pháp dựa trên các chủ đề học tập như đất nước, con người, phong tục tập quán, giáo dục, y tế, nghề nghiệp, dân số vv...

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Sinh viên được rèn luyện kỹ năng dịch đuổi ở cấp độ câu và đoạn văn ngắn thông qua phần thực hành dịch các bài hội thoại, phỏng vấn, các bài diễn thuyết hoặc bản tin thuộc chủ đề nêu trên. Các kỹ năng phiên dịch thiết yếu bao gồm: Kỹ năng ghi nhớ, Kỹ năng ghi chép, Kỹ năng nghe hiểu, Kỹ năng trình bày trước công chúng, Kỹ năng chọn lọc ngôn ngữ và vận dụng ngôn ngữ linh hoạt khi dịch, Kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, Kỹ năng tự nghiên cứu và vận dụng.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Giúp sinh viên có thái độ đúng đắn về nghề phiên dịch, vai trò của phiên dịch viên, những yêu cầu cơ bản về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tự giác trau dồi kỹ năng phiên dịch.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Interpretation

- 1.1. Interpretation versus interpretation
- 1.2. Types and modes of interpretation
- 1.3. Factors involved in the interpretation process
- 1.4. Some tactics in simultaneous interpretation

Chương 2: Interpretation

- 2.1. Training of interpreters
- 2.2. The interpretation profession
- 2.3. The future

Chương 3: Interpreter

- 3.1. Skills an interpreter needs
- 3.2. Listening skill
- 3.3. Memorizing skill
- 3.4. Jotting skill

Chương 4: Interpreter's psychology

- 4.1. Interpretation shifts
- 4.2. Skill of reproducing texts
- 4.3. Interpreter's difficulties and solution

4.4. Interpreter's psychology

Chương 5: Interpreter's solution

5.1. Passive interpretation between languages

5.2. Cultural differences

5.3. Terminologies

5.4. Background knowledge

5.5. Qualities an interpreter needs

Chương 6: Interpreting spotlight talks: English – Vietnamese

Chương 7: Interpreting sentences and dialogues: Vietnamese - English

Chương 8: Interpreting spotlight talks: English – Vietnamese

Chương 9: Interpreting spotlight talks: English – Vietnamese

Chương 10: Interpreting sentences and dialogues: Vietnamese - English

Chương 11: Interpreting spotlight talks: English – Vietnamese

Chương 12: Interpreting spotlight talks: English – Vietnamese

Chương 13: Interpreting sentences and dialogues: Vietnamese - English

Chương 14: Revision

1. Submission of group assignments

2. Revision of interpretation practice

3. Instruction for final test

4. Sample final test

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm, trình bày

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Quốc Hùng (2007), Hướng dẫn kỹ thuật phiên dịch Anh – Việt, Việt – Anh. Nhà xuất bản : Văn hóa Sài Gòn

- Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Đức Châu (2004) Phương pháp mới Phiên dịch, Biên dịch Anh - Việt, Việt - Anh (Cuốn 1)- NXB Trẻ

2. Gile, D (2009), Basic concepts and models for interpreter and translator training. NXB: John Benjamins

24. PHIÊN DỊCH 2

- Số tín chỉ: 2 (18, 12, 12)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: NN-VH & PPGD Tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Phiên dịch 1, Kỹ năng Nghe-Nói 4, Kỹ năng Đọc-Viết 4

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần bao gồm các nội dung về kỹ năng ghi chép ở mức độ chuyên nghiệp của dịch chuỗi (consecutive) Anh – Việt và Việt – Anh, kỹ năng dịch và diễn giải, kỹ năng thuyết trình và nói trước đám đông trong các tình huống dịch thực tế thông qua một số chủ đề về kinh tế, xã hội, môi trường, v.v... Sinh viên cũng thực hành theo nhóm các hội nghị mô phỏng, phỏng vấn, bài giảng, v.v.

Năng lực đạt được: Sinh viên có thể tóm tắt các bài nói tiếng Anh và tiếng Việt dài từ 5 đến 10 câu với ý chính, ý phụ và chi tiết minh họa. Sinh viên phát triển kỹ năng dịch nhanh, chính xác, đủ ý, hiểu hàm ý của người nói các bài phát biểu, phỏng vấn, v.v.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sinh viên nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) về các nội dung triển khai trong phân lý thuyết dịch.

Sinh viên nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) các tình huống phiên dịch thường gặp khi dịch, các bài phát biểu, phỏng vấn, các vấn đề có liên quan đến tình hình kinh tế-xã hội Việt Nam.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Sinh viên được rèn luyện kỹ năng dịch chuỗi ở mức độ đoạn văn và bài nói dài, tóm tắt được ngôn bản (phân biệt được ý chính, ý phụ và chi tiết minh họa) thông qua phân thực hành bài phỏng vấn, phát biểu các chủ đề nêu trên, các kỹ năng phiên dịch thiết yếu bao gồm:

- + Kỹ năng phân tích lời nói
- + Kỹ năng xác định và chọn lọc ý chính
- + Kỹ năng nhớ và ghi chép nhanh
- + Kỹ năng diễn giải và tái diễn đạt
- + Kỹ năng tự kiểm soát
- + Kỹ năng trình bày

2.3. Mục tiêu về thái độ

Sinh viên nhận thức rõ tầm quan trọng của môn học; có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Introduction to Interpreting

Chương 2: Note-taking

2.1. Principles of note-taking in consecutive interpreting

2.2. Dealing with numbers and lists

2.3. Using abbreviations

Chương 3: Reformulation

3.1. Definitions and reformulation process

3.2. Finding the Gist

3.3. Reformulating the location of actors and objects

3.4. Reformulating specific concepts and relationships

3.5. Reformulating at the word level

Chương 4: Re-expression skills and coping tactics

- 4.1. Adding information
- 4.2. Reconstructing the segmental information in context
- 4.3. Paraphrasing and explaining
- 4.4. Reproducing the sound heard in the SL speech
- 4.5. Asking for clarification
- 4.6. “When in doubt, leave it out”
- 4.7. Self-correcting

Chương 5: Interpreting talks: Economic and international commerce

Chương 6: Interpreting talks: Social issues

Chương 7: Interpreting talks: Environment

Chương 8: Interpreting talks: Education

Chương 9: Interpreting talks: Health

Chương 10: Interpreting talks: Tourism

Chương 11: Interpreting talks: Transport

Chương 12: Interpreting talks: Community service

Chương 13: Interpreting talks: Security

Chương 14: Revision

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Robin Setton; Andrew Dawrant (2016), Conference interpreting: A complete course, NXB: John Benjamins Pub. Co.,

- Tài liệu tham khảo:

1. Andrew Gillies (2013), Conference interpreting: a students' Practice Book, NXB: Routledge

25. KỸ NĂNG NGHE NÓI 1

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: PTKN tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần*: Học phần bao gồm từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ sơ cấp để nghe hiểu và sử dụng trong những tình huống giao tiếp liên quan đến nội dung chủ đề bài học như: giới thiệu bản thân, gia đình, đất nước, con người, du lịch, sức khỏe, tiêu khiển, phong tục tập quán, ẩm thực, mua sắm...

- *Năng lực đạt được*: Người học nghe hiểu và sử dụng được hệ thống từ vựng, áp dụng được các cấu trúc câu đã học vào các tình huống giao tiếp thực tế như giới thiệu về bản thân, về gia đình; miêu tả danh lam thắng cảnh, miêu tả sự vật hiện tượng, phong tục tập quán, bày tỏ được việc chấp nhận hoặc từ chối lời mời.... Kết thúc học phần người học đạt bậc 2/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, một số kỹ năng nghe nói cơ bản để nhận biết và phân biệt được các âm tiết có trọng âm hoặc từ đồng âm khác nghĩa, nghe từ khóa, nghe và hiểu được nội dung chính của đoạn hội thoại hoặc một bài nói ngắn, nắm được những cấu trúc câu đơn để có thể giao tiếp trong những tình huống đơn giản.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Kết thúc học phần người học có những kỹ năng nghe cơ bản như: xác định được chủ đề của các hội thoại chậm và rõ ràng; xác định được thông tin chính của các bản tin ngắn; hiểu được những hướng dẫn chỉ đường, sử dụng phương tiện giao thông công cộng đơn giản. Về kỹ năng nói, người học vận dụng những ngữ liệu đã tích lũy trong bài nghe để giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hàng ngày như công việc và thời gian rảnh rỗi; có thể truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: My life (Profile)/ Introduction - Communicating in English

Unit 1: It's my life [1]; Unit 1: Introduction and names [2]

1. Course Introduction

2. Orientation and tips for listening and speaking

2.1 Recognizing appropriate forms of address

2.2. Identifying stressed words and reductions

3. Listening skills:

3.1. Listening for names

3.2. Listening for details

3.3. Listening and making predictions

4. Speaking skills

4.1. Greeting and saying goodbye in variety of ways

4.2. Asking and answering questions about basic personal information

4.3. Beginning a social conversation and respond appropriately

4.4. Introducing yourself and people

4.3. Pronunciation: Third person - es

Nội dung 2: My life (Daily activities)

Unit 1: It's my life [1]; Unit 4: Routines [2]

1. Vocabulary: daily activities, describing people
2. Listening skills
 - 2.1. Listening for topic
 - 2.2. Listening for gist
 - 2.2. Listening for details
3. Speaking skills
 - 3.1. Describing people
 - 3.2. Talking about daily activities
 - 3.3. Pronunciation: Can/ can't

Nội dung 3: Sports and exercises**Unit 2: Get active [1]; Unit 8: Sports and exercise [2]**

1. Vocabulary: sports and exercises
2. Listening skills:
 - 2.1. Listening for gist
 - 2.2. Listening for frequency
 - 2.3. Listening for details
 - 2.4. Listening and making prediction
3. Speaking skills
 - 3.1. Asking for information
 - 3.2. Responding to request
 - 3.3. Pronunciation: -ing

Nội dung 4: Food and drinks**Unit 3: Food for thought [1]; Unit 13: Restaurants [2]; Progress test 1**

1. Vocabulary:
2. Listening skills:
 - 2.1. Listening for gist
 - 2.2. Listening for details
 - 2.3. Listening for attitudes
3. Speaking skills
 - 3.1. Talk about food & drink and express opinions
 - 3.2. Ask about food & drink and describe different dishes
 - 3.3. Pronunciation: word stress
4. Bài kiểm tra số 1

Nội dung 5: Eating out**Unit 3: Food for thought [1]; Unit 13: Restaurants [2]**

1. Vocabulary: Restaurant
2. Listening skills:
 - 2.1. Listening for gist
 - 2.2. Listening for details
 - 2.3. Listening for attitudes
3. Speaking skills
 - 3.1. Serving and ordering a meal in a restaurant
 - 3.2. Asking about dishes on the menu
 - 3.3. Paying
 - 3.4. Pronunciation: word stress

Nội dung 6: Transport**Unit 4: Going places [1]; midterm test**

1. Vocabulary: means of transport

2. Listening skills:
 - 2.1. Listening for key words
 - 2.2. Listening for main ideas
 - 2.3. Listening for specific information
3. Speaking skills
 - 3.1. Greeting people you don't know in public
 - 3.2 Asking for and providing information about transport and facilities
 - 3.2. Checking in
 - 3.3. Pronunciation: -s/- es ending
4. Bài kiểm tra giữa kì

Nội dung 7: Vocation and journey

Unit 4: Going places [1]; Unit 15: Vacations [2]

1. Vocabulary: prepositions of movement
2. Listening skills:
 - 2.1. Listening for gist
 - 2.2. Listening for details
 - 2.3. Listening for attitudes
3. Speaking skills
 - 3.1. Asking for information at a Tourist Information Office
 - 3.2 Making and respond to suggestions
 - 3.3. Talking about places you visited
 - 3.3. Pronunciation: -ed ending

Nội dung 8: Shopping

Unit 5: Out of this world [1]; Unit 19: Shopping [2]; Progress test 2

1. Vocabulary: Prices; items in a gift shop;
2. Listening skills:
 - 2.1. Listening for details
 - 2.2. Listening for gist
 - 2.3. Listening and making prediction
3. Speaking skills
 - 3.1. Customer (talking to a salesperson)
 - 3.2. Shop assistant (talking to customer)
 - 3.3. Pronunciation: contrastive stress
4. Bài kiểm tra số 2

Nội dung 9: Family

Unit 1: My profile [1]; Unit 10: The family [2]

1. Vocabulary: family members
2. Listening skills:
 - 2.1. Listening for details
 - 2.2. Listening for gist
 - 2.3. Listening for similarities
3. Speaking skills
 - 3.1. Talking about family
 - 3.2. Pronunciation: Reduction of 'do', 'does' and 'are'

Nội dung 10: Friends

Unit 7: You've got a friend [1]; Unit 14: Small talk [2]; Unit People we know [2]; Progress test 3

1. Vocabulary: friends, apologies
2. Listening skills:

- 2.1. Listening for opinions and attitudes
- 2.2. Listening for gist
- 2.3. Listening for details
- 2.4. Listening for similarities and differences
- 3. Speaking skills
- 3.1. Apologizing/ Responding
- 3.2. Accepting apologies
- 3.3. Meeting with a new friend
- 3.4. Pronunciation: sentence stress
- 4. Bài kiểm tra số 3

Nội dung 11: Jobs

Unit 8: Nice work [1]; Unit 6: Jobs [2]

- 1. Vocabulary: types of jobs
- 2. Listening skills:
 - 2.1. Listening for attitudes
 - 2.2. Listening for gist
 - 2.3. Listening for details
- 3. Speaking skills
 - 3.1. Asking how someone is
 - 3.2. Offering advice
 - 3.3. Expressing doubt and accepting advice
 - 3.4. Identifying emphasis
 - 3.5. Pronunciation: have to

Nội dung 12: Places and directions

Unit 9: Out and about [1]; Unit 21: Directions [2]

- 1. Vocabulary: streets and places
- 2. Listening skills:
 - 2.1. Listening for key words
 - 2.2. Listening for main ideas
 - 2.3. Listening for specific information
 - 2.4. Listening for gist
- 3. Speaking skills
 - 3.1. Asking for directions
 - 3.2. Giving direction
 - 3.3. Pronunciation: Intonation for confirming information
- 5. Bài kiểm tra số 4

4. Yêu cầu của môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp học những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu

- Tài liệu bắt buộc:

1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). *Achievers A2*. NXB: Richmond.
2. Jack, C. Richards. (2010). *Basic Tactics for Listening 3rd Edition*. NXB Oxford University Press.

- Tài liệu tham khảo:

1. *Cambridge Key English Test 6*. (2015). NXB Cambridge University Press.
2. *Cambridge Key English Test 7*. (2015). NXB Cambridge University Press

26. KỸ NĂNG ĐỌC VIẾT 1

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: PTKN tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần gồm các bài đọc ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc như gia đình, thức ăn và sức khỏe, công việc, thể thao, vui chơi giải trí và cách viết các cụm từ, câu có liên từ đơn giản, các tin nhắn, thư từ, blog, báo cáo, các đoạn văn đơn giản về những chủ đề quen thuộc.

Năng lực đạt được: Người học đọc hiểu được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc. Về kỹ năng viết, người học biết viết các cụm từ, câu có dùng liên từ, các tin nhắn, thư từ, blog, báo cáo hay đoạn văn đơn giản. Kết thúc học phần người học đạt bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Kết thúc học phần người học có vốn từ vựng, cấu trúc câu, một số kỹ năng đọc cơ bản và kiến thức nền để có thể đọc hiểu những bài đọc có trình độ A2 về các chủ đề khác nhau trong cuộc sống; biết cách xác định nội dung chính, tìm thông tin chi tiết, dự đoán nội dung trước khi đọc; cách viết cụm từ, câu có sử dụng các liên từ đơn giản, viết các tin nhắn, thư từ, blog cá nhân, báo cáo và các đoạn văn ngắn đơn giản.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Về kỹ năng đọc, người học có thể đọc lướt để tìm thông tin cụ thể trong các văn bản đơn giản như thư từ, tờ thông tin, bài báo ngắn mô tả sự kiện, quảng cáo, thực đơn; Có thể hiểu được các biển báo, thông báo, quy định trong các tình huống hằng ngày ở nơi công cộng hay nơi làm việc, các loại thư từ và văn bản điện tử cơ bản về các chủ đề quen thuộc, các loại thư từ cá nhân ngắn gọn, đơn giản, các hướng dẫn sử dụng đơn giản cho các thiết bị trong đời sống hằng ngày, đồng thời phát triển một số kỹ năng đọc như đọc nhanh để tìm ý chính của bài đọc, đọc lướt để tìm các thông tin chi tiết, đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh, cách nhận biết ý chính, ý hỗ trợ của mỗi đoạn, logic của bài đọc, phân biệt sự thật và ý kiến... Về kỹ năng viết, người học có thể viết các mệnh đề, câu đơn giản và nối chúng lại với nhau bằng các liên từ phù hợp, có thể viết đoạn văn đơn giản về các chủ đề quen thuộc như gia đình, điều kiện sống, quá trình học tập và công việc hiện tại, có thể viết những ghi chú ngắn, sử dụng biểu mẫu về những vấn đề thuộc lĩnh vực quan tâm, có thể lựa chọn và tái tạo những từ, cụm từ quan trọng, hay những câu ngắn từ một đoạn văn ngắn.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Nội dung 1: Unit 1: It's my life [1]; Unit 1: Food and health [2]

1.1. Reading

1.1.1. Course Introduction and orientation

1.1.2. Lesson 1: My profile; Meet the Smiths (an average British family) [1]

1.1.3. Lesson 2: Fast Food; Food facts [2]

1.1.4. Targeted skills: Scanning for specific information

1.2. Writing: A personal description [1]

1.2.1. Diagnostic Test

1.2.2. Grammar: Present simple; Using conjunctions; Capital rules

1.2.3. Write a personal profile [1]

Nội dung 2: Unit 2: Get Active [1]; Unit 2: Where does it come from? [2]

2.1. Reading:

2.1.1. Lesson 1: The Outward bound Experience; Urban magic [1]

2.1.2. Lesson 2: Paper inventions; The most useful inventions [2]

2.1.3. Targeted skills: Predicting

2.2. Writing: A note

2.2.1. Grammar: Present continuous; State verb; Using punctuation [1]

2.2.2. Write a note [handout]

Nội dung 3: Unit 3: Food for thought [1]; Unit 3: Study overseas [2]

3.1. Reading:

3.1.1. Lesson 1: Extreme restaurants; The way we eat [1]

3.1.2. Lesson 2: Choosing to study overseas; My travel journal [2]

3.1.3. Targeted skills: Using subtitle to predict content

3.2. Writing: A text message on the phone

3.2.1. Grammar: Countable and uncountable nouns; Quantifiers [1]

3.2.2. Write a text message on the phone [handout]

Nội dung 4: Unit 4: Going places [1]; Unit 4: Money and Budgets [2]

4.1. Reading:

4.1.1. Lesson 1: The land of ice and fire; A voyage into the past [1]

4.1.2. Lesson 2: A student budget; My money [2]

4.1.3. Targeted skills: Skimming for the main idea

4.2. Writing: A holiday blog [1]

4.2.1. Grammar: Past simple; Sequencing words and expressions

4.2.2. Write the blog entries.

4.3. Progress test 1

Nội dung 5: Unit 5: Out of this world [1]; Unit 6: Education and learning [2]

5.1. Reading

5.1.1. Lesson 1: The secret of the solar system; Record – breaking world [1]

5.1.2. Lesson 2: The world's oldest university; Life long learning [2]

5.1.3. Targeted skills: Recognizing sequence of events

5.2. Writing: Informal letter

5.2.1. Grammar: Comparatives; Superlatives; Subject - verb agreement

5.2.2. Write an informal letter [handouts]

Nội dung 6: Unit 6: Crime watch [1]; Unit 8: Technology [2]

6.1.1. Lesson 1: Monica and the house of dogs; Crime doesn't pay [1]

6.1.2. Gadgets for work and play; The history of the Internet [2]

6.1.3. Targeted skills: Skimming [handout] for the main ideas

6.2. Writing: Formal letter

6.2.1. Grammar: Past continuous; Simple sentences

6.2.2. Write a formal letter [handout]

6.3. A mid-term test

Nội dung 7: Unit 7: You've got a friend [1]; Unit 9: Sports and Games [2]

7.1. Reading:

7.1.1. Lesson 1: The secret of the stars; Best friends [1]

7.1.2. Lesson 2: Let's play ball; Soccer and the world cup [2]

7.1.3. Targeted skills: Identifying main ideas within paragraphs

7.2. Writing: Postcard

7.2.1. Grammar: Present Perfect; Complex sentences

7.2.2. Write a postcard [handout]

Nội dung 8: Unit 8: Nice work [1]; Unit 10: Wonders of the world [2]

8.1. Reading

8.1.1. Lesson 1: The coolest job ever; Teen work

8.1.2. Lesson 2: The seven Ancient wonders; The modern wonders

8.1.3. Targeted skills: Identifying main ideas within paragraphs

8.2. Writing: Formal and informal email

8.2.1. Grammar: Modals; Passive voice

8.2.2. Write formal and informal email

8.3. Progress test 2

Nội dung 9: Unit 9: Out and about [1]; Unit 11: Animal magic [2]; Unit 1: The sentence and the paragraph [3]

9.1. Reading

9.1.1. Lesson 1: Oxford this weekend; That's entertainment [1]

9.1.2. Lesson 2: What's that sound?; Animal actors [2]

9.1.3. Targeted skills: Skimming for the main idea

9.2. Writing: The sentence and the paragraph

9.2.1. Stimulating ideas

9.2.2. Developing a paragraph

9.2.3. Unity and coherence

Nội dung 10: Unit 12: The English language [2]; Unit 1: The sentence and the paragraph (continued) [3]

10.1. Reading:

1.1. Lesson 1: The history of English [2]

1.2. Lesson 2: Which English do you speak [2]

1.3. Targeted skills: Skimming for the main idea

10.2 Writing: The sentence and the paragraph (continued) [3]

10.2.1. Editing your writing

10.2.2 Putting it all together

10.2.3 Writing practice

10.3. Progress test 3

Nội dung 11: Unit 13: Holidays and Festivals [2]–Unit 2: Descriptive Paragraphs [3]

11.1. Reading: Holidays and Festivals [2]

11.1.1. Lesson 1: How do you celebrate?

11.1.2. Lesson 2: Labor Day

11.1.3. Targeted skills: Predicting

11.2. Writing: Descriptive paragraph [3]

11.2.1. Stimulating ideas

11.2.2. Brainstorming and outlining

11.2.3. Developing your ideas

Nội dung 12: Unit 15: Nonverbal Communication [2]; Unit 2: Descriptive paragraph (continued) [2]

12.1. Reading: Nonverbal Communication

12.1.1. Lesson 1: Actions speak louder than words

12.1.2. Lesson 2: Talking with your hands

12.1.3. Targeted skills: Skimming for main ideas

12.2. Writing: Descriptive paragraph (continued)

12.2.1. Editing your writing

12.2.1. Putting it all together

12.2.3. Writing practice

12.3. Progress test 4

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận theo nhóm, thực hành cá nhân.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu

- Tài liệu bắt buộc:

1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). *Achievers A2*, NXB .Richmond.
2. Neil J.Anderson (2001). *Active Skills for Reading/INTRO*. NXB: Heine and Heine.
3. Alice Savage & Patricia Mayer.(2007). *Effective Academic Writing 1*. NXB CUP

- Tài liệu tham khảo:

1. *Cambridge Key English Test 6*. (2015). NXB Cambridge University Press.
2. *Cambridge Key English Test 7*. (2015). NXB Cambridge University Press.

27. KỸ NĂNG NGHE NÓI 2

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: PTKN tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng nghe nói 1

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần gồm lượng từ vựng, cấu trúc câu, kỹ năng giao tiếp liên quan đến nội dung chủ đề bài học như: công việc, thời tiết, môi trường, công nghệ, thể thao, các phương tiện giao thông, các mối quan hệ xã hội, sự kiện đặc biệt, chương trình phát thanh, truyền hình...

Năng lực đạt được: Người học nghe hiểu và sử dụng được hệ thống từ vựng, áp dụng được các cấu trúc câu vào các tình huống giao tiếp thực tế, diễn đạt khá tự tin khi nói về công việc, thông báo về thời tiết, bày tỏ thái độ hoặc ý kiến, đưa ra hoặc chấp nhận lời khuyên; miêu tả và đưa ra nhận xét về các phát minh, các môn thể thao...; Kết thúc học phần người học đạt bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Về kiến thức, ở học phần này người học được cung cấp các dạng bài nghe đa dạng về các chủ đề như: những kỉ niệm của một người, về nhà ở, một sự kiện đặc biệt, đi lại, mua sắm sức khỏe, thời gian rảnh rỗi, thông tin chính của bản tin trên đài và trên truyền hình, các quy trình (xử lý/ sản xuất), các đoạn hội thoại thể hiện quan điểm cá nhân, cách đưa ra lời mời, lời xin lỗi, lời cảm ơn, cách giải thích cho những quan điểm, kế hoạch hoặc hoạt động cá nhân ... Thông qua các bài luyện nghe, người học nắm được một lượng từ vựng và cấu trúc thông dụng xung quanh chủ đề của bài học, từ đó vận dụng vào các tình huống giao tiếp theo chủ đề tương ứng; người học xác định được thông tin chính như hỏi, nói giá cả, số phòng, số điện thoại, đánh vần tên riêng v.v.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học có thể giao tiếp tương đối tự tin về các chủ đề quen thuộc hàng ngày liên quan đến sở thích, công việc và cuộc sống thường ngày cũng như những chủ đề không quen thuộc hoặc không liên quan đến lĩnh vực mình quan tâm; có thể tranh luận một cách rõ ràng củng cố quan điểm của mình bằng những lập luận và ví dụ minh họa phù hợp; có thể nói về những trải nghiệm của bản thân; có thể hiểu ý chính của các chương trình điểm tin trên đài phát thanh và truyền hình về các đề tài quen thuộc và các chủ điểm mà người học quan tâm; có thể hiểu chỉ dẫn chi tiết về quy trình sản xuất/ xử lý một sản phẩm nào đó; có thể diễn đạt cảm xúc hoặc ứng xử trước những cảm xúc như ngạc nhiên; buồn vui, quan tâm...; có thể xử lý hầu hết các tình huống phát sinh khi đi du lịch, khiếu nại sản phẩm, đặt chỗ ở nhà hàng, khách sạn...

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: True stories

1. Course Introduction

1.1. Words used to describe people's memories

1.2. Words related to past events

2. Listening skills:

2.1. Listening for key words

2.2. Listening for opinions

2.3. Listening for gist

2.4. Distinguishing between rising and falling intonations

- 2.5. Identifying stressed words and reductions
- 3. Speaking skills
 - 3.1. Talking about people's earliest memories
 - 3.2. Discussing our sense and bodies
- 4. Targeted skills:
 - 4.1. Making and answering invitations
 - 4.2. Distinguishing between different sentence intonations

Nội dung 2: My style

- 1. Vocabulary: Home & furniture -stuff – clothing & accessories
 - 1.1. Words related to home & furniture
 - 1.2. Words related to stuff
 - 1.3 Words related to clothing & accessories
- 2. Listening skills:
 - 2.1. Listening for key words
 - 2.2. Listening for main ideas
 - 2.3. Listening for specific information
 - 2.4. Listening for gist
 - 2.5. Identifying stressed words and reductions
 - 2.6. Distinguishing ordinal and cardinal numbers
- 3. Speaking skills
 - 3.1. Expressions to give positive and negative opinions
 - 3.2. Expressions to identify things
 - 3.6. Identifying invitations/opinions
 - 3.4. Expressions to describe a problem and suggest a solution
 - 3.5. Expressions of suggestions
- 4. Targeted skills:
 - 4.1. Giving and accepting invitation
 - 4.2. Expressing opinions
- 5. Succeed in PET 3 : Test 1

Nội dung 3: Save the planet

- 1. Vocabulary: Environemnt & Material
 - 1.1. Words related to environemnt
 - 1.2. Words related to material
- 2. Listening skills:
 - 2.1. Listening for gist
 - 2.2. Listening for details
 - 2.3. Listening for key words
- 3. Speaking skills
 - 3.1. Talking about change
 - 3.2. Giving opinions
 - 3.3. Asking for an explanation
 - 3.4 Expressing agreement and disagreement
 - 3.5 Adding and contrasting informatin
- 4. Targeted skills:
 - 4.1. Talking about change
 - 4.2. Giving opinions
- 5. Succeed in PET 3 : Test 2

Nội dung 4: Hopes and dreams

- 1. Vocabulary: TV programmes & Life events

- 1.1. Words related to TV programmes
- 1.2. Words related to life events
2. Listening skills:
 - 2.1. Listening for key words
 - 2.2. Listening for main ideas
 - 2.3. Listening for specific information
 - 2.4. Listening for gist
3. Speaking skills
 - 3.1. Making offers and requests
 - 3.2. Accepting and refusing
4. Targeted skills:
 - 4.1. The way to make offers and requests
 - 4.2. The way to accept and refuse
5. Succeed in PET 3: Test 3

Nội dung 5: Mind and the body

1. Vocabulary: Health & Mind verbs
 - 1.1. Words related to health
 - 1.2. Words related to mind verbs
2. Listening skills:
 - 2.1. Listening for key words
 - 2.2. Listening for main ideas
 - 2.3. Listening for specific information
 - 2.4. Listening for gist
 - 2.5. Listening for details
 - 2.6. Listening for numbers
 - 2.7. Distinguishing between different ways of expressing amount of money.
3. Speaking skills
 - 3.1. Identifying preferences
 - 3.2. Identifying location
 - 3.3. Identifying time
 - 3.4. Expressing opinions
 - 3.5. Making recommendations
4. Targeted skills:
 - 4.1. The way to express opinions
 - 4.2. The way to make recommendations
5. Succeed in PET 3 : Test 4

Nội dung 6: Scientific stuff

1. Vocabulary: Words related to science lab and using computers
 - 1.1. Words related to science lab
 - 1.2. Words related to using computers
2. Listening skills:
 - 2.1. Identifying stages in a process
 - 2.2. Listening for gist and details
 - 2.3. Distinguishing between /b/ and /v/
3. Speaking skills
 - 3.1. Asking for information
 - 3.2. Giving a talk about a process
4. Targeted skills:
 - 4.1. The way to ask for information

4.2. The way to give a talk about a process

5. Succeed in PET 4: Test 1

Nội dung 7: The big screen

1. Vocabulary: Words related to film genres & movies

1.1. Words related to film genres

1.2. Words to describe movies

2. Listening skills:

2.1. Listening for main ideas

2.2. Listening for specific information

2.3. Listening for key words and details

3.4 Identifying sequences

3. Speaking skills

3.1. Showing things

3.2. Checking things

3.3. Giving and responding an invitation

4. Targeted skills:

4.1. Showing things

4.2. Checking things

4.3. Giving and responding an invitation

4.4 Identifying sequences

5. Succeed in PET 4 : Test 2

Nội dung 8: Let's celebrate

1. Vocabulary: Words related to celebrations and phrasal verbs

1.1. Words related to celebrations

1.2. Phrasal verbs

2. Listening skills:

2.1. Listening for key words

2.2. Listening for gist

2.3. Listening for details

2.4. Identifying sequence and places

2.5. Distinguishing between the sounds of /s /ʃ/

3. Speaking skills

3.1. Taking and leaving messages

3.2. Opening the conversation

3.3. Checking message/ Closing

4. Targeted skills:

4.1. Taking and leaving messages

4.2. Opening the conversation

4.3. Checking message/ Closing

5. Succeed in PET 4: Test 3

6. Bài kiểm tra giữa kì

Nội dung 9: Teen success

1. Vocabulary: Words related to personal development

2. Listening skills:

2.1. Listening for key words

2.2. Listening for gist

2.3. Listening for details

2.4. Understanding a radio programme

3. Speaking skills

- 3.1. Breaking news
- 3.2. Reacting and responding
- 3.3. Identifying intonation in tag questions

4. Targeted skills:

- 3.1. Giving a talk about a radio program
- 3.2. Reacting and responding
- 3.3. Identifying intonation in tag questions

5. Succeed in PET 4: Test 4

Nội dung 10: Shopping problem

1. Vocabulary: Words related to shopping

2. Listening skills:

- 2.1. Listening for key words
- 2.2. Listening for gist
- 2.3. Listening for details
- 2.4. Listening for opinions

3. Speaking skills

- 3.1. Understanding detail in a seminar
- 3.2. Planning and giving a mini seminar
- 3.3. Asking questions about a seminar

4. Targeted skills:

- 4.1. Understanding detail in a seminar
- 4.2. Planning and giving a mini seminar
- 4.3. Asking questions about a seminar

5. Succeed in PET 5 : Test 1

Nội dung 11: Travel – sightseeing

1. Vocabulary: Words related to travel

2. Listening skills:

- 2.1. Listening for locations
- 2.2. Listening for details
- 2.3. Listening for opinions
- 2.4. Listening for recommendations
- 2.5. Listening for sequence

3. Speaking skills

- 3.1. Giving suggestion
- 3.2. Talking about your vacation

4. Targeted skills:

- 4.1. Giving suggestion
- 4.2. Talking about your vacation

5. Succeed in PET 5: Test 2

Nội dung 12: Work

1. Vocabulary: Words related to Jobs

2. Listening skills:

- 2.1. Listening for main ideas
- 2.2. Listening for specific information
- 2.3. Listening for key words and details

3. Speaking skills

- 3.1. Identifying likes and dislikes
- 3.2. Understanding conversations about tasks in the workplace
- 3.3. Talking about whether tasks are completed or not

3.4. Giving and understanding feedback

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). *Achievers B1+*, NXB .Richmond.
2. Jack, C.Richards. (2010). *Developing Tactics for Listening 3rd Edition*. NXB Culture-Information Press

- Tài liệu tham khảo:

1. Cambridge Preliminary English Test 5 (2008)., .NXB Cambridge University Press
2. Cambridge Preliminary English Test 6 (2010). NXB . Cambridge University Press.
3. Cambridge Preliminary English Test 7 (2012). NXB . Cambridge University Press

28. KỸ NĂNG ĐỌC VIẾT 2

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: PTKN tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.
- *Điều kiện tiên quyết:* Kỹ năng Đọc Viết 1

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần gồm các bài đọc hiểu về các chủ đề: văn hóa, giáo dục, đời sống, khoa học, nghệ thuật...; các kỹ năng đọc lướt, đoán nghĩa từ, xác định ý chính, ý hỗ trợ, xác định nguyên nhân, kết quả, sự thật, kỹ năng viết đoạn văn, bài luận ngắn.

Năng lực đạt được: Người học đọc hiểu được các văn bản về các chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, xác định các kết luận chính trong các văn bản nghị luận, nhận diện mạch lập luận của văn bản đang đọc; Người học biết cách viết bài luận đơn giản về các chủ đề quen thuộc hoặc mối quan tâm cá nhân bằng cách kết nối các thành tố đơn lập thành bài viết có cấu trúc. Kết thúc học phần người học đạt bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học có vốn từ vựng, cấu trúc câu, kỹ năng đọc hiểu và kiến thức nền để có thể đọc hiểu những bài đọc có trình độ tiền trung cấp về các chủ đề khác nhau như: văn hóa, giáo dục, đời sống, khoa học, nghệ thuật... Đồng thời, người học có kiến thức về cách viết thư, viết bình luận, cách lập dàn ý, phát triển ý, cách viết đoạn mở bài, thân bài và kết luận của một bài luận ngắn thể hiện ý kiến, quan điểm cá nhân.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học có kỹ năng đọc để tìm ý chính của bài đọc, đọc lướt để tìm thông tin chi tiết, đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh, đồng thời phát triển một số kỹ năng đọc khác như cách nhận biết ý chính, ý hỗ trợ của mỗi đoạn, logic của bài đọc, phân biệt sự thật và ý kiến; có kỹ năng viết một bài luận ngắn thể loại mô tả, kể chuyện, đưa ra ý kiến, nguyên nhân, và kết quả; có thể viết những báo cáo ngắn gọn, có thể tập hợp thông tin từ nhiều nguồn và tóm tắt lại nó cho người khác...

2.3. Mục tiêu về thái độ: Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1

1.1.Course Introduction/Orientation

1.2 Reading:

1.2.1. Unit 1: True stories

1.2.2 Unit 1: Cross-cultural connections

1.2.2. Targeted skills: Predicting, Scanning for specific information

Reading and understanding a text about an Indian boy's incredible story

Reading and understanding a text about blind people using advanced mobility technique

Telling and anecdote and respond in an appropriate way.

1.3.Writing: Narrative Paragraphs

1.3.1. Part 1: Stimulating ideas

1.3.2. Part 2: Brainstorming & Outlining

1.3.3. Part 3: Developing your ideas

1.3.4. Succeed in PET 3 :Test 1 (Writing)

Nội dung 2

2.1.Reading:

- 2.1.1. Unit 2: My style
- 2.1.2. Unit 3: Universal mysteries
- 2.1.3. Targeted skills: Skimming for the main idea, identifying meaning from context

2.2. Writing: Narrative Paragraphs (continued)

- 2.2.1. Part 4: Editing your writing
- 2.2.2. Part 5: Putting it all together
- 2.2.3. Writing practice
- 2.3.4 Succeed in PET 3 :Test 2 (Writing)

Nội dung 3

3.1. Reading:

- 3.1.1. Unit 3: Save the planet
- 3.1.2. Unit 4: Our fragile planet
- 3.1.3. Targeted skills: Identifying main ideas within paragraphs, Identifying cause and effect

3.2. Writing: Process Paragraphs

- 3.2.1. Part 1. Stimulating ideas
- 3.2.2. Part 2. Brainstorming & outlining
- 3.2.3. Part 3. Developing your ideas

Nội dung 4

4.1. Reading:

- 4.1.1. Unit 4: Hopes and dreams
- 4.1.2. Unit 5: Getting down to business
- 4.1.3. Targeted skills: Skimming for main ideas, Identifying main and supporting ideas

4.2. Writing: Process Paragraphs (continued)

- 4.2.1. Part 4. Editing your writing
- 4.2.2. Part 5. Putting it all together
- 4.2.3. Writing practice

Nội dung 5

5.1. Reading:

- 5.1.1. Unit 5: Mind and body
- 5.1.2 Unit 6: The power of music
- 5.1.3. Targeted skills: Identifying meaning from context, making references

5.2. Writing: Opinion Paragraphs

- 5.2.1. Part1: Stimulating ideas
- 5.2.2. Part 2: Brainstorming & Outlining
- 5.2.3. Part 3: Developing your ideas
- 5.2.4 Succeed in PET 3 :Test 3 (Writing)

Nội dung 6

6.1. Reading:

- 6.1.1. Unit 6: Science stuff
- 6.1.2. Targeted skills: Identifying main and supporting ideas

6.2. Opinion Paragraphs (continued)

- 6.2.1. Part 4: Editing your Writing.
- 6.2.2. Part 5: Putting it All Together
- 6.2.3. Writing practice
- 6.2.4. Succeed in PET 3 :Test 4 (Writing)

Nội dung 7

7.1. Reading:

- 7.1.1. Unit 7: The big screen

7.1.2 Unit 8: Our shirking world
7.1.2.Targeted skill: Identifying fact versus opinion

7.2. Writing: Example Paragraphs

7.2.1. Part 1: Stimulating ideas
7.2.2. Part 2: Brainstorming & Outlining
7.2.3. Part 3: Developing your ideas
7.2.4. Succeed in PET 4 :Test 4 (Writing)

Nội dung 8

8.1.Reading:

8.1.1.Unit 8: Let's celebrate
8.1.2.Targeted skill: Arguing for and against a topic

8.2.Writing: Example Paragraphs(continued)

8.2.1. Part 4: Editing your Writing.
8.2.2. Part 5: Putting it All Together
8.2.3. Writing practice

Nội dung 9

9.1.Reading:

9.1.1.Unit 9: Teen success
9.1.2.Targeted skill: Skimming for the main idea

9.2 Writing: A formal email

9.2.1 . Introduction to a formal email
9.2.2. How to write a formal email
9.2.2. Succeed in PET 5 :Test 1 (Writing)

Nội dung 10

10.1. Reading:

10.1.1 .Unit 6: The power of music
10.1.2.Targeted skill: Scanning

10.2 Writing: A formal email (continued)

10.2.1. Practice writing a formal email
10.2.2. Succeed in PET5: Test 1 (Writing)

Nội dung 11

11.1.Reading:

11.1.1.Unit 7: Are you superstitious
11.1.2.Targeted skill: Logical and chronological sequencing

11.2 Writing: Review narrative, process, opinions and example paragraphs

Nội dung 12

12.1.Reading:

12.1.1.Unit 2: Playing to win
12.1.2.Targeted skill: Inferring

12.2. Writing: Review (continued)

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

7. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: 70%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle (2016). Achievers B1+ NXB Richmond
2. Neil J.Anderson (2013). Active Skills for Reading 1. Third Edition. NXB Heine Cengage Learning
3. Alice Savage & MasoudShafiei (2008). Effective Academic Writing 1. NXB CUP

- Tài liệu tham khảo:

1. Cambridge Preliminary English Test 5 (2008), .NXB Cambridge University Press
2. Cambridge Preliminary English Test 6 (2010). NXB . Cambridge University Press
3. Cambridge Preliminary English Test 7 (2012). NXB . Cambridge University Press

29. KỸ NĂNG NGHE NÓI 3

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: PTKN tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng Nghe Nói 2

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần gồm vốn từ vựng, cấu trúc câu, kỹ năng nghe nói dùng để thể hiện các vấn đề về thương mại, tài chính, nghệ thuật, kiến trúc, giáo dục, y học, giải trí...

Năng lực đạt được: Người học nghe hiểu và sử dụng được hệ thống từ vựng, áp dụng được cấu trúc câu vào các tình huống giao tiếp thực tế như nghe hiểu các bài nói trực tiếp về các chủ đề khác nhau; hiểu được ý chính, các lập luận khá phức tạp của các bài nói được truyền đạt bằng ngôn ngữ chuẩn; giao tiếp khá độc lập về nhiều chủ đề, biết lập luận, giải thích và bảo vệ quan điểm của mình một cách khá rõ ràng mạch lạc, sử dụng ngôn từ khá trôi chảy, chính xác. Kết thúc học phần người học đạt bậc 4 (mức 1) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học áp dụng được từ vựng và cấu trúc để giao tiếp trong các tình huống hàng ngày, trình bày được ý tưởng trong công việc, trao đổi được các thông tin về sách báo, phim ảnh, âm nhạc, kể được những câu chuyện đơn giản trong đời sống hàng ngày. Nghe và hiểu được ý chính của các bản tin ngắn được trình bày rõ ràng chính xác về các vấn đề trong cuộc sống và công việc. Có thể sử dụng ngôn ngữ giao tiếp một cách lịch sự.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Kết thúc học phần người học có thể đạt được các kỹ năng như nghe được các bản tin, bài phát biểu ngắn được trình bày rõ ràng chính xác ở mức độ đơn giản về các vấn đề xã hội, đời sống, văn hóa và giải trí. Về kỹ năng nói có thể sử dụng ngôn ngữ để bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ, quan điểm, ý kiến, sở thích và mong ước về các vấn đề quen thuộc hàng ngày và trong công việc. Người học có thể sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp và trực tiếp nói về các chủ đề không quen thuộc ở mức độ đơn giản.

2.3. Mục tiêu về thái độ: Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: True Story/ Introduction

1. Course Introduction
2. Vocabulary: The senses, parts of body
3. Listening skills:
 - 3.1. Listening for gist
 - 3.2. Listening for details
 - 3.3. Listening for events
4. Speaking skills
 - 4.1. Telling an anecdote
 - 4.2. Responding to the questions about an anecdote
 - 4.3 Talk about changes
 - 4.4 Pronunciation: *-ed* ending

Nội dung 2: My Style

1. Vocabulary: home and furniture, clothes and accessories
2. Listening skills
 - 2.1. Listening for topic
 - 2.2. Listening for gist
 - 2.3. Listening for specific details

3. Speaking skills
 - 3.1. Giving positive and negative opinions
 - 3.2. Ask for and express personal opinions
 - 3.3. Identifying things
 - 3.4. Pronunciation: /j/ and /dʒ/

Nội dung 3: Environment

1. Vocabulary: Environment, materials
2. Listening skills:
 - 2.1. Listening for gist
 - 2.2. Listening for details
 - 2.3. Listening for attitudes
3. Speaking skills
 - 3.1. Giving your opinions
 - 3.2. Asking for an explanation
 - 3.3. Agreeing and disagreeing
 - 3.4. Pronunciation: *than/ ...as....as*

Nội dung 4: Hopes and Dreams

1. Vocabulary: TV programmes, life events
2. Listening skills:
 - 2.1. Listening for gist
 - 2.2. Listening for details
 - 2.3. Listening and making predictions
3. Speaking skills
 - 3.1. Talk about your goals and ambitions
 - 3.2. Making offers and requests
 - 3.3. Responding to offers and requests
 - 3.4. Accepting and refusing
 - 3.5. Pronunciation: *will/won't*
4. Bài kiểm tra số 1

Nội dung 5: Mind and Body

1. Vocabulary: Health, mind verbs
2. Listening skills:
 - 2.1. Listening for gist
 - 2.2. Listening for details
 - 2.3. Listening for attitudes
3. Speaking skills
 - 3.1. Solve problems in groups
 - 3.2. Asking about health problems
 - 3.3. Giving advices
 - 3.4. Pronunciation: *should/ shouldn't*

Nội dung 6: Science Stuff

1. Vocabulary: science lab, computers
2. Listening skills:
 - 2.1. Listening for key words
 - 2.2. Listening for main ideas
 - 2.3. Listening for specific information
3. Speaking skills
 - 3.1. Describing objects
 - 3.2. Asking for information

3.3. Pronunciation: /b/ and /v/

4. Bài kiểm tra giữa kì

Nội dung 7: The Big Screen

1. Vocabulary: films genres

2. Listening skills:

2.1. Listening for gist

2.2. Listening for details

2.3. Listening for attitudes

3. Speaking skills

3.1. Talking about a film

3.2. Showing things and responding

3.3. Talking about problems with phones and computers

3.4. Pronunciation: /w/

Nội dung 8: Let's Celebrate

1. Vocabulary: phrasal verbs, celebrations

2. Listening skills:

2.1. Listening for details

2.2. Listening for gist

2.3. Listening and making prediction

3. Speaking skills

3.1. Opening a conversation

3.2. Taking and leaving a messages

3.3. Pronunciation: /s/ and /ʃ/

4. Bài kiểm tra số 2

Nội dung 9: Teen Success

1. Vocabulary: abstract nouns, personal development

2. Listening skills:

2.1. Listening for details

2.2. Listening for gist

3. Speaking skills

3.1. Talking about news

3.2. Reacting and responding to surprising news.

3.3. Pronunciation: Intonation in question tags

Nội dung 10: Cities and Urban Life

1. Vocabulary: city, travel

2. Listening skills:

2.1. Listening for gist

2.2. Listening for details

3. Speaking skills

3.1. Talk about a vacation

3.2. Talk about city changes

3.3. Showing city problems and solutions

3.4. Pronunciation: reduction of *have to/ got to and had to*

4. Bài kiểm tra số 3

Nội dung 11: Famous People

1. Vocabulary: celebrity

2. Listening skills:

2.1. Listening for sequence

2.2. Listening for gist

- 2.3. Listening for details
- 3. Speaking skills
 - 3.1. Talk about famous people
 - 3.2. Describing a person
 - 3.3. Expressing respects and admiration
 - 3.4. Pronunciation: Reduction of *would/could/did*

Nội dung12: Global Issues

- 1. Vocabulary: Global problems
- 2. Listening skills:
 - 2.1. Listening for key words
 - 2.2. Listening for main ideas
 - 2.3. Listening for topic
 - 2.4. Listening for gist
- 3. Speaking skills
 - 3.1. Showing problems
 - 3.2. Giving solutions
 - 3.3. Expressing opinions
 - 3.4. Pronunciation: two-syllable word stress
- 5. Bài kiểm tra số 4

4. Yêu cầu của môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp học những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu

- Tài liệu bắt buộc:

1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). Achievers B1+ .NXB Richmond

- Tài liệu tham khảo:

- 1. Jack, C.Richards. (2011). Expanding Tactics for Listening- third edition. NXB Oxford University Press
- 2. Cambridge Preliminary English Test 8 (2014). (PET). NXB Cambridge University Press.
- 3. Cambridge First Certificate in English 4 (1998). NXB . Cambridge University Press.

30. KỸ NĂNG ĐỌC VIẾT 3

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: PTKN tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng Đọc Viết 2

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần gồm các bài đọc chứa đựng vốn từ vựng, cấu trúc câu, kỹ năng đọc, viết dùng để thể hiện các vấn đề về thương mại, tài chính, nghệ thuật, kiến trúc, giáo dục, y học, giải trí...

Năng lực đạt được: Người học có kỹ năng đọc khá độc lập, có một lượng lớn từ vựng chủ động phục vụ quá trình đọc. Đọc hiểu các văn bản có chứa thông tin rõ ràng về lĩnh vực chuyên ngành yêu thích và quan tâm của mình. Biết sử dụng từ vựng, cấu trúc để viết các bài luận mang tính học thuật, thể hiện quan điểm về các vấn đề hàng ngày. Đưa ra những thông tin và lập luận từ một số nguồn khác nhau. Kết thúc học phần người học đạt bậc 4 (mức 1) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức: Người học có vốn từ vựng, cấu trúc câu, kỹ năng đọc và kiến thức nền để có thể đọc hiểu những bài đọc có trình độ B1 về các chủ đề liên quan cuộc sống hàng ngày, công việc, giải trí, sách báo, phim ảnh. Có khả năng viết một bài luận hoàn chỉnh, có lập luận, dẫn chứng rõ ràng về các chủ đề liên quan đến cuộc sống, công việc, văn hóa và giải trí

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Người học có khả năng đọc hiểu ý chính của các loại văn bản được trình bày rõ ràng thuộc lĩnh vực chuyên ngành liên quan tới đời sống, công việc, văn hóa, nghệ thuật và giải trí. Có thể viết được các bài luận hoàn chỉnh trình bày, mô tả, đưa ra ý kiến, quan điểm và đánh giá về các vấn đề trong cuộc sống hàng ngày hoặc các lĩnh vực giải trí, văn hóa, nghệ thuật thông thường.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Nội dung 1: True Story

1.1. Reading

- 1.1.1. Course Introduction and orientation
- 1.1.2. Lesson 1: Lost and found
- 1.1.3. Lesson 2: No limits-seeing with sound
- 1.1.4. Lesson 3: What time is it?

1.2. Writing: Unit 1: Paragraph to short essay

- 1.2.1. The paragraph
- 1.2.2. Unity and coherence
- 1.2.3. From paragraph to short essay

Nội dung 2: My Style

2.1. Reading:

- 2.1.1. Lesson 1: Teenage bedrooms
- 2.1.2. Lesson 2: My stuff and me
- 2.1.3. Lesson 3: Have I found Ms. Right?

2.2. Writing: Unit 1: Paragraph to short essay (continued)

- 2.2.1. Editing your writing
- 2.2.2. Putting it all together

Nội dung 3: Save the Planet

3.1.Reading:

3.1.1. Lesson 1: Six easy ideas to help save the planet

3.1.2. Lesson 2: The great garbage Patch

3.1.3. Lesson 3: Study stress

3.2.Writing: Unit 2: Descriptive Essays

3.2.1.Stimulating your ideas

3.2.2. Brainstorming your outlining

3.2.3. Developing your ideas

Nội dung 4: Hopes and Dream

4.1.Reading:

4.1.1. Lesson 1: Pop Icon grand final

4.1.2. Lesson 2: Live the dream

4.1.3. Lesson 3: Endangered species

4.2.Writing: Unit 2: Descriptive Essays(continued)

4.2.1.Editing your writing

4.2.2. Putting it all together

4.3. Progress test 1

Nội dung 5: Mind and Body

5.1.Reading

5.1.1. Lesson 1: Dear life coach

5.1.2. Lesson 2: Super brain

5.1.3. Lesson 3: Cultural differences

5.2.Writing: Unit 3: Narrative essays

5.2.1.Stimulating ideas

5.2.2. Brainstorming & Outlining

5.2.3. Developing your ideas

Nội dung 6: Science Stuff

6.1.Reading:

6.1.1.Lesson 1: Everyday misteries

6.1.2. Lesson 2: Computer world

6.1.3. Lesson 3: Lottery winner-Rich, but Happy?

6.2.Writing: Narrative essays (continued)

6.2.1.Editing your Writing.

6.2.2. Putting it All Together

6.3. A mid-term test

Nội dung 7: The Big Screen

7.1.Reading:

7.1.1.Lesson 1: Encounters!

7.1.2. Lesson 2: The film that never was

7.1.3. Lesson 3: Fashionable decisions

7.2.Writing: Unit 4: Opinion essays

7.2.1. Stimulating ideas

7.2.2. Brainstorming & Outlining

7.2.3. Developing your ideas

Nội dung 8:Let's Celebrate!

8.1.Reading

8.1.1. Lesson 1:Brilliant birthdays

8.1.2. Lesson 2: Benny's weird festival

8.1.3. Lesson 3: Earth's Mysterious Places

8.2.Writing: Unit 4: Opinion essays (continued)

8.2.1.Editing your Writing.

8.2.2.Putting it All Together

8.3. Progress test 2

Nội dung 9: Teen Success

9.1.Reading

9.1.1. Lesson 1: Teen tips

9.1.2. Lesson 2: Getting involved- three great initiatives

9.1.3. Lesson 3: Internet rescue

9.2. Writing: Unit 5: Comparison and contrast essays

9.2.1. Stimulating ideas

9.2.2. Brainstorming & Outlining

9.2.3. Developing your ideas

Nội dung 10: Journey into Space

10.1.Reading

10.1.1. Lesson 1: The challenges of space travel

10.1.2. Lesson 2: A space vacation

10.2Writing: Unit 5: Comparison and contrast essays (continued)

10.2.1.Editing your Writing.

10.2.2. Putting it All Together

Nội dung 11: The Changing Family

11.1.Reading

11.1.1. Lesson 1:Is an only child a lonely child?

11.1.2. Lesson 2: Changing roles: Stay-at-home dads

11.2.Writing: Unit 6: Cause and effect essays

11.2.1.Stimulating ideas

11.2.2.Brainstorming & Outlining

11.2.3. Developing your ideas

Nội dung 12: Education

12.1.Reading

12.1.1. Lesson 1: Homelessschooling- a better way to learn

12.1.2. Lesson 2: The history of school

12.2.Writing: Cause and effect essays (continued)

12.2.1. Editing your Writing.

12.2.2. Putting it All Together

12.3. Progress test 4

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận theo nhóm, thực hành cá nhân.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu

- Tài liệu bắt buộc:

1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). Achievers B1+. NXB Richmond.
2. Neil J. Anderson (2013). *Active Skills for Reading 2*, Third Edition. NXB Heinemann Cengage Learning.
3. Alice Savage & Masoud Shafiei. (2008). *Effective Academic Writing 2*, NXB Cambridge University Press

- Tài liệu tham khảo:

1. Cambridge Preliminary English Test 8. (2016). NXB Cambridge University Press.
2. Cambridge First Certificate in English 4 (2010). NXB Cambridge University Press.

31. KỸ NĂNG NGHE NÓI 4

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: PTKN tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng Nghe Nói 3

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần gồm lượng từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ phức tạp, những kỹ năng nghe nói nâng cao về các chủ đề như: điện ảnh, du lịch, thám hiểm, văn hóa xã hội, khoa học và công nghệ ...

Năng lực đạt được: Người học nghe hiểu được các bài nói trực tiếp hoặc ghi lại nội dung các chủ đề đã học; hiểu ý chính của các bài nói phức tạp cả về nội dung và ngôn ngữ; theo dõi được bài nói dài cũng như các lập luận phức tạp về các vấn đề xã hội khi bài nói có cấu trúc rõ ràng; giao tiếp độc lập, có lập luận và cấu trúc khá mạch lạc, kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn từ khá trôi chảy, chính xác. Kết thúc học phần người học đạt bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học áp dụng được các kỹ năng nghe để so sánh hoặc liên hệ các thông tin trong khi nghe, suy đoán, xác định thông tin chính xác, xác định ý nghĩa của một số thành ngữ được sử dụng trong các bài nghe về chủ con người, điện ảnh, du lịch, thám hiểm, khoa học-công nghệ, văn hóa-xã hội, v.v; giúp người biết cách kết hợp, sử dụng từ vựng, cấu trúc một cách khá nhuần nhuyễn trong lời nói như cách đưa ra ý kiến, quan điểm của cá nhân, tranh luận, thuyết phục. Kết thúc học phần, người học đạt được trình độ tương đương B2 mức 1.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học nghe hiểu được thông tin chi tiết, nội dung chính, suy luận, nhận biết được thái độ, quan điểm của người nói; trình bày được quan điểm của mình, đóng vai, thuyết trình.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: Brain power

1. Course Introduction
2. Vocabulary about using the brain, adjectives from verbs (-ing/-ed)
3. Listening: Understanding the general
4. Speaking: Succeeding in an interview
 - 4.1. Showing polite interest
 - 4.2. Keeping a conversation going
 - 4.3. Expressing agreement

Nội dung 2: Adventurers & On the move

1. Vocabulary: Travel and adventure and common abstract nouns & related words
2. Listening:
 - 2.1. Predicting what the text is about
 - 2.2. Completing forms
 - 2.3. Matching
 - 2.4. Answering multiple-choice questions
3. Speaking: Discussing an extreme proposition
 - 3.1. Being strongly in favor of something
 - 3.2. Being strongly against something
 - 3.3. Expressing disappointment

Nội dung 3: Here and there, then and now

1. Vocabulary: Using vocabulary about countries and politics & people words
2. Listening: Completing sentences
 - 2.1. Listening while making notes
 - 2.2. Listening for details
 - 2.3. Listening for explanations
 - 2.4. Making short notes
3. Speaking: Making a decision
 - 3.1. Talking about positive factors
 - 3.2. Expressing doubt
 - 3.3. Inviting the opinions of other people
4. Test No1

Nội dung 4: Who's watching you

1. Vocabulary: Vocabulary about surveillance & collective and partitive nouns
2. Listening: Understand the pronoun reference
3. Speaking: Describing people and places
 - 3.1. Speculating with a degree of certainty
 - 3.2. Speculating with uncertainty
 - 3.3. Asking for or offering more information

Nội dung 5: Mirror, mirror

1. Vocabulary: Vocabulary about medicine and surgery & Expressions with “get”
2. Listening: Multiple choice questions
 - 2.1. Making notes
 - 2.2. Listening for details
 - 2.3. Listening for explanations
 - 2.4. Focusing on what to listen for
3. Speaking: Resolving a conflict
 - 3.1. Expressing astonishment
 - 3.2. Expressing strong feelings
 - 3.3. Trying to calm someone down

Nội dung 6: Techno-victims

1. Vocabulary: Vocabulary about connection problems and nouns ending in -y & their adjectives
2. Listening: Multiple matching
 - 2.1. Listening for key words
 - 2.2. Listening for details
 - 2.3. Listening for explanations
 - 2.4. Using listening time effectively/ predicting
3. Speaking: Making a complaint
 - 3.1. Making a mild complaint
 - 3.2. Making a strong complaint
 - 3.3. Apologizing and placating
4. Test No2

Nội dung 7: Crocodile man

1. Vocabulary: Identical verbs and nouns
2. Listening: Multiple matching
 - 2.1. Listening for key words
 - 2.2. Listening for details
 - 2.3. Listening for explanations

3. Speaking: Getting someone's attention
- 3.1. Getting someone's attention
- 3.2. Expressing outrage
- 3.3. Giving excuses
4. Bài KT giữa kì

Nội dung 8: In the movies

1. Vocabulary: Idioms which indicate emotions & Alternatives to "say" and "tell"
2. Listening: Multiple choice questions on short extracts
 - 2.1. Listening while making notes
 - 2.2. Listening for details
 - 2.3. Listening for explanations
3. Speaking: Reaching a common consensus
 - 3.1. Expressing a lack of enthusiasm
 - 3.2. Persuading
 - 3.3. Reaching a conclusion

Nội dung 9: Going for gold

1. Vocabulary: Vocabulary about people associated with sport & Abstract nouns and adjectives
2. Listening: Completing sentences
 - 2.1. Listening while making notes
 - 2.2. Listening for details
 - 2.3. Listening for explanations
 - 2.4. Making short notes
3. Speaking: Catching up
 - 3.1. Greeting someone after a long time
 - 3.2. Asking for and responding to news
 - 3.3. Arranging to keep in touch

Nội dung 10: Being young

1. Vocabulary: Vocabulary about youth
2. Listening:
 - 2.1. Searching for specific information
 - 2.2. Completing tables
 - 2.3. Labeling maps or plans
 - 2.4. Completing flow charts
3. Speaking: Giving your opinions
 - 3.1. Expressing agreeing
 - 3.2. Expressing disagreeing
 - 3.3. Reaching a conclusion

Nội dung 11: Climate

1. Vocabulary: Vocabulary about nature and the environment
2. Listening:
 - 2.1. Labeling diagram
 - 2.2. Completing notes
 - 2.3. Classifying
3. Speaking: Giving your opinions
 - 3.1. Expressing agreeing
 - 3.2. Expressing disagreeing
 - 3.3. Reaching a conclusion
4. Test No3

Nội dung 12: Family structures

1. Vocabulary: Words related to family matters
2. Listening:
 - 2.1. Answering short questions
 - 2.2. Completing sentences and summaries
 - 2.3. Selecting from a list
3. Speaking: Giving your opinions
 - 3.1. Expressing agreeing
 - 3.2. Expressing disagreeing
 - 3.3. Reaching a conclusion

Nội dung 13: Starting University

1. Vocabulary: Words related to education
2. Listening:
 - 2.1. Completing forms
 - 2.2. Completing notes
3. Speaking: Giving your opinions
 - 3.1. Expressing agreeing
 - 3.2. Expressing disagreeing
 - 3.3. Reaching a conclusion
4. Test No4

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). Achievers B2. NXB Richmond.
2. Jo Tomlinson & Fiona Aish. (2011). Listening for IELTS. NXB HarperCollins.

- Tài liệu tham khảo:

1. Cambridge First Certificate in English 6 (2003). NXB Cambridge University Press.
2. Cambridge IELTS 9 (2013). NXB Cambridge University Press.
3. Cambridge IELTS 10 (2015). NXB Cambridge University Press

32. KỸ NĂNG ĐỌC VIẾT 4

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: PTKN tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng Đọc Viết 3

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần gồm các bài đọc có từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ phức tạp, những kỹ năng đọc viết nâng cao về các chủ đề như: điện ảnh, du lịch, thám hiểm, văn hóa xã hội, khoa học và công nghệ ...; cách viết bài luận dài thể hiện ý kiến hai chiều, viết các thể loại thư, viết nhận xét...

Năng lực đạt được: Người học đọc hiểu các bài báo và các báo cáo liên quan đến các chủ đề đã học; có kỹ năng viết bài luận dài, phát triển các lập luận một cách hệ thống, nêu bật được những ý chính và có những minh họa phù hợp, tổng hợp thông tin và lập luận từ nhiều nguồn khác nhau, biết viết các thể loại thư. Kết thúc học phần người học đạt bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học có vốn từ vựng, cấu trúc câu phức tạp, kỹ năng đọc, kiến thức nền để có thể đọc hiểu những bài đọc có trình độ B2 về các chủ đề khác nhau của cuộc sống. Đồng thời, người học có kiến thức về cách viết bài luận năm đoạn thể hiện ý kiến hai chiều, thư trang trọng, không trang trọng, đề xuất, nhận xét về bộ phim...

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học thành thạo kỹ năng tìm kiếm nhanh thông tin chi tiết trong bài, biết xác định quan điểm của tác giả, có thể đọc nhanh hơn, biết cách tìm đồng nghĩa trong bài. Người học có thể viết năm đoạn thể hiện ý kiến hai chiều, thư trang trọng, không trang trọng, đề xuất, nhận xét về bộ phim...

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1

1. Course Introduction/Orientation
2. Grammar:
 - 2.1. Modal verb review
 - 2.2. Gerunds & infinitives
3. Reading:
 - 3.1. Lesson 1: Use it or lose it!
 - 3.2. Lesson 2: Why does music make us so good?
 - 3.3. Targeted skills:
 - 3.3.1. Dealing with unknown vocabulary
 - 3.3.2. Understanding the general
4. Writing:
 - 4.1. A report
 - 4.2. Writing task 1 IELTS: Line graph

Nội dung 2

1. Grammar:
 - 1.1. Past simple, continuous & perfect
 - 1.2. Contrasting structures
 - 1.3. Past perfect continuous
 - 1.4. Narrative tenses

- 2. Reading:
 - 2.1. Lesson 1: What a choice
 - 2.2. Lesson 2 : The big river man
 - 2.3. Targeted skills:
 - 2.3.1. Predicting what a text is about

- 3. Writing:
 - 3.1. Review
 - 3.2. Task 1 IELTS: Bar graph

Nội dung 3

- 1. Grammar:
 - 1.1. Present perfect simple & continuous
 - 1.2. Relative clauses 1
- 2. Reading:
 - 2.1. Lesson 1: A decade of change
 - 2.2. Lesson 2: So near but so far
 - 2.3. Targeted skills:
 - 2.3.1. Multiple choice questions
 - 2.3.2. Searching for specific information

- 3. Writing:
 - 3.1. A profile
 - 3.2. Task 1 IELTS: Pie graph
- 4. Progress Test No.1

Nội dung 4

- 1. Grammar:
 - 1.1. Relative clauses 2
- 2. Reading:
 - 2.1. Lesson: The human calculator
 - 2.2. Targeted skills:
 - 2.2.1. Multiple choice questions
- 3. Writing:
 - 3.1. Writing task 1 IELTS: Complex type (Line graph & bar graph)

Nội dung 5

- 1. Grammar:
 - 1.1. Uses of “will”
 - 1.2. Conjunctions in the future
 - 1.3. Future continuous & future perfect
- 2. Reading:
 - 2.1. Lesson 1: Police state
 - 2.2. Lesson 2: Will life really be like this?
 - 2.3. Targeted skills:
 - 2.3.1. Answering the questions
 - 2.3.2. Understanding pronoun reference
- 3. Writing:
 - 3.1. An opinion essay
 - 3.2. Writing task 1 IELTS: Complex type (Line graph & pie chart)

Nội dung 6

- 1. Grammar:
 - 1.1. Second & third conditionals
 - 1.2. Expressing regret

- 1.3. Third conditional inversion
- 2. Reading:
 - 2.1. Lesson 1: Facing up to a new life
 - 2.2. Lesson 2: The ugly duckling
 - 2.3. Targeted skills:
 - 2.3.1. Multiple choice questions
 - 2.3.2. Reading stories you already know
- 3. Writing:
 - 3.1. A for and against essay
 - 3.2. Writing task 1 IELTS: Complex type (Bar graph & pie chart)
- 4. Mid-term test

Nội dung 7

- 1. Grammar:
 - 1.1. Uses of “could”
 - 1.2. Uses of “be able to”
 - 1.3. Modal perfects
- 2. Reading:
 - 2.1. Lesson 1: A thousand pound bill- and she never made a call
 - 2.2. Lesson 2: Are you connected? You may be in danger....
 - 2.3. Targeted skills:
 - 2.3.1. Idioms and sayings
 - 2.3.2. Answering questions
 - 2.3.3. Multiple choice questions
- 3. Writing:
 - 3.1. An article for an online magazine
 - 3.2. Writing task 2 IELTS: Agree and disagree 1

Nội dung 8

- 1. Grammar:
 - 1.1. Modal perfects
- 2. Reading:
 - 2.1. Lesson: Think before you tweet!
 - 2.2. Targeted skills:
 - 2.2.1. Deciding true or false statements
 - 2.2.2. Guessing the meaning of words
- 3. Writing:
 - 3.1. Writing task 2 IELTS: Agree and disagree 2

Nội dung 9

- 1. Grammar:
 - 1.1. Present, past, future & modal passives
 - 1.2. Advanced passive structures
- 2. Reading:
 - 2.1. Lesson 1: Animals in danger
 - 2.2. Lesson 2: A blow for conservation
 - 2.3. Targeted skills:
 - 2.3.1. Multiple choice questions
 - 2.3.2. Guessing the meaning of words
- 3. Writing:
 - 3.1. An email
 - 3.2. Writing task 2 IELTS: Advantages and disadvantages 1

4. Progress Test No.2

Nội dung 10

1. Grammar:

1.1. Reported speech: time & location expressions

2. Reading:

2.1. Lesson 1: What a blooper!

2.2. Lesson 2: Like peaches and cream

2.3. Targeted skills:

2.3.1. Multiple choice questions

3. Writing:

3.1. A story

3.2. Writing task 2 IELTS: Advantages and disadvantages 2

Nội dung 11

1. Grammar:

1.1. Alternative reporting structures

2. Reading:

2.1. Lesson: Like peaches and cream

2.2. Targeted skills:

2.2.1. Inferring the writer's purpose and attitude

3. Writing:

3.1. Writing task 2 IELTS: To what extend

Nội dung 12

1. Grammar Review:

1.1. Narrative tenses

1.2. Present perfect

1.3. Conditionals

2. Reading:

2.1. Lesson: The fastest island on the planet

2.2. Targeted skills:

2.2.1. Multiple-choice questions

2.2.2. Making sure you answer questions correctly

3. Writing:

3.1. A newspaper article

3.2. Writing task 2 IELTS: To what extend

Nội dung 13

1. Grammar Review:

1.1. Reported speech

1.2. Passives: Modal perfects

2. Reading:

2.1. Lesson: Aiming high 4.

2.2. Targeted skills:

2.2.1. Multiple-choice questions

2.2.2 How to do reading tasks more quickly

3. Writing:

3.1. Writing task 2 IELTS: Your opinion

4. Progress Test No.3

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài

kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). Achievers B2. NXB Richmond.
2. Neil J.Anderson (2013). Active Skills for Reading 3, Third Edition. NXB Richmond
3. Alice Savage & MasoudShafiei.(2008). Effective Academic Writing3. NXB Cambridge University Press.

- Tài liệu tham khảo:

1. Cambridge First Certificate in English 6 (2003).NXB Cambridge University Press.
2. Cambridge IELTS 9 (2013). NXB Cambridge University Press
3. Cambridge IELTS 10 (2015). NXB Cambridge University Press

33. KỸ NĂNG NGHE NÓI 5

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: PTKN tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức

- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng Nghe Nói 4

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần gồm từ vựng, cấu trúc ở mức độ cao liên quan đến các chủ đề như: các vấn đề xã hội, văn hóa, chính trị, giáo dục, du lịch, thương mại v.v. Những kỹ năng nghe nói như thuyết trình, thảo luận, suy luận.

Năng lực đạt được: Người học nghe hiểu được nội dung những bài nói dài về những chủ đề khá phức tạp ngay cả khi cấu trúc bài nói không rõ ràng và mối quan hệ giữa các ý không tường minh. Khả tự tin khi thuyết trình về một chủ đề nhất định, biết giải thích và bảo vệ quan điểm của mình một cách rõ ràng, sử dụng khá mềm dẻo vốn từ vựng khi thiếu từ bằng lối nói vòng vo. Kết thúc học phần người học đạt bậc 5 (mức 1) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học áp dụng được những kỹ năng nghe nói nâng cao để nghe những bài thuyết trình khá dài với nội dung đa dạng. Người học sử dụng được từ vựng và cấu trúc ngôn ngữ để diễn tả nội dung những chủ đề khá phức tạp về văn hóa – xã hội, chính trị khoa học v.v.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học nghe hiểu và xác định được thông tin chi tiết, xác định được nội dung chính, suy luận, nhận biết được thái độ, quan điểm của người nói; hình dung được tình huống đang xảy ra trong đoạn hội thoại, bài diễn thuyết. Người học vận dụng được những ngữ liệu đã học để trình bày quan điểm, đóng vai, tranh luận, thảo luận về những vấn đề khá phức tạp về văn hóa – xã hội, chính trị khoa học v.v.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: Life changes & On the move

1. Vocabulary: book review, holiday and travel

2. Listening skills

2.1. Completing forms

2.2. Matching

2.3. Answering multiple-choice questions

3. Speaking skills

3.1. Starting a conversation

3.2. Asking for information

3.3. Describing a book

4. Course orientation

Nội dung 2 :Life changes (cont) & Being Young

1. Vocabulary: things we read, youth

2. Listening skills

2.1. Completing tables

2.2. Labeling maps or plans

2.3. Completing flow charts

3. Speaking skills

- 3.1. Recommending a book
- 3.2. Giving opinions
- 3.3. Pronunciation /v/ and /b/

Nội dung 3 :Chilled or stressed & Climate

- 1. Vocabulary: life choices, nature and the environment
- 2. Listening skills
 - 2.1. Labelling a diagram
 - 2.2. Completing notes
 - 2.3. Classifying
- 3. Speaking skills
 - 3.1. Expressing a request
 - 3.2. Expressing annoyance

Nội dung 4 :Chilled or stressed (cont)& Family structures

- 1. Vocabulary: Noun ending in –ion and –ness, family matters
- 2. Listening skills
 - 2.1. Answering short questions
 - 2.2. Completing sentences / summaries
 - 2.3. Selecting from a list
- 3. Speaking skills
 - 3.1. Giving advice
 - 3.2. Accepting and rejecting advice
 - 3.3. Pronunciation: contracted ‘ll
- 4. Test number 1

Nội dung 5: Moral dilemmas & Starting university

- 1. Vocabulary: Money and finance, education
- 2. Listening skills
 - 2.1. Labelling a diagram
 - 2.2. Completing notes
 - 2.3. Completing notes
- 3. Speaking skills
 - 3.1. Discussing important things
 - 3.2. Pronunciation: sentence stress

Nội dung 6: Moral dilemmas (cont)& Fame

- 1. Vocabulary: Prepositional verbs, culture and modern society
- 2. Listening skills
 - 2.1. Matching sentence fragments
 - 2.2. Answering multiple -choice questions
 - 2.3. Choosing answers from a list
- 3. Speaking skills
 - 3.1. Asking for opinions/ Giving opinions
 - 3.2. Other points of view
 - 3.3. Agreeing and disagreeing
- 4. Test number 2

Nội dung 7: In the news & Alternative energy

- 1. Vocabulary: disasters, science and technology
- 2. Listening skills
 - 2.1. Completing flow charts
 - 2.2. Answering short questions
 - 2.3. Completing sentences/ summaries

3. Speaking skills
- 3.1. Sharing news / keeping the story going
- 3.2. Pronunciation: used to

Nội dung 8: In the news (cont)& Mid-term test

1. Vocabulary: -ing forms, expression with *just*
2. Listening skills
3. Speaking skills:
 - 3.1. Showing interest
 - 3.2. Using informal expressions
4. Mid-term test

Nội dung 9: Time for a change&At the gym

1. Vocabulary: describing a holiday, abbreviations and acronyms, health and fitness
2. Listening skills
 - 2.1. Completing forms
 - 2.2. Answering short questions
 - 2.3. Labelling a diagram
3. Speaking skills
 - 3.1. Present a tourism brochure
 - 3.2. Pronunciation: abbreviations and acronyms

Nội dung 10: Time for a change (cont) &At the office

1. Vocabulary: Employment and finances
2. Listening skills
 - 2.1. Completing tables
 - 2.2. Classifying
 - 2.3. Completing sentences/ summaries
3. Speaking skills
 - 3.1. Inviting/ Persuading and encouraging
 - 3.2. Making and accepting excuses
4. Test number 3

Nội dung 11: A day in the life & Local languages

1. Vocabulary: Describing jobs, language and communication
2. Listening skills
 - 2.1. Answering multiple-choice questions
 - 2.2. Labeling maps or plans
 - 2.3. Selecting from a list
3. Speaking skills
 - 3.1. Give a talk to young students
 - 3.2. Pronunciation: Sentence stress

Nội dung 12: A day in the life (cont) & practice test

1. Vocabulary: Synonyms
2. Listening skills: Practice Test
3. Speaking skills:
 - 3.1. Asking for personal information in a college interview
 - 3.2. Giving yourself time to think / Rounding off
4. Test number 4

Nội dung 13: Revision for the final exam

1. Vocabulary:
2. Revision of listening skills and speaking skills
3. Preparing for the final exam

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). Achievers C1. NXB Richmond.
2. Barry Cusach & Sam Mc Carter (2007) Improve your skills for IELTS: listening and speaking skills NXB Macmillan Education

- Tài liệu tham khảo:

1. Cambridge Certificate in Advanced English 5 (2003). Cambridge University Press.
2. Cambridge english ielts 11 (2015). NXB Cambridge University Press.
3. Cambridge english ielts 12 . - NXB Cambridge University Press.

34. KỸ NĂNG ĐỌC VIẾT 5

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: PTKN tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức

- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng Đọc Viết 4

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần gồm những bài đọc ở mức độ khá phức tạp về các chủ đề khác nhau như: nghệ thuật, y học, công nghệ, kinh doanh, nghiên cứu...; kỹ năng mô tả các loại biểu đồ, bảng biểu, bản đồ...; kỹ năng viết nhiều thể loại bài luận như thể hiện ý kiến, thuận lợi, không thuận lợi, nguyên nhân, giải pháp.

Năng lực đạt được: Người học đọc hiểu được các ý chính, bước đầu hiểu các hàm ý trong nhiều loại văn bản dài, khá phức tạp thường gặp trong môi trường công việc hay học thuật; mô tả biểu đồ, bảng biểu, bản đồ...; cách viết bài luận thể hiện ý kiến, thuận lợi, không thuận lợi, nguyên nhân, giải pháp. Kết thúc học phần người học đạt bậc 5 (mức 1) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học có vốn từ vựng nâng cao, cấu trúc câu phức tạp để có thể đọc hiểu những bài đọc ở mức độ tiền C1 về các chủ đề nghệ thuật, y học, công nghệ, kinh doanh, nghiên cứu...; có kiến thức về cách mô tả biểu đồ, bảng biểu, bản đồ...; cách viết bài luận thể hiện ý kiến, thuận lợi, không thuận lợi, nguyên nhân, giải pháp; cách thức viết thư trang trọng và không trang trọng, cách viết bản báo cáo, đề xuất, cấu trúc và các bước viết bài luận thể hiện quan điểm, đưa ra giải pháp, nêu lên thuận lợi và bất lợi của một vấn đề.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học có kỹ năng tìm kiếm nhanh thông tin chi tiết trong bài, xác định quan điểm của tác giả, cách đọc nhanh hơn, cách tìm (cụm) từ đồng nghĩa trong bài; có kỹ năng viết thư trang trọng và không trang trọng, viết bản báo cáo, đề xuất, viết bài luận thể hiện quan điểm, đưa ra giải pháp, nêu lên thuận lợi và bất lợi của một vấn đề.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: Life changes

1. Reading skills

1.1. My top coming-of-age novels

1.2. Multiple choice questions

1.3. Targeted skills: skimming and scanning

2. Writing skills

2.1. Present tense review

2.2. Multiple type: line graph and line graph

3. Course orientation and tips for reading and writing

Nội dung 2: Life changes

1. Reading skills

1.1. My crazy life

1.2. Multiple choice questions

1.3. Targeted skills: Predicting the context of a text

2. Writing skills

2.1. Present perfect simple review

2.2. Multiple type: bar graph and bar graph

Nội dung 3: Chilled or stressed?

1. Reading skills
 - 1.1. Get out there and do something different
 - 1.2. Short-answer questions
 - 1.3. Targeted skills: Matching information

2. Writing skills

- 2.1. Future review
- 2.2. Multiple type: pie chart and pie chart

Nội dung 4: Chilled or stressed?

1. Reading skills

- 1.1. So stressed
- 1.2. Short –answer questions
- 1.3. Targeted skills: Guessing words in context

2. Writing skills

- 2.1. First conditionals with different conjunctions and modals
- 2.2. Table

3. Bài kiểm tra số 1

Nội dung 5: Moral dilemmas

1. Reading skills

- 1.1. I am honest, aren't I?
- 1.2. Short-answer questions
- 1.3. Targeted skills: Understanding literal meaning

2. Writing skills

- 2.1. Second conditional and *wish* about the present
- 2.2. Process

Nội dung 6: Moral dilemmas

1. Reading skills

- 1.1. The stars are out tonight
- 1.2. Short-answer questions
- 1.3. Targeted skills: predicting information

2. Writing skills

- 2.1. Third conditional and *wish* about the past
- 2.2. The five-paragraph essay

3. Bài kiểm tra cuối kỳ

Nội dung 7: In the news

1. Reading skills

- 1.1. Trapped underground
- 1.2. Short-answer questions
- 1.3. Targeted skills: understanding synonyms and antonyms

2. Writing skills

- 2.1. Past simple and continuous
- 2.2. Process analysis essays

Nội dung 8: In the news

1. Reading skills

- 1.1. Dead or alive?
- 1.2. Match extracts
- 1.3. Targeted skills: skimming and scanning

2. Writing skills

- 2.1. Past perfect
- 2.2. Cause and effect essays

3. Bài kiểm tra số 2

Nội dung 9: Time for a change

1. Reading skills

1.1. Blueskies activity holidays

1.2. Match extracts

1.3. Targeted skills: Locating information

2. Writing skills

2.1. Reported speech: Reporting orders, requests and advice

2.2. Argumentative essays

Nội dung 10: Time for a change

1. Reading skills

1.1. Into the wild

1.2. Multiple Choice

1.3. Checking true or false information

2. Writing skills

2.1. Reported speech: Reported questions

2.2. Problems and solutions: Essay 1

3. Bài kiểm tra số 3

Nội dung 11: A day in the life

1. Reading skills

1.1. Jobs for the girls

1.2. Multiple choice

1.3. Words with several meanings

2. Writing skills

2.1. Present perfect continuous

2.2. Problems and solutions: Essay 2

Nội dung 12: A day in the life

1. Reading skills

1.1. Too much, too soon

1.2. Match extracts

1.3. Paraphrasing

2. Writing skills

2.1. Gerunds and infinitives

2.2. Revision and practice test

3. Bài kiểm tra số 4

Nội dung 13:

1. Revision of writing and reading skills

2. Preparing for the final exam

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy

chiều, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). Achievers C1. NXB Richmond.
2. Els Van Geyte. (2011). Reading for IELTS. NXB HarperCollins Publisher.a
3. Richard Brown and Lewis Richards (2012). Ielts Advantage Writing Skills. NXB Delta

- Tài liệu tham khảo:

1. Cambridge Certificate in Advanced English 5 (2003). Cambridge University Press.
2. Cambridge english ielts 11 (2015). NXB Cambridge University Press.
3. Cambridge english ielts 12 . - NXB Cambridge University Press.

35. KỸ NĂNG NGHE NÓI 6

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: PTKN tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng Nghe Nói 5

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần gồm từ vựng mang tính học thuật liên quan đến nhiều lĩnh vực trong cuộc sống xã hội, cấu trúc câu phức hợp; một số kỹ năng nghe nói nâng cao như đưa ra ý kiến tranh luận, thuyết trình, tường thuật v.v.

Năng lực đạt được: Người học hiểu được các bài giảng, bài thuyết trình chuyên ngành có sử dụng lối nói tự nhiên và các yếu tố văn hóa hoặc các thuật ngữ không quen thuộc. Hiểu được những vấn đề phức tạp; truyền đạt chính xác các sắc thái ý nghĩa tinh tế. Thay đổi được cách diễn đạt để tránh gặp khó khăn khi giao tiếp một cách trôi chảy. Kết thúc học phần người học đạt bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học sử dụng thành thạo từ vựng, cấu trúc câu, theo dõi và hiểu được những bài nói dài về những chủ đề phức tạp và trừu tượng, các cuộc trò chuyện sôi nổi giữa những người bản ngữ, những thông tin cần thiết khi nghe các thông báo qua các phương tiện thông tin đại chúng.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học nghe hiểu các thông tin cụ thể nhất định từ các thông báo công cộng với âm thanh có nhiễu như nhà ga, sân bay; nghe hiểu được hầu hết các bài giảng cũng như các cuộc thảo luận và tranh luận; diễn đạt ý một cách trôi chảy và tức thời, gần như không gặp khó khăn. Làm chủ được vốn từ vựng và có thể dễ dàng diễn đạt ý của mình.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ thực hiện nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần phát triển hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: Course Introduction/Orientation/ Into the unknown

1. Course Introduction
2. Orientation and tips for IELTS listening and speaking
3. Vocabulary:
 - 3.1. Idioms of future
 - 3.2. Word zone of technologies
4. Listening skills: Interpreting information in a topical discussion
5. Speaking skills:
 - 5.1. Speculating about the future
 - 5.2. Preparing a sales pitch for a futuristic holiday
6. Project 1: Give a presentation about Vietnam in 2050

Nội dung 2: In the news

1. Vocabulary:
 - 1.1. Idioms of news
 - 1.2. Vocabulary used in headlines
2. Listening skills: Interpreting four different opinions
3. Speaking skills:
 - 3.1. Giving and responding to good and bad news
 - 3.2. Discussing and deciding on a budget
4. Project 2: Give a presentation about a student's budget

Nội dung 3: You couldn't make it up

1. Vocabulary:
 - 1.1. Idioms of emotional responses
 - 1.2. Intensifying adverbs
2. Listening skills: Interpreting information in a radio item
3. Speaking skills:
 - 3.1. Deciding if something is true or false
 - 3.2. Talking about an unusual festival or tradition
4. Project 2: Give a presentation about a traditional festival in Vietnam

Nội dung 4: Change and consequences

1. Vocabulary: housing description
2. Listening skills: Predicting in tables
3. Speaking skills:
 - 3.1. Identifying yourself
 - 3.2. Discussing familiar topics
 - 3.3. Saying where you come from
4. Project 4: Give a presentation about an ideal place to live

Nội dung 5: The importance of the past

1. Vocabulary: holiday description
2. Listening skills:
 - 2.1. Signpost phrases
 - 2.2. Sentence completion
 - 2.3. Classification
3. Speaking skills:
 - 3.1. Describing a past event
 - 3.2. Planning
 - 3.3. Describing precautions
4. Project 5: Give a presentation about an impressive historical event

Nội dung 6: Machines, cycles, and processes

1. Vocabulary: Objects description
2. Listening skills: Information in flow charts
3. Speaking skills:
 - 3.1. Discussion questions
 - 3.2. Expressing views
4. Project 6: Give a presentation about change in people's shopping

Nội dung 7: Education

1. Vocabulary: Academic courses
2. Listening skills:
 - 2.1. Identifying campus contexts
 - 2.2. Information in multiple choice questions
 - 2.3. Summary completion
3. Speaking skills:
 - 3.1. Describing people
 - 3.2. Making notes
4. Project 7: Give a presentation about Vietnamese educational system

Nội dung 8: Youth

1. Vocabulary: jobs description
2. Listening skills:
 - 2.1. Understanding maps
 - 2.2. Sentence completion

- 2.3. Table completion
- 3. Speaking skills:
 - 3.1. Describing jobs
 - 3.2. Advantages and disadvantages
- 4. Project 8: Give a presentation about important skills a young person should have

Nội dung 9: Culture

- 1. Vocabulary: preferences
- 2. Listening skills:
 - 2.1. Understanding layout
 - 2.2. Predicting from notes
- 3. Speaking skills:
 - 3.1. Free time activities
 - 3.2. Expressing preferences
 - 3.3. Dealing with unfamiliar topics
- 4. Project 9: Give a presentation about a cultural heritage site in Vietnam

Nội dung 10: Arts and sciences

- 1. Vocabulary: Vocabulary related to arts and sciences
- 2. Listening skills:
 - 2.1. Questions from statements
 - 2.2. Paraphrases for matching
- 3. Speaking skills:
 - 3.1. Comparing and evaluating
 - 3.2. Expressing others' views
- 4. Project 10: Give a presentation about values of arts and sciences in people's life

Nội dung 11: Nature

- 1. Vocabulary: place description
- 2. Listening skills:
 - 2.1. Changing opinions
 - 2.2. Extended multiple choice
 - 2.3. Summary completion
- 3. Speaking skills:
 - 3.1. Describing animals/ presents
 - 3.2. Making notes
- 4. Project 11: Give a presentation about an endangered animal in Vietnam

Nội dung 12: Health

- 1. Vocabulary: sports description
- 2. Listening skills:
 - 2.1. Predicting in tables
 - 2.2. Words spelt out
- 3. Speaking skills:
 - 3.1. Recognizing similar questions
 - 3.2. Emphasizing main points
 - 2.3. Taking time to think
- 4. Project 12: Give a presentation about keys to have good health

Nội dung 13: Individual and society

- 1. Vocabulary: social issues
- 2. Listening skills:
 - 2.1. Paraphrase questions
 - 2.2. Visual multiple choice

- 3. Speaking skills:
 - 3.1. Places and feelings
 - 3.2. Starting your description
 - 3.3. Summing up impression

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Joanna Preshous. (2014). Improving your skills: Listening & Speaking for IELTS 6.0-7.5 , NXB Macmillan
2. Karen Kovacs. (2011). Speaking for IELTS. NXB HarperCollins

- Tài liệu tham khảo:

1. Cambridge english ielts 13 (2011). NXB Cambridge University Press.
2. Cambridge IELTS 14 Academic with answers (2018). NXB Cambridge University Press
3. Cambridge IELTS 15 Academic with answers (2020). NXB Cambridge University Press

36. KỸ NĂNG ĐỌC VIẾT 6

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: PTKN tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng Đọc Viết 5

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần gồm các văn bản dài chứa đựng vốn từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ cao, phức tạp; những kỹ năng đọc, viết các loại bài luận khác nhau ở cấp độ cao.

Năng lực đạt được: Người học đọc hiểu tường tận nhiều loại văn bản dài, phức tạp trong đời sống xã hội, môi trường công việc hay học thuật; xác định được thái độ hay ý kiến ẩn ý hoặc rõ ràng, tóm tắt các đoạn văn bản dài, khó; viết bài chi tiết, rõ ràng, bố cục chặt chẽ về các chủ đề phức tạp, làm nổi bật những ý quan trọng, mở rộng lập luận và quan điểm hỗ trợ cho bài viết với các bằng chứng, ví dụ cụ thể; mô tả biểu đồ, bảng biểu, bản đồ ở mức độ nâng cao. Kết thúc học phần người học đạt bậc 5/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học có vốn từ vựng nâng cao, cấu trúc câu phức tạp để có thể đọc hiểu những bài đọc ở mức độ C1 về các chủ đề đa dạng của cuộc sống được trích ra từ sách, truyện, báo, tạp chí. Đồng thời, người học có kiến thức về cách mô tả đồ thị, sơ đồ, bảng biểu, bản đồ, cách viết bài luận thể hiện ý kiến, giải pháp cho một vấn đề, nguyên nhân-kết quả, lợi ích-bất lợi, thảo luận hai mặt của một vấn đề.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học có thể đọc tìm kiếm ý chính, chi tiết và hiểu những hàm ý, quan điểm và thái độ trong bài đọc. Người học có thể viết bài mô tả đồ thị, sơ đồ, bảng biểu, bản đồ, kỹ năng viết bài luận thể hiện ý kiến, giải pháp cho một vấn đề, nguyên nhân-kết quả, lợi ích-bất lợi, thảo luận hai mặt của một vấn đề.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ thực hiện nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: Course Introduction/Orientation/ Into the unknown

1. Course Introduction
2. Orientation and tips for IELTS reading and writing
3. Reading skills:
 - 3.1. Multiple choice
 - 3.2. Discussion
4. Writing skills: Tips for writing a short story

Nội dung 2: In the news

1. Reading skills:
 - 1.1. Multiple choice
 - 1.2. Discussion
2. Writing skills: Ways to end an application letter

Nội dung 3: You couldn't make it up

1. Reading skills:
 - 1.1. Matching extracts
 - 1.2. Answering questions
2. Writing skills: Tips for writing a letter to a newspaper

Nội dung 4: Change and consequences

1. Reading skills:
 - 1.1. Scanning
 - 1.2. Sentence completion (gapped)
 - 1.3. True/ false/ not given
2. Writing skills:
 - 2.1. Describing trends
 - 2.2. Understanding data
 - 2.3. Understanding questions
 - 2.4. Expressing solution

Nội dung 5: The importance of the past

1. Reading skills:
 - 1.1. Skimming
 - 1.2. Sentence completion (matching ending)
 - 1.3. True/ false/ not given
2. Writing skills:
 - 2.1. Comparing and contrasting information
 - 2.2. Planning essays
 - 2.3. Developing ideas

Nội dung 6: Machines, cycles, and process

1. Reading skills:
 - 1.1. Labelling a diagram
 - 1.2. Completing tables
 - 1.3. Completing flowcharts
2. Writing skills:
 - 2.1. Sequencing
 - 2.2. Expressing result and purpose

Nội dung 7: Education

1. Reading skills:
 - 1.1. Predicting
 - 1.2. Yes/ no/ not given (writer's claim)
 - 1.3. Matching headings
2. Writing skills:
 - 2.1. General or specific statements
 - 2.2. Describing proportions
 - 2.3. Avoiding overgeneralization
 - 2.4. Developing reasons

Nội dung 8: Youth

1. Reading skills:
 - 1.1. Identifying relevant sections
 - 1.2. Summary with word lists
 - 1.3. Selecting statements
 - 1.4. Global multiple choice
2. Writing skills:
 - 2.1. Describing changes
 - 2.2. Describing locations
 - 2.3. Developing and justifying opinions
 - 2.4. Writing introduction

Nội dung 9: Culture

1. Reading skills:

- 1.1. Using organizing words
- 1.2. Matching heading
- 1.3. Matching phrases
- 1.4. Matching names
- 2. Writing skills:
 - 2.1. Concluding statements
 - 2.2. Concession
 - 2.3. Expressing advantages and disadvantages

Nội dung 10: Arts and sciences

- 1. Reading skills:
 - 1.1. Summary without word lists
 - 1.2. Multiple choice
 - 1.3. Analyzing questions
- 2. Writing skills:
 - 2.1. Avoiding irrelevance
 - 2.2. Discussing other people's opinion
 - 2.3. Hypothesizing

Nội dung 11: Nature

- 1. Reading skills:
 - 1.1. Labelling a map/ diagram
 - 1.2. Short answer questions
 - 1.3. Classifying information
- 2. Writing skills:
 - 2.1. Making predictions
 - 2.2. Factual accuracy
 - 2.3. Articles
 - 2.4. Writing conclusions

Nội dung 12: Health

- 1. Reading skills:
 - 1.1. Scanning for meaning
 - 1.2. Identifying sentence function
 - 1.3. Matching phrases
- 2. Writing skills:
 - 2.1. Varying vocabulary
 - 2.2. Checking spelling
 - 2.3. Organizing words

Nội dung 13: Individual and society

- 1. Reading skills:
 - 1.1. Dealing with opinion
 - 1.2. Yes/ no/ not given (writer's opinion)
 - 1.3. Matching phrases
- 2. Writing skills:
 - 2.1. Word order
 - 2.2. Paraphrase structures
 - 2.3. Relevant and irrelevant information

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Jane Short (2014). Improve your Skill: Reading for IELTS 6.0-7.5. NXB Macmillan.
2. Young Kim (2017). The best preparation for IELTS writing. NXB Nhan Tri Viet

- Tài liệu tham khảo:

1. Cambridge English IELTS 13. (2011). NXB Cambridge University Press.
2. Cambridge IELTS 14 Academic with answers (2018). NXB Cambridge University Press.
3. Cambridge IELTS 15 Academic with answers (2020). NXB Cambridge University Press.

37. PHIÊN DỊCH 3

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy:
- Điều kiện tiên quyết: Phiên dịch 2, Kỹ năng Nghe-Nói 5, Kỹ năng Đọc-Viết 5

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần bao gồm các nội dung về ứng dụng các kiến thức, kỹ năng dịch nâng cao nhằm hoàn thiện khả năng dịch đuổi thông qua việc thực hành đa dạng các chủ đề: di dân, WTO, chính trị, vv. Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu và đi sâu vào chuyên đề dịch song song (Simultaneous) thông qua những nội dung gắn gũi với cuộc sống kết hợp với một số nội dung về kinh tế, xã hội, v.v.

Năng lực đạt được: Sinh viên hoàn thiện kỹ năng dịch đuổi đồng thời có thể hiểu rõ các yếu tố cần thiết để dịch trực tiếp hiệu quả. Sinh viên cũng trang bị thêm cho mình lượng kiến thức về từ vựng, cấu trúc câu cần thiết để hiểu và dịch chính xác bài nói và giữ nhịp độ hợp lý với người nói.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sinh viên nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) các tình huống phiên dịch thường gặp khi dịch đuổi các bài phát biểu hội thảo, bài giảng...

Sinh viên nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) các vấn đề về kinh tế, xã hội, chính trị, văn hoá ở cấp vĩ mô.

Sinh viên được trang bị các kiến thức về dịch song song và thực hành dịch trực tiếp các vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, kết hợp với nội dung về kinh tế, chính trị, v.v...

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Sinh viên có khả năng nghe và ghi nhớ đến mức tối đa 100 từ ngôn bản gốc; Xác định những thông tin cần phải ghi chép; Vừa nghe vừa định hình số lượng ý trong mỗi đoạn nghe được và nhận biết mối quan hệ logic giữa các ý. Ngoài ra, sinh viên chọn cách diễn đạt phù hợp văn cảnh, ẩn ý và mục đích của tác giả; Phát huy ưu thế của ngữ điệu và âm lượng để câu dịch có tính thuyết phục; Điều chỉnh tốc độ phù hợp với khả năng tiếp thu của người nghe.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Sinh viên nhận thức rõ tầm quan trọng của môn học; có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Introduction to Interpreting

Chương 2: Review interpretation skills

Chương 3: Simultaneous interpreting

3.1. Delivery

3.2. Split attention

3.3. Time lag

3.4. Anticipation

Chương 4: Simultaneous interpreting (Cont.)

4.1. Reformulation

4.2. Self-monitoring

4.3. Stress management

Chương 4: Interpreting talks: Migration

Chương 5: Interpreting talks: WTO, APEC, ASIAN

Chương 6: Interpreting talks: Politics

- Chương 7:** Interpreting talks: Investment; Financial crisis
- Chương 8:** Interpreting talks: Agriculture, Industry, Forestry
- Chương 9:** Interpreting talks: Import & Export
- Chương 10:** Interpreting talks: Labor market
- Chương 11:** Interpreting talks: Law
- Chương 12:** Revision

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Thành Yên. (2003). Thực hành phiên dịch Anh – Việt, Việt Anh , NXB Thành phố Hồ Chí Minh

- Tài liệu tham khảo:

1. Mikkelson, H., & Jourdenais (2015). The Routledge Handbook of Interpreting. NXB: Routledge

2. Andrews Gillies (2013). Conference Interpreting: A students' Practice Book. NXB: Routledge.

38. KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH

- Số tín chỉ: 2 (18, 12, 12)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: NN-VH & PPGD Tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Nghe Nói 5, Kỹ năng Đọc Viết 5

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần gồm những kiến thức cơ bản về thuyết trình học thuật trong tiếng Anh: các dạng bài thuyết trình, phương pháp thuyết trình, thủ thuật và kỹ thuật trong thuyết trình, các bước chuẩn bị một bài thuyết trình. Ngoài ra học phần còn gồm những nội dung cơ bản như những vấn đề thường gặp trong khi thuyết trình, xây dựng kế hoạch thuyết trình, chuẩn bị bài thuyết trình gồm cách chuẩn bị các bài phát biểu thuộc các thể loại khác nhau, cách chuẩn bị và sử dụng phần mềm PowerPoint, trình bày bài thuyết trình, các kỹ năng của thuyết trình viên khi nói trước đông người, cách sử dụng ngôn ngữ cử chỉ của cơ thể trong khi thuyết trình.

Năng lực đạt được: Người học vận dụng được những kiến thức cơ bản môn học vào giải quyết các vấn đề trong quá trình chuẩn bị và trình bày bài thuyết trình bằng các loại ngôn ngữ lời nói và phi lời nói trong thuyết trình để nâng cao năng lực ngôn ngữ một cách hiệu quả, thực hiện được những bài thuyết trình ngắn hoặc dài có liên quan đến các chuyên ngành học khác nhau một cách thuyết phục và chuyên nghiệp.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Học xong học phần, người học có kiến thức về các bước cơ bản để có được một bài trình bày hiệu quả như: cách sử dụng các từ ngữ thuật ngữ để dẫn dắt vấn đề, sử dụng âm điệu của giọng nói, âm nhấn, ngữ điệu, việc nhấn mạnh và lặp lại vấn đề hoặc thông tin chính. Người học được bổ sung vốn từ vựng phong phú liên quan đến kinh tế và thương mại, hiểu được ý nghĩa của các thuật ngữ thương mại.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học có kỹ năng học tập môn học nói riêng và học tập tiếng Anh nói chung như: khả năng làm việc nhóm khi sưu tầm các chủ đề liên quan đến tình hình cụ thể của xã hội nhằm mở rộng kiến thức, sự hiểu biết về các lĩnh vực khác nhau trong xã hội. Hình thành kỹ năng kết hợp và tổ chức các bước tiến hành bài trình bày đồng thời luyện tư duy phê phán trước những vấn đề xã hội đang nổi cộm hiện nay. Trong quá trình học, người học sẽ phải sưu tập 150 từ và cụm từ có liên quan đến chủ đề kinh tế thương mại nhằm bổ sung vào bảng vốn từ chuyên ngành. Đây sẽ là nguồn tư liệu phong phú để giúp người học ra trường có thể làm việc được trong môi trường liên quan đến kinh tế.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Section 1: Getting started

1. Introduction
2. Stating your purpose 1
3. Stating your purpose 2
4. Effective openings
5. Signposting
6. Survival tactics

Section 2: Exploiting visuals

1. Introducing visuals
2. Commenting on visuals

3. Change and development 1
4. Change and development 2
5. Change and development 3
6. Cause, effect and purpose

Section 3: Using your voice

1. Articulation 1
2. Articulation 2
3. Chunking 1
4. Chunking 2
5. Chunking 3
6. Stress
7. Pacing
8. Intonation 1
9. Intonation 2
10. Sound scripting 1
11. Sound scripting 2
12. Sound scripting 3

Section 4: Basic techniques

1. Emphasis 1
2. Emphasis 2
3. Emphasis 3
4. Emphasis 4
5. Emphasis 5
6. Focusing
7. Softening 1
8. Softening 2
9. Repetition 1
10. Repetition 2
11. Repetition 3

Section 5: Further techniques

1. Rhetorical questions 1
2. Rhetorical questions 2
3. Rhetorical questions 3
4. Dramatic contrasts 1
5. Dramatic contrasts 2
6. Tripling 1
7. Tripling 2
8. Tripling 3
9. Machine-gunning
10. Build-ups
11. Knock-downs
12. Simplification
13. Creating, rapport 1
14. Creating, rapport 2
15. Creating, rapport 3

Section 6: Key language

1. Business terms 1
2. Business terms 2
3. Business terms 3
4. Business terms 4

5. Business terms 5
6. Business terms 6
7. Formality 1
8. Formality 2
9. Useful expressions 1
10. Useful expressions 2
11. Useful expressions 3
12. Useful expressions 4
13. Useful expressions 5

Section 7: Handling questions

1. Clarification 1
2. Clarification 2
3. Dealing with questions 1
4. Dealing with questions 2
5. Dealing with questions 3
6. Dealing with questions 4
7. Dealing with questions 5
8. Dealing with questions 6

4. Yêu cầu của môn học:

Người học phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm, trình bày

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Mark Powell. (2003). Presenting in English. NXB Cambridge University Press

- Tài liệu tham khảo:

1. Petey Young, (2006), Writing and Presenting in English. The Rosetta Stone of Science- NXB Elsevier Science

39. VĂN HÓA ANH MỸ

- Số tín chỉ: 2 (18, 24, 0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NNVH&PPGD T.Anh
- Điều kiện tiên quyết: kỹ năng nghe nói 3, kỹ năng đọc viết 3

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Khái quát về lịch sử nước Anh và Mỹ; giá trị văn hoá; phong tục, tập quán, các ngày lễ hội chính của nước Anh, nước Mỹ và hệ thống chính trị, giáo dục của các nước Anh và Mỹ. Học phần bao gồm các bài tập ứng dụng kiến thức môn học trong giao tiếp liên ngôn và nghiên cứu trong lĩnh vực văn hóa ngôn ngữ.

Năng lực đạt được: Sinh viên trình bày được các vấn đề về lịch sử, văn hóa các nước Anh – Mỹ, hệ thống giáo dục, chính trị, thể lệ bầu cử trong các quốc gia này. Sinh viên ứng dụng kiến thức môn học trong giao tiếp bằng tiếng Anh, có thể thực hiện nghiên cứu về văn hóa, xã hội, giáo dục, v.v... Môn học tạo môi trường học tập tích cực, chủ động thông qua các hoạt động nhóm, thuyết trình theo chủ đề hàng tuần.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sinh viên vận dụng, trình bày được những vấn đề liên quan đến văn hoá cơ bản về hai nước nói tiếng Anh lớn là Anh và Mỹ như thể chế chính trị, quan điểm thái độ, chính phủ, nền giáo dục, món ăn và đồ uống phổ biến, các ngày lễ, thủ tục truyền thống, các giá trị văn hóa.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Sinh viên nâng cao kỹ năng đọc hiểu thông qua đọc hiểu những bài đọc dài có nội dung về văn hoá Anh, văn hoá Mỹ.

Phát triển vốn từ vựng về văn hoá và vốn từ vựng tiếng Anh

Phát triển kỹ năng trình bày, kỹ năng nói trước đám đông thông qua việc làm presentations (theo nhóm) theo chủ đề hàng tuần trên lớp.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Introduction

1.1. Course introduction (Introduction of course syllabus, materials, policies, requirements, expectations)

1.2. Introduction about the UK: Country and people

1.2.1. Official name of the country

1.2.2. Geographical characteristics

1.2.3. The four nations: England, Scotland, Wales and Northern Ireland

1.2.4. The dominance of England

Chương 2: Attitudes (of British people)

1. Stereotypes about the British

2. British characteristics and identity

3. British attitudes towards animals and the countryside

Chương 3: British Monarchy

1. The appearance and the reality of the monarch

2. The role of the monarch

3. The value of the monarch

4. The future of the monarchy

Chương 4: British government

1. The cabinet

2. The Prime Minister
3. The civil service
4. Central and local government

Chương 5: British Education system

1. Organization of educational system and school system
2. School life
3. Exams

Chương 6: British Food and drink

1. British attitudes to food
2. British attitudes to eating out
3. Drinks and British pubs
4. Table manners

Chương 7: Holidays and special occasions in Britain

1. The importance in Holidays and tradition in British life
2. Traditional seaside holidays
3. Modern holidays
4. Christmas and New Year
5. Other notable annual occasions

Chương 8: An overview of the USA

1. Official name/ Capital/ Flag/ National Anthem
2. Geographical characteristics/ Climate
3. Population/ Ethnic groups

Chương 9: The making of a nation

1. Brief history of the country
2. The country of immigrants: old immigrants, recent immigrants
3. The assimilation of immigrants into American society

Chương 10: American traditional beliefs and values

1. The six American traditional values: individual freedom, self-reliance, equality of opportunity, competition, material wealth, hard work
2. The American Dream

Chương 11: The political system

1. The US government branches and institutions
2. Political parties
3. Election procedures

Chương 12: Education in the United States

1. The system of education in the US
2. Funding
3. Curriculum
4. The emphasis of education
5. Education quality

Chương 13: Holidays and celebration

1. The ten most important holiday in the US
2. Tradition of celebrating holidays in the US
3. The importance of holidays in the life of the US people

Chương 14: American family values

1. American people's attitudes towards family
2. Family traditions and values.
3. Stability and changes in the family

4. **Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự

các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Paul Norbury (2015) ,Culture smart! Britain- NXB Culture smart
2. GARY ALTHEN (2003), American ways. NXB Longman

- Tài liệu tham khảo:

1. Milada Broukal. (1993). Introducing the USA: A cultural reader. NXB Longman.

40. VĂN HỌC ANH MỸ

- Số tín chỉ: 2 (18, 24, 0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Khoa NNVH & PPGD T.Anh, khoa NN
- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng nghe nói 4 , kỹ năng đọc viết 4

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Giới thiệu sơ lược về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của một số tác giả tiêu biểu của văn học Anh, văn học Mỹ thế kỷ 19, 20.

- Giới thiệu các thể loại văn học: tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch và thơ.
- Giới thiệu cho sinh viên làm quen với phong cách viết của một số nhà văn Anh, nhà văn Mỹ và hiểu được giá trị hiện thực của các tác phẩm.
- Giới thiệu một số tác phẩm/ đoạn trích tiêu biểu.

Năng lực đạt được: Người học vận dụng được những phong cách viết của một số nhà văn Anh, nhà văn Mỹ để đánh giá được giá trị hiện thực của các tác phẩm. Phân tích được một số tác phẩm thuộc các thể loại văn học: tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch và thơ.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Trình bày được những hiểu biết, nhận xét về một số đoạn trích tác phẩm thuộc hai nền văn học Anh và Mỹ về nội dung những tác phẩm, đoạn trích, về tiểu sử của tác giả; phân tích được một số đoạn trích ngắn trong một số tác phẩm tiêu biểu; sử dụng và phát triển vốn từ vựng về văn học và vốn từ vựng tiếng Anh nói chung.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Nâng cao kỹ năng đọc hiểu cho sinh viên thông qua việc liên tục yêu cầu sinh viên đọc hiểu các tác phẩm và đoạn trích.
- Phát triển kỹ năng trình bày, kỹ năng nói trước đám đông cho sinh viên thông qua việc làm presentations (theo nhóm) theo chủ đề hàng tuần trên lớp.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Charles Dickens

- 1.1. England in Victorian Age
- 1.2. Features of English Critical Realism
- 1.3. Charles Dickens:
 - 1.3.1. His life
 - 1.3.2. His literary career
 - 1.3.3. His writing style
 - 1.3.4. His works
 - 1.3.5. Dickens' contributions to English and world literature

Chương 2: Oliver Twist (Chapter 1)

- 2.1. Main content of the novel
- 2.2. Major themes and symbols of the novel
- 2.3. Chapter 1: The birth of Oliver Twist

Chương 3: Oscar Wilde

- 3.1. British society at the end of 19th century
- 3.2. English literature at the end of 19th century
- 3.3. Oscar Wilde:
 - 3.3.1. His life
 - 3.3.2. His literary career
 - 3.3.3. His contributions to literature

Chương 4: The Nightingale and the Rose

- 4.1. Wilde's aesthetic principle shown through the tale
- 4.2. The praise of beauty and devoted love
- 4.3. The admiration of unselfishness, kindness and generosity

Chương 5: John Galsworthy

- 5.1. British society in early 20th century
- 5.2. English literature in early 20th century
- 5.3. John Galsworthy:
 - 5.3.1. His life
 - 5.3.2. His literary career
 - 5.3.3. His contributions to literature

Chương 6: The man of property – Chapter 5: A Forsyte Menage

- 6.1. Main content of the novel
- 6.2. The upper class life in the contemporary society shown through the novel
- 6.3. The character of Soames Forsyte: a typical man of property
- 6.4. The character of Irene: a woman of strong will

Chương 7: William Somerset Maugham

- 7.1. British society after World War II
- 7.2. Literature in the post-war period
- 7.3. William Somerset Maugham:
 - 7.3.1. His life
 - 7.3.2. His literary career
 - 7.3.3. His contributions to literature

Chương 8: The Moon and Sixpence (Chapter 41)

- 8.1. Main content of the novel
- 8.2. The subject matter of the novel
- 8.3. The meaning of the title "The Moon and Sixpence"
- 8.4. The character of Charles Strickland: a true artist

Chương 9: Mark Twain

- 9.1. American society in the 19th century
- 9.2. 19th century American literature
- 9.3. Mark Twain:
 - 9.3.1. His life
 - 9.3.2. His literary career
 - 9.3.3. His humour
 - 9.3.4. His contributions to American literature

Chương 10: The Adventure of Tom Sawyer – Chapter twelve: Tom shows his Generosity – Aunt Polly Weakens

- 10.1. Summary of the novel The Adventure of Tom Sawyer
- 10.2. The life of common American people shown through the novel
- 10.3. Twain's stories of boy's adventure
- 10.4. Character Tom: a boy of typical boyishness, mischievous, generous and kind

Chương 11: O'Henry – One dollar's worth

- 11.1. O'Henry's life and works
- 11.2. O'Henry's writing style and themes
- 11.3. One dollar's worth
 - Content of the story
 - O'Henry writing style shown through the story

Chương 12: Jack London

12.1. America and the world at early 20th century

12.2. American literature at early 20th century

12.3. Jack London:

- London's life

- London's writing career

- London's contributions to American literature

Chương 13: The call of the Wild – Chapter II: The Law of Club and Fang

13.1. The main content of the novel

13.2. American society and the Gold Rush revealed in the novel

13.3. The transformation of Buck from a good ranch pet into a wild beast.

13.4. The first lessons learnt by Buck in the frozen North

Chương 14: Ernest Hemingway – A Farewell to Arms

14.1. Hemingway's life and works

14.2. Hemingway's writing style and principle.

14.3. Hemingway's language

14.4. Hemingway's contributions to American literature

14.5. The novel "A Farewell to Arms": An anti-war novel

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- **Tài liệu bắt buộc:**

1. KATE FLINT (2012), The cambridge history of VICTORIAN LITERATURE- NXB Cambridge University Press

- **Tài liệu tham khảo:**

1. Digvijay Pandya, - History of English literature- NXB Lovely Professional University

41. TỪ VỰNG – NGỮ NGHĨA HỌC

- Số tín chỉ: 2 (18, 24, 0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NNVH & PPGD T.Anh, khoa NN
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần gồm những định nghĩa, khái niệm quan trọng trong từ vựng, ngữ nghĩa học với các cấp độ ngôn ngữ như morphemes, forms, words, phrases, expressions, sentences, utterances,...; ở các cấp độ nghiên cứu như cấu trúc của từ và các phương thức cấu tạo từ trong tiếng Anh như shortening, conversion, derivation, compounding, affixation, ...; cách thức kết hợp từ, nguồn gốc và lịch sử của từ tiếng Anh; nghĩa của từ với nghĩa trực tiếp, nghĩa chuyển đổi, nghĩa trong cụm từ, nghĩa ngữ pháp – từ vựng, ...; nghĩa của câu và nghĩa của phát ngôn. Người học đồng thời tìm hiểu về các kiểu biên soạn từ điển trong tiếng Anh và các loại từ điển tiếng Anh.

Năng lực đạt được: Người học vận dụng phân tích cấu trúc của từ, cấu tạo của từ, vận dụng cách cấu tạo từ để lựa chọn, tạo từ mới từ phần từ cho sẵn như phương thức tạo từ mới thông qua việc rút gọn từ, viết tắt, thêm tiền tố - hậu tố, chuyển từ loại, mô phỏng theo âm thanh; Phân tích nghĩa của từ, cấu trúc tiếng Anh để xác định sự chuyển nghĩa thông qua các hình thức khác nhau như phép ẩn dụ, hoán dụ, lối nói phóng đại, nói lái, nói tránh, dùng uyển ngữ; Phân tích nghĩa của câu (cấu trúc sâu), nghĩa của phát ngôn trong mối liên hệ với ngữ cảnh để có thể vận dụng những hiểu biết này trong việc sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp một cách hiệu quả.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Học xong học phần này, người học nắm được:

- Một số khái niệm cơ bản về từ vựng học Tiếng Anh.
- Cấu trúc của từ tiếng Anh và Các phương thức cấu tạo từ.
- Nghĩa của từ, nghĩa của câu và nghĩa của phát ngôn.
- Một số thủ thuật nghiên cứu khoa học về từ vựng học, ngữ nghĩa học.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Người học có thể mở rộng vốn từ vựng và kiến thức về từ vựng, ngữ nghĩa trong tiếng Anh để sử dụng trong giao tiếp hàng ngày, trong việc trình bày, diễn đạt các vấn đề liên quan đến quá trình học tập trong và ngoài lớp học..

- Nâng cao kỹ năng sử dụng từ tiếng Anh một cách linh hoạt, chính xác hơn trong quá trình học các học phần về Kỹ năng tiếng Anh như Nói, Nghe, Đọc, Viết.

- Hình thành và phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Anh học thuật trong quá trình học các học phần về Ngôn ngữ - Văn hoá & PPGD TA: Ngữ âm, Ngữ pháp, Ngữ nghĩa học, Phân tích diễn ngôn, Ngữ dụng học, Giao thoa Văn hoá, Văn học Anh - Mỹ,...

- Người học có thể tiến hành một nghiên cứu liên quan đến việc học và dạy từ vựng, câu và phát ngôn tiếng Anh.

- Người học có thể vận dụng kiến thức về từ vựng, ngữ nghĩa học trong quá trình dạy học cũng như thực hành nghề nghiệp sau khi ra trường.

- Người học nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của từ vựng, ngữ nghĩa trong quá trình sử dụng ngôn ngữ, tầm quan trọng của môn học trong chương trình đào tạo. Từ đó có ý thức tốt trong học tập và nâng cao ý thức tự học, tự bồi dưỡng vốn kiến thức về từ vựng và ngữ nghĩa của mình.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Introduction and Course orientation

1.1. Course orientation (Introduction of course syllabus, policies, expectations)

1.1.1. Introduction to basic English lexicology and semantics

1.1.2. Definitions of key terms

1.2: Lexicology and its subject matters

1.2.1. What is lexicology?

1.2.2. Significance of lexicology.

1.2.3. Lexicology in its relation to phonology and stylistics.

1.2.4. Some general characteristics of the English language.

Chương 2: Word structure and formation

2.1. Word structure:

2.1.1 Morphemes:

2.1.2. its types

2.1.3. its meanings

2.2. Word formation

2.2.1. 8 ways of forming new words:

2.2.1.1. Affixation

2.2.1.2. Compounding

2.2.1.3. Shortening

- Conversion

- Sound imitation

- Sound and stress interchange

- Words from names

- Back derivation

2.3. What is Semantics?

2.3.1. The study of meaning.

2.3.2. The meanings of “meaning”

Chương 3: Semasiology

3.1. Theories of meanings:

3.1.1. Referential / denotational theory

3.1.2. Ideational / mentalistic theory

3.1.3. Behaviourist theory.

3.1.4. Meaning - in – use theory.

3.1.5. Verificationist theory.

3.1.6. Truth – conditional theory.

+ *Bloomfieldian theory.*

+ *Former Soviet Union theory.*

3.2. Semantic properties

3.3. Meaning of words

3.3.1. Types of meaning

- Lexical meaning

- Grammatical meaning

3.3.2. The components of lexical meaning

3.3.3. Types of lexical meaning

3.4. Lexical Semantics

3.4.1. Words

3.4.2. Forms

3.4.3. Lexical meaning.

3.4.4. Grammatical meaning.

3.4.5. Sentence vs utterance.

3.4.6. Discourse

3.5. Components of the word – meaning

3.5.1. Denotation meaning: Conceptual meaning, Referential.

3.5.2. Connotation meaning.

3.5.3. Structural meaning.

3.5.4. Categorial meaning.

3.5.4.1. Motivation of words

3.5.4.2. Polysemy and semantic structure

3.5.4.3. The stylistic aspect of English vocabulary

3.5.4.4. Polysemy, homonymy and context

3.5.4.5. Homonyms

3.5.4.6. Synonyms

3.5.4.7. Antonyms

+ Semantic change

+ Full and empty words

3.6. Lexical meaning

3.6.1. Naming.

3.6.2. Denotation and reference

3.6.3. Sense and reference

3.6.4. Connotation and denotation.

Chương 4: Structural Semantics

4.1. Structural Semantics

4.1.1. Definition.

4.1.2. Types of sense relations.

4.1.2.1. Substitutional.

4.1.2.2. Combinatorial.

4.1.3. Other types of sense relations.

4.1.3.1. Hyponymy.

4.1.3.2. Part - whole relation.

4.1.3.3. Semantic Fields.

4.1.3.4. Paraphrases.

4.1.3.5. Lexical gaps.

4.1.3.6. Componential analysis: Definition.

4.1.3.7. Componential analysis:

4.1.3.8. Semantic properties.

4.1.3.9. Entailment and the truth of sentences.

4.2. Change and development of meaning

4.3. Transference of meaning

4.3.1. Metaphor.

4.3.1.1. Definition.

4.3.1.2. Cases of metaphor.

4.3.1.3. Types of metaphors

4.3.2 Metonymy.

4.3.2.1. Definition.

4.3.2.2. Cases of metonymy.

4.3.3. Hyperboles.

4.3.4. Litotes.

4.3.5. Irony.

4.3.6. Euphemisms

4.4. Phraseology

4.4.1. Definition and characteristics

4.4.2. Classification

4.4.3. Proverbs, idioms, quotations

4.4.4. Set expressions versus compound words

4.5. Etymology

4.5.1. Basic assumptions

4.5.2. Assimilation of borrowings

4.5.3. Barbarisms

4.5.4. Etymological doublets

4.5.5. International words

4.5.6. Causes of borrowing

Chương 5: Lexicography

5.1. Lexicography

5.1.1. Major problems

5.1.2. Types of English dictionaries

5.2. Main varieties of the English vocabulary

5.2.1. Standard English variants and dialects in the U.K.

5.2.2. The American variant

5.2.2.1. Australian, Indian, and Canadian variants

Chương 6: The meaning of the sentence

6.1. The meaning of the sentence

6.1.1. Definition.

6.1.2. Utterance: process – sense and product- sense.

6.1.3. Structural meaning of the sentence.

6.1.4. Grammaticality, acceptability and meaningfulness.

6.2. Semantic structure of the sentence

6.2.1. Three components:

6.2.2. Representational.

6.2.3. Interpersonal.

6.2.4. Textual.

6.3. Representational meaning

6.3.1. Process.

6.3.1.1. Definition.

6.3.1.2. Types.

6.3.2. Participants.

6.3.2.1. Definition.

6.3.2.2. Types.

6.3.3. Circumstances.

6.3.3.1. Definition.

6.3.3.2. Types.

Chương 7: Interpersonal meaning / modality

7.1. Speech act Semantics-

7.1.1. Types of meaning in the light of Gricean theory

7.1.1.1. Definition

7.1.1.2. forms

7.1.1.3. functions

7.1.1.4. types

7.2. Discourse Semantics

7.2.1. Definition, forms, functions, types, ...

7.2.2. Background knowledge and the interpretation of discourse meaning

7.2.2.1. Functions

7.2.2.2. Importance

Chương 8: Presupposition & Implicature

8.1. Definition, forms, functions, types, ...

8.2. Utterance meaning

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Hoà, (2004). Understanding English Semantics. NXB ĐHQG Hà Nội

- Tài liệu tham khảo:

1. Hurford (2007), Semantics: a coursebook-NXB Cambridge

2. Stuart Redman, (2013). English vocabulary in use. NXB Cambridge University

42a. NGỮ DỤNG HỌC

- Số tín chỉ: 2 (18, 24, 0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NNVH PPGD T.Anh, khoa Ngoại ngữ, trường ĐH Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: kỹ năng nghe nói 4, kỹ năng đọc viết 4

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Kiến thức cơ bản về các phạm trù ngữ dụng học như: mối quan hệ giữa các hình thái ngôn ngữ và người sử dụng chúng, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và ngữ cảnh, chỉ xuất và khoảng cách, hàm ngôn, tiền giả định, nguyên tắc cộng tác và các phương châm hội thoại, v.v...

Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng được các phạm trù của ngữ dụng học như: tiền giả định, nguyên tắc hợp tác trong hội thoại, vào các phương châm hội thoại của Grice, để phân tích được mối quan hệ giữa ngôn ngữ và ngữ cảnh, hiểu được nghĩa hàm ngôn, v.v...trong sử dụng ngôn ngữ.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Học xong học phần, SV có kiến thức về vấn đề liên quan đến ngữ dụng học, nắm được các khái niệm và các phương pháp tiếp cận, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến ngữ dụng học bằng Tiếng Anh.

SV nắm được và có thể thực hiện được một số công trình nghiên cứu quy mô vừa phải về các vấn đề liên quan đến ngữ dụng học như chỉ xuất, quy chiếu, hàm ngôn, tiền giả định,...

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học có kỹ năng khai thác và phân tích dữ liệu, đồng thời rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm khi sưu tầm các tài liệu bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh, khả năng tiếp cận và bước đầu nghiên cứu, trình bày các vấn đề liên quan đến môn học bằng tiếng Anh. Nâng cao kỹ năng sử dụng ngôn ngữ thông qua các hoạt động trong và ngoài giờ trên lớp.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Introduction

- 1.1. Definitions and background
- 1.2. Definition of pragmatics
- 1.3. Four areas of linguistic analysis
- 1.4. Regularity
- 1.5. Pragmatics wastebasket
- 1.6. Q & A

Chương 2: Deixis and distance

- 2.1. Some terms
- 2.2. Deixis and its types:
- 2.3. Person deixis
- 2.4. Spatial deixis
- 2.5. Temporal deixis
- 2.6. Deixis and grammar
- 2.7. Q & A

Chương 3: Reference and inference

- 3.1. Some terms
- 3.2. Referential and attribute uses

- 3.3. Names and referents
- 3.4. Types of reference
 - 3.4.1. Anaphoric reference
 - 3.4.2. Cataphoric reference
 - 3.4.3. Zero anaphora/ Ellipsis
 - 3.4.4. Consolidation and Q&A

Chương 4: Presupposition

- 4.1. Definitions
- 4.2. Types of potential presupposition:
 - 4.2.1. Existential presupposition.
 - 4.2.2. Factive presupposition.
 - 4.2.3. Lexical presupposition.
 - 4.2.4. Structural presupposition.
 - 4.2.5. Non – factive presupposition.
 - 4.2.6. Counter – factual presupposition
- 4.3. The projection problem
- 4.4. Ordered entailments

Chương 5: Cooperation and implicature

- 5.1. Some terms
- 5.2. Cooperative principle
- 5.3. Hedges
- 5.4. Implicature
- 5.5. Types of implicature
 - 5.5.1. Conventional implicature
 - 5.5.2. Conversational implicature

Chương 6: Speech acts and events

- 6.1. Speech acts
- 6.2. IFIDs
- 6.3. Felicity conditions:
 - 6.3.1. General conditions.
 - 6.3.2. Content conditions.
 - 6.3.3. Preparatory conditions.
 - 6.3.4. Essential condition.
 - 6.3.5. Sincerity condition.
- 6.4. The performative hypothesis
- 6.5. Speech act classification
- 6.6. Speech events

Chương 7: Politeness and interaction

- 7.1. Some terms:
 - 7.1.1. Politeness
 - 7.1.2. Face
- 7.2. Strategies

Kiểm tra giữa kỳ

Pre – sequences

Chương 8: Conversation and preference structure

- 8.1. Conversation analysis
- 8.2. Pauses, overlaps, and backchannels
- 8.3. Conversational style
- 8.4. Adjacency pairs

8.5. Preference structure

Chương 9: Discourse and culture

9.1. Discourse analysis

9.2. Coherence

9.3. Background knowledge

9.4. Cultural schemata

9.5. Cross – cultural pragmatics

9.6. Q & A

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Joan Cutting (2002), Pragmatics and Discourse - A Resource Book for Students , NXB Routledge

- Tài liệu tham khảo:

1. Klaus P. Schneider (2008), Variational Pragmatics- NXB John Benjamins

2. Jacob L.Mey. (1992). Pragmatics: An Introduction. NXB Blackwell

42b. PHONG CÁCH HỌC

- Số tín chỉ: 2 (18, 24, 0)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ngôn ngữ - văn hóa và phương pháp giảng dạy, trường Đại học Hồng Đức

- Điều kiện tiên quyết: kỹ năng nghe nói 4, kỹ năng đọc viết 4

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần bao gồm các vấn đề về lịch sử môn phong cách học, hệ thống biện pháp tu từ tiếng Anh, phong cách chức năng tiếng Anh v.v... Phong cách học chiếm vị trí chủ chốt trong việc nâng cao và hoàn chỉnh kiến thức về ngôn ngữ mà sinh viên viên đã tích lũy được từ môn kỹ năng tiếng Anh như Ngữ âm, Từ vựng, Ngữ pháp.

Năng lực đạt được: Người học nắm vững được kiến thức về hệ thống phong cách chức năng tiếng Việt, các phương thức tu từ tiếng Anh đồng thời rèn luyện những kỹ năng thực hành phân tích, sử dụng các chuẩn phong cách một cách sáng tạo, trau dồi khả năng hiểu biết về phong cách sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu kiến thức

Chương trình cung cấp cho người học những kiến thức về hệ thống phong cách chức năng tiếng Việt, các phương thức tu từ tiếng Việt đồng thời rèn luyện những kỹ năng thực hành phân tích, sử dụng các chuẩn phong cách một cách sáng tạo, trau dồi một ngữ cảm tinh tế, khả năng phân tích giá trị nghệ thuật của những cấu trúc ngôn từ.

2.2. Mục tiêu kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng nói và viết tiếng Anh theo đúng chuẩn ngôn ngữ và chuẩn phong cách. Sinh viên có kỹ năng thực hành phân tích, sử dụng các chuẩn phong cách một cách sáng tạo, trau dồi một ngữ cảm tinh tế, khả năng phân tích giá trị nghệ thuật của những cấu trúc ngôn từ.

- Sinh viên có kỹ năng nói và viết tiếng Việt theo đúng chuẩn ngôn ngữ và chuẩn phong cách.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ học tập nghiêm túc, tuân thủ những quy định của môn học, có tinh thần làm việc nhóm, cầu thị, hoàn thành các bài tập được giao, chủ động sáng tạo khi tìm tòi các nội dung phục vụ cho việc học tập.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Học phần gồm các nội dung sau:

Chapter 1: Introduction

1.1 General notes on style and stylistics

1.2. Varieties of language

1.3. Meaning from a stylistic point of view

Chapter 2

2.1. Stylistic classification of the English vocabulary

2.2. General considerations

2.3. Neutral, common literary and common colloquial vocabulary

2.4. Special literary vocabulary

2.5. Special colloquial vocabulary

Chapter 3: Phonetic Expressive Means and Stylistic Devices

3.1. General notes

3.2. Onomatopoeia

3.3. Alliteration

3.4. Rhyme

3.5. Rhythm

Chapter 4: Lexical Expressive means and stylistic Devices

- 4.1. Intentional mixing of the stylistic aspect of words.
- 4.2. Interaction of different types of lexical meaning
- 4.3. Interaction of primary dictionary and contextually imposed meanings
- 4.4. Interaction of primary and derivative logical meanings
- 4.5. Interaction of Logical and nominal meanings
- 4.6. Intensification of a certain feature or a thing or phenomenon
- 4.7. Peculiar Use of set expressions

Chapter 5: syntactical expressive means and stylistic devices

- 5.1. General consideration
- 5.2. Problems concerning the composition of Spans of Utterance larger than the sentence
- 5.3. Compositional Patterns of Syntactical arrangement.

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Tài liệu bắt buộc

1. Biber, Douglas, Susan Conrad and Randi Reppen. *Corpus Linguistics: Investigating Language Structure and Use*. (Cambridge Approaches to Linguistics). Cambridge: Cambridge UP, 2004. Bickerton, D. See English structuralism.

2. Birch, David. *Language, Literature, and Critical Practice: Ways of Analysing Text*. London: Routledge, 2014

9.2. Tài liệu tham khảo

3. Nigel Fabb, Nigel, Derek Attridge, and Colin MacCabe, eds. *The Linguistics of Writing: Arguments between Language and Literature*. Manchester: Manchester UP, 2010

4. Graf, Eva, and Willie van Peer. "Between the Lines: Spatial Language and its Developmental Representation in Stephen King's *IT*." In *Cognitive Stylistics*. Ed. Elena Semino and Jonathan Culpeper. Amsterdam: Benjamins, 2002. 123-52

43a. TIẾNG ANH KINH TẾ

- Số tín chỉ: 2 (18, 12, 12)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: NN-VH & PPGD Tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Nghe Nói 5, Kỹ năng Đọc Viết 5

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần bao gồm các khái niệm cơ bản trong kinh tế như: các nguồn lực kinh tế, chu trình kinh tế, hàng hóa và dịch vụ, sự khan hiếm, phí cơ hội, cung-cầu, việc tổ chức nền kinh tế thị trường, vai trò của chính phủ và vai trò của thị trường trong nền kinh tế. Học phần cung cấp vốn từ vựng phong phú liên quan đến kinh tế và thương mại, hiểu được ý nghĩa của các thuật ngữ thương mại. Ngoài ra người học còn được cập nhật tình hình kinh tế hiện tại của đất nước thông qua các bản tin kinh tế trong đó người học sẽ trình bày và giải quyết những vấn đề kinh tế nổi cộm và tuân theo xu hướng nhất định từ đó phân tích tình hình tổng quan, nguyên nhân, tác động và giải pháp.

Năng lực đạt được: Người học sử dụng thành thạo ngôn ngữ thuộc lĩnh vực kinh tế trong giao tiếp cơ bản và xử lý các văn bản tiếng Anh liên quan đến lĩnh vực kinh tế như thư tín, các hợp đồng kinh tế đơn giản.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Học xong học phần, người học có kiến thức về các khái niệm cơ bản trong kinh tế như: các nguồn lực kinh tế, chu trình kinh tế, hàng hóa và dịch vụ, sự khan hiếm, phí cơ hội, cung-cầu, việc tổ chức nền kinh tế thị trường, vai trò của chính phủ và vai trò của thị trường trong nền kinh tế. Người học được bổ sung vốn từ vựng phong phú liên quan đến kinh tế và thương mại, hiểu được ý nghĩa của các thuật ngữ thương mại. Ngoài ra người học còn được cập nhật tình hình kinh tế hiện tại của đất nước thông qua các bản tin kinh tế trong đó người học sẽ trình bày và giải quyết những vấn đề kinh tế nổi cộm và tuân theo xu hướng nhất định từ đó phân tích tình hình tổng quan, nguyên nhân, tác động và giải pháp.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học có kỹ năng học tập môn học nói riêng và học tập tiếng Anh nói chung như: khả năng làm việc nhóm khi sưu tầm các chủ đề liên quan đến tình hình kinh tế trong và ngoài nước. Hình thành kỹ năng kết hợp và tổ chức các bước tiến hành bài trình bày đồng thời luyện tư duy phê phán trước những vấn đề kinh tế đang nổi cộm hiện nay. Trong quá trình học, người học sẽ phải sưu tập 150 từ và cụm từ có liên quan đến chủ đề kinh tế nhằm bổ sung vào bảng vốn từ chuyên ngành. Đây sẽ là nguồn tư liệu phong phú để giúp Người học ra trường có thể làm việc được trong môi trường liên quan đến kinh tế.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Unit 1: Introduction

1. Course objectives and requirements
2. What is economics?
3. How to carry out an economic news
4. Criteria for evaluating students

Chapter 1: What is economics all about?

1. Definition of Economics
2. Economic resources
3. Economic indicators
4. Business cycle

5. Goods and Services
6. Scarcity
7. Opportunity cost

Chapter 2: Three economic issues

1. Definition of economic system
2. Types of economic system
 - 2.1. Traditional economic system
 - 2.2. Command economic system
 - 2.3. Market economic system
2. 4. Mixed market economic system
3. What do economic systems have in common?
 - 3.1. The question of what
 - 3.2. The question of how
 - 3.3. The question of “for whom”

Chapter 3: Organization of market economy

1. Goods, prices and market
 - 1.1. Definition, types of goods
 - 1.2. Definition, kinds and functions of prices
 - 1.3. Definition, characteristics, types, roles of market
2. Government roles in the market economy
 - 2.1. Government as a provider of goods and services
 - 2.2. Government as a Help to weak business groups and an organizer of income allocation.
 - 2.3. Government as a stabilizer
 - 2.4. Government as a producer in the absence of business venture

Chapter 4: Supply and demand

1. What is demand? What is supply?
 - 1.1. Laws of supply: definition and features
 - 1.2. Laws of demand: definition and features
2. What is quantity demanded? What is supply demanded?
3. What is market equilibrium point? What is market price?
 - 3.1. Changes in demand for and supply of a product affect its price
4. Why are prices important in a market economy?
 - 4.1. Prices act as signals to buyers and sellers
 - 4.2. Prices encourage efficient productions
 - 4.3. Prices determine who will receive the things produced

Chapter 5: Stop and check

1. Shift of supply, supply curve
2. Shift of demand, demand curve
3. Oil price in the world

Chapter 6: The private sector of the economy: business operations in different companies

1. Sole Proprietorship
 - 1.1. Definition of sole proprietorship
 - 1.2. Characteristics of sole proprietorship
 - 1.3. Advantages and disadvantages of sole proprietorship.
2. Partnership
 - 1.1. Definition of partnership
 - 1.2. Characteristics of partnership

- 1.3. Advantages and disadvantages of partnership
- 3. The Corporation
 - 1.1. Definition of The Corporation
 - 1.2. Characteristics of The Corporation
 - 1.3. Advantages and disadvantages of The Corporation

Chapter 7: Price, income and demand

- 1. Relative and absolute prices.
- 2. Reasons for shifts of demand curve.
 - 2.1. The prices of related goods.
 - 2.2. Consumer Incomes.
 - 2.3. Consumer Tastes.
- 3. Reasons for shifts of supply curve.
 - 3.1. Technology.
 - 3.2. Input costs.
 - 3.3 Government regulation.
- 4. The price responsiveness of demand.

Chapter 8: Vietnam-US bilateral trade agreement

- 1. Introduction
- 2. The history of US – Vietnam relations
- 3. The BTA
- 4. The importance of The BTA
- 5. The impacts of The BTA on Vietnam's trade
- 6. Conclusion

Chapter 9: Revision

- 1. Submission of economic glossary
- 2. Revision of economics theory
- 3. Instruction for final test
- 4. Sample final test

4. Yêu cầu của môn học:

Người học phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm, trình bày

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

- 1. Laura Wright and Jonathan Hope (1996), Stylistics a practical coursebook- NXB Routledge

- *Tài liệu tham khảo:*

1. Murray Knowles and Rosamund Moon (2006), *Introducing metaphor*- NXB Routledge

43b. TIẾNG ANH DU LỊCH

- Số tín chỉ: 2 (18, 24, 0)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: NN-VH & PPGD Tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Điều kiện tiên quyết : Không

Nội dung học phần: Học phần gồm các chủ đề liên quan tới lĩnh vực du lịch và khách sạn; bao quát toàn bộ các khái niệm về chuyên ngành du lịch, khách sạn, lữ hành. Các từ vựng, các chủ đề phù hợp để phát triển 4 kỹ năng giao tiếp trong ngành quản lý du lịch, khách sạn và lữ hành. Các cấu trúc câu chuyên ngành ứng dụng trong du lịch – khách sạn – nhà hàng và các thì, thể của động từ...trong tiếng Anh. Bài học miêu tả các hành vi văn hoá giao tiếp không bằng lời nói (non-verbal cues), những kiến thức về mẫu văn hoá (culture patterns).

Năng lực đạt được: Sinh viên có những hiểu biết căn bản về ngành quản trị du lịch khách sạn và hướng dẫn du lịch bằng tiếng Anh. Sử dụng và phát triển vốn từ vựng chuyên ngành để đọc tài liệu và giao tiếp trong lĩnh vực quản lý du lịch, khách sạn và lữ hành. Giao tiếp được bằng tiếng Anh với các chủ điểm thực trong cuộc sống. Nghe hiểu và diễn đạt trôi chảy những nhu cầu thiết yếu của cuộc sống, nét văn hóa bằng tiếng Anh ở mức độ tự nhiên và linh hoạt. Có khả năng viết diễn đạt lại, kể lại sự kiện, miêu tả người, địa điểm, các vật thể, miêu tả lại những sự kiện phức tạp, trần thuật lại được ý của người khác

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Học xong học phần này, người học nắm được một lượng từ vựng dùng trong giao tiếp đơn giản hàng ngày ở môi trường sống, làm việc và có thể giao tiếp tự tin bằng tiếng Anh trong công việc liên quan tới lĩnh vực quản lý du lịch, khách sạn, lữ hành: giao tiếp tốt với khách hàng trong môi trường thật, các cấu trúc câu chuyên ngành ứng dụng trong du lịch – khách sạn – nhà hàng và các thì, thể của động từ...trong tiếng Anh. Ngoài ra, người học còn nhận biết một số hành vi văn hoá giao tiếp không bằng lời nói (non-verbal cues), nhưng không hoàn toàn hiểu được chính xác hàm ý của nó, nhận biết được những kiến thức về mẫu văn hoá (culture patterns)

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Giao tiếp được bằng tiếng Anh với các chủ điểm thực trong cuộc sống. Nghe hiểu và diễn đạt được những nhu cầu thiết yếu của cuộc sống, nét văn hóa bằng tiếng Anh.

Thể hiện được những thông tin trong một văn bản bằng tiếng Anh. Diễn đạt trôi chảy đạt ngôn ngữ ở mức độ tự nhiên và linh hoạt. Đọc hiểu được những văn bản và ký hiệu, những bài viết về những chủ đề quen thuộc trong sinh hoạt hàng ngày, những từ ngữ chuyên ngành .

Diễn đạt lại, kể lại sự kiện, miêu tả người, địa điểm, các vật thể, miêu tả lại những sự kiện phức tạp, trần thuật lại được ý của người khác. Có khả năng phối hợp, làm việc theo nhóm và tự làm việc theo kế hoạch..

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp cũng như bài tập về nhà và bài tập nhóm, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá

3. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Jobs in a Hotel

1. Introduce the assignment task
2. Describe jobs in a hotel

3. Practise listening to jobs description
4. use “can, could, would” to ask questions
5. Write a description of jobs in a hotel that you want to apply for

Chương 2: Hotel Reservation

1. Practise listening to how people book rooms in a hotel
2. Know some words relevant to hotel reservation
3. Practise speaking with model sentences: hotel reservation

Chương 3: Checking in

1. Practise with “if” and “when” clauses
2. Listen to how people check in and check out
3. Practise checking in and out
4. Deal with complaints about check in/out

Chương 4: Hotel Facilities

1. Practise speaking about hotel facilities and services
2. Describe facilities and services
3. Practise reading: skimming, scanning, reading for details about facilities
4. Practise listening to people talking about the Golden Sand Hotel
5. Be + going + to + V

Chương 5: Restaurant

1. Listen to a dialogue about services in a restaurant
2. Vocabulary:
3. Model sentences: making requests and reply

Chương 6: Complaints

1. Discuss: The customer is always right!
2. Language study:
3. Practise speaking and listening to conversation between a guest and a waiter
4. Write and read: letter of complaint

Chương 7: Is service included?

1. Talk about currencies used in foreign countries
2. Read: to tip or not to tip
3. Talk: tip customs
4. Write: complete the press information

Chương 18: Telephone Enquiries

1. Practise listening and fill in the form
2. Language study: the use of will and won't
3. Grammar: prepositions
4. Language study 2: telephone phrases

Chương 9: Ordering help and advice

1. Practise asking and offering help and advice
2. Language study: phrases for asking and offering, present perfect tense
3. Listen to guests' problems and giving advice

Chương 10: Farewell

1. Listen to people to know how to say farewell
2. Language study:
3. Practise speaking what happened and future plans
4. Write diary

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài

kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Robin walker, keith harding(2006), Oxford English for careers: Tourism1: Student's book- NXB Oxford

- Tài liệu tham khảo:

1. Trish Stott & Angela Buckingham (2009), At your Service. NXB Oxford University Press

2. Michael Duckworth (2000), High Season, NXB Oxford University Press

3. English for International Tourism Textbook and Workbook. NXB Longman, Năm XB 2007.

44a. GIAO THOA VĂN HOÁ

- Số tín chỉ: 2 (18, 24, 0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: NN-VH & PPGD Tiếng Anh
- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng nghe nói 4, Kỹ năng đọc viết 4

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần bao gồm các bài học theo nội dung đã được chọn lọc về giao tiếp giao văn hoá của người ở các nước nói tiếng Anh gồm: các thuật ngữ và nguyên tắc khi học môn học; chào hỏi, tự giới thiệu, giao tiếp bằng mắt, bắt tay, trò chuyện sau làm quen (small talks), đề tài nói chuyện sau làm quen, khoảng cách khi nói chuyện với người lạ, cấu trúc hội thoại (conversation patterns) và phong cách hội thoại (conversation styles) của các nước nói tiếng Anh so sánh với cấu trúc hội thoại và phong cách hội thoại của người Việt Nam, giao tiếp không dùng lời nói (non-verbal communications) bao gồm các cử chỉ và ngôn ngữ cơ thể khi giao tiếp, xung đột văn hoá, sốc văn hoá và sự điều chỉnh để thích nghi...

Ngoài ra, học phần cũng góp phần nâng cao các kỹ năng toàn diện cho sinh viên trong việc học tiếng Anh, thông qua việc nghe giảng bằng tiếng Anh, đọc hiểu tài liệu bằng tiếng Anh, làm bài tập lớn bằng tiếng Anh và trình bày một vấn đề liên quan đến những nội dung trên bằng ngôn ngữ đích. Bên cạnh đó, người học còn được tạo điều kiện được thực hành một số kỹ năng giao tiếp văn hoá các nước nói tiếng Anh sau khi học lý thuyết.

Năng lực đạt được: Người học sử dụng được các quy tắc giao tiếp, cấu trúc giao tiếp và phong cách giao tiếp bằng tiếng Anh của những người bản ngữ. Đồng thời, người học phân biệt được đặc điểm khác biệt trong văn hóa giao tiếp giữa người Việt với người ở các nước nói tiếng Anh để tránh những lỗi khi giao tiếp với người các nước nói tiếng Anh. Người học có kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp. Có thể điều tiết trong giao tiếp như: chào hỏi, tự giới thiệu, hiểu rõ về cấu trúc hội thoại, phong cách hội thoại và ngôn ngữ cơ thể và cử chỉ khi giao tiếp không dùng lời nói của các nước nói tiếng Anh. Hiểu biết về xung đột văn hoá, sốc văn hoá và biết cách nhận biết và điều chỉnh để thích nghi khi bị sốc văn hoá khi giao tiếp với người bản ngữ.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học nắm vững các quy tắc về giao tiếp giao văn hoá của các nước nói tiếng Anh như Anh, Mỹ, Úc, Canada, ... Đồng thời, có thể liên hệ so sánh với giao tiếp văn hoá của người Việt Nam. Sinh viên cũng được thực hành các tình huống giao tiếp văn hoá của các nước nói tiếng Anh trên thế giới. sinh viên trang bị được vốn từ vựng về văn hoá giao tiếp thông thường của người ở các nước nói tiếng Anh.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Sinh viên tự trang bị được kỹ năng học tập những môn lý thuyết, khai thác thông tin phục vụ cho việc học tập những môn lý thuyết, khai thác đủ thông tin phục vụ cho việc học tập, rèn luyện các kỹ năng cơ bản như: kỹ năng ghi nhớ, kỹ năng thuyết trình vấn đề,... bằng tiếng Anh.

Người học linh hoạt trong các tình huống giao tiếp giao văn hoá như xưng hô, chào hỏi, giới thiệu làm quen, hiểu ý nghĩa của cử chỉ và ngôn ngữ cơ thể khi giao tiếp.

Chủ động tham gia các hoạt động nhóm, thảo luận, thực hành, so sánh và đối chiếu văn hóa giao tiếp của người các nước nói tiếng Anh với văn hóa giao tiếp của người Việt.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, trong các hoạt động nhóm trên lớp, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần:

I. Lesson: 01 Introduction

1. Cross – cultural terms and principles
2. Varieties of introductions
- II. Lesson: 02 Introduction (cont.)**
3. Use of titles in introduction
4. Eye contact and hand shaking
5. “Small talk” after introduction
- III. Lesson: 03 Introduction (cont.)**
6. Cultural variations in introductions
7. Conversational activities
8. Multiple - choice questionnaire
9. Cultural notes
- IV. Lesson: 04 Introduction (cont.)**
10. Addressing people
11. Cross – cultural interaction
- V. Lesson: 05 Introduction (cont.)**
12. How much do you already know about Anglicist culture?
13. Culture puzzles
- VI. Lesson: 06 Introduction (cont.)**
14. Space requirements
15. Introductions
16. Small talk
- VII. Lesson: 07**
17. Greeting, introduction and farewell in Vietnamese as seen by an Anglist
- VIII. Lesson: 08 Verbal Communication**
18. Definitions
19. Conversational Involvement
20. Incorrect judgements of character
21. Directness and indirectness
22. Anglicist Male and Female differences in directness
- IX. Lesson: 09 Verbal communication (cont.)**
23. Cross-cultural implications
24. “Ping-pong” and “Bowling” conversation styles
25. Ethnocentric judgements
26. Conversational activities
- X. Lesson: 10 Verbal communication (cont.) Non – Verbal communication**
27. Multiple – choice questionnaire
28. Cross – cultural questions
29. Cultural notes
- Mid – term test
30. Definitions
31. Cultural differences in Non – Verbal communications
- XI. Lesson: 11 Non – verbal communication (cont.)**
32. Gestures and body positioning
33. Facial Expressiveness
34. Eye contact
35. Conversational distance
- XII. Lesson: 12 Non – verbal communication (cont.)**
36. How to understand body language
37. Conversational activities

- 38. Multiple – choice questionnaire
- 39. What does this position mean?
- 40. Curtain up!
- 41. She’s a typical librarian!
- 42. How to read a face
- 43. Our faces and our expressions
- 44. Eyes: the windows of the soul

XIII. Lesson 13: Cross – cultural conflict and adjustment

- 45. Definition
- 46. A fish out of water
- 47. Unpredictable cultural adjustment
- 48. A ride on a roller coaster
- 49. From Honeymoon to culture shock to integration

XIV. Lesson: 14 Cross – cultural conflict and adjustment (cont.)

- 50. Communication and culture
- 51. Misinterpretations
- 52. Ethnocentrism
- 53. Stereotypes and prejudice
- 54. Stereotypes and generalizations

XV. Lesson: 15

Cross – cultural conflict and adjustment (cont.)

- 55. Conversational activities

XVI. Revision

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài dự án, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm, thực hành trước lớp.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính, loa để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Scott F. Kiesling, Christina Bratt Paulston (2005), Intercultural discourse and communication- NXB Wiley-Blackwell

- Tài liệu tham khảo:

1. Athen, G. (1988). *American ways*. NXB : International Press Inc.

2. Trần Ngọc Thêm (2000). *Cơ sở Văn hoá Việt Nam*. NXB Giáo Dục

44b. GIAO TIẾP LIÊN VĂN HÓA

Số tín chỉ: 2 (18, 24, 0)

Bộ môn phụ trách giảng dạy: NN-VH & PPGD Tiếng Anh

Điều kiện tiên quyết: kỹ năng nghe nói 4, kỹ năng đọc viết 4

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần bao gồm các bình diện nội ngôn, cận ngôn, ngoại ngôn thể hiện trong giao tiếp văn hoá và nội văn hoá. Môn học chú ý đến Dụng học giao văn hoá với các với các bình diện phạm trù như lịch sử, trực tiếp gián tiếp, mô hình tư duy văn hoá, quyền lực thể hiện trong giao tiếp, v.v. dựa trên khung lý thuyết và các nghiên cứu của Hofstede, Brown & Levinson, Kaplan, Clyne, Saville-Troike, Levine & Adelman, Ting-Toomey và Nguyễn Quang.

Năng lực đạt được: Người học vận dụng được các nội dung cơ bản của học phần vào việc sử dụng và nghiên cứu ngôn ngữ, vận dụng được các bình diện như lịch sử, trực tiếp gián tiếp, mô hình tư duy văn hoá, quyền lực thể hiện trong giao tiếp vv... vào giao tiếp của bản thân.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sau khi học xong môn học sinh viên vận dụng được nội dung sau vào giao tiếp liên văn hóa:

- Các khái niệm/thuật ngữ cơ bản và tầm quan trọng của việc nghiên cứu giao tiếp liên văn hoá.
- Các bình diện phạm trù và nguyên tắc cơ bản trong nghiên cứu và Giao thoa giao văn hoá.
- Những khác biệt cơ bản giữa giao tiếp ngôn từ và phi ngôn từ.
- Các loại cấu trúc giao tiếp và những tương đồng khác biệt cơ bản trong giao tiếp liên văn hoá Anh – Việt.
- Khái niệm, lý do và biểu hiện của “Sốc văn hoá”.
- Các nhân tố giúp điều chỉnh, giảm thiểu và loại trừ xung đột văn hoá và ngưng trệ giao tiếp.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Sinh viên nâng cao kỹ năng giao tiếp nội văn hoá và giao lưu văn hoá để phục vụ nhu cầu công việc và giao tiếp hàng ngày.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Có thái độ học tập tích cực, có ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc và linh hoạt thích nghi văn hoá giao tiếp với người nước ngoài trong môi trường đa văn hoá.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chapter 1: Introduction to Cross-cultural communication: Key concepts

1. Concept of culture
2. The iceberg of culture
3. Concept of communication
4. Communication studies pragmatics
5. Cross-cultural communication

Chapter 2: Introduction to Cross-cultural communication: key categorical dimensions

1. individualism vs. Collectivism
2. Objectivity vs. Subjectivity
3. Directness vs. Indirectness
4. Accuracy vs. Inaccuracy
5. Dynamicality vs. Staticality

6. Seft-abasement vs. Self-assertion
7. Positive politeness vs. Negative politeness
8. Sentimentality vs. Rationality
9. Hierarchy vs. Equality
10. Formality vs. Informality
11. High-context vs Low-context
12. Redundancy vs. Economicality

Chapter 3: The nature of verbal communication

1. Human language: A coherent system
 - 1.1. Arbitrariness
 - 1.2. Multilayered rules
 - 1.3. Speech community
2. Verbal communication and intralinguistic factors
3. How verbal communication varies across cultures

Chapter 4: Cultural thought patters and directness vs. indirectness

1. Cultural thought patterns (Discourse structures)
2. Directness and indirectness in verbal communication

Chapter 5: Politeness and face-work

1. Concept of face
2. Positive and negative face
3. Concept of politeness
4. Politeness maxims and principles
5. Politeness strategies
6. English-Vietnamese cross-cultural similarities and differences

Chapter 6: Addressing systems

1. Addressing systems in English
2. Addressing systems in Vietnamese

Chapter 7: Non-verbal communication: Background concepts

1. What is non-verbal communication?
2. The nature of non-verbal communication
3. Types of nonverbal languages
4. How non-verbal communication varies across cultures

Chapter 8: Functions of non-verbal communication

1. Supplementing words
2. Contradicting words
3. Regulating the flow of verbal interaction
4. Taking the place of words
5. English-Vietnamese cross-cultural similarities and differences

Chapter 9: Components of non-verbal communication: Body language

1. Classifications of body language
2. Body language/kinesics

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài dự án, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện:

bảng, máy chiếu, máy tính, loa để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu giáo trình

- Tài liệu bắt buộc:

1. Larry A. Samovar, Richard E. Porter (2002), Intercultural communication: A reader-
NXB Wadsworth

- Tài liệu tham khảo:

1. Maryanne K, JoAnn C & Edward N (2005). American Ways:An Introduction to
American Culture., NXB :longman

2. Hofstede, G. (2004). Cultures and organizations: Software of the mind. NXB McGraw-
Hill

45a. NGÔN NGỮ HỌC TRI NHẬN

- Số tín chỉ: 2 (18, 24, 0)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ngôn ngữ - văn hóa và phương pháp giảng dạy, trường Đại học Hồng Đức

- Điều kiện tiên quyết: kỹ năng nghe nói 4, kỹ năng đọc viết 4

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần gồm những kiến thức nền tảng nhất của ngôn ngữ học tri nhận như sự ra đời, các xu hướng chính, các nguyên lí của ngôn ngữ học tri nhận, ý niệm và ý niệm hóa, phạm trù và phạm trù hóa, ẩn dụ và hoán dụ tri nhận, phạm trù xuyên tâm, kết cấu, vấn đề hình/nền, mối quan hệ giữa ngôn ngữ-tri nhận-văn hóa. Nội dung giáo trình hướng vào những vấn đề tranh luận mà ngôn ngữ học tri nhận đặt ra đối với tiếng Việt, nhằm khơi gợi lòng yêu thích tranh luận và khám phá khoa học của sinh viên.

Năng lực đạt được: Người học vận dụng được những kiến thức nền tảng của ngôn ngữ học tri nhận trong nghiên cứu và sử dụng ngôn ngữ. Có tư duy phản biện để đánh giá những vấn đề môn học đặt ra.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Nắm được bối cảnh ra đời của ngôn ngữ học tri nhận
- Nắm được sự khác biệt của ngôn ngữ học tri nhận với các xu hướng ngôn ngữ học khác.

- Nắm được các khái niệm và thao tác phân tích của ngôn ngữ học tri nhận.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Biết vận dụng các khái niệm và thao tác phân tích của ngôn ngữ học tri nhận vào việc xử lí, giải thích các hiện tượng của tiếng Việt.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Thông qua môn học, xây dựng cho sinh viên lòng yêu thích ngôn ngữ học nói chung và ngữ pháp tri nhận nói riêng. Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Đại cương về ngôn ngữ học tri nhận

1. Sự ra đời của ngôn ngữ học tri nhận
2. Những giả định nền tảng của ngôn ngữ học tri nhận.
3. Tư duy nghiêm thân.

Chương 2: Những khái niệm cơ bản của ngôn ngữ học tri nhận

1. Ngữ nghĩa học tri nhận và ngữ pháp tri nhận
2. Một số khái niệm cơ bản

Chương 3 : Phổ quát và biến thể trong ngôn ngữ

1. Phổ quát trong tư duy và ngôn ngữ
 - Những mô hình xuyên ngôn trong hệ thống ngữ nghĩa
 - Những biến thể xuyên ngôn trong hệ thống ngữ nghĩa
2. Ngôn ngữ học tri nhận và Tương đối luận ngôn ngữ

Chương 4: Nghiêm thân và cấu trúc ý niệm

1. Sơ đồ hình ảnh
 - Sơ đồ hình ảnh là gì?
 - Sơ đồ hình ảnh và ngữ nghĩa

2. Cấu trúc ý niệm

- Cấu trúc nghĩa
- Hệ thống mang tính sơ đồ

Chương 5: Phạm trừ hóa và điển mẫu

1. Phạm trừ hóa

- Phạm trừ hóa và ngữ nghĩa học tri nhận
- Lí thuyết cổ điển và lí thuyết điển mẫu

2. Lí thuyết điển mẫu

- Các nguyên tắc phạm trừ hóa
- Lí thuyết điển dạng và những vấn đề của lí thuyết điển mẫu

Chương 6: Ẩn dụ và hoán dụ tri nhận

1. Ẩn dụ tri nhận

- Ẩn dụ cổ điển
- Ẩn dụ theo quan điểm của ngôn ngữ học tri nhận

2. Hoán dụ tri nhận

- Hoán dụ cổ điển
- Hoán dụ theo quan điểm của ngôn ngữ học tri nhận

Chương 7: Phạm trừ xuyên tâm

1. Đa nghĩa với tư cách là một hiện tượng mang tính ý niệm

2. Từ với tư cách là phạm trừ xuyên tâm

Chương 8: Hình và nền

1. Hình và nền, vật được định vị và mốc định vị

2. Biểu hiện của hình và nền trong cú pháp

Chương 9: Ngữ pháp kết cấu

1. Mô hình của ngữ pháp kết cấu

2. Giới thiệu một số cách tiếp cận

Chương 10: Ngữ pháp hóa

1. Bản chất của ngữ pháp hóa

2. Các nguyên tắc ngữ pháp hóa

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Lee, D. (2001). Cognitive Linguistics – NXB. OUP

- Tài liệu tham khảo:

1. Dirk , G; Hubert, C. (2007). The Oxford Handbook of Cognitive Linguistics. NXB Oxford University Press

45b. PHÂN TÍCH DIỄN NGÔN

- Số tín chỉ: 2 (18, 24, 0)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: NNVH & PPGD T.Anh – Khoa NN
- Điều kiện tiên quyết: kỹ năng nghe nói 4, kỹ năng đọc viết 4

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần bao gồm các bài học về các vấn đề cơ bản trong phân tích diễn ngôn tiếng Anh như: khái niệm về diễn ngôn và phân tích diễn ngôn (sơ lược), ngôn cảnh và vai trò của ngôn cảnh trong phân tích diễn ngôn, đặc biệt là diễn ngôn nói; liên kết và mạch lạc và mối liên hệ của chúng; tiền giả định, hàm ý hội thoại, nguyên tắc hợp tác hội thoại của Grice; các thành tố của hành động ngôn từ trong lời nói hàng ngày; chủ đề và khung chủ đề của diễn ngôn, cấu trúc thông tin đã biết và thông tin mới, cấu trúc đề/thuyết (sơ lược); các cách sơ đồ hoá một diễn ngôn; vai trò của lý thuyết nền trong việc diễn giải một diễn ngôn; các đường hướng phân tích diễn ngôn trong nghiên cứu tiếng Anh với vai trò là một ngoại ngữ.

Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng được những kiến thức cơ bản về diễn ngôn, các đường hướng nghiên cứu diễn ngôn để nghiên cứu các vấn đề về việc sử dụng ngôn ngữ nói và viết trong tiếng Anh và nghiên cứu ngôn ngữ.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về phân tích ngôn bản tiếng Anh, giúp người học hiểu rõ các khái niệm của ngôn ngữ giao tiếp như: ngữ cảnh, liên kết, mạch lạc, tiền giả định, hàm ngôn, chủ đề và khung chủ đề, các đường hướng phân tích diễn ngôn đối với người học ngoại ngữ vv... Sinh viên có thể phân biệt giữa diễn ngôn và văn bản, tìm hiểu về liên kết và mạch lạc trong diễn ngôn tiếng Anh, xem xét các yếu tố của diễn ngôn như: hành động ngôn từ, ngữ cảnh, hàm ngôn, tiền giả định, ngữ pháp cốt truyện, chủ đề và khung chủ đề vv...

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học có các kỹ năng học tập môn học nói riêng và học tập tiếng Anh nói chung như: khả năng làm việc nhóm khi sưu tầm các tài liệu liên quan đến bài học, kỹ năng trình bày một vấn đề trước lớp, kỹ năng soạn thảo và sắp xếp ý tưởng, trình bày một chủ đề trong bài tập lớn.

2.1. Mục tiêu về thái độ

Người học được rèn luyện để có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần tự hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

Lesson 1

- 1.1. Definitions of discourse analysis
- 1.2. Language in use
- 1.3. A process which is socially situated

Lesson 2: Discourse and text

- 2.1. The emotive function
- 2.2. The phatic function
- 2.3. The referential function
- 2.4. The poetic function
- 2.5. The metalinguistic function
- 2.6. The directive function
- 2.7. The contextual function
- 2.8. Interactional vs. transactional function
- 2.9. Spoken and written language

Lesson 3: The standards of a discourse-Cohesion

- 3.1. Cohesion and coherence
- 3.2. Intentionality and Acceptability
- 3.3. Informativity
- 3.4. Relevance
- 3.5. Intertextuality

Lesson 4: Cohesive devices

- 4.1 Substitution
- 4.1 Ellipsis
- 4.3. Parcelling
- 4.4. Structural parallelism
- 4.5. Logical cohesive devices
- 4.6. Lexical cohesive devices

Lesson 5: Context and the role of context in discourse analysis

- 5.1. What is context?
- 5.2. According to Firth
- 5.3. According to Halliday
- 5.4. According to Hymes
- 5.5. Context and cotext
- 5.6. The principle of local interpretation
- 5.7. The principle of analogy

Lesson 6: Variations in D.A

- 6.1. Reference
- 6.2. Presupposition
- 6.3. Implicature
- 6.4. Presupposition triggers
- 6.5. Distinction between presupposition and implicature

Lesson 7

- 7.1. Revision

Mid-term test

Lesson 7: Speech acts

- 7.1. Performatives
- 7.2. Locution
- 7.3. Illocution
- 7.4. Perlocution
- 7.5. Types of performatives

Lesson 8: Discourse topic and the representation of discourse content (1)

- 8.1. Discourse topic
- 8.2. Topic framework
- 8.3. Presupposition pool
- 8.4. Relevance and speaking topically
- 8.5. Topic boundary markers
- 8.6. Memory for text grammar: story grammars

Lesson 9: Topic and the representation of discourse content (2)

- 9.1. Relevance and speaking topically
- 9.2. Topic boundary markers
- 9.3. Memory for text grammar: story grammars

Lesson 10: The representation of discourse structure

- 10.1. The linearisation of discourse

- 10.2.Theme
- 10.3.Thematisation/staging
- 10.4.Information structure
- 10.5.Discourse structure

Lesson 11: Using background knowledge in the interpretation of discourse content

- 11.1.Computing knowledge
- 11.2.Scripts
- 11.3.Scenarios
- 11.4.Shemata
- 11.5.Frame

Lesson 12: Towards a discourse analysis framework

- 12.1.The notion of culture
- 12.2.Approaches to discourse analysis
- 12.3.Situation of D.A

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài dự án, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính, loa để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. James Paul Gee (1999), An Introduction to discourse analysis- NXB Routledge

- Tài liệu tham khảo:

1. Paul Baker, Sibonile Ellece (2011), Key Terms in Discourse Analysis- NXB Continuum International Publishing Group

2. James Paul Gee (2011), How to do Discourse Analysis- NXB Routledge

3. James Paul Gee (2017), Introducing Discourse Analysis: From Grammar

46. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

- Số tín chỉ: 5
- Bộ môn phụ trách: khoa NN, các cơ sở dịch thuật
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên tích lũy đủ 100 TC

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích.

Chương trình thực tập có mục đích sau:

- Tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội cọ xát với công việc thực tế sử dụng ngôn ngữ Anh, đặc biệt công tác biên phiên dịch.
- Có cái nhìn tổng quát về cách thức tổ chức hoạt động và quản lý tại một công ty, doanh nghiệp.
- Rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy, phát huy tối đa khả năng trí tuệ của mình, ứng dụng kiến thức đã học và cập nhật những kiến thức, kỹ năng mới theo yêu cầu của công việc.
- Sinh viên có cơ hội nâng cao tác phong làm việc chuyên nghiệp, khả năng làm việc độc lập, tinh thần làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp hiệu quả.
- Sinh viên có điều kiện tiếp xúc với cán bộ lãnh đạo và công nhân viên của đơn vị thực tập để học hỏi kinh nghiệm làm việc. Trên cơ sở đó xác định, xây dựng cho mình một quan điểm về nghề nghiệp, vun đắp lòng yêu nghề và tinh thần tận tụy phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước.
- Giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp sau khi ra trường. Chương trình thực tập là cầu nối sinh viên với công việc tiềm năng.

2. Yêu cầu

- Sinh viên phải có ý thức kỷ luật cao, chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế thực tập, phải tuân thủ sự hướng dẫn của giáo viên phụ trách, thực hiện tốt quy định của cơ sở thực tập, quan hệ tốt với cộng sự của mình.
- Trực tiếp tham gia vào hoạt động của đơn vị thực tập, phải tìm hiểu từ tổng quan đến chi tiết các hoạt động tại đơn vị đó, trên cơ sở lý luận đã học, vận dụng giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra.
- Trên cơ sở kiến thức được học tại trường, vận dụng vào thực tế tại đơn vị thực tập từ đó rút ra được ưu khuyết điểm và đề xuất, kiến nghị các biện pháp cho đơn vị thực tập.
- Sinh viên phải chủ động liên hệ với giáo viên hướng dẫn trao đổi về những vấn đề mình chưa hiểu, và cần tư vấn.

- Sinh viên phải hoàn thành báo cáo thực tập tốt nghiệp theo hướng dẫn của khoa.

- Sinh viên phải hoàn thành Nhật ký thực tập có xác nhận của cơ sở thực tập.

II. Tổ chức thực hiện

1. Thời gian tổ chức thực tập

- Thời gian thực tập là 8 tuần của học kỳ 8.

2. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:

- Sinh viên tự liên hệ địa điểm thực tập.
- Đơn vị thực tập tốt nghiệp phải đảm bảo các yêu cầu: Là các công ty, doanh nghiệp sản xuất, xây dựng, thương mại, dịch vụ, du lịch, v.v... có sử dụng tiếng Anh trong công việc.

3. Hình thức thực tập: Toàn thời gian

4. Tiến trình tổ chức thực tập tốt nghiệp

Tiến trình thực tập tốt nghiệp bao gồm các bước sau:

Bước 1: Địa điểm thực tập

- Sinh viên tự liên hệ địa điểm thực tập và báo cáo với giáo viên hướng dẫn về nơi thực tập.

Bước 2: Trường phân công giảng viên phụ trách các nhóm. Giảng viên phụ trách chịu trách nhiệm trước khoa và nhà trường về việc quản lý và hướng dẫn sinh viên trong quá trình thực tập.

Bước 3: Sinh viên đến làm việc thực tế tại đơn vị thực tập. Trong bước này sinh viên phải thực hiện các công việc mà đơn vị thực tập giao, viết Nhật ký thực tập và thu thập thông tin số liệu chuẩn bị cho việc viết báo cáo kết quả thực tập.

Bước 4: Nhà trường phối hợp với cơ sở nơi sinh viên thực tập để kiểm tra quá trình thực tập của sinh viên.

Bước 5: Sinh viên viết báo cáo kết quả thực tập.

Sau 6 tuần thực tế tại đơn vị thực tập, sinh viên bắt đầu thực hiện việc viết báo cáo tổng hợp quá trình thực tập. Trong quá trình viết báo cáo thực tập, sinh viên phải liên hệ với giáo viên hướng dẫn, nộp báo cáo thực tập phần 1, phần 2, v.v. để giáo viên hướng dẫn chỉnh sửa nội dung.

Trong các lần nộp báo cáo thực tập, giáo viên hướng dẫn sẽ trực tiếp phỏng vấn sinh viên về những vấn đề liên quan đến đề tài thực tập, đánh giá thái độ, ý thức của sinh viên bằng điểm chuyên cần thái độ và điểm nội dung thông qua báo cáo thực tập tốt nghiệp.

Sau 01 tuần thực tập về, sinh viên phải nộp cho văn phòng khoa 03 văn bản sau: *Báo cáo thực tập, Nhật ký thực tập và Nhận xét của cơ quan thực tập.*

Bước 6: Đánh giá báo cáo kết quả thực tập.

Đánh giá kết quả báo cáo thực tập bằng hình thức cho điểm, thang điểm: 10. Việc đánh giá Báo cáo thực tập do giáo viên hướng dẫn và hội đồng chấm báo cáo thực tập đánh giá, nếu trong trường hợp không đạt, sinh viên phải viết lại.

47. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Số tín chỉ: 6
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: khoa NN
- Điều kiện tiên quyết: Theo QĐ

1. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp là quá trình tự nghiên cứu của sinh viên với sự giúp đỡ của giáo viên hướng dẫn và cơ sở thực tập. Thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp được thực hiện ở học kỳ 8 của khóa học.

2. Mục tiêu môn học:

Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học để thực hiện một đề tài NCKH nhằm kiểm chứng lại lý thuyết và góp phần nhỏ nghiên cứu giải quyết các vấn đề về ngôn ngữ Anh. Trong quá trình thực tập cuối khoá, sinh viên sẽ được tiếp xúc với thực tế, tự nghiên cứu, học hỏi để củng cố thêm lý thuyết và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.

3. Yêu cầu của môn học

- Xây dựng kế hoạch, đề cương thực tập đáp ứng yêu cầu đề ra, có nội dung đề tài NCKH chuẩn xác, có ý nghĩa thực tiễn.

- Xây dựng đề cương đúng kế hoạch, thực hiện nghiêm túc đề cương thực tập, thực hiện nghiêm túc tiến độ thời gian, nội quy thực tập của Nhà trường, Khoa và cơ sở thực tập, hoàn thành báo cáo luận văn đúng kế hoạch.

4. Yêu cầu đối với sinh viên và giáo viên hướng dẫn

4.1. Đối với sinh viên

- Thực hiện nghiêm túc nội quy, qui định của nhà trường.
- Sinh viên phải chủ động gặp giảng viên hướng dẫn để thống nhất nội dung thực tập và đề tài nghiên cứu khoa học, chỉ thực hiện các nội dung phù hợp với điều kiện của cơ sở, đáp ứng và phù hợp với thời gian thực tập.

- Phải hoàn thành đề cương và báo cáo khóa luận theo đúng thời gian quy định và đúng mẫu đã hướng dẫn. Đề cương phải được giảng viên hướng dẫn đồng ý, Bộ môn thẩm định, Khoa duyệt mới được thực hiện. Trong quá trình thực tập phải thực hiện nghiêm túc các ý kiến chỉ đạo của giảng viên hướng dẫn, nếu có thay đổi về nội dung phải chủ động báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của giảng viên hướng dẫn, không được tự ý thay đổi hoặc thực hiện khi chưa có sự đồng ý của giảng viên hướng dẫn.

4.2. Đối với giáo viên hướng dẫn

- Giảng viên giảng dạy môn học nào hoặc chuyên ngành nào thì hướng dẫn sinh viên làm đề tài NCKH thuộc phạm vi môn học hoặc chuyên ngành đó, không hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài NCKH ngoài lĩnh vực mình giảng dạy. Sau khi nhà trường có quyết định làm KLTN của những sinh viên do mình hướng dẫn, giảng viên phải chịu trách nhiệm về tính khả thi của các nội dung KLTN của sinh viên tại cơ sở.

- Trong thời gian thực tập giảng viên phải thực hiện đúng theo nội dung và kế hoạch thời gian đề ra. Khi có sự thay đổi về nội dung của sinh viên, giảng viên phải báo cáo về Bộ môn, Khoa để kịp thời làm các thủ tục thay đổi. Trong 2 tuần đầu giảng viên có trách nhiệm giúp đỡ sinh viên xác định các nội dung làm KLTN và đề tài NCKH, xây dựng đề cương KLTN đúng tiến độ.

5. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

- Báo cáo KLTN được 2 giảng viên chấm độc lập: giảng viên hướng dẫn chấm vòng 1, giảng viên chấm vòng 2 do Trưởng bộ môn phân công.

- Điểm khóa luận tốt nghiệp sẽ được tính vào điểm trung bình chung học tập của học kỳ 8 và tính bằng 6 tín chỉ.

48a. NGÔN NGỮ HỌC ĐỐI CHIẾU

- Số tín chỉ: 3 (27, 36, 0)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NN – VH & PPGD T.Anh, khoa Ngoại ngữ, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: kỹ năng nghe nói 4, kỹ năng đọc viết 4

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần bao gồm các nội dung về: Các khái niệm liên quan đến ngôn ngữ học đối chiếu: khái niệm về so sánh đối chiếu trong ngôn ngữ, các phương pháp và tiêu chí so sánh đối chiếu ngôn ngữ, các thao tác và thành tố sử dụng ngôn ngữ trong quá trình so sánh đối chiếu ngôn ngữ.

Năng lực đạt được: Sinh viên so sánh đối chiếu một số phạm trù trong ngôn ngữ giữa tiếng Anh và tiếng Việt như ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc ngôn ngữ, ngôn ngữ và hành vi giao tiếp và thực hiện nghiên cứu trên cơ sở nhận biết được những tương đồng và dị biệt giữa tiếng Anh và tiếng Việt.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sinh viên vận dụng được các khái niệm cơ bản về phân tích đối chiếu ngôn ngữ, khái niệm cơ bản về cơ sở tâm lý học của đối chiếu ngôn ngữ, các nguyên tắc so sánh đối chiếu, tiến trình so sánh đối chiếu, đối tượng cụ thể của so sánh đối chiếu, đối chiếu ngôn ngữ trong giảng dạy và trong dịch thuật, nâng cao năng lực sử dụng các ngôn ngữ được sử dụng để so sánh đối chiếu

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Sinh viên xác định được đối tượng, nội dung và cách thức so sánh đối chiếu trong hai ngôn ngữ, khả năng xác định các tiêu chí cụ thể cho các đối tượng đối chiếu cụ thể, kỹ năng xác lập đề cương một nghiên cứu đối chiếu, kỹ năng xác định sự giống nhau, khác nhau giữa các đơn vị ngôn ngữ và lời nói cụ thể trong tiếng Anh và tiếng mẹ đẻ.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chapter 1: What is Contrastive analysis (CA)?

- 1.1. The place of CA in linguistics
- 1.2. CA as interlanguage study
- 1.3. CA as “pure” or “applied” linguistics
- 1.4. CA and bilingualism

Chapter 2: The psychological basis of Contrastive Analysis

- 2.1. Transfer in learning psychology
- 2.2. Some problems of definitions
- 2.3. Transfer theory and CA
- 2.4. A scale of difference

Chapter 3: The linguistic components of Contrastive Analysis

- 3.1. Levels of language
- 3.2. Categories of grammar
- 3.3. Language models for CA in the grammatical level

Chapter 4: Microlinguistic Contrastive Analysis

- 4.1. General principles
- 4.2. Contrastive lexicology

Chapter 5: Macrolinguistics and contrastive analysis

- 5.1. Macrolinguistics

5.2. Two areas of macrolinguistics

5.3. Text analysis

5.4. Discourse Analysis

5.5. Concept Analysis

5.6. Scope for research

Chapter 6: Pedagogical exploitation of contrastive analysis

6.1. Applied CA

6.2. Traditional applications of CA

6.3. Course design

6.4. "Method" and Contrastive Analysis

Chapter 7: Some issues of contention

7.1. Criteria for comparison

7.2. The psychological reality of CAs

7.3. The predictive power of CAs

7.4. Contrastive analysis versus Error analysis

7.5. Scale of difficulty

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Willems, Defrancq, Colleman and Noel (2003), Contrastive analysis in Language-NXB MacMillan, Palgrave

- Tài liệu tham khảo:

1. Andrew, Chesterman (1998), Contrastive functional analysis-NXB John Benjamins.

48b. CÔNG NGHỆ TRONG DỊCH THUẬT

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NN-VH & PPGD T.Anh, trường Đại học Hồng Đức

- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng Nghe Nói 2, Kỹ năng Đọc viết 2

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần bao gồm các vấn đề về tầm quan trọng của công nghệ trong dịch thuật, kỹ năng xử lý văn bản sử dụng các phần mềm, định dạng tập tin và phục hồi bộ nhớ dịch. Cách sử dụng cabin dịch, cách cài đặt và ứng dụng một số phần mềm dịch.

Năng lực đạt được: Người học nắm vững được kiến thức căn bản về ứng dụng công nghệ thông tin trong dịch thuật. Thực hiện được các thao tác với văn bản nói, viết như: lồng tiếng trong file audio, chèn âm thanh và hình ảnh trong file video thông qua ứng dụng các phần mềm. Ứng dụng các phần mềm trực tuyến và không trực tuyến như Ginger, Babylon vv... để hỗ trợ công tác dịch thuật. Biết thao tác và sử dụng thành thạo các phương tiện như dịch cabin vv...

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu kiến thức

- Người học có kiến thức về vai trò của công nghệ trong dịch thuật, biết cách thức thao tác văn bản nói và viết sử dụng một số phần mềm chuyên dụng.

2.2. Mục tiêu kỹ năng

- Người học biết cách định dạng một văn bản sau khi đã dịch xong như: văn bản word, pdf; chèn và biên tập file âm thanh, chèn phụ đề phim hoặc video vv...

2.3. *Mục tiêu về thái độ:* Người học có thái độ học tập nghiêm túc, tuân thủ những quy định của môn học, có tinh thần làm việc nhóm, cầu thị, hoàn thành các bài tập được giao, chủ động sáng tạo khi tìm tòi các nội dung phục vụ cho việc học tập.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Học phần gồm các nội dung sau:

Chapter 1: Introduction

- 1.1 Technology-assisted interpreting
- 1.2. Interpreting modes and opportunities for technology
- 1.3. Terminology tools for interpreters
- 1.4. Note-taking applications
- 1.5. Voice recording and interpreter training

Chapter 2

- 2.1. Different approaches to structuring the computer applications related to translation
- 2.2. Classification of Translation Technology tools and resources
- 2.3. The translator's computer equipment
- 2.4. Text edition and desktop publishing
- 2.5. Language tools and resources
- 2.6. Translation tools

Chapter 3: Editing audio and video

- 3.1. Create, save, edit audio file
- 3.2. Change the type of file
- 3.3. Create, edit video file

Chapter 4: Operating machines in translation

- 4.1. Softwares for translation
- 4.2. Modern devices for interpreting: Introduction
- 4.3. How to use the cabin in simultaneous interpreting

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Frank Austermuhl (2001), Electronic tool for translators- NXB Routledge

- Tài liệu tham khảo:

1. C. K. Quah (auth.) (2006), Translation and Technology- NXB Palgrave Macmillan UK.
2. María Luisa Carrió-Pastor (2016), Technology Implementation in Second Language Teaching and Translation Studies: New Tools, New Approaches- NXB Springer Singapore

48c. NGÔN NGỮ HỌC XÃ HỘI

- Số tín chỉ: 3 (27, 36, 0)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: NN-VH & PPGD Tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về Ngôn ngữ học xã hội (Socio-linguistics) như bối cảnh ra đời, đối tượng, nhiệm vụ, mục đích, phương pháp nghiên cứu; các khái niệm cơ bản như biến thể, biến ngôn ngữ, cảnh huống ngôn ngữ, sự lựa chọn ngôn ngữ, các nhân tố và chiều kích xã hội v.v; các nội dung nghiên cứu của ngôn ngữ học xã hội vĩ mô và ngôn ngữ học xã hội vi mô. Bên cạnh đó, môn học cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội để ứng dụng vào nghiên cứu ngôn ngữ.

Năng lực đạt được: Sinh viên sẽ được làm quen với những khái niệm nhau: Speech Communities, Speech Acts and Speech Events. Bên cạnh đó, sinh viên nắm được nét văn hóa trong giao tiếp của một số ngôn ngữ khác nhau trong xã hội; trước tiên phải kể đến tiếng Anh chuẩn, sau đó là tiếng lóng, biệt ngữ, vvv

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Giới thiệu cho sinh viên những khái niệm cơ bản về Ngôn ngữ Xã hội học; Giúp sinh viên làm quen với việc sử dụng ngôn ngữ trong xã hội; Nhấn mạnh sự đa dạng của ngôn ngữ trong những hoàn cảnh xã hội khác nhau.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Sinh viên có kỹ năng vận dụng ngôn ngữ vào xã hội một cách thích hợp ở mức độ cơ bản nhất.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Sinh viên có thái độ tự giác thay đổi ngôn ngữ sao cho phù hợp với xã hội nơi mà các em đang giao tiếp.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1. Basic concepts in sociolinguistics

1 What is sociolinguistics?

1.1. Introduction

1.2. Objectives

1.3. Main content

1.3.1. General overview

1.3.2. Sociolinguistics factors

1.4. Conclusion

1.5. Summary

1.6. Tutor-Marked Assignment

2 Sociolinguistics and language variation

2.1. Introduction

2.2 Objectives

2.3. Main content

2.3.1. General Overview

2.3.2. Notion of Sociolinguistics Variation

2.3.3. Spoken and Written Varieties

2.4. Conclusion

2.5. Summary

2.6. Tutor-Marked Assignment

3 Sociolinguistics differences

- 3.1. Introduction
- 3.2. Objectives
- 3.3. Main content
 - 3.3.1. General Overview
 - 3.3.2. Differences According to Geographic Origin
 - 3.3.3. Differences According to Ethnicity
 - 3.3.4. Differences According to Nationality
 - 3.3.5. Differences According to Occupation
 - 3.3.6. Differences According to Class
 - 3.3.7. Differences According to Age Groups
 - 3.3.8. Differences According to Gender
- 3.4. Conclusion
- 3.5. Summary
- 3.6. Tutor-Marked Assignment

Chương 2. Language use in society

1 Speech communities

- 1.1. Introduction
- 1.2. Objectives
- 1.3. Main content
 - 1.3.1 General Overview
 - 1.3.2 The Concept of Speech Communities
- 1.4. Conclusion
- 1.5. Summary
- 1.6. Tutor-Marked Assignment

2 Speech acts and speech events

- 2.1. Introduction
- 2.2. Objectives
- 2.3. Main content
 - 2.3.1. General Overview
 - 2.3.2 Speech Acts
 - 2.3.3 Speech Events
- 2.4. Conclusion
- 2.5. Summary
- 2.6. Tutor-Marked Assignment

Chương 3. Language variation in society

1 Concept of standard usage

- 1.1. Introduction
- 1.2. Objectives
- 1.3. Main content
 - 1.3.1. General Overview
 - 1.3.2. Pronunciation & Standard Language
 - 1.3.3. National Standard English: Variants of Standard English.
- 1.4. Conclusion
- 1.5. Summary
- 1.6. Tutor-Marked Assignment

2 SLANGS AND CLICHÉS IN SOCIOLINGUISTICS

- 2.1. Introduction
- 2.2. Objectives

- 2.3. Main content
 - 2.3.1 General Overview
 - 2.3.2 Slangs as Sociolinguistic Forms
 - 2.3.3 Jargons & Clichés in Sociolinguistics.
- 2.4. Conclusion
- 2.5. Summary
- 2.6. Tutor-Marked Assignment

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Janet Holmes (2013). *An introduction to Sociolinguistics* – NXB Routledge

- Tài liệu tham khảo:

1. Rajend Mesthrie & Rakesh M. Bhatt (2006), *World Englishes: The study of new English varieties*. NXB Cambridge

48d. VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

- Số tín chỉ: 3 (27, 36, 0)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: NN-VH & PPGD Tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Nghe Nói 6, Kỹ năng Đọc Viết 6

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần Văn hoá doanh nghiệp (Cross-cultural business communication) bao gồm các khái niệm về văn hoá, liên văn hoá, văn hoá công sở, doanh nghiệp của Việt Nam và của các doanh nghiệp nói tiếng Anh. Ngoài ra, học phần còn giúp người học phân biệt đặc trưng trong giao tiếp của các nền văn hoá, các cách thức giao tiếp của những người thuộc các nền văn hoá khác nhau. Bên cạnh đó, học phần cung cấp thêm các nội dung nhằm đưa ra những gợi ý để giải quyết một số vấn đề thường gặp khi sống và làm việc trong một môi trường đa văn hoá như sốc văn hoá, rào cản về ngôn ngữ và những hạn chế trong hiểu biết về ngôn ngữ cử chỉ.

Năng lực đạt được: Người học nắm vững các khái niệm về văn hoá, liên văn hoá, giao tiếp liên văn hoá và vận dụng được những kiến thức này trong việc giao tiếp khi làm việc với các cá nhân đến từ các quốc gia hoặc nền văn hoá khác.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) khái niệm và giá trị về văn hoá, liên văn hoá, giao tiếp liên văn hoá. Người học mô tả được những ảnh hưởng của sự khác biệt văn hoá lên giao tiếp và biết cách tránh những lỗi sai khi giao tiếp. Người học nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) các cách thức giải quyết vấn đề khi giao tiếp với các cá nhân đến từ quốc gia hoặc nền văn hoá khác.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học thực hiện được kỹ năng giao tiếp trong môi trường đa văn hoá. Người học có kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng đàm phán khi tham gia tranh luận trong môi trường đa văn hoá.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học nhận thức rõ tầm quan trọng của môn học; có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Workplace culture

1. Basics of culture
2. Understanding the basics of culture
3. Helping someone deal with culture shock
4. Cultural differences
5. Recognizing cultural differences

Chương 2: Differences in communication

1. Verbal communication
2. Identifying verbal communication differences
3. Identifying vocal quality differences
4. Nonverbal and written communication
5. Identifying nonverbal communication differences
6. Identifying written communication differences

Chương 3: Communicating across cultures

1. Building relationships
2. Building relationships across cultures
3. Establishing rapport and building trust
4. Listening and responding
5. Identifying the process for active listening
6. Providing positive and constructive feedback

Chương 4: Overcoming communication barriers

1. Cross-cultural communication barriers
2. Identifying cross-cultural communication barriers
3. Avoiding barriers
4. Avoiding cross cultural communication barriers
5. Interpreters
6. Using interpreters
7. Communicating through interpreters

Chương 5: Cross-cultural business situations

1. Cross-cultural meetings
2. Attending a cross-cultural meeting
3. Organizing a cross cultural meeting
4. Negotiating and problem solving
5. Following the negotiation steps

Chương 6: Addressing cross-cultural issues

1. Communicating with co-workers
2. Identifying the gestures used in various cultures
3. Building cross-cultural teams
4. Writing cross-culturally
5. Designing a document for translation
6. Translating written communication

4. Yêu cầu của môn học:

Người học phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm, trình bày

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu bắt buộc:

1. Simon Sweeny, English for business communication. NXB CUP

- Tài liệu tham khảo:

1. Trần Nhoãn, Văn hóa doanh nghiệp-NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

48e. TIẾP THỤ NGÔN NGỮ THỨ HAI

- Số tín chỉ: 3 (27, 36, 0)
- Mã HP: 233055
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: NN-VH & PPGD Tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc Viết

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Học phần gồm các nội dung về các khái niệm và thuật ngữ cơ bản trong lĩnh vực SLA, khái quát quy trình tiếp thụ ngôn ngữ: sự giống và khác nhau trong quá trình tiếp thụ ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp cho người học quá trình tiếp thụ ngôn ngữ nhìn từ góc độ ngôn ngữ học, tâm lý học và xã hội học, và lượng kiến thức ngôn ngữ thứ hai cần đạt được để thực hiện các chức năng giao tiếp xã hội và trong học thuật.

- *Năng lực đạt được:* Có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để vận dụng linh hoạt trong quá trình trình làm luận văn hoặc làm nghiên cứu về lĩnh vực tiếp thụ ngôn ngữ thứ 2; Có khả năng mô tả lô gíc về tiến trình tiếp thụ ngôn ngữ thứ 2; Có năng lực làm việc nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến tiếp thụ ngôn ngữ thứ 2; Có năng lực giải thích, thuyết trình lưu loát, thuyết phục về các vấn đề liên quan đến tiếp thụ ngôn ngữ thứ 2.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học nhớ kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận về tiếp thụ ngôn ngữ thứ 2

Người học nhớ kiến thức cơ bản về thực tiễn nghiên cứu trong lĩnh vực SLA.

Người học mở rộng vốn từ vựng về lĩnh vực ngôn ngữ nói riêng và tiếng Anh nói chung

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Người học có kỹ năng đọc, đánh giá và tổng hợp tài liệu

Người học vận dụng được vốn từ vựng về lĩnh vực ngôn ngữ trong các bài thuyết trình

Người học có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu về tiếp thụ ngôn ngữ thứ 2

Người học phát triển các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và những kỹ năng mềm khác.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Chấp hành các quy định của học phần

Chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần

3. Nội dung chi tiết học phần:

Nội dung 1: Introducing Second Language Acquisition (SLA) (LT: 4, TL: 6)

1.1. What is SLA?

1.2. What is second Language?

1.3. What is first Language?

1.4. Diversity in learning and learners.

Nội dung 2: Foundation of Second Language Acquisition (LT: 4, TL: 5)

2.1. The world of second languages

2.2. The nature of language learning

- 2.3. L1 versus L2 learning
- 2.4. The logical problem of language learning
- 2.5. Frameworks for SLA

Nội dung 3: The linguistics of Second Language Acquisition (LT: 4, TL: 5)

- 3.1. The nature of language
- 3.2. Early approaches to SLA
- 3.3. Universal Grammar
- 3.4. Functional approaches

Nội dung 4: The psychology of Second Language Acquisition (LT: 4, TL: 5)

- 4.1. Languages and the brain
- 4.2. Learning processes
- 4.3. Differences in learners
- 4.4. The effects of multilingualism

Nội dung 5: Social contexts of Second Language Acquisition (LT: 4, TL: 5)

- 5.1. Communicative competence
- 5.2. Microsocial factors
- 5.3. Macrosocial factors

Nội dung 6: Acquiring knowledge for L2 use (LT: 4, TL: 5)

- 6.1. Competence and use
- 6.2. Academic vs. interpersonal competence
- 6.3. Components of language knowledge
- 6.4. Receptive activities
- 6.5. Productive activities

Nội dung 7: L2 learning and teaching (LT: 3, TL: 5)

- 7.1. Integrating perspectives
- 7.2. Approaching near-native competence
- 7.3. Implications for L2 learning and teaching

4. Yêu cầu của môn học:

- SV phải tham gia đầy đủ các giờ học trên lớp theo quy định (80% trở lên)
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, thảo luận trình bày các vấn đề ở mỗi đơn vị bài học.
- Tự học ở nhà có sự hướng dẫn của giáo viên
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nội dung được giao theo yêu cầu của giáo viên
- Tham gia thi, kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu,

máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

8.1. Kiểm tra – đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%

Đánh giá thường xuyên gồm 4 con điểm

Điểm 1: Bài kiểm tra quá trình số 1 (tuần 4)

- Hình thức: Thi viết.
- Nội dung kiểm tra: Nội dung từ tuần 1 – tuần 4 (Một số khái niệm cơ bản về môn học và cơ sở của việc tiếp thụ ngôn ngữ thứ 2)
- Điểm thi được đánh giá theo thang điểm 10 (6 điểm lý thuyết + 4 điểm thực hành).

Điểm 2: Bài kiểm tra quá trình số 2 (tuần 10)

- Hình thức: Thi viết.
- Nội dung kiểm tra: Nội dung từ tuần 7 – tuần 10 (Các nghiên cứu tiếp thụ ngôn ngữ thứ 2 từ góc độ ngôn ngữ học và tâm lý học)
- Điểm thi được đánh giá theo thang điểm 10 (6 điểm lý thuyết + 4 điểm thực hành).

Điểm 3: Bài tập nhóm/ tuần - thuyết trình trước lớp (kiểm tra xen kẽ vào các buổi học sau tuần 10)

- Sinh viên làm việc theo nhóm từ 4-5 người. Giáo viên giao các chủ đề thuyết trình cho sinh viên. Sinh viên chuẩn bị trước chủ đề và trình bày trước lớp.
- Điểm thi được đánh giá theo thang điểm 10 (6 điểm lý thuyết + 4 điểm thực hành).

Điểm 4: Điểm chuyên cần và tham gia phát biểu ý kiến xây dựng trên lớp

8.2. Kiểm tra - đánh giá giữa kì: Trọng số 20%

Thực hiện vào tuần thứ 7 của học kỳ.

- Hình thức: Thi viết
- Nội dung kiểm tra: Nội dung từ tuần 1 – tuần 6
- Cấu trúc bài kiểm tra giữa kỳ gồm 2 phần:
 - * Phần 1: Lý thuyết.
 - * Phần 2: Bài tập.
- Điểm thi được đánh giá theo thang điểm 10 (6 điểm lý thuyết + 4 điểm bài tập)
- Tiêu chí đánh giá (theo đáp án):
 - * Sinh viên nắm vững các thuật ngữ của môn học và kiến thức lý thuyết về môn học .
 - * Sinh viên vận dụng được kiến thức lý thuyết đã học để làm bài tập.
- Bài kiểm tra có thể bao gồm các dạng câu hỏi sau:
 - Gap filling
 - Multiple choice questions
 - Matching
 - Essay questions

8.3. Kiểm tra - đánh giá cuối kì: Trọng số 50%

- Hình thức: Thi viết
- Nội dung kiểm tra: Nội dung từ tuần 1 – tuần 13
- Điểm thi được đánh giá theo thang điểm 10 (6 điểm lý thuyết + 4 điểm bài tập)
- Cấu trúc đề thi cuối kỳ

- * Phần 1: Thuật ngữ/ khái niệm chuyên ngành.
- * Phần 2: Câu hỏi tự luận
- * Phần 3: Bài tập
- Tiêu chí đánh giá (theo đáp án):
- * Sinh viên nêu được định nghĩa của các khái niệm/ thuật ngữ
- * Sinh viên trả lời đầy đủ nội dung theo yêu cầu đối với các câu hỏi tự luận.
- * Sinh viên làm được bài tập theo đúng đáp án.

8.4. Tiêu chí đánh giá các loại bài tập, kiểm tra

* *Tiêu chí đánh giá thường xuyên*

Đánh giá thường xuyên gồm 4 con điểm

- Điểm 1: Bài kiểm tra tiến độ 1 (tuần 4)
 - Tiêu chí đánh giá: nêu được định nghĩa khái niệm, dịch được nội dung khái niệm sang tiếng Việt; có thể phân tích và lấy ví dụ minh họa cho khái niệm hoặc làm bài tập tình huống; phân biệt được sự tương đồng và khác biệt trong quá trình phát triển của ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ; trả lời đúng câu hỏi của bài tập có liên quan.
 - Điểm 2: Bài kiểm tra tiến độ 2 (tuần 10)
 - Tiêu chí đánh giá: hiểu được các đường hướng và lý thuyết cơ bản liên quan tới SLA. Làm được bài tập theo yêu cầu.
 - Điểm 3: Bài tập nhóm/ tuần - thuyết trình trước lớp (kiểm tra xen kẽ vào các buổi học sau tuần 10)
 - Tiêu chí đánh giá: làm việc theo đúng nhóm được phân công, thông tin trình bày xác thực, đáng tin cậy; chuẩn bị tốt, trình bày đẹp; nói trôi chảy, chính xác.
- Sử dụng thang chấm điểm sau đây:

MARKING SCHEME FOR ASSIGNMENT

Scoring Criteria	Total Points	Students' points
Punctuality and adherence to time allocation	1	
Demonstrate understanding of the topic	4	
Provides clear purpose and obvious conclusion to solve the raising question.	3	
Uses various appropriate connectors	1	
Comprehensible handout, overhead, PPP, or other presentation aid	1	
Total Points	10	

- Điểm 4: Điểm chuyên cần và tham gia phát biểu ý kiến xây dựng trên lớp
- Tiêu chí đánh giá: Sinh viên được điểm tối đa (10) nếu tham gia đầy đủ 100% buổi lên lớp, tích cực phát biểu ý kiến xây dựng bài có chất lượng trên lớp. Sinh viên nghỉ 1 buổi học trừ 1 điểm. Sinh viên không tích cực trong quá trình học trừ 1 điểm.

9. Tài liệu tham khảo chính

- **Tài liệu bắt buộc:**

1. Ellis, R. (1997), *Second language acquisition*- NXB OUP

- **Tài liệu tham khảo:**

1. Lightbown, Patsy M. & Spada, Nina (1999), *How Languages are Learned* NXB :

Oxford University Press.

2. Murial Saville-Troike (2006), *Introducing second language acquisition*. NXB CUP

10. Tài liệu tham khảo xây dựng chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo ngành ngôn ngữ Anh, Học viện Ngoại giao. <https://www.dav.edu.vn/vi/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao/dai-hoc-cao-dang/118-chuong-trinh-dao-tao-cu-nhan-nganh-ngon-ngu-anh.html>. Tải xuống ngày 20/12/2017.

2. Chương trình đào tạo ngành ngôn ngữ Anh, Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. <http://huflit.edu.vn/Chuong-trinh-dao-tao-NN/chuong-trinh-dao-tao-nganh-ngon-ngu-anh-164.html>. Tải xuống ngày 20/10/2017.

3. Chương trình đào tạo ngành ngôn ngữ Anh, Đại học Ngoại ngữ, Đại học quốc gia Hà Nội. <http://daotao.ulis.vnu.edu.vn/chuong-trinh-giao-duc-dai-hoc-nganh-ngon-ngu-anh/>. Tải xuống ngày 10/9/2017.

4. Chương trình đào tạo ngành ngôn ngữ Anh, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng. <http://daotao.ulis.vnu.edu.vn/chuong-trinh-giao-duc-dai-hoc-nganh-ngon-ngu-anh/>. Tải xuống ngày 8/8/2017.

5. Chương trình đào tạo ngành Biên phiên dịch, Đại học Eastern Mediterranean University.

<https://ww1.emu.edu.tr/en/programs/translation-and-interpretation-undergraduate-program/890?tab=curriculum>. Tải xuống ngày 6/12/2017

6. Chương trình đào tạo ngành Biên phiên dịch, Đại học Singapore University of Social Sciences

<http://www.unisim.edu.sg/programmes/programme-details/Pages/BA-Translation-and-Interpretation.aspx>. Tải xuống ngày 16/10/2017

7. Chương trình đào tạo ngành Biên phiên dịch, Đại học Bilkent University. <https://catalog.bilkent.edu.tr/current/dep/d89.html>. Tải xuống ngày 9/12/2017

8. Chương trình đào tạo ngành Biên phiên dịch, Đại học Atılım University <http://mtb.atilim.edu.tr/academicprograms/curriculum/id/179?lang=en>. Tải xuống ngày 20/12/2017

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

11.1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng:

- Đào tạo hình thức chính quy tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT theo quy chế đào tạo chính quy;

- Đào tạo hình thức giáo dục thường xuyên: Áp dụng quy chế đào tạo giáo dục thường xuyên và thời gian đào tạo kéo dài thêm từ 6 đến 12 tháng;

- Đào tạo liên thông, văn bằng 2: Áp dụng quy chế đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo chính quy hoặc giáo dục thường xuyên;

- Thực hiện việc xét miễn học phần, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

11.2. Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra; Trưởng bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định; Trưởng các phòng ban, trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

Căn cứ thực tế hiện có và yêu cầu điều kiện về phòng thực hành, thí nghiệm, tài liệu dạy học phục vụ đào tạo, Trưởng phòng QT, VT-TB, Giám đốc TT TTTV xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung trình Hiệu trưởng quyết định.

11.3. Phương pháp giảng dạy: Tăng cường tính tự học, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, lấy người học làm trung tâm. Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết học phần.

11.4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo.

11.5. Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo). Chương trình chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường thông qua và có Quyết định phê duyệt của Hiệu trưởng./.



PGS, TS Nguyễn Mạnh An